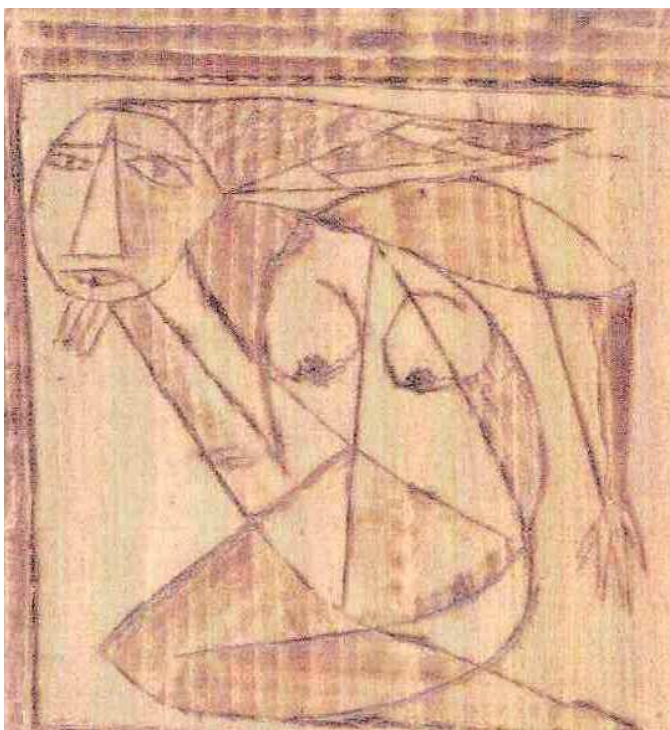


THƯ QUẢN BẢN THẢO

Số kỷ niệm 2 năm

TẬP 12 THÁNG 10 NĂM 2003



Thư Quán Bản Thảo

Tuyển tập văn học nghệ thuật

TẬP MƯỜI HAI, THÁNG MƯỜI, NĂM 2003

Đọc trong số này:

Viết chung: 5* Đình Trầm Ca: *thơ* 29 * Thùy An: *Dòng Thời Gian* 30 * Hoài Khanh: *thơ* 46 * Lê Văn Thiện: *Những người chị xa xưa* 49 * Tô Nhược Châu: *thơ* 56 * Hoàng Thị Bích Ti: *Tay Vin Nhàn Quít* 57 * Lâm Anh: *thơ* 65 * Từ Thế Mộng: *Chuyện Người Thầy Giáo Điên* 66 * Hải Phương: *thơ* 72 * Thảo Trường: *Bữa Ăn Tối Ở Rừng Lá* 75 * Thanh Hồ: *thơ* 82 * Mang Viên Long: *Trái Tim Còn Lại* 83 * Lê Văn Trung: *thơ* 94 * Võ Tấn Khanh: *Bên Dòng Sông Tuổi Thơ* 96 * Nguyễn Đức Nhơn: *thơ* 104 * Trần Nghi Hoàng: *thơ* 106 * Võ Hồng: *Thơ Ngát Hương Cau* 111 * Kiều Mộng Hà: *thơ* 118 * Nguyễn Lệ Uyên: *Mưa Trên Sông Dakbla* 119 * Trần Bang Thạch: *thơ* 132 * Lê Ký Thương: *Biển Cửa Tôi* 134 * Nguyễn Phan Thịnh: *thơ* 137 * Nguyễn Minh: *Những Linh Hồn Đứng* 141 * Trần Phù Thế: *thơ* 155 * Trần Duy Phiên: *Ly Rượu Rắn Hổ Mang* 157 * Đỗ Hồng Ngọc (Đỗ Nghê): *thơ* 162 * Lữ Kiều: *Buổi mai Trắng* 163 * Đoàn Chính Nam: *thơ* 177 * Cao Vị Khanh: *Có Sáu Câu Vọng Cổ* 178 * Nguyễn Ước: (dịch) *Ngồi Tựa Mạn Thuyền* 187 * Mỗi Kỳ Một Tác Giả Một Tác Phẩm: Vũ Linh: *Đọc Trần Hoài Thư* 206 *

Tranh bìa: Trần Quý Thoại

(Tranh Vẽ Trên Gỗ)

- Mọi sự sao, trích đăng lại xin vui lòng ghi rõ xuất xứ:
Trích từ TQBT, tập.....

-TQBT 13 phát hành vào tháng 1 năm 2004. Xin các bạn dùng e mail gửi bài về: nhanvanpham@yahoo.com.

Viết chung

Những trang viết từ Houston: Tượng và Thơ và Tinh Thần Nữ Ước

Trần Bang Thạch

Bạn thân,

Trước hết mời bạn đọc nguyên văn bài thơ này:

*Not like the brazen giant of Greek fame,
With conquering limbs astride from land to land;
Here at our sea-washed, sunset gates shall stand
A mighty woman with a torch, whose flame
Is the imprisoned lightning, and her name
Mother of Exiles. From her beacon-hand
Glows world-wide welcome; her mild eyes command
The air-bridged harbor that twin cities frame.
"Keep ancient lands, your storied pomp!" cries she
With silent lips. "Give me your tired, your poor,
Your huddled masses yearning to breathe free,
The wretched refuse of your teeming shore.
Send these, the homeless, tempest-tost to me,
I lift my lamp beside the golden door!"*

Sẽ là vô lễ biết bao đối với bạn và đối với chính tác giả nếu tôi không ghi lại nguyên văn một bài thơ được coi là tuyệt tác, vì nó đã nói đầy đủ ý nghĩa của pho tượng và thể hiện thật rõ tinh thần Hiệp Chúng Quốc, nên từ năm 1903 bài thơ đã được tạc trên một tấm đá đặt dưới chân tượng Nữ Thần Tự Do trên đảo Bedloe's Island, sau được đổi thành Liberty Island, ở New York. Tôi đã chép bài thơ này khi đứng dưới chân tượng đài. Bài thơ có tựa

là “ The New Colossus” do nữ thi sĩ Emma Lazarus (1849-1887), một New Yorker chính cống, viết năm 1883 để biểu tỏ niềm tin của mình vào một nước Hoa Kỳ tượng trưng cho thiên đường của những người bị áp chế. Bản thân của nhà thơ Lazarus cũng là một biểu tượng của tình người. Bà là người giàu tâm và giàu của, đã cống hiến những năm cuối đời mình và hầu hết tài sản của mình cho việc cứu trợ những người di dân Do Thái giáo nhập cư nước Mỹ. Họ đã từng bị đối xử tàn tệ tại nước Nga.

Đọc những câu thơ của người xưa, rồi ngược mắt nhìn pho tượng đồng, tôi thấy mình có được một gặp gỡ vô cùng hiếm quý với hai biểu tượng của tính nhân bản cao vời vợi.

Trước hết là bài thơ. Kể hậu thế này hiểu thế nào thì xin được ghi ra như vậy, chớ không dám làm công việc dịch thơ:

Chẳng phải là tượng đồng của danh tướng Hy Lạp xưa, kẻ chỉ biết tung vó câu mà gồm thu đất đai thiên hạ. Người đứng đó giữa trời mây sóng cả, giương thật cao ngọn đuốc soi đường. Mẹ là Mẹ hiền của người lữ thứ, của kẻ tha hương, Mẹ chong mắt, Mẹ vẫy tay mời gọi. Hãy tụ về đây làm nên phố đông, bến mới. Nhớ đừng quên quốc tổ ngọn nguồn. Hãy bỏ những nhọc nhằn, nghèo đói, những đau bể, tang thương. Để được thở như chưa từng được thở. Người đã bị đuổi xua nơi những bãi bờ dâu đỏ, hay đang trong bão táp mịt mù. Cứ theo ánh đuốc này mà ghé Bến Chung. Cửa đã mở và ánh vàng đã lóe.

Mình đã có lần mang khát vọng Tự Do lên thuyền nang vượt sóng. Biển cả thì trùng trùng mà bến đậu thì mù

tầm. Hôm nay nghe ý tứ của thơ, chữ nghĩa của thơ sao thấy gần gũi quá, như có mình trong đó, và có trong đó hàng triệu triệu những di dân từ muôn phương đổ về vùng đất ghé tạm của đoàn hải hành Kha Luân Bố hồi năm 1492. Ghé tạm để hình thành một đất nước của Tự Do, tiếp tục xây dựng một bến bờ của kẻ đi tìm Tự Do từ khắp xứ.

Còn khối tượng đồng nặng gần nửa triệu cân, cao hơn 300 thước, người ta có thể theo 168 nấc thang bên trong tượng mà leo đến tận cái vương miện hay theo cánh tay mà leo tới ngọn đuốc; để từ đó nhìn khắp thành phố Nữ Ước. Nhìn từ xa, pho tượng như đứng trên triều sóng, trên đầu là những dây mây xanh, khiến ta thấy pho tượng vừa uy nghi gần gũi, vừa lung linh thoát trần. Tượng thật đẹp và thật vĩ đại. Nhưng tính chất vĩ đại có lẽ ẩn tàng nơi ánh mắt của người mẹ hiền hướng về đại dương cùng với cánh tay mặt cầm ngọn đuốc chỉ đường cho những người đang lênh đênh trên biển cả, ngọn đuốc sáng rực ban đêm với 19 ngọn đèn tổng cộng 1300 watts. Cánh tay trái thì cầm phiến đá khắc ngày ra đời của Bản Tuyên Ngôn Độc Lập Hoa Kỳ, July 4, 1776, ngày sinh của một quốc gia, cũng là bước nhẩy xa của một nhà vô địch hoàn cầu. Dưới chân tượng là sợi xích sắt bị bẻ gãy, tượng trưng cho sự cáo chung của bạo tàn. Ân cần mời gọi, soi lối chỉ đường, cứu mang, chia xẻ, dân chủ, tự do... đã thể hiện hết trên The Statue of Liberty, một quà tặng của nước Pháp cho nhân dân Hoa Kỳ nhân ngày lễ Độc Lập July 4, 1884; sau đó được dựng thành tượng đài ngày 28 tháng 10, năm 1886. Hơn trăm năm nay Tượng Đài đứng đó giữa bốn bề sóng nước phải chăng cũng đã góp phần gìn giữ tinh thần Mỹ quốc xứng đáng với tên gọi, một quốc gia lúc nào cũng thể hiện dân chủ, tự do và biết tôn trọng công bằng, bác ái.

Cảm ơn Thơ với Tượng đồng, những sáng tạo của nghệ thuật đã nâng ý nghĩa của hai chữ Tự Do cao tới mây và sáng như sao trời.

Quý biết bao phút gặp gỡ của tôi với cái Ý của Thơ và cái Hồn của Tượng.

Bạn thân,

Không nhắc chắc bạn cũng nhớ còn vài hôm nữa là tới ngày 11 tháng 9. Chắc bạn cũng không quên hai năm trước vào ngày này lương tâm nhân loại đã bị rung động với sự sụp đổ của 2 tòa nhà chọc trời ở Nữ Ớc. Gần 3000 người chết thảm, chết trong hoảng hốt cực độ. Có người chết mà điện thoại còn trên tay, có người còn cầm tách cà phê chưa uống cạn. Bao nhiêu cái chết không toàn thân. Quĩ vương đã hiện hình ngay trước mắt loài người, ngay trước mắt Tượng Thần Tự Do, trước mắt những câu thơ chứa chan tình nhân loại. Ghé lại Ground Zero để thấy đá sỏi và bốn phía rào, thấy một bãi hoang mà 2 năm trước đây là nơi tọa lạc của hai tòa cao ốc song sinh tượng trưng cho nền kinh tế đứng đầu thế giới. Người ta treo trên hàng rào tấm bảng ghi danh những nạn nhân. Có quá nhiều cái tên, tôi không đọc hết được, nhưng có một câu chữ viết tay nguệch ngoạc trên khung ván của bảng danh sách nạn nhân mà tôi đã phải đọc đi đọc lại nhiều lần, đọc mỗi lần là mỗi thấy tim mình nhói đau. Chị bạn đi chung chỉ đọc một lần mà đã thấy nghẹn thở. Ai đó đã viết như thế này: “You have gone, but my heart has been dying”. Người đi, người đã đi rồi, lòng tôi chết điếng theo người, người ơi. Không biết hôm đó có bao nhiêu những người đang yêu nhau phải giữa đường gãy gấn, khiến người tình còn ở lại phải thốt lên lời thống thiết, để chúng tôi nghe hôm nay giữa vuông đất đã chôn vùi xương thịt của mấy ngàn xác thân và mấy ngàn vong linh uống tử.

Bạn thân,

Tôi đã mời bạn cùng tôi đi phà sang Liberty Island để thấy biểu tượng của Nữ Ước. Đã mời bạn ghé mạn Nam của Manhattan đến đứng ngoài vòng rào của Ground Zero suy nghĩ một chút về tội ác để tôi có cơ mời bạn nhìn Tinh Thần Nữ Ước. Phải, hai tòa cao ốc sụp đổ nhưng Tinh Thần Nữ Ước không phải vì vậy mà không còn. Từ hàng trăm năm nay, với đôi tay rộng mở, Nữ Ước đã là đất lành cho hàng triệu triệu lưu dân tứ xứ. Họ đến một nơi biết trọng tự do và nhân cách của con người. Họ đến để lập thân và lập nghiệp và lập chí. Từ những khổ nhục, những đàn áp, những mất mát, những đớn đau tại quê nhà, họ đã tạo nên Thành phố Nữ Ước giàu mạnh. Từ những ước mơ nhỏ bé của những người chỉ muốn làm Người, họ đã tạo nên Tinh Thần Nữ Ước: hòa đồng để thương yêu nhau, nắm chặt tay nhau để cùng tiến tới, tôn trọng và bình đẳng. Tinh thần này, thưa bạn, tôi đã thấy được, mọi người đã thấy được suốt 29 tiếng đồng hồ Nữ Ước bị mất điện từ xế chiều ngày 14 tháng 8. Gần ba mươi năm, Nữ Ước mới bị mất điện lần này, và là lần dài nhất trong lịch sử Nữ Ước. Chen chân giữa lòng phố lạ với hàng trăm ngàn người, thoát đầu tôi thấy mình kém may. Tự đứng từ một thành phố cực nam làm một chuyến du hành cực bắc để xui xẻo đi vào đêm đen của một thành phố ánh sáng được mệnh danh là Thành phố Không Ngủ (Sleepless City), là Hạt Ngọc về đêm! Nhưng thưa bạn, người xưa nói trong cái rủi có cái may. Đúng lắm. Không có cái rủi đó làm sao tôi được sống cái ngàn năm một thuở hôm ấy hờ bạn! Nhất là làm sao tôi thấy được cái Tinh Thần Nữ Ước.

Thành phố Nữ Ước với trên 20 triệu dân, cộng với hàng trăm ngàn du khách mỗi ngày, có một hệ thống xe

điện ngầm lớn nhất thế giới. Mất điện vào giờ tan sở nên người ta phải cần hơn 3 tiếng đồng hồ để đưa 350 ngàn người ra khỏi các toa xe dài ngoằn và các trạm xe điện, chui lên mặt đất, nhập vào với hàng triệu người ra đường từ các công, tư sở. Xe cộ bị tắc nghẽn. Chỉ có các xe của nhân viên công lực luồn lách trên đường phố. Những người đang ở trong các chung cư tránh cái nóng nên cũng túa ra đường. Rừng người. Cả thế giới đã thấy rừng người đó trên TV. Thưa bạn, trong rừng người đó có tôi. Có tôi người khách lạ trên khu phố Brooklyn, lần đầu tiên đến thăm Nữ Ước. Tôi đã đi bộ hơn 4 tiếng đồng hồ, vượt hơn 8 dặm đường, leo 9 tầng lầu, dò từng bước một như đi trong hầm tối để lên căn phòng tạm trú qua đêm. Chúng tôi đã đi như vậy trên các khu phố lạ hoắc không một ánh điện. Khu chung cư cũng tối đen. Những vệt đèn xe cảnh sát hay xe cứu thương chỉ đủ cho người ta nhìn thấy mặt nhau trong thoáng chốc. Sợ là sẽ có những kẻ lợi dụng bóng đêm để cướp bóc, giựt dạc, vv... Không, không có gì hết. Không một tiếng nổ. Chỉ có tiếng trực thăng nghe rõ trên bầu trời đêm. Thành phố Nữ Ước bình yên. Người Nữ Ước, có lẽ đã học thêm được bài học 11 tháng 9 từ 2 năm trước, rất bình tĩnh và rất trật tự, không sợ hãi. Họ tình nguyện giúp nhân viên công lực hướng dẫn xe cộ lưu thông, hướng dẫn người đi bộ, họ hỏi han, chăm sóc đủ điều. Tôi thấy có những em thiếu niên để người già lên yên xe đạp rồi dẫn đi. Có những cửa hàng cho không những chai nước uống....Chúng tôi đi bộ tuy có xa nhưng không thấy mệt, có lẽ nhờ tinh thần lạc quan, thái độ thân thiện, giúp đỡ của người Nữ Ước.

Sau đêm đen Nữ Ước đó trở về nhà, trong đầu tôi lúc nào cũng chập chờn câu hỏi của một em bé không quen: Are you OK? I can help. Đêm đó tôi đã lắc đầu nhưng bây giờ thì tôi thấy quả tình em bé đã nổi dài thêm cánh

tay của Tượng, đã ghép thêm lời cho Thơ và đã kết thêm một bông hoa vào cành hoa hồng Nữ Ước. Cũng từ hôm đó, tôi thường nghe lại tiếng hát của Frank Sinatra: New York, New York. I want to be part of it. I wanna wake up in a city that doesn't sleep..

Khi cái ác vẫn còn rình rập quanh đây thì làm sao mà Nữ Ước ngủ được. Và Tượng, và Thơ cũng sẽ thức hoài với Tinh Thần Nữ Ước.

Thứ 7 tuần tháng 9/2003

Cà kê giáp hột

Ng~

Sau cái ngày định mệnh oan khốc đó, chúng tôi mất liên lạc với nhau. Không ai dám tin rằng ba thằng chúng tôi vẫn tồn tại, vẫn bám trên mảnh đất xác xơ nhân tính, trần trụi nghĩa tình mà sống, mà thở, mà dòm ngó cho đến cuối cuộc đời gềnh dốc tan hoang. Thằng này cứ tưởng thằng kia bỏ xứ mà đi, thằng kia ngỡ thằng này lún chìm trong cõi mông muội bể dâu.

Vậy mà lang thang tình cờ, lang thang gặp nhau giữa thành phố mà ngày xưa các bạn tôi đã đổ hột hột giọt máu trải dài trên đường phố cho bọn tôi yên ổn ngồi trong giảng đường. Bốn con mắt ngó sững, nhìn nhau muốn lòi ra. Thằng này đưa tay đụng vào thịt da thằng kia, ngỡ như ngủ mê, không tin thằng đứng trước mặt là bạn mình. Thằng bạn đó là dân Sử-Địa, trọ chung phòng, cùng chung cái xứ “anh về Bình Định thăm cha, Phú Yên thăm mẹ, Khánh Hòa thăm em”. Hăng số cha, mẹ, anh, em đó đã buột chúng tôi vào nhau một thời nhà trọ cơm vĩa hè nước phong tên.

Hỏi ra bốn ngàn năm văn hiến và non sông gấm vóc Việt Nam bị anh ta xếp xó để vác về đình ốc, bu loong làm nên một cơ ngơi đồ sộ, nổi tiếng là đại gia có học. Cái thói cũ cứ mảy mao vô tư. Và nó vô tư phục dịch tôi bốn bữa từ sáng đến chiều xăm xắm đến độ vợ nó cũng vui ra mặt, vui thiệt tình chứ không đưa đẩy dãi bôi, bởi Nga đã nhét vào túi nó cọc tiền nói: “các anh tiêu cho hết khoản này trong ngày”. Tôi cười: mảy có con mụ vợ chịu chơi nhất trần gian khốn nạn khốn khổ này. Nó nói: mình không xài, rồi có ngày nó cướp giật, mát sạch, phí đời. Nó còn tiết lộ thêm Nga cũng là em gái mọi của trường Sư Phạm QN. Nó tự tay lái xe đưa tôi đi theo yêu cầu bất kể. Từ đầu đường Nguyễn Thái Học lặn dài xuống Khu 6... Tôi cố hình dung căn nhà lợp toile mà Phạm Cao Hoàng, Lê Văn Trung thuê trọ, là chỗ để Lê Văn Ngăn, Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân, Dzoãn Dân lui tới đọc thơ nói chuyện văn chương. Tôi cố hình dung căn gác nóng hầm hập với mùng mền, chăn chiếu vắt bừa bãi, mẩu thuốc lá lẩn trẩn với những trang bản thảo. Căn nhà chỉ còn trong trí nhớ. Tất cả đều khác, thay đổi đến không còn nhận ra thứ gì nữa. Quay trở lại đầu đường Phan Bội Châu và Gia Long (cũ), vòng tròn công viên rồi xuôi hướng sân bay. Sân bay dỡ tung, thành con đường rộng thênh thênh và nhà cửa của những đám thụt kết, buôn lậu, buôn dân mọc lên hai bên đóm dấp, ngạo nghễ, trăn tráo...

Vòng xuống biển, chạy ngược lên trường Sư phạm. Cái trường sư phạm chết tiệt kia, anh nào cũng bị dính, bởi các em xinh thơm như muối mít, nồn nường “*đẹp như gái mọi tắm trường sớm mai*”. Tôi dám chắc lão Nhân lão Thư đã rất nhiều lần bỏ đơn vị lang thang trước cổng trường thì thầm: *em tan trường về... Chiều mua nho nhỏ... Anh theo Ngộ về...* Lại nhớ có lần anh Lê Ngộ Châu (Bách Khoa) hỏi: “*Cậu có biết nhân vật Quỳnh*

của Trần Hoài Thư không? Là thiệt, truyện nào của nó cũng có Quỳnh. Toàn Quỳnh là Quỳnh". Đã 34 năm ngày gặp anh Lê Ngô Châu, nhưng giờ này Quỳnh ấy ở đâu? Về đâu? Xin mượn tạm câu thơ của Bùi Trung Niên Thy Sĩ Đại Ca để than thở:

Em về giữ áo mù sa,

Trút quần phong nhụy cho tà huy bay.

Bước qua khỏi trường Sư phạm một thời mộng mị, tôi bắt lái xe lên cầu Bà Gi, nơi đóng quân của Sư Đoàn 22, của Đại Đội thám kích của ông Thiếu Úy Sách Quý Trần mà năm 69, 70 gì đó tôi từ Cần thơ chạy tuốt ra cổng trường ngó “em gái mọi...”. Em gái mọi về Bồng Sơn, chạy tuốt ra Bồng Sơn, bắt chấp quân hai bên đánh nhau kịch liệt ở Phù Mỹ. Tới Bồng Sơn, nói em về Sài Gòn. Buồn như trái mít ứt rụng. Tha thần đường về nghe súng cật cù dọc đường như tiếng bìm bịp kêu nước ròng, thê thảm, não nề. Sáng hôm sau tìm ông quan Một Sách Quý Trần trước doanh trại, kéo nhau về Quy Nhơn, lang thang cà phê Da Vàng trên Phan Bội Châu, lang thang Sư Phạm và nằm chèo queo trên căn gác Khu 6.

Giờ tất cả đều bị thay đổi sạch trơn, thay đổi triệt để, kiên định lập trường, quan điểm thay đổi tận gốc rễ, tận cái lông măng!

Mà ở cái xứ *Thợ Thợ Quốc* này, có món đặc sản dân dã quê mùa ngon nhất trần đời mà các lão Hoàng, Nhân, Thư... hồi đó không giới thiệu nhỉ? Mắm cua nấu với cá lúi, chấm đọt lang luộc. Bận tôi giới thiệu như vậy và lái xe lên Diêu Trì đãi cơm chiều bằng món mắm cua: một chút thoang thoang mùi gạch cua, một chút mẩn mẩn của thịt cua thấm vào thớ cá và đọt lang tan trên đầu lưỡi. Một mình tôi ních hai đĩa lang, hai tô mắm mà chưa đã cái miệng, bữa sau bắt nó chở lên ăn trận cuối cùng trước khi về “cố quốc”.

Gió đưa ông Đội lên tàu

Bà Đội ở lại xuống bầu bắt cua

Bắt cua muối mắm cho chua

Gửi cho ông Đội đừng mua tốn tiền.

Xin hỏi nhỏ: có quý nương tử nào chịu làm Bà Đội tình thần cho tôi được ăn mãi món mắm cua không nhỉ? Tôi dám chắc mấy cha này chưa ăn bao giờ. Chưa ăn thì mai mốt về rồi ăn, chớ không gửi bằng đường máy bay, bưu điện được. Cái mùi ấy Tây nó kỵ lắm, ngoại trừ đám Tây-ba-lô chúng ăn như điên, xực cả “rựa mặn” nữa kìa!

Chắc mấy ông bạn già ngạc nhiên, hỏi: chớ sao tới Qui Nhơn, đi lung tung, nhớ lung tung, ăn uống lung tung mà không lên thành Đồ Bàn thăm hai ông bạn nhà văn? Ê, đừng có ngây oan. Trước bữa đi có gọi dây nói ra trước, MVL la oai oái: “tậu quá ông ơi, đừng có lên? Sao vậy? Con gái sanh, nhà đang sửa lại. Gặp nhau đầu đường được không? Cũng không luôn. Sao vậy? Không sao cả, nhưng mà đừng có lên!”. Tôi chưng hửng gác máy. Chưng hửng gọi lại cho anh H. Anh ấy nói: “lão cũng viết thư nói đừng có lên”. Tôi kêu Trời. Cái lão này bị đứt dây rồi chắc. Đầu tháng tới tôi sẽ đột kích lên coi thực hư thế nào. Nhưng mà, giá như kiểu ông Nhân, ông Thư dẫn lính đột kích vào hang động bắt yêu tinh còn dễ coi, đằng này đột kích vào nhà bạn xem thực hư thì kể hơi bị kỳ cái cục sao ấy.

Mời mày một chén nữa thôi

Cho lòng bớt lạnh, cho can đảm đời

Ngó ai cũng thấy tuyệt vời

Như em gái mọi tấm truồng sớm mai.

Mấy câu thơ cà chớn này là nó nhảy vọt ra khi ngồi thò muống ngoáy ly cà phê đen thui ở góc Nguyễn Trãi-Lê Lợi, nghe lão sử gia Trần Quốc Vượng nói về cái xú báp trên nôi áp suất mà lão Trần giữ nhiệm vụ nhóm đít lên hay hạ đít xuống khi phe ta cảm thấy nôi lung tung lúng túng hơi bị đầy thì lão phải nhóm lên, xì ra để cái đám

trí thức bạch đỉnh cảm thấy đỡ ghen chút chút. Chẳng ai ngăn lão Trần, mà lão Trần cũng chẳng ngăn thằng cóc nào, ăn nói vung xích mết kiểu dân bị thốc thọc bị gạo, nhưng đều có chứng cứ rành rành, báo hại mấy anh làm ra kinh kệ cứ sồn đái ra quần. Năm kia tôi tháp tùng lão Trần lên bản Đôn, lướt đi chẳng sao; lướt về sanh chuyện. Mấy thằng cha thu tiền mãi lộ (nay trên đoạn quốc lộ nào cũng dựng cổng thu tiền mãi lộ cả) bắt phải mua vé mới cho xe chạy. Cô trưởng đoàn gom hết thẻ nhà báo trình cho tay *mãi lộ trưởng*. Hấn lắc đầu: báo chí báo chọt đều mua vé tất, không có ưu tiên. Một ai đó trên xe nói: đ/c làm vậy trước mặt GS Sử học Trần Quốc Vượng coi sao được. Chỉ mới nghe tên lão Trần hấn mở cổng ngay mà không ai hiểu tại làm sao (!?)

Bữa nay lão vẫn vậy, lão lại há mồm ngoác cái lý lịch anhnh cả cho đài RFI để cái đám bị thịt quánh cho một trận tả tơi lá cành về tội ăn nói lung tung, vô tổ chức. Càng bị đánh lão Trần càng sáng bóng ra.

Thế mới hay đại ca Bùi trung niên thy sỹ mới là bậc hiền triết tiên nghiệm được sự đời cái lá đa:

Có đức và tài Như Nguyễn Du

Thì viết gì cũng vẫn

Là Kinh, là Sử

(Dẫu làm về cho trẻ con hát

Cũng vẫn cứ là Thi Kinh)

Thiếu đức thiếu tài như Trang Tử

Thì cho dẫu có gân cổ gào to

Rằng sách mình là kinh

Thì đó vẫn cứ là sản phẩm

Của những con đười ươi múa rối

(Sa Mạc Trường Ca)

Đại ca chưa chịu dừng ở mệnh đề phi phạm này mà tổng thêm một quả thối sơn vào mặt của *Hitler-Đại- Đế- A-*

Lịch-Sơn-Ma-Vương-Thỷ-Hoàng-Beo-Cạp:

Beo gấu có vẽ lộng lẫy

Hơn Đười Ừi

Nhưng Đười Ừi

Kể ra

Có phần

Khả ái

Hơn Beo Gấu

Đó là điều

Rất ít kể nhận ra.

Đúng quá đại ca ơi. Tới khi nhận ra vấn đề thì đã muộn quá chỉ là muộn rồi. Chỉ còn có nước ngửa cổ kêu trời không phải 9 tiếng mà triệu triệu tiếng chưa đọng tới trời xanh? Thôi thì đành làm dân cu ly vậy.

Có một chuyện tối tăm mặt mũi, khi nhận được cái thư của ông bạn lão- nhà- thơ-cổ-quái, gửi xuống từ núi rừng sâu thẳm thẳm. Kính xin mấy anh em nhóm chủ trương TQBT cho xin vài mươi giòng nữa thôi. Thư rằng: “... đã đành, tất cả đều có một phần của đời thật việc thật, Nhưng với bút pháp đầy chất trữ tình của các ông. (cả những chất đặc biệt...) khiến người đọc bị cuốn hút đến độ tan hoang trong những đoạn kết của truyện. Rõ ràng các ông là nhân vật sừng sững buồn lậu chữ nghĩa, lừa được tay lái của chính mình, lái vào những ngõ ngách lạ hoắc của thiên thu. Mỗi truyện như ẩm bông những cơn liêu trai rồi liệng nhẹ xuống những dòng sông chưa biết chảy, nhưng biết giáp mặt với biển.

Có những buổi trưa, tôi đọc các ông tới mức như được nhai lại một món ăn hiếm có. Ngày xưa, đọc của Ngụy Ngữ, của NH. Tay Ngàn, Trần Hoài Thư, Hoàng Ngọc Tuấn... mình đã từng phung phí tuổi trẻ vào truyện. Giờ đây đọc của U. tôi càng muốn xé tuổi trẻ của xa xưa ra từng mảnh vụn, để rồi gom lại, vò viên thành từng cục

để làm một thứ thuốc tể uống chứa những cơn say.

Đã đành ai viết văn cũng được, ai viết truyện cũng được, nhưng vấn đề là viết đến đâu? Người đọc liệu đang ở trần vẫn thấy mình cởi áo; đang nằm trong chăn ấm vẫn thấy mình nằm trên thảm lụa sông, chảy và bay tứ bề khôn xiết hoan lạc. Tôi đọc cũng khá nhiều. Riêng các ông thì cách thối bừa chú bằng kiểu đứng phía trước thối ngược ra sau, và thối Tung-Tóe-Xà-Lui, để cuối cùng dán lại mà không cần đọc ẩn hoặc từ chú. Tôi xin bái lạy các vị, thỉnh thoảng cho tôi được chút Sướng như vậy, cầm bằng công núi đi chơi. (N.LA)

Đưa thư này cho bà vợ tôi đọc, bà ấy phán: “Ảnh dùng chữ nghĩa mộng mị để khiêu khích các anh”.

Tôi sửa lại: “không, ảnh đang muốn đến Thộn Thộn Quốc để tìm lại cái lưới, cái đầu và người hiền đã từng thế chấp trong trắng...”.

Biết làm sao được.

(Xứ Xương Rồng Bàn Chải đầu thu 03)

Nhân vật

Cao Vị Khanh

Khám phá được sự có mặt của một nhân vật tiểu thuyết trong đời thật vẫn là một điều thích thú thâm kín của người đọc dù rằng điều đó cũng chẳng ăn nhập gì hết đến giá trị văn chương của tác giả hay tác phẩm. Một chút vui phụ trội vậy mà.

Trong một truyện ngắn viết đã lâu của Trần Hoài Thư, Xóm Slum thì phải, ông kể chuyện những ngày đầu tới Mỹ, có một nhân vật là một thằng bé sáu tuổi, đưa con trai duy nhất ông đã mang thoát qua biển chết. Chuyện

người lớn chắc ai cũng giống nhau, không nhiều thì ít. Còn chuyện đám con nít?

Hình dung trở lại những năm bảy mươi, đứa bé năm sáu tuổi, rúc trong mình cha mẹ nó dưới những khoan ghe tối đen như mực và ngột ứ hơi người... Rồi sau đó cũng chính nó chạy lúc thức bên chân cha mẹ cho kịp cuộc đuổi bắt một đời sống mới, lạ từ miếng ăn thức uống, lạ từ tiếng chào câu hỏi.... Nó nghĩ gì trong đầu khi thấy cha mẹ, người lớn tất bật làm lụng, tính toán, rầu rĩ, lo buồn... đến nỗi như muốn bỏ quên nó luôn... dù đôi khi mục đích của cuộc chạy chết một phần cũng vì tương lai của nó.

Hình dung trở lại những ngày tháng đầu ở xứ người, trong căn chung cư hẹp té, tối tăm... nó ra vào chơi đùa một mình, mở đồ chơi xin ở nhà thờ, chiếc máy ti-vi mua ở tiệm đồ cũ... giữa bốn bức tường cũ xì, ẩm mốc và chiếc cửa khoá kín sau khi cha mẹ nó từ sáng sớm đã vội vã xách hộp đồ ăn mỗi người mỗi hưởng nhảy lên những chuyến xe buýt đầu ngày chạy ngang thành phố... Hình dung trở lại, nó một mình tới bữa trưa lục tủ lạnh tìm miếng xăng-quít mà mẹ đã làm từ tối qua. Hình dung trở lại, bữa ăn trưa một mình, đứa con nít sáu tuổi. Hình dung trở lại những buổi sáng buổi chiều buồn tênh sau khi đã chán chê mở đồ chơi vô tình, bắt ghế dựa đầu vào khung cửa kiến, từ một tầng lầu chung cư cao ngất, nhìn ngó ngu ngơ xuống cái miệng vực đại lộ xe cộ người ta qua lại huyền ảo để hy vọng bắt gặp một khuôn mặt thân quen.

Hình dung trở lại bữa tựu trường đầu tiên không có sương-thu-và-gió-lạnh. Nó cũng mang cặp sau lưng nhưng không có bức-tượng-trắng-trong-vườn-Lục-Xâm-Bảo làm bạn như khi cha nó mẹ nó tựu trường... Bởi vì nó bắt đầu đi học ở một nơi không phải là quê hương của nó nữa... nghĩa là nó đã bị bứng khỏi cái gốc ruột rà

của nó, cái gốc phải có của một đứa-bé-Việt-nam với chuồn chuồn chấu chấu, với tiếng đế ngoài bờ cỏ, với cánh diều giữa đồng trống, với buổi-mai-hôm-ấy....Nghĩa là nó bắt đầu đi học làm người, người Mỹ, người Canada, người Pháp, người Úc... mặc dầu cha mẹ nó vẫn muốn trước hết và sau cùng nó mãi là người Việt Nam... Có khó cho nó lắm không?

Hình dung trở lại mọi nỗi khó khăn lúng túng của đứa nhỏ giữa sân trường, trong lớp học khi chung quanh từ ông thầy đến bạn học không ai giống nó, nó cũng không giống ai, cái màu tóc cái màu da và nhất là cái tiếng nói...

Nghĩa là còn nhỏ xíu nó đã phải chiến đấu giống y như cha mẹ nó đã chiến đấu, tả xung hữu đột, để tìm một chỗ đứng có chút ánh sáng giữa một thế giới đầy những nhà chọc trời đã che kín hết mặt trời.

Vậy đó, thằng bé đó đã chiến đấu, rất cô đơn... dù đi học một mình, dù tan trường một mình, dù khi về nhà phải-kê-ba-cục-gạch để có đủ chiều cao mở-khóa-cánh-cửa-lầu-thuê.

Vậy đó, thằng bé đó đã chiến đấu, thâm lặng như rất nhiều đứa-bé-việt-nam cùng trang lứa của nó trong những năm 70, 80 đã chiến đấu cũng cô đơn và thâm lặng như vậy... ở đâu đó, trên những xứ sở lưu vong...

Tên lính nhỏ đó -cùng với rất nhiều tên lính nhỏ khác- đã chiến đấu thay cho cha chú bác nó trên một mặt trận khác để chứng tỏ với thế giới rằng đó không phải là tàn dư của một đội quân bại trận.

Tên lính nhỏ đó -cùng với rất nhiều tên lính nhỏ khác- đã chiến đấu thay cho mẹ cô dì nó trong một cuộc kháng chiến khác để cưỡng chống lại sức hút cuồng lưu của một xã hội kim tiền, và giữ cho được nguyên tính của giọt-máu-việt-nam.

.....

Hình dung trở lại tấm bằng khen đầu tiên nó mang từ trường về.

Hình dung trở lại đêm đầu tiên nó xa nhà để đến ở trong một campus đại học, cha nó vui và lo lắng, mẹ nó mừng và lo lắng.

.....

Còn nhiều chuyện để nói lắm, những chuyện để đời. Những đứa-bé-việt-nam lớn lên ở một chỗ không phải Việt Nam.

.....

Nhưng thôi. Đủ rồi.

Vấn đề là tên lính nhỏ can trường đó, những tên lính nhỏ can trường đó, đã chiến thắng, từng trận nhỏ, rồi trận lớn... Cấp bằng đại học. Vị trí khả dĩ trong một xã hội dị chủng. Sự ngưỡng mộ của đất nước cuu mang. Và sau hết trái tim của một người khác phái...

Tháng tám rồi, nhân vật đứa nhỏ trong truyện Xóm Slum, đã nhảy ra khỏi cái khung truyện cũ chật hẹp để bắt đầu viết cho chính nó một cái truyện mới, khung truyện lần này chắc chắn sẽ lớn rộng hơn, thêm thang những chân trời... Truyện của nó có thêm nhân vật mới, tình tiết mới, dài hơi hơn, có thể là loại feuilleton đăng báo mà mỗi ngày được đánh dấu bằng mấy chữ ngày-mai-đăng-tiếp như một hứa hẹn những khai mở bất ngờ, đầy thú vị.

(nó đang làm như cha mẹ nó, bạn bè trang lứa nó, gầy dựng và gìn giữ tiếp tục chút di sản ông bà, ở phần đất mới, sau khi đã bị hủy diệt ở phần đất quê hương.)

Này chú-bé-nhân-vật mà tôi đã cảm mến khi đọc truyện, chú can trường lắm.

TQBT 2 năm và tâm sự với Ng~

Cũng vào tháng này hai năm về trước (tháng 10/2001)
TQBT được phát hành.

Mới đó mà 2 năm. Hai năm, thời gian không gọi là dài.
Nhưng với 12 tập TQBT đã góp mặt trong dòng văn học
Hải ngoại, đủ nói lên sự hiện diện của một tạp chí.

12 tập trong vòng 2 năm là sự cố gắng hết sức của nhóm
chủ trương cũng như bạn bè trong và ngoài nước ủng hộ
trên nhiều mặt, kể cả những độc giả thân quen đã ủng
hộ, khuyến khích, cổ vũ để....TQBT có được ngày hôm
nay.

Nhìn lại tập 1. Phát hành vào tháng 10 năm 2001 chỉ
vỏn vẹn 133 trang. Và vài ba anh em cầm bút trong và
ngoài nước góp mặt (mà bài vở của các anh trong nước
chính là do một vài anh em chủ trương còn giữ lại được,
mang ra ngoài) đủ để góp nhặt hoàn thành một tạp chí
ban đầu. Và, chỉ một tạp chí mà thôi, hay sao? Uống phí
công sức và “cái tâm” của anh em quá! Cho nên, lúc
đầu cứ nghĩ là “ bất định kỳ ” ba tháng, năm tháng một
số cũng được. Miễn làm sao TQBT được hiện diện.

Tập 1, in xong vào thượng tuần tháng 9, thì sự kiện đau
lòng xảy ra ở New York (ngày 11/9/2001) hai tòa
building sinh đôi (Twin Towers) bị bọn khủng bố đánh
sập bằng máy bay dân dụng. Dù chủ trương TQBT chỉ
hoàn toàn văn học, nghệ thuật, nhưng trong bối cảnh đau
lòng của người dân Mỹ nói riêng và cả thế giới nói
chung trong ngày hôm đó, TQBT tập 1 phải lưu lại một
cái gì đó, như NGÀY SINH của nó.

Trần Hoài Thư lại vất vả tháo rời bìa và từng trang báo
ra, để đưa vào trang đầu tấm hình chụp được hai tòa
Twin Towers đang sụp đổ, khói bốc ngất trời, phủ cả
New York. Và, phủ cả lòng người.

Một tháng sau, tháng 11 năm 2001, TQBT tập 2 được phát hành. Cũng chỉ 136 trang. Mỏng, như tập 1.

Qua 2 tập đến tay bạn đọc. Với những lời động viên, cổ vũ nức lòng của độc giả gửi tới chúng tôi, qua điện thư và điện thoại: “ *làm sống lại những tạp chí ngày nào ở miền Nam trước 1975. Các anh đã cho chúng tôi gặp lại những cây viết cũ* ”. Để chuẩn bị cho tập 3, Trần Hoài Thư không chịu dừng lại ở số trang khiêm tốn của 2 tập 1 và 2. Anh hỏi ý kiến anh em. Tăng lên 200 trang. Một việc làm không phải dễ. Nhất là bài vở cho một tạp chí hoàn toàn văn học, không xin quảng cáo, không chia vui, chia buồn....như những tạp chí văn học khác đã phát hành ở Hải Ngoại. Thì làm sao đủ bài để lấp cho đầy số trang? Mà, bài vở phải có giá trị, không được viết xoàng xĩnh, phải hay, ít ra trên trung bình cho mỗi bài viết.

Với tập 3, 200 trang theo như Trần Hoài Thư đề nghị, anh em lại gọi nhau. Lần này, nhịp cầu đã gãy sau bao nhiêu năm, tưởng chừng tan tác nơi góc biển chân trời nào. Nay gặp lại. Nào Ý Thức cũ. Nào anh em Khai Phá cũ. Nào những anh em bạn bè cầm bút cũ miền Trung ngày nào, miền Tây ngày nào, tan đàn rã nghé kể từ tháng 4 năm 1975 nay tụ về dưới “ mái nhà ” – chữ của nhà thơ NPT - gần như đầy đủ. Bên cạnh đó, còn có nhiều cây viết ở Hải ngoại như Canada, Úc, Hoa kỳ đã đến với TQBT. Như vậy tập 3 không còn là nỗi lo thiếu bài vở. Và 200 trang cho mỗi số, cứ thế mà làm, cứ thế mà duy trì cho mãi đến hôm nay.

Cũng vẫn giữ nguyên ý định: Bất định kỳ. Rảnh đâu làm đó. Làm văn học chỉ làm tay trái, ban đêm. Nhưng vì nhờ có “ một tấm lòng ” của độc giả mà TQBT chúng tôi phá lệ để đi vào “ Định Kỳ ” hai tháng một số, và vẫn duy trì số trang 200, hoặc hơn một chút, từ tập 3 đến

tập 8 (tháng 1/2002 – 11/2002). Nhưng vì trong nhóm chủ trương có người làm đêm, có người làm ngày. Đêm hay ngày cũng phải, ít nhất 8 tiếng (thời gian làm ở hãng xưởng). Và, chỉ làm TQBT ban đêm. Đọc bài, viết bài, đánh máy, trình bày, layout chiếm thời gian ban đêm quá nhiều sáng hôm sau đi làm không nổi. Vả lại, TQBT không phải là tạp chí bán, không nhận quảng cáo, không có thu nhập, và cũng không sống nhờ vào nó. Nên người chịu trách nhiệm bài vở đề nghị nhóm chủ trương ba tháng/ một số.

Với tập 12. Bài vở của anh em bạn bè trong và ngoài nước gửi đến rất nhiều, còn tồn đọng lại từ những số trước, chưa đi kịp. Tập 12 sẽ giải quyết lần. Thế mà vẫn chưa đáp ứng hết trên số trang đã ấn định (vẫn còn giữ lại).

Cũng vì cái nghiệp “ văn chương chữ nghĩa ” đeo đuổi cho mãi tới ngày hôm nay mà TQBT hình thành. Hình thành, không phải chỉ đi những sáng tác của bạn bè trong nước, hay đi những sáng tác của riêng trong nhóm, như một nhà thơ nữ ở Hải ngoại gửi thư thăm và hỏi chúng tôi. TQBT không chủ trương như thế. Nhưng, những bài vở gửi tới, ít nhất chưa đi trên một báo nào, để giữ đúng nghĩa của 2 chữ “ Bản thảo ”. Và, nội dung bài vở không khích bác, đã phá, hay nói xấu một cá nhân, đoàn thể....Hoàn toàn văn học nghệ thuật.

In ấn và phát hành.

11 tập TQBT đã đến tay bạn đọc, và hôm nay là tập 12. Hình thành được, phải nói đến công sức của anh Trần Hoài Thư. Ngay từ lúc khởi đầu tập 1, nhóm chủ trương giao cho anh “ tìm tòi, nghiên cứu ” cách in ấn và binding, sao cho khỏi tốn kém theo phương pháp Book on demand với lối riêng của TQBT (làm thủ công). Nói

riêng thì cũng không đúng lắm, vì đã có Book on demand của người Mỹ đã in ấn rồi. Có điều, họ làm bằng máy, binding bằng máy....rất tốn kém đối với chúng tôi. Nếu làm như họ, chúng tôi phải bỏ tiền ra mua những trang thiết bị cần thiết để hoàn thành một cuốn sách. Tiền ở đâu mà có. Trong khi đồng lương “ ba đồng ba cọc ” đủ để trả nợ áo cơm trên trên xứ người. Thì làm sao dám mang TQBT đến nhà in để in? hay phải bỏ tiền túi ra mua thiết bị để binding một tờ báo???

Với sự cố gắng và một tấm lòng tha thiết của Trần Hoài Thư, anh đã đem lại một kết quả tuyệt vời về in, ấn và đóng sách hoàn toàn bằng tay này(có thể đóng sách bằng chỉ nơi bìa gáy cho những cuốn sách dày 400 trang trở lên, không sút trang). Thành công của anh đã đem đến một “ kết quả ” rất lớn cho chúng tôi và bạn bè là: THƯ ẤN QUÁN cũng được hình thành. Đến hôm nay đã in được nhiều tác phẩm cho bạn bè trong và ngoài nước theo phương pháp Book on Demand.

Và, hôm nay, anh đã mua được cái máy để binding (tiền túi bỏ ra) giúp anh rất nhiều không phải dùng tay kéo “ hot melt glue ” rất nóng, và cũng khô rất nhanh trên gáy bìa sách(bắt đầu cho tập 12 và tập truyện Sông Chảy Về Núi của một nhà văn còn ở trong nước- In lại để tặng bạn bè của tác giả và của TQBT). Mua được cái máy đó. Anh vui, gọi điện thoại cho tôi để trải niềm vui chung với anh và trong Thư Ấn Quán. Bây giờ, chắc anh không còn “ sử dụng” những nồi-niêu-xoong- chảo của chị Yến (vợ anh) dưới hầm Thư Ấn Quán (basement) của anh. Sự sáng tạo trong mọi tình huống (cái khó bó cái khôn) vẫn là cái hay tuyệt vời của người Việt mình.

Bạn Ng~ thân

Tháng tám nghe bạn nói về Qui Nhơn, có đến chỗ ngày

xưa tôi với Trần Hoài Thư ở khu 6. Để tìm lại một chút kỷ niệm rất xưa ấy. Và, bạn nói với tôi bây giờ lạ lắm, không tìm thấy căn phòng “ dơ dáy ” của những người lính “ bụi ” như chúng tôi thuê để bạn bè về đó ở. Không thấy là phải, hơn 40 năm rồi còn gì. Thời đó, chiến tranh bom đạn, nhà cửa của người dân cất lên bờ bãi bằng tôle, bằng ván ép...đụt nắng che mưa, qua ngày. Nay, nghe bạn nói nhà cao ốc mọc lên từ đầu phi trường dân sự cũ (nay cũng không còn) tới chân núi Gành Ráng. Tôi hình dung không ra nổi. Rồi bạn đến trường Sư Phạm QN, hỏi tôi có nhớ không? Nhớ lắm chứ. Những “ cô bạn gái ” rất dễ thương thời ấy cứ đêm đêm để cho tôi...mơ trong căn phòng khu 6. Lại nữa, Những bài thơ của Thanh Hồ ở đâu bạn có mà gửi qua cho TQBT? Cái anh chàng họa sĩ tài hoa này cũng mê với tôi và Trần Hoài Thư lắm đấy. Đọc thơ của Thanh Hồ tôi nhớ lão vô cùng. Có dịp bạn vào Nha Trang nói với lão gửi những bài thơ mới làm qua cho tôi và Thư. Lá thư của bạn làm cho tôi “ thần thờ ” nhớ lại những kỷ niệm xưa. Qui nhơn, Nha trang với những con đường, những cô bạn gái năm xưa, những bạn bè văn gừng văn nghệ cũ. Nói lại với bạn bè văn nghệ cũ, thì được. Còn những cô bạn gái năm xưa thì chỉ còn lại trong tôi như chuyện: cổ tích. Mà chuyện cổ tích thì lúc nào cũng hay và đẹp phải không bạn?.

Rong bút

Trần Hoài Thư

1. Có lần vào thăm viện bảo tàng nghệ thuật Metropolitan tại Nữu ước, tôi đã nhập vào một đám người để nghe người hướng dẫn thuyết giảng về ý nghĩa đặt biệt của bức tranh mà người ta xem như báu vật của nghệ thuật. Bà ta đã làm những người xem tranh phải hít hà trầm trồ khi giải thích về cái bóng của người thiếu nữ đàn dương cầm. Bà nói về cái bóng đổ xuống nền nhà

để nói về thời gian, khỏi cần mặt trời, mặt trăng, đồng hồ...Đó là tuyệt chiêu của người họa sĩ.

Chỉ là cái bóng mà trở thành tuyệt chiêu. Để những người sinh sau để muộn phải cúi đầu khâm phục. Để đời sau phải cảm tạ đời trước. Để nhân loại càng hiểu về sự trường cửu của nghệ thuật, và cảm ơn người nghệ sĩ.

Nơi này sự cảm tạ quá đối ân cần. Sự thành khẩn hiển hiện trên gương mặt, đáng bộ đi đứng. Ngay cả nói chuyện với nhau, họ cũng nói không lớn quá. Thái độ vừa thành kính vừa tri ân.

Tôi nghĩ đến những con hùm con sói cô đơn mà tôi được biết. Chúng tôi chẳng may sinh trong một thời đại đen tối. Máu và nước mắt thì nhiều hơn hạnh phúc. Đọc bài viết của Nguyên Minh (Những linh hồn đứng) mà bàng hoàng. Đoát là một loại cây giống như dừa, chà là, nhưng thân cây thì đầy lớp vỏ và bẹ khô. Sau khu nhà xác của bệnh viện Huế, đoát mọc nhiều. Ban đêm khi qua khu này, thấy những thân đoát in mập mờ trong ánh trăng, nghe gió hú rít từ sông Hương về, qua nhà xác như từ lòng âm ty địa phủ. Thật không ngờ, sau mấy mươi năm, bạn tôi lại viết về một loài cây rất quen thuộc trong tâm trí tôi, nhưng nổi đau theo từng trang giấy. Những cây đoát xấu xí vô tri không có ích gì ấy bây giờ trở thành *những linh hồn đứng*.

Những linh hồn đứng. Bởi vì, ở đó, trời đất cũng đau như lịch sử của một đất nước. Bởi vì lỗ đạn trên thân đoát không phải là lỗ đạn vô tâm, nhưng là những lỗ khoét trái tim người.

2. Tự nhiên tôi ước ao có phép lạ. Có một bức tranh nhan đề "Những linh hồn đứng" được trưng bày tại bảo tàng viện nghệ thuật này. Để cả nhân loại, thế giới, hiểu được một nơi mà ngay cả đất trời cây cỏ chim muông đất đá cũng phải bi lụy,

Nhưng không biết có ai hiểu để mà giải thích như người hướng dẫn đã giải thích về chiếc bóng của người đàn bà đàn dương cầm đổ xuống trên nền ?

3. Tôi bị quan ? . Mấy mươi năm ở Mỹ, tôi chưa bao giờ đọc một nhà phê bình văn học nào viết một giòng về những beo con hùm con sói chữ nghĩa cô đơn của miền Nam trước 75 mà chỉ viết nhiều rất nhiều về văn chương trong nước nhưng với những tên tuổi xa lạ.

Như vậy thật bất công. Người viết văn làm thơ hay người họa sĩ cô đơn như con sói đồng hoang ấy chắc không cần ai biết tên anh, nhưng nhà phê bình, cần phải biết. Để giúp cho người đọc người đời sau biết. Đó là bổn phận.

Chứ đừng ngồi nhà đợi người viết dâng nạp tác phẩm.

Tôi nghĩ đến người bạn tôi, khi nằm xuống, ba lô, túi áo, những bài thơ mới làm, dính máu hay rách tả tơi, hay bị nhạt nhòa vì nước mưa, nước bùn. Tôi nghĩ đến những đêm mà bộ não của bạn muốn nổ tung vì không được viết. Tôi nghĩ đến những sáng tác mà bạn đã dấu tận dưới đáy thùng carton. Tôi nghĩ đến những sáng tác phải chuyển nhau giới hạn trong vòng thân hữu. Tôi cũng đã hiểu tại sao có tác phẩm của những người được xem là phản kháng nhất lại được cho phép in ấn công khai, còn tác phẩm của cây viết miền Nam cũ lại bị đục, bị bỏ, bị trù dập (xin xem lại phần viết chung TQBT tập 11 mà tác giả Phạm văn Nhân đã đề cập). Như vậy, thế nào là giá trị của tác phẩm ?

4. Có lẽ có người sẽ biện giải. Việc này quả khó khăn. Không khó khăn đâu. Bằng chứng ? 12 tập Thư Quán Bản Thảo là bằng chứng.

5. Thấm thoát TQBT đã bước vào năm thứ hai. Nhìn lại những chặng đường đã qua để mỗi người trong chúng

tôi không ai lại không bồi hồi.

Ngày ra đời của TQBT, đất trời rung chuyển, mây tai
nghiệt lớp lớp phủ mịt mờ. Ban đêm thấy lửa như ma
trơi. Ban ngày thấy khói như tín hiệu hấp hối từ một
thành phố bị tra tấn. Khói nghe ám cả hăm, nghe khét
và khó thở.

*5...Có những buổi trưa, tôi đọc các ông tới mức như
được nhai lại một món ăn hiếm có...*

Xin cảm ơn một người bạn trong nước. Xin được
dùng những lời nhận xét này để làm quà tinh thần
cho ngày sinh nhật của TQBT.

Happy birthday to you, TQBT.

Định Trầm Ca

Nhớ Quê

Quán cóc bốn thằng ngồi cụng ly
Quê nghèo một thuở rủ nhau đi
Chiều nay quê cũ thổi mây nhớ
Xuống đậu ngang đầu bốn miệng ly

Quán cóc bốn thằng ngồi như mê
Có ai vừa nhắc chuyện làng quê
Ai ca giọng Quảng nghe thương thế
Bốn cốc, hoài hương chảy ngược về...

Bốn thằng ngồi như bốn hòn bi
Hiền khô cục đất buổi chân quê
Dòng Thu Bồn chảy trong câu hát
Rợp mát bốn lòng bóng lá tre

Bốn thằng bỗng chốc hóa thành si
Thênh thang trời cũ vỡ trần ly
Vạt mây đèo ải trôi chất ngất
Em, gái giang hồ có nhớ quê?

Ôi, gái giang hồ còn nhớ quê
Huống gì bốn đứa nghèo ra đi
Phồn hoa ừ, cứ thay màu áo
Không dễ thay màu khóm lá tre...

Chiều đông kỷ niệm đầy bốn cốc
Bốn cốc tràn lan dòng dân ca
Uống đi những kẻ nghèo trôi dạt
Đốc cạn nguồn hương mật quê nhà!
Sài Gòn, 6.1988

Thùy An

Dòng thời gian

Người đàn ông nhảy lên từ cửa sau xe, bước nhanh về phía trước, ngang qua hàng ghế của Lê. Lê giật mình. Cái gáy ấy, Lê không thể nhìn lầm, rồi chột bàng hoàng khi nhận ra những đổi thay. Vạt tóc ngày xưa giờ đã khác, trắng đen lẫn lộn, mệt mỏi phủ lên phần cổ cao không còn rám nắng, chiếc áo thun xám rộng thùng thình làm nhô lên phần xương vai cứng nhắc, nổi bật cái vóc dáng gầy gầy quen thuộc đã bao năm qua còn in dấu trong ký ức Lê. Có phải là Trần không?

Anh tài xế trẻ quay lại, chỉ vào cái ghế bên cạnh: “Còn chỗ nè chú.” Người đàn ông nói tiếng “cám ơn” rất nhỏ rồi quăng chiếc ba lô to dùng lên trước, ghé mình ngồi vào ghế, gương mặt hơi nghiêng về phía Lê, chiếc mũi thẳng và con mắt có đuôi. Tim Lê dao động. Đúng là Trần rồi. Sao anh lại ở đây, một mình, trên chuyến xe du lịch Nam Cát Tiên? Anh có cùng đi với nhóm Lê không? Đã rất lâu, Lê không gặp lại Trần. Rồi trong một lần họp mặt bạn bè, Tuấn cho biết Trần đã đi Mỹ theo diện HO. Lê không ngạc nhiên trước tin đó, vì lần cuối nhìn thấy Trần, anh đang mặc trên người chiếc áo lính phong sương, giống như Tân - người chồng vắng số của Lê. Thật ra, giữa Lê và Trần đã có một tình yêu đích thực chưa? Hay chỉ là những băng khuâng xao xuyên thời áo trắng học trò? Ngày ấy, Lê và Trần cùng học Phan Châu Trinh nhưng khác lớp. Sáng nào đến trường, Trần cũng đạp xe chậm chậm qua cổng nhà Lê, phóng tia nhìn lên hàng cây trứng cá và mấy cây mận mà năm nào cũng trĩu quả, đảo xuống hòn non bộ, lướt qua hàng hiên rồi dừng lại trước khung cửa sổ thấp

thoáng mái tóc dài xỏa xuống bờ vai. Lê học buổi chiều nhưng thường dậy sớm để học bài nên không khỏi bối rối trước ánh mắt của “cây si di động” ấy. Có nhiều lần, Lê đóng chặt cửa sổ, nhưng rồi lại mở ra vì thiếu ánh sáng, vì ngột ngạt, vì thích liếc nhìn một bóng hình không tên.

Cửa kính đóng lại khi xe bắt đầu chuyển bánh. Đường phố giờ cao điểm, đông ngẹt xe và người. Học sinh đến trường, công nhân đến nhà máy, những tiểu thương buôn bán bên lề đường, những người gánh hàng rong di chuyển trên hè phố. Mặt trời lên soi rõ những hạt bụi quay cuồng trong không khí đang ô nhiễm từng ngày. Cây cối hai bên đường xanh dần về phía ngoại ô. Một vài công viên hiếm hoi bóng mát lướt qua, có những người già đang tập thể dục nhịp nhàng, những thanh thiếu niên chơi vũ cầu bên đám trẻ con chạy nhảy nô đùa.

Tuấn ghé nhà rủ Lê ra công viên đánh vũ cầu. “Không được, tui còn phải học bài.” “Bà siêng vừa thôi chứ, coi chừng tẩu hỏa nhập ma”. Tuấn vừa nói vừa để cặp vọt lên bàn, xếp tất cả sách vở lại, rồi đẩy vai Lê ra sân. Trời hôm nay đầy gió, cây trứng cá trước cổng nhà Lê đong đưa, thả những bông hoa trắng lên hồn non bộ, rung động những chú cá vàng bơi lội xôn xao. Một bóng xe đạp thông thả ngang qua, Tuấn đưa tay vẫy: “Trần. Trần...” Chiếc xe dừng lại. Lê chưa kịp phản ứng. Tuấn đã đến nắm lấy ghi đông của “cây si di động” kéo vào trong. Anh chàng ngạc nhiên nhìn Tuấn: “Ừa, mày không đi học sao?” Tuấn nhún vai: “ Sáng nay giờ Sử rồi đến giờ Địa, oải muốn chết, cúp cua đi mày.” Tuấn nhìn Trần rồi nhìn Lê: “Chưa quen nhau hả, để Tuấn giới thiệu cho, đây là Lê – bà chị họ, học lớp 10C, còn đây là Trần, học cùng 11A với Tuấn. Trần chơi vũ cầu rất

giỏi, từng thi đấu và từng đoạt huy chương vàng, oai chưa. Nè Trần, mày có chịu nhận Lê làm đệ tử không?” Sau này Lê mới biết, đây là màn kịch làm quen do Trần và Tuấn cùng làm đạo diễn, vì sở trường của Trần là bóng tròn, anh đang giữ chân thủ môn trong đội bóng của trường, cái huy chương vàng vũ cầu chỉ là sản phẩm tưởng tượng mà thôi. Chính Tuấn đã bật mí: “Vũ cầu là môn thể thao của con gái. Không lý tui nầy rủ Lê đi đá banh sao?” Tuấn là con trai nhưng không kín miệng, lúc nào cũng láu táu, chuyện trong nhà chưa tỏ, ngoài ngõ đã hay rồi. Cũng vì cái loa phát thanh thất thiệt của Tuấn mà hai đứa xa nhau, phải không Trần?

Xe chạy trên đường nhựa êm, hơi lạnh phả nhẹ nhẹ khiến Lê hơi buồn ngủ. Lê khép mắt, chập chờn trong cảm giác bồng bênh nhẹ tênh. Thu – cô em chồng đồng hành – cũng tựa đầu vào vai Lê, thở nhẹ nhẹ. Khách trong xe nói chuyện râm rang: “Năm nay mùa mưa đến muộn, trời nóng quá, chịu hết nổi luôn” Tiếng reo vui: “Ô, những cây Giá Ty kia, thật là xanh tốt.” “Đâu? Giá Ty à? Tên nghe lạ thật đấy.” “Loại nầy cho gỗ rất nhẹ nên có giá trị rất cao.” Lại có tiếng la: “Trị An đây phải không, chà, nước xuống thấp quá.” “Nhà nuôi cá bè kia.” Lê hé nhìn, khoảng không gian mở ra trước mắt Lê thật rộng rãi, khoáng đạt. Những hàng cây xanh ngắt, những đám mây trôi nhẹ nhẹ giữa khung trời đầy nắng. Nắng loang tỏa trên những dải đất ướt xếp đều lên nhau, men theo phần trũng của lòng hồ Trị An nước cạn, chỉ còn rải rác vài nhà sống với nghề nuôi cá trên sông. Thu cũng thức dậy, giọng mệt mỏi: “Mấy giờ rồi chị Hai?” Lê đưa tay lên xem đồng hồ, bất giác, nhìn về phía trước, thấy Trần đang ngồi bất động, Lê có cảm tưởng từ nãy đến giờ, anh đã hóa thành tượng đá, cái gáy cũng cứng nhắc với những sợi tóc trắng lưa thưa.

Quen nhau ba năm, chưa một lần Trần ngỏ ý, nhưng ánh mắt nồng nàn, cử chỉ thân ái của anh đã nói với Lê rất nhiều. Lê thường mơ đến một ngày trời nắng đẹp, dưới bóng mát của cây trứng cá và hàng mận trước cổng nhà, Trần sẽ cầm lấy tay Lê, ước hẹn cùng Lê những tháng ngày hạnh phúc. Khi Lê đang học Sư Phạm Qui Nhơn, Tuấn viết thư báo tin Trần đã đi lính vì thi rớt Đại Học, rồi từ đó Lê biên biệt tin Trần. Lê ra trường, trước khi về nhận nhiệm sở tại miền xa, Lê tìm gặp Tuấn. Tuấn hứa: “Lê yên tâm, Tuấn sẽ tìm Trần, sẽ bảo nó viết thư cho Lê, sẽ...” Tuấn không giữ lời hứa, cậu em họ láu táu nầy sau khi thi đậu Y Khoa thì biệt vô âm tín, không một lá thư, một lời thăm hỏi. Ngày hai buổi, Lê đến trường cùng đàn học sinh nhỏ, lòng canh cánh một nỗi mong chờ không biết ngỏ cùng ai. Khí hậu miền núi ảnh hưởng đến sức khỏe của Lê, nên sau một niên khóa, Lê được chuyển về thành phố. Lúc nầy, gia đình Tuấn đã dọn đi nơi khác, Lê không có dịp gặp Tuấn để hỏi thăm tin tức về Trần. Vào mùa hè thứ ba, Tuấn bất ngờ viết thư cho ba má Lê: “Cháu sẽ ra Đà Nẵng thăm cậu mợ và chúc mừng hạnh phúc của chị Lê”. Lê rất ngạc nhiên. Hạnh phúc? Tuấn đang giở trò gì đây?

Xe dừng lại. Anh tài xế quay ra sau: “Mời quý khách xuống thư giãn gân cốt, đợi phà qua sông.” Lê thấy Trần quàng chiếc ba lô to dùng lên vai, mở cửa xe bước xuống. Tim Lê chột đập mạnh, có nên đối diện với Trần không? Cuộc hành trình khá dài đã làm Lê mệt mỏi. Lê mở xắc lấy cái túi nhỏ đựng đồ trang điểm. Lê chải lại tóc, thoa một lớp phấn, một chút son, một nét bút chì quanh mắt. Người thiếu phụ trong gương vẫn không tươi tỉnh thêm chút nào, bà ta đang chán chường nhìn Lê, đôi môi héo úa, vầng trán buồn thấp thoáng những vết nhăn. Lê quyết định mang *khẩu trang* vào, mang thêm cặp kính mát màu đen to tướng, bây giờ thì không còn ai

nhận ra Lê nữa. Thu nhìn Lê: “Chị làm gì kỳ vậy.” Lê cười: “À, đề phòng bệnh SARS ấy mà.” Thu nhún vai chịu thua, rồi cùng Lê theo mọi người vào một quán tranh bán trái cây, và đồ giải khát. Người ngồi ghế, kẻ nằm vông. Lê nhìn quanh. Trần đâu rồi? Thu kéo Lê đến bên một rổ xoài vàng tươi, hỏi chị bán hàng: “Xoài gì đây? Có ngọt không chị?” “Xoài ba mùa mưa đó, ngọt như đường.” “Trời đất, từ nhỏ đến lớn, tôi chưa bao giờ nghe tên loại xoài này.” Chị bán hàng giải thích: “Tại xoài này trồng đúng ba năm là có trái ngay, hai cô mua dùm một chục nhé.” Lê lướt qua những quả bưởi tròn trịa xếp đều trên chiếc bàn gỗ tạp, màu da trơn láng thẫm xanh, thẫm ngẫm, ba mùa mưa hay ba mùa hè. Ừ, ba mùa thu – mùa ly biệt – thì đúng hơn. Chị bán hàng đơn đả: “Hay là mua bưởi vậy. Bưởi ngon tuyệt. Bóc thử cho hai cô xem nhé” Thu lắc đầu rồi kéo chiếc ghế: “Chị chặt cho tôi hai trái dứa.” Trong lúc đó, Trần cũng đứng đối diện với Lê và Thu, đảo mắt nhìn quanh hàng trái cây rồi bỏ đi đến ngồi ở một góc bàn gần bàn của hai chị em Lê đang ngồi. Một lúc sau, Lê uể oải đứng dậy, đi thơ thẩn dưới bóng mát hàng tre trước mặt bàn mà Trần đang ngồi, như tìm về dĩ vãng xa xôi và hình bóng Trần khi ẩn khi hiện trong ký ức nàng.

Tuấn tròn mắt: “Ủa, sao chị còn ở đây” “Không ở đây thì ở đâu? Tuấn có khùng không?” “Tuấn nghe nói chị có người dạm ngõ, rồi thì là chị đã lên xe hoa.” “Tuấn có thấy thiệp hồng không? Lầu tầu cũng vừa thôi chứ.” Tuấn vẫn cãi: “Chính Thu, em gái anh Tân nói anh ấy sắp cưới chị, không có lửa làm sao có khói chứ.” “Tuấn chỉ nói đúng một phần thôi. Có khói thật, nhưng ngọn lửa đã bị dập tắt rồi”. Thật thế, Tân đã cầu hôn nhưng Lê chưa nhận lời. Gia đình Tân và Lê là hàng xóm, sống cạnh nhau đã mấy chục năm, tình thân ngày càng thắm thiết. Tân học trên Lê ba lớp, cùng trường. Thỉnh

thoảng, anh qua nhà kèm Lê môn Toán, và thường đem tặng cô học trò nhỏ những món quà thích hợp cho lứa tuổi ô mai. Cây kem, bịch chè cùng với nhịp đập trái tim anh. Anh đối xử với Lê ân cần dịu ngọt, chăm chút từng bài tập, sửa chữa từng dấu hỏi ngã trong bài giáo khoa của Lê. Đặc biệt, những bài tùy bút ngắn, hay những bài thơ vừa mới tập làm- những suy nghĩ vụng dại về Trần, thì Lê dấu kín như bưng. Đó là tình yêu, Lê biết, nên rất hồi hộp sợ Tân nói ra, bởi Lê chỉ xem anh như người anh lớn - khác với Trần – hình bóng đó cứ lớn vồn trong nàng hoài. Rồi Tân ra trường, đăng lính đi xa. Mỗi lần về phép, anh thường ghé thăm Lê và không bỏ ý định tiếp tục theo đuổi cô láng giềng xinh đẹp. Ba má Tân rất thương cái nét thủy mị đảm đang của Lê, nên hồi đầu năm, ông bà qua nhà đánh tiếng, “xin” Lê cho Tân. Ba má Lê rất vui mừng nhưng Lê chưa chịu nhận lời. Lòng Lê vẫn hướng về Trần dù thời gian qua, hình bóng anh như bốc hơi giữa biển người rộng lớn.

Lê trở về quán tranh. Không thấy Trần đâu. Thu cầm ly nước đưa lên cho Lê. Phà qua, chạm nhẹ vào mé sông xấp nước. Mọi người réo gọi nhau, lục tục kéo lên phà, hành trang lễ mễ. Kia Trần. Anh vừa xuất hiện trước Lê, nhìn Lê bằng ánh mắt xa lạ vì mớ khẩu trang ngừa bệnh SARS đã che mất gương mặt người xưa. Rồi anh hững hờ bước qua chỗ Lê, ra trước mũi phà, hai tay chống nạnh nhìn sang bờ bên kia. Hai bờ sông vẫn song song xuôi theo dòng nước chảy lững lờ. Vẫn cái gáy quen thuộc đó, vẫn dáng dấp cao mà ốm, tấm lưng dài hiên ngang ngày cũ mà Lê đã từng nhìn được khi anh và bạn bè giao đấu với các đội bóng trường khác ngoài sân vận động Chi Lăng thuở nào. Cũng tấm lưng đó nay đã còng xuống vì trọng lượng chiếc ba lô chất chồng thêm lớp bụi thời gian. Phà đi chậm chậm. Làn nước đục trôi dạt những đám lục bình hoa tím. Con sông hẹp nên chỉ

một thoáng, phà đã cập bến đối diện. Nắng trưa gay gắt. Đường lên bờ là những bậc đá đen dẫn đến một ngôi nhà nghỉ xây theo kiểu thủy tạ, có nhiều cây chuối hột rung rinh từng chùm quả li ti vàng óng. Người trưởng nhóm nói: “Các anh chị ngồi chờ ở đây một lát, tôi vào liên lạc với ban quản lý nhận phòng.” Kể đứng người ngồi kín hết hai hàng ghế gỗ. Thu giật phất tấm khăn trang che mặt Lê, cười hí hí: “Thôi nhé, đề phòng như vậy là đủ rồi.” Lê hết hồn đưa tay ra đỡ, chợt bình tâm trở lại khi thấy Trần đang đi theo đoàn người khác, xa dần Lê.

Tuấn áy náy: “Bây thật đấy, Tuấn sẽ đính chính lại cho Lê.” “Đính chính cái gì?” “Đính chính vụ ngọn lửa đã bị dập tắt ấy mà.” “Sự thật bao giờ cũng là sự thật, Tuấn khỏi bận tâm.” Tuấn quay quắt một hồi rồi tự thú, trong một lần tình cờ gặp Trần, Tuấn đã cho Trần biết nguồn tin thất thiệt này. Lê không giận Tuấn, Lê nghĩ, thế mà hay. Nếu Trần còn yêu Lê, còn thương nhớ Lê, thì trước cái tin động trời, động đất ấy, anh phải có phản ứng, nghĩa là anh phải xin phép đơn vị nghỉ phép, tìm đến nhà Lê để hỏi cho ra lẽ, tại sao Lê không chờ anh? Tại sao Lê nhận lễ hỏi của người khác? Tại sao?... Và Lê sẽ giận hờn, sẽ trách móc, sẽ hành hạ Trần bởi cái tội biến biệt tin thư. Lê nghe lòng rộn vui khi mừng tượng đến nét mặt tiu nghỉu của Trần trước những lời hài tội của Lê. Cuối cùng thì em cũng sẽ tha thứ hết cho anh, em hiểu nỗi mặc cảm đời lính rày đây mai đó đã làm anh ngần ngại hay sợ vánh khăn xô trắng sớm đến cho một cô gái quá trẻ nhiều mộng đẹp, không dám đến với em, em sẽ giúp anh vượt qua tất cả Trần nhé. Nhưng... sự thật không như Lê tưởng, lá thư Tuấn gửi về như một gáo nước lạnh dội vào mặt Lê. Trần đã cưới vợ - một cô gái địa phương, nơi Trần đóng quân sau những chuyến hành quân xa về. Đã thế, Tuấn còn đổ lỗi cho Lê:

“Cũng tại Lê không chịu cho Tuấn đính chính, cho nên cái cục tự ái của Trần bành trướng to quá, che mất cả lý trí.” Cục tự ái? Cậu em họ của Lê đã già đầu còn lý luận quá đơn giản. Trong tình yêu, làm gì có tự ái. Yêu là đấu tranh, là bất chấp thủ đoạn, là hy sinh tất cả, là.. để được sống bên nhau. Từ ngày chia xa, trái tim Lê luôn hướng về Trần, hình bóng cao gầy, nụ cười hiền hậu như đoán được mọi suy nghĩ của người đối diện, ánh mắt dịu dàng của anh thường tràn đầy trong những giấc mơ của Lê. Một năm, rồi hai năm nỗi hoài mong ấy đã thấp thoáng mỗi khi nghỉ ngơi. Bây giờ thì quá rõ ràng, Trần không yêu Lê, và Trần cũng không yêu ai cả, anh chỉ yêu bản thân anh, màu áo lính của anh. Thời gian xoa dịu mọi vết thương. Lê nhận lời cầu hôn của Tân.

Đường dẫn đến khu nhà trọ đầy bụi đỏ, phải bước đi thật nhẹ nhàng nếu không muốn áo quần vấy bẩn. Lại bàn tán xôn xao: “Sao người ta không tráng nhựa con đường này nhỉ?” “Để như vậy mới là nguyên sơ chứ.” Một vài người kể chuyện tiếu lâm về những tham lam trong ngành giao thông, công chánh, rồi cười lên thật to. Phòng của Lê và Thu ở cuối dãy, gần nhà ăn. Chưa tới mười hai giờ mà bên đó đã đông người, tiếng đĩa chén chạm vào nhau, tiếng nói cười ồn ã. Thu chun mũi: “Có mùi thơm gì lạ quá.” Lê nhìn ra cửa sổ phía sau phòng. Một khoảng đất đầy cỏ dại và những thân cây khẳng khiu vươn lên trời xanh lóa nắng, không một bông hoa, một loại trái nào khả dĩ tỏa hương thơm. Người trưởng nhóm gõ cửa phòng: “Mời các chị ra câu lạc bộ dùng cơm.” Thu rửa mặt xong, treo khăn lông lên chiếc cộc giăng màn, vói tay lấy giỏ xách: “Chị Hai nhanh lên, em đói bụng rồi nè.” Buổi trưa nóng nực, mồ hôi Lê túa ra ướt cả lưng áo. Hai chiếc quạt trần quay hết tốc lực vẫn không đủ mát. Thu nhúu mày tức giận: “Không hiểu sao họ lại tống chúng ta vào cái phòng khỉ gió này. Những

phòng khác đều có máy điều hòa cả mà. Em phải đi khiếu nại mới được.” “Chị nghe nói thiếu phòng, thôi thông cảm cho người ta.” Thu dẫn dỗi đi ra cửa, Lê khóa phòng, bước theo. Xuống khỏi bậc cấp, Thu dừng lại chờ Lê. Không khí nơi đây tràn đầy hương thơm của vô số trái cây chín nẫu rơi rụng khắp nơi. Lê ngược nhìn lên tầng lá rậm rạp, những quả tròn xanh đỏ tươi chỉ chút mọc theo thân cây. Thu reo: “Ồ, trái sung! Em chưa bao giờ thấy nó chín đỏ đẹp như thế.” Rồi Thu cúi xuống nhặt một trái còn mới, đưa vào miệng cắn nhẹ. Lê tò mò: “Có ngon không?” Thu nhồm phù phù, nhăn mặt: “Dở quá, chịu không nổi.” Người trưởng nhóm quay lại tìm: “Hai chị dùng cơm nhanh lên rồi nghỉ ngơi một lát. Ba giờ chiều, chúng ta sẽ đi thăm khu rừng nguyên sinh.”

Cuộc đời binh nghiệp của Tân thật gian nan, từ Ba Gia, An Lão đến Nghĩa Hành, Mộ Đức, Sa Huỳnh ..., vùng nào anh cũng lội qua hàng tháng trời, rất nhiều lần anh xin về đơn vị gần nhà hơn để được gần gũi với vợ con nhưng không thể vì cuộc chiến càng ngày càng ác liệt, việc chuyển là một sự khó khăn ở những đơn vị tác chiến lúc bấy giờ. Lê thương Tân, hiểu Tân nhưng Lê cũng không thể theo Tân đi khắp bốn phương tám hướng được. Một phần vì hai con còn nhỏ, một phần vì đám học sinh thương yêu quần quít mỗi ngày. Sống trong gia đình chồng nhưng Lê không phải làm dâu, ba má Tân thông cảm nỗi cô đơn triền miên của Lê nên cho phép Lê hoàn toàn tự do trong giao tiếp, họp mặt bạn bè, xem phim nghe nhạc, cũng như thường xuyên qua nhà ba má ruột thăm viếng và hướng dẫn các em Lê học hành. Lê quen dần với cuộc sống không có Tân bên cạnh. Thu – em gái Tân đối xử với Lê rất tốt, luôn an ủi, vỗ về Lê trong những lần Lê buồn tủi vì vắng Tân. Tân là người chồng tốt, có trách nhiệm. Anh yêu thương cưng

chiều Lê, chăm sóc lo lắng cho Lê, vui với niềm vui của Lê, buồn với nỗi buồn của Lê, chia sẻ cùng Lê những khó khăn nhọc nhằn. Tình yêu đến sau hôn nhân nồng nàn như lớp tro than âm ỉ, trái tim Lê canh cánh đợi chờ những lần về phép ngắn ngủi của Tân để cháy bùng lên ngọn lửa yêu thương. Bé Ti – cô con gái đầu lòng xinh đẹp ra đời soi sáng hạnh phúc Lê, rồi thêm một chú nhóc mũm mĩm xuất hiện làm không khí trong gia nhà thêm vui vẻ, ấm cúng. Tân về phép, nâng niu đứa con sơ sinh vào lòng như một báu vật. Má Tân ngắm nghía thẳng cháu đích tôn, cười sung sướng: “Ôi, thẳng nhỏ giống cha nó như đúc.” Ba Tân gật gù, vỗ nhẹ vào hông đứa bé: “Vậy từ nay, ông nội gọi cháu là cu Đúc nhé.”

Người hướng dẫn là một thanh niên nhanh nhẹn, nói giọng Phú Yên, nét mặt hiền lành chất phác. Một người trong đoàn nói: “Trông em trai này quen quen” Mọi người cùng nhìn chăm chú khiến chàng trai ngỡ ngàng, lời nói không được tự nhiên như trước. Lê cũng cảm thấy, hình như Lê đã gặp thanh niên này ở đâu rồi thì phải. “Cháu trai ơi, đường đi có xa không?” Giọng người thanh niên nhỏ nhẹ: “Thưa các cô chú, khoảng năm cây số vừa đi vừa về.” “Anh trưởng nhóm ơi, đoàn mình sao ít người vậy?” “Có một số theo đoàn khác đi thăm Bầu Sấu, đường này phải đi bộ đến 10 cây số, đoàn ta lại có nhiều phụ nữ nên chúng tôi không ghi tên.” Lê nghĩ, vậy là Trần thuộc về nhóm kia, rồi yên tâm gỡ kiến mát và *khẩu trang* cho vào xách. Đường dẫn vào khu rừng nguyên sinh ngay trước dãy nhà nghỉ, đã có sẵn một lối trải đầy lá khô xào xạc, những bông cỏ may nghiêng ngả theo gót chân người. Tầng cây trên cao dày đặc khiến không gian trở nên mát mẻ, một vài tia nắng lọt qua những kẽ lá hiếm hoi, vẽ lên mặt đất từng đốm sáng lòa. Đường đi mỗi lúc một quanh co, gập

ghềnh, những dây leo to bằng cổ tay vắt ngang, những tàn lá đổ xò ra lối. Người thanh niên dừng lại, nín dây leo xuống cho mọi người bước qua: “Đây là cây mây.” Rồi hái một ngọn lá: “Còn đây là lá Trung Quân. Nhìn rất bình thường, nhưng đặc điểm của nó là không cháy, nên người ta dùng để lợp những ngôi nhà dã chiến.” Thực vật ở đây thật dồi dào, tươi tốt với nhiều cây cổ thụ vút cao, thân xù xì rêu phủ, cây Cò Ke, Trau Trấu, cây Đa, cây Gõ, cây Bằng Lăng 6 ngọn, cây Thiên Tuế trăm năm. Đặc biệt có một loại cây mang tên “Đa Bóp Cổ”, gồm hai thân luồn vào nhau, thân cây trong phát triển nhanh làm nứt toác thân cây ngoài. Chàng thanh niên giải thích hiện tượng ấy bằng một câu chuyện thật thú vị. Trời nhập nhoạng khi mọi người ra tới đầu rừng, nối tiếp với con đường đất đỏ. Một vài chú khỉ dạn dĩ bất ngờ xuất hiện, chạy lung tung. Chân Lê mỗi rã rời khi về đến nhà nghỉ. Chàng thanh niên nói: “Đúng bảy rưỡi tối nay, sẽ có xe đưa các cô chú vào rừng thăm các loài thú hoang dã.” A, bây giờ thì Lê đã nhớ: “Có phải cháu là người báo T.T giới thiệu hồi đầu tháng không?” “Thưa cô vâng ạ.” “Cháu giỏi thật. Năm nay cháu bao nhiêu tuổi rồi?” “Dạ cháu hai sáu” Thu nói: “Chị Hai, cậu ta nhỏ hơn cu Đức đến sáu tuổi.”

Cu Đức chưa giáp thời nôi thì Tân đã không còn. Thu là người nhận điện tín, nó rú lên: “Anh Hai, trời ơi.” Rồi ngồi bệt xuống bậc cửa, òa lên khóc. Lê hoảng hồn chạy ra, cầm tờ giấy màu xanh ra đọc rồi ngã dúi vào Thu, ngất xỉu. Khi tỉnh dậy, qua màn nước mắt, Lê thấy mọi người trong nhà chộn rộn đem hết bàn ghế vào trong, để lại khoảng trống trước cái tủ buffet dùng làm bàn thờ. Ba Tân đứng yên như hóa đá, nhìn chăm chăm lên giàn hoa giấy trước thềm, mẹ Tân ôm cu Đức vào lòng, nức nở: “Ôi tội nghiệp thằng cháu của bà còn đầu xanh trứng nước.” Bé Ti đã lên ba, thẳng thốt lay gọi

Lê: “Mẹ ơi, mẹ ơi.” Lê gượng ngồi dậy nhưng lại ngã xuống, hình như tay chân của Lê mềm nhũn, không còn chút sức lực nào. Bé Ti càng khóc lớn. Một người bà con của Tân lên tiếng: “Thu đâu rồi, mau đỡ chị Hai cháu vào giường nằm nghỉ.” Thu nâng Lê dậy, hai chị em dúi đầu vào nhau, tiếp tục khóc: “Tân ơi, sao anh nỡ rời xa mẹ con em.” Thu nói nhỏ: “Chiều mai linh cửu anh Hai sẽ về tới nhà.” Suốt một ngày, Lê đắm chìm trong cơn mộng du. Mẹ Tân đem cu Đúc và bé Ti gửi cho hàng xóm, một tay bà sửa soạn hoa quả, nhang đèn. Ba Tân mở album gia đình, tìm tấm hình mới nhất của Tân, lồng vào khung kiếng, rồi sững sờ, khóc lặng lẽ.

Chiếc xe tang đậu trước cửa rất đúng giờ, sáu người mặc áo lính khiêng linh cữu vào nhà. Một sĩ quan theo sau, trình trọng đặt tròng hoa cườm đen trắng trước bàn thờ, rồi đốt ba nén hương, lâm râm khấn. Sau phần lễ nghi quân cách cho người quá cố chấm dứt, ba Tân quay vào trong, gọi: “Mẹ cu Đúc đâu rồi? Ra chào khách đi con.” Thu dìu Lê bước ra. Giọng nói rất quen: “Tôi là bạn cùng đơn vị với cố Đại Úy Tân. Tôi được đại diện cho Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn, xin chia buồn cùng gia đình.” Lê vén mái tóc bù rối lên, để thẳng thốt nhận ra một hình bóng đã phai mờ trong ký ức. Trần đang đứng trước mặt Lê. Chồng Lê và Trần ở chung một đơn vị, cùng cấp bậc và cũng cùng chức vụ như nhau mà cả hai chẳng biết gì về nhau, mặc dầu Tân và Trần rất thân nhau suốt 4 năm cùng sống dưới một đơn vị. Gương mặt anh rung động từng hồi, từ màu da sạm nắng gió sương ngoài chiến trường biến qua màu xanh tái đột ngột, đôi mắt như thất thần, răng cắn chặt vào môi như cố ghìm lại tiếng nấc trong cổ họng, những lời nói bây giờ đã trở nên vô nghĩa. Lê choáng váng, khung trời ngoài cửa sổ chợt tối sầm, mơ hồ, Lê nghe Thu gọi: “Kìa, chị Hai, chị Hai.” Đó là lần cuối Lê trực diện Trần, những ngày

tháng còn lại, Lê không bao giờ gặp Trần hay tin tức về Trần nữa. Cuộc gặp gỡ cuối cùng ấy sao mà quá đau thương! Gặp nhau trong một hoàn cảnh thật ác nghiệt chua cay!

Điểm hẹn là khoảng sân trước nhà nghỉ. Khi Lê và Thu ra tới, xe đã đông khách thăm viếng rừng đêm. Chàng thanh niên dẫn đường nói: “Các cô chú chịu khó ngồi chặt một tí.” Xe vừa rồ máy thì có tiếng kêu: “Khoan chờ tôi với.” Một người từ xa chạy tới, dáng cao cao quen thuộc. Đèn đường nhợt nhạt không soi rõ mặt người. Lê hy vọng Trần không nhận ra mình, nhưng vẫn đề phòng kéo chiếc mũ sùm sụp xuống và đeo thêm *khẩu trang*. Đêm trong suốt. Gió thổi rì rào qua tàng lá rậm. Ngọn đèn pha trên tay người thanh niên dẫn đường soi rõ mồn một từng ngọn cỏ, lùm cây. Ánh sáng dừng lại bên một mô đất có hai chú heo con đang đứng dựa vào nhau bất động, nhìn thẳng vào đèn. “Lợn rừng đấy.” “Chà, chúng nó dạn quá chứ.” Trăng lên soi lờ mờ những trăng cỏ. Lê nghe tiếng Trần nói như reo: “Nai kia.” Lại nghe tiếng nói của Trần, không khác ngày xưa chút nào, Lê cứ liên tưởng, tiếng nói đó với Tuấn ngày nào trước sân nhà nàng. Rồi nàng thở dài, gục đầu xuống trên vai Thu, bất động. Ngọn đèn pha chiếu sáng những đám tro đồn đồng ven đường, xa vào trong là một đàn nai khoảng trên dưới hai chục con, lớn nhỏ đủ cỡ, đứng nằm lộn xộn, cùng quay đầu nhìn về hướng đèn, những cặp mắt phản chiếu ánh sáng lung linh như những đốm minh châu. Chàng thanh niên cho biết, loài nai rất thích tro, chúng thường chờ đêm tối, kéo nhau đi tìm những nơi người ta đốt rẫy để ăn tro. Xe chạy một quãng đường dài vẫn không thấy một con thú nào khác ngoài nai. Nai đi từng bầy, có vài con rất lớn chạy ra giữa đường đi, mắt lấp lánh đỏ, hai sừng trước trán vươn lên bầu trời đầy sao, trông thật uy nghi. Xe

quay đầu trở về. Trần lại hỏi: “Chú em ơi, sao chả thấy còp, voi, tê giác gì cả thế?” “Dạ chúng nó ở sâu bên trong, đêm nay không thấy chúng ra.” Lê ngồi thẩn thờ nhìn vào rừng cây. Xe về gần nhà nghỉ, thấy một đàn nai luẩn quẩn quanh hồ bơi gần câu lạc bộ. Thu đập vào vai Lê: “Chị Hai xem kìa, nai ở đây dạn dĩ quá.”. Lê giật mình, không trả lời, sợ Trần nhận ra giọng nói của mình.

Buổi sáng, không còn thấy nhóm của Trần nữa, hình như họ về Sài Gòn trước. Nhóm Lê sửa soạn đi thăm làng của đồng bào Tà Lài. Trên đường ra bến thuyền, Lê thấy một con chim màu sắc sặc sỡ bay qua khoảng trời đầy sương, thả vào không gian những âm thanh riu riu rít. Hỏi ra mới biết, đó là con gà lôi hồng tía, một loại chim định cư có nguy cơ diệt chủng. Người trưởng nhóm đem đến một đồng áo phao đủ màu: “Cô chú nào không biết bơi, hãy mặc vào cho an toàn.” Chỉ là lo xa thôi, bởi hôm nay trời nắng đẹp, giòng sông êm ả trong veo như một tấm gương. Thuyền trôi nhẹ nhàng, một vài loài cây thủy sinh dập dềnh theo làn sóng nhỏ. Hàng tre xanh tươi hai bên bờ lấp lánh ánh mặt trời soi bóng ven sông, có những đoạn mực nước rất cạn, xấp xỉ ngang lưng những đứa bé lội ra cào hến, chúng vừa làm việc vừa té nước vào nhau, tiếng cười rộn rã vang vang trong không gian trời nước thanh bình. Làng Tà Lài không xa lắm, trông giống một thị xã miền xuôi, có chợ, có cửa hàng, dân cư ăn mặc bình thường như người Kinh. Tiếc là chưa đến mùa lễ hội nên Lê không có dịp ngắm nhìn những bộ áo quần sặc sỡ, những điệu múa độc đáo của dân tộc Châu Ma và Stiêng như Lê đã có lần được xem cùng với Trần ở sân Chi Lăng vào dịp ngày lễ lớn trước đây. Nhà cửa ở đây đều lợp ngói, chỉ để lại vài ba ngôi nhà sàn tượng trưng, bày bán những món hàng thổ cẩm, áo quần, túi xách, một dãy ché rượu với những ống hút

cong dài. Cả nhóm ghé vào xem, Lê chọn một tấm khăn dệt hoa văn khá sắc sảo. Thu bảo: “Chị mua làm gì, em thấy không đẹp.” Lê ướm khăn vào người: “Nhưng nó có giá trị kỷ niệm.” Rồi thăm hỏi, chuyển đi nầy có trở thành kỷ niệm khó quên trong đời Lê không? Trần từ nửa vòng trái đất quay về đây, cùng Lê hít thở bầu không khí trong lành, song hai người vẫn là hai giòng sông xuôi về hai hướng, không có duyên gặp nhau. Định mệnh! Và định mệnh!

Xe chạy vào địa phận thành phố Biên Hòa, điện thoại trong xách Lê reo lên inh ỏi. Giọng Tuấn hét thật to: “Chị Lê phải không? Trời đất, Tuấn gọi từ hôm qua đến giờ, nhưng không sao liên lạc được.” “À, chỗ của Lê không bị nhiễu. Có chuyện gì không?” “Báo cho Lê biết, chiều thứ bảy này, bạn bè Phan Châu Trinh sẽ họp mặt tại nhà Tuấn mừng một người bạn từ Mỹ về chơi, Lê biết ai không?” “Lê không biết, và Lê cũng không muốn biết.” Tiếng cười của Tuấn dòn tan: “Lê không muốn biết nhưng Tuấn cũng cho Lê biết.” Rồi nhấn mạnh: “Đó là Trần. Trần. Lê nghe rõ chưa? Giật mình chưa?” Lê cảm thấy bức bối: “Chưa.” Tuấn la lớn: “Bà chị khó tánh quá. Nè, Trần tha thiết muốn gặp Lê đó, Lê đến nhé.” Lê im lặng. Tuấn vẫn láu táu: “Bây giờ cháu nội, cháu ngoại đầy đàn rồi, ngại gì chứ?” “Thôi Tuấn ơi, cho Lê xin hai chữ bình yên.” Lê cúp máy, hỏi Thu: “Khi nào em về lại Đà Nẵng?” “Em định thứ bảy này.” “Em nhớ mua vé tàu cho chị với, chị muốn về thăm mộ ba má và anh Tân.”

Thu “ạ” nhỏ, rồi tựa đầu vào vai Lê, thiu thiu ngủ.

20/5/03

Thùy An là bút hiệu. Trước năm 1975 chị tốt nghiệp cử nhân

khoa học và dạy tại trường Đại học Quảng Đà. Hiện chị đang sống ở Sài Gòn và vẫn tiếp tục sáng tác truyện dành cho thiếu nhi. Truyện ngắn « Dòng Thời Gian » trên là một truyện ngắn có thật, theo như lời kể của một người bạn của Thùy An, hiện sống tại Chicago. Truyện viết về một kỷ niệm với một người bạn học cùng trường PCT Đà Nẵng thuở trước. Hiện TQBT chúng tôi còn giữ nhiều truyện ngắn hay khác của Thùy An. Chúng tôi sẽ lần lượt đi vào các số tới. (PVN)

Hoài Khanh

Chiêm bao

(Tặng Hải Phương nhân ngày hội ngộ tại Phan Thiết
tháng 5-2002)

Một đời nghe gió thổi hoài
Nghe mưa rụng mãi nghe dài dậm xa
Một đời nghe lạc loài ta
Nghe em góa bụa trên đà sắc xuân
Tiếc thay mộng cũng vô chừng
Mà chiêm bao cũng ngập ngừng lắm phen
Một đời giữa thói bon chen
Phất phơ, trầm túy- nào quen thói đời
Ô hay một-kiếp-lạ-người
Sắc màu phiêu hốt giọng cười đưa ma
Lạ gì trong cõi người ta
Tài tình chi lắm cho ma quỷ hờn
Như em tuyệt đỉnh cung buồn
Vì chưng nhan sắc dậy bừng chiêm bao!

Trông theo

Bến sông này, bến sông này
Trắng xưa lạnh xuống hàng cây gục đầu
Người xưa chừ biết là đâu
Này trắng gió cũ này câu già từ

Lối đi vàng nhạt mùa thu
Nghe lau lách động niềm u uất buồn
Mất người mang cả quê hương
Lòng ta mang cả đoạn trường tháng năm

Trắng chia niềm nhớ thì thầm

Lệ chia niềm nhớ ướt đầm núi sông
Lớn lên vì một tấm lòng
Để bao nhiêu hận buộc vòng sơ sinh

Bao nhiêu tuổi bấy nhiêu tình
Bao nhiêu nguyện ước giận mình bấy nhiêu
Nhưng thôi...buồn đã ra nhiều
Trong ta là mấy vụn chiều rừng rừng

Trong ta là núi là rừng
Là trăm tiếng hát đã ngừng trên môi
Tiễn đưa thì....tiễn đưa rồi
Nhớ thương thì...nhớ thương rồi người ơi

Vòng tay không chặt luân hồi
Xa xưa nghe nặng bóng trời luân lưu
Người mang đi cả mùa thu
Ta mang về chút tạ từ héo hon

Bến sông này gió trăng còn
Mênh mang vị cũ nghe buồn bay bay
Tưởng chừng như chặt bàn tay
Ta ôm vũ trụ tròn đầy mà mơ

Nhưng khi đã biết tình cờ
Thì hai thứ tóc đã mờ giấc xưa
Với trăng chia nhớ đôi bờ
Với sông bến nọ chia giờ ra đi

Người ơi! Còn lại những gì
Mai sau nếu chút tình si ứa tàn ???

*Bài thơ: “ Trông Theo ” của anh Hoài Khanh đã đi trong
TQBT tập 9, phát hành tháng 1 năm 2003. Do một độc giả*

của TQBT e mail tới. Chúng tôi cho đi ngay, không có sự kiểm tra lại. Mãi đến ngày 17 tháng 6 năm 2003, sáu tháng sau, sau khi TQBT phát hành, tôi nhận được lá thư của anh từ B.H gửi qua. Trong thư anh nói: “ Hôm trước vô Sài Gòn tình cờ có thấy tập TQBT có đăng bài “ Trông Theo ” của tôi, nhưng có in sai mấy câu đầu. Vậy tôi xin chép ra đây nhờ anh có dịp thì cho đính chánh giùm...”

Bốn câu thơ đầu mà TQBT in sai như sau, xin đi lại để đọc giả TQBT đối chiếu cho đúng:

“Bến sông này, bến sông này

“Sương khuya phủ xuống hàng cây gục đầu

“Người đi chừ biết về đâu

“ Này cơn gió cũ, này câu già từ.....

Nay xin đi lại toàn bài thơ “ Trông Theo”. Và, TQBT thành thật xin lỗi anh Hoài Khanh và đọc giả. (PVN)

Lê Văn Thiện

Những người chị xa xưa

Trong thời gian học ở Nha Trang, có hai năm 1962 và 1963, Đắc trọ tại nhà ông Thuận, một người thợ mộc già, trong một hẻm nhỏ đường Phước Hải, khu Xóm Mới.

Đầu hẻm này có cái quán cóc, quán bà Lợi. Bà bán bánh mì vào buổi sáng, trưa chiều bán chè đậu đen và các loại trái cây, kẹo bánh. Sáng nào Đắc cũng mua bánh mì ăn điểm tâm ở đây nên nhanh chóng trở thành khách quen của bà Lợi và Nghi Dung, con bà. Dung học lớp đệ tam trường Đăng Khoa, hơn Đắc hai lớp. Nghi Dung đẹp gái, vui tính. Chị xưng “chị” với Đắc ngọt xớt, dù trông Nghi Dung nhỏ nhắn, thấp bé hơn “em”... Nghi Dung thường thay mẹ đứng bán vào buổi chiều. Những lúc rảnh rỗi Đắc thường ra phụ giúp chị, làm những việc lặt vặt để có dịp đọc ké báo chí. Nghi Dung mua nhiều báo, đọc suốt ngày, nhưng ở trường môn học chị sợ nhất là văn. Biết Đắc thường đạt điểm văn cao, 16, 17 điểm, Dung rất nể phục. “Chị thường nghĩ trong đầu được nhiều ý hay, nhưng cầm bút lên là ngắt ngứ, viết không ra: còn nếu viết được thì nó trúc trắc lủng củng, phải làm thế nào?” Chị hỏi Đắc. Đắc tư vấn cho chị những điều mình nghe các thầy dạy hoặc đọc thấy trong sách, nhưng xem ra cũng chẳng giúp được Nghi Dung bao nhiêu. Chị vẫn đánh vật khổ sở với môn văn. Và lắm lúc đã kêu lên tuyệt vọng: “sao người ta không đẹp quách cái môn quái ác đáng sợ này cho rồi!”.

Nghi Dung tốt bụng. Sau này, khi nhớ về chị, Đắc thấy là, ngay từ nhỏ Dung đã có sẵn tấm lòng nhân ái của người mẹ.

oOo

Nhà Đắc ở một làng quê, cách Nha Trang 70 cây số về phía bắc. Nhà nghèo đông người, cha mẹ Đắc cày sâu cuốc bẫm vẫn chỉ lo cho gia đình đủ sống đắp đổi qua ngày. Việc Đắc được lên thành phố học tiếp trung học là một cố gắng phi thường của “hai bậc công dân không biết chữ”. Bởi thế, trong nhiều năm, lúc nào Đắc cũng bị cái vòng vây của sự thiếu thốn siết chặt... Đạo đó, đang cơn túng bấn, may sao thành phố mở ra một quán cơm dành cho các “hàn sĩ” ở xa đến Nha Trang học. Lúc đầu quán nằm trên đường Quang Trung, sau dời về Hoàng Hoa Thám, bên hông sân vận động.

Quán cơm này khác đặc biệt, không giống bất cứ một quán nào. Khi mới mở nó mang tên quán cơm xã hội, sau đổi thành quán cơm học sinh. Xã hội bởi có tính chất xã hội, giúp đỡ người nghèo. Học sinh vì khách của nó toàn là học sinh... Đắc vui mừng đến ghi tên ngay trong ngày quán khai trương. Ăn ở đây rẻ, giá chỉ bằng phân nửa ngoài phố; và phương thức bán buôn cũng khác thường: khách phải có giấy chứng nhận gia đình nghèo và đóng tiền trước lấy phiếu.

Nghi Dung thường quan tâm đến việc ăn uống của Đắc.

-Chủ nhật quán xã hội đóng cửa, Đắc ăn ở đâu?

-Ăn xôi, bánh mì, cháo vằn vằn...thế nào cũng xong, bụng nhỏ mau no....

-Nói vậy sao được, phải ăn uống “bài bản” mới có sức khỏe để học.

Có lần Nghi Dung đến nhà trọ nhờ Đắc góp ý cho một bài luận văn chị mới làm.

Đệ tam mà hỏi ý kiến đệ ngũ không biết chương? – Đắc đùa.

-Hề gì, ta cầu tiến, biết người biết mình!

Đắc cười, uể oải rời khỏi văng. Nhìn dáng người bơ phờ, vẻ mặt lợt lạt của bạn, Dung lo ngại.

-Đắc sao vậy, bệnh à?

Nhưng, ngay lập tức, bằng trực giác của người phụ nữ, chị nhận biết “thực trạng của vấn đề”. Chị chạy về nhà, và chỉ vài phút sau đã mang qua một ổ bánh mì lớn và hai củ lang. Bánh đầy thịt, còn hai củ lang Ban Mê Thuật to chừng thì mật tươm ra cả ngoài vỏ.

-Đắc lại nhin cơm rồi, chết mất... Ăn bánh đi.

Đắc thanh toán cái bánh khá nhanh.

-Hết tiền à? – Nghi Dung hỏi.

-Không, xem xi nê.

Vé xem phim, trẻ em 3 đồng. Muốn vào rạp thì phải nhin một bữa cơm. Phim “Giai điệu hạnh phúc” chiếu ở rạp Tân Tân, tuyệt diệu. Phim này đã đoạt 5 giải Oscar năm ngoái.

Nghi Dung thở dài. Đây không phải lần đầu, và chị sẽ còn giúp Đắc hàng trăm lần nữa. Chị thường nhìn mặt chàng trai, và chẩn đoán chính xác sự đầy vơi của bao tử bạn. Dung giấu mẹ dúi vào cặp Đắc khi vài trái chuối, khi ít cái bánh ngọt, mấy viên kẹo. Nhiều lúc, có mặt bà Lợi, chị vẫn biết cách “chuyển hàng” dễ dàng. Đó là Đắc đưa một đồng, lẻ ra chỉ được nửa ổ bánh mì, nhưng Nghi Dung trao nguyên một ổ. Thấy Đắc ngần ngại không muốn nhờ cậy quá nhiều, chị nói: “Chớ nghĩ ngợi lung tung, chị coi Đắc như em... Ba chị thường nói: đừng đi chùa chiền cho xa, cứ sống lương thiện và cứu giúp những người nghèo khó chung quanh ta, cũng đủ tích đức cho con cháu về sau, ấy là tu tại gia. Trên cõi đời này còn nhiều khổ đau vì còn vô số những người không biết tu như thế ”

oOo

Nhìn bên ngoài, quán cơm học sinh không có gì lạ. Nhưng nếu để ý thì thấy nổi lên một điểm: nó yên tĩnh quá, chẳng giống một nơi buôn bán. Quán rộng rãi, sạch bong, mát mẻ. Nền gạch bông bóng loáng, các cửa đều

có lưới. Nếu vào sâu bên trong sẽ thấy hồ nước, nhà bếp, chén bát đẹp đẽ, ngăn nắp. Nhưng, như đã nói, bao trùm lên quán là bầu không khí lạnh ngắt, u tịch, gần như một ngôi chùa trên núi cao. Các chị nhân viên phục vụ mặt mũi lạnh trơ, nghiêm nghị. Khách hàng, đám học trò trẻ, không hiểu sao, khi bước vào quán trông đứa nào cũng buồn buồn, dăm chiêu, mang vẻ mặt người lớn.

Có lần Nghi Dung hỏi Đắc:

-Ở quán học sinh họ nấu nướng ra sao?

-Cũng được, nuốt trôi cơm... Tiền ít, như thế quý rồi, đâu dám đòi hỏi gì hơn.

-Mấy món?

-Ba. Dĩa rau nhỏ cũng là một món.

-Nó không có nhược điểm?

-Cũng có! Như thức ăn thường không nóng sốt... Họ nấu sớm, dọn sẵn ra khay, mỗi khay một phần. Mình tới quầy đưa phiếu, lãnh một khay bưng ra bàn. Tiện lợi và mau lẹ, không tiện là nguội lạnh... Họ phải múc sẵn sớm vì nhân viên ít trong khi khách thường ulla vào cùng một lúc.

-Khó đấy.

-Các loại canh chua để nguội ngắt trông nản lắm.

-Dào, Chán nhỉ!

-Thức ăn có chừng, còn cơm tùy thích. Cơm đựng trong thố nhỏ, muốn đớp mấy thố cũng được... Nhưng cơm nhiều bữa nấu không “tối”, lắm khi nhão, thường có sạn. Có hôm tôi gặp trong chén cơm một hạt nút áo.

-Cha mẹ ơi! – Nghi Dung cười bò lăn.

Ăn ở đây vài tháng Đắc quen chị Hảo. Chị hiền, xuề xòa nhất trong số nhân viên của quán. Qua dáng điệu, cách ăn mặc, Hảo lộ rõ tướng dân quê. Sau này, hỏi ra Đắc biết đúng là chị ở quê, mới lên Nha Trang hơn nửa năm. Nhà nghèo, cha mất sớm, Hảo phải nghỉ ngang lúc đang học đệ tứ. Vào những ngày thứ bảy quán thưa khách Đắc có dịp trò chuyện lâu với chị. Hảo nói: “Đắc

vất vả nhưng dù sao cũng còn được đến trường. Nhìn lại xem, ở quê có biết bao nhiêu người chẳng bao giờ cầm đến cuốn vở cây bút”. Chị đã khóc sừng mắt lúc nghỉ học, và bây giờ, với công việc có lương quá nhẹ như ở đây chị vẫn sống trong tình trạng phập phồng, lo âu, khi thấy mình chỉ san sẻ được một phần nhỏ gánh nặng cơm áo cho mẹ. Hàng chục lần Hảo nói: “Tương lai nằm ở đâu? Chị không thấy và không dám nghĩ đến nó”. Dần dà, theo thời gian, tình bạn hai người ngày càng sâu đậm. Đắc về nhà chị chơi mấy lần. Cái nhà tôn nhỏ ấy nằm sâu trong một vùng khô cằn, cách Nha Trang chừng 30 cây số. Mẹ Hảo nói: “Làng này mỗi năm hứng chịu chín mười tháng nắng gió. Phần lớn đất đai là đồi trọc, trền dốc, nên dễ bị xói mòn, đất mau bạc màu. Các bà lão hay đùa: ta chỉ có thể giàu khi may miệng lại, không ăn uống gì cả”. Đắc nhận định: sống tại một nơi như thế này nghèo là phải, là hợp quy luật tự nhiên! Về phần Hảo, chị giúp bạn bằng cách xoay xở “trong phạm vi và khả năng” của mình: một tô canh đầy hơn, nhiều thịt hơn các tô khác. Một đĩa có hai khúc cá chiên thay vì một như các đĩa khác. Một trái chuối bất thường, lớn và tươi hơn những trái chuối khác. “Tụi mình đùm bọc nhau”, Hảo nói. Đắc cười nhưng muốn ứa ứa nước mắt. Hôm đó, khi Hảo đang làm một cuộc “đánh tráo cứu trợ” thì bị cô bạn bắt gặp. Cô ta găm gừ:

-Mày làm gì thế?

-Hảo luống cuống, sợ hãi.

-Em mày hả?

-Ờ, thằng em họ – Hảo gật bừa.

-Chắc lâu nay mày chơi cái mủng này nhiều lần? To gan đấy.

Hảo nắm tay cô ta, van xin:

-Lệ, nói nhỏ, mình lỡ.

Cô ta cao giọng:

-Nhỏ với lớn... Bỏ qua cho mày để cả bọn mang tiếng ăn cắp à?

Hảo sợ run rét.

-Lạy Lệ, tha cho mình... Lệ la lên thì mình bị đuổi mất... Bỏ qua, rồi Lệ muốn gì mình cũng chịu.

Cô ta đồng ý, và Hảo giữ lời hứa, phải làm theo điều kiện của kẻ mạnh, là để cô ta lãnh hai tháng lương của mình. Hảo than với Đắc: “Thiệt tàn nhẫn, nó nhận tiền chị lạnh lùng, không chút nương tay. Con này chẳng khác gì cạp beo... Đắc biết không, nhà nó cũng cơ cực như mình”.

Làm cho quán cơm non hai năm Hảo xin thôi việc. Chị theo một người à con đi buôn cá. Mua cá ở Cầu Đá, Cửa Bé đem lên chợ Đầm bán. Việc này nặng nhọc nhưng thường kiếm được nhiều lời.

oOo

Sau khi lập gia đình, Đắc về sinh sống bên quê vợ, ở Bến Lức, Long An... Hơn 20 năm sau - cuối năm 1986 - nhân dịp về thăm nhà, Đắc ghé lại Nha Trang, định bụng tới thăm Nghi Dung và vài bạn cũ. Anh đến con hẻm nhỏ Phước Hải nhiều kỷ niệm. Nhưng người ta nói gia đình Nghi Dung dọn đi đã lâu. Căn nhà thấp bé không còn, giờ tại đó là ngôi nhà đồ sộ hai tầng, bán nông cụ. Đắc tới chỗ trọ cũ, gặp ông Nhuận. Ông cụ già khom, điếc lác, tay chân run lập cập. Ông cho biết, Nghi Dung lấy chồng, có một con, nhưng chỉ vài năm sau chồng Dung chết, ông không biết nguyên do; và ông cũng chẳng rõ nay Dung ở đâu... Nhiều năm nữa qua đi, tình cờ Đắc gặp lại người bạn của Nghi Dung. Theo lời chị này kể, Đắc biết được phần đời tiếp sau của Dung: Dung tái giá với một hủ hèm. Đó là một anh chàng ngoài 40 mới lấy vợ. Anh ta hiền, nhưng là con sâu rọu. Anh ta uống tối ngày, làm được đồng nào uống hết đồng ấy. Dung phải buôn gánh bán bưng, nuôi chồng và

cha mẹ anh ta. Được mấy năm, khổ quá, “chịu đời không thấu” chị trốn đi. Rồi chị lại “bước thêm bước nữa”, lần ba. Lần này với một ông có bốn con riêng. Nhưng chỉ ít lâu họ đùm túm vô Nam, nên chẳng ai biết nay Dung sướng khổ thế nào... Nghe qua chuyện Nghi Dung, Đắc buồn phát khóc. Đâu ai ngờ chị phải chịu nhiều gian truân đến thế. Lâu nay, mỗi khi nhớ lại thời trai trẻ, nghĩ đến những gương mặt xưa, những người thân quen, bạn bè, lúc nào anh cũng nhớ Nghi Dung trước tiên. Và anh luôn thầm mong, cầu chúc cho chị sung sướng, gặp nhiều may mắn trên đường đời.

Chuyện Hảo có vẻ rõ ràng hơn, nhưng cũng không kém phần u ám. Hảo lấy chồng muộn, năm 30 tuổi. Sống với nhau sáu, bảy năm không con, chồng Hảo lấy vợ bé. Cô vợ bé ở nhà cô ta. Vợ chồng Hảo vẫn sống hòa thuận, làm ăn suôn sẻ, mỗi ngày một khá. Nhưng Hảo lúc nào cũng dầu dàu, mặt mũi ủ ê, già mau chóng. Rồi đến thời kỳ đen tối, nhiều chuyện xui rủi cùng ập xuống một lúc. Hảo vướng “một tai nạn vô duyên”: cây đổ sập nhà, chị bị vùi trong đống gạch ngói, sau liệt nửa người. Người chồng cũng xuống dốc, mua bán thua lỗ, làm ruộng mất mùa, thất bát liên miên. Anh ta bỏ Hảo, sang ở hẳn với vợ nhỏ. Từ đó Hảo như cái xác khô, sống vất vưởng, bữa đói bữa no, còn trụ được trên mặt đất là nhờ sự hảo tâm của đứa cháu gái và bà con chòm xóm. Chị như tu sĩ không mặc áo dòng, như một khán giả ngồi nhìn vở kịch đời đang diễn ra quanh mình bằng tai mắt của người điếc. “Sao con người tốt như thế lại phải gánh lấy nhiều tai ách, lận đận trong đời?” Đắc tự hỏi. Anh hỏi hàng trăm lần, nhưng cố nhiên, chẳng ai trả lời.

(03.2003)

Tô Nhược Châu

Hồn ta phơi trắng giữa sương mù

Hương tóc em ô hương của Thu
Hồn ta phơi trắng giữa sương mù
Sáng nay có một bông quỳnh nở
Và bóng chim về trên ngọn khô

Một thoáng trầm hương trên tóc xanh
Rượu của ta mà mộng của em
Sẽ đốt sâu tan trong mắt biếc
Tình ơi ta đợi mãi mười năm

Thu của ta và em của ta
Một rừng cây chết sẽ trở hoa
Ta uống cho quên trời đất cũ
Hồn ơi bay trắng cõi giang hà

Hoàng Thị Bích Ti

Tay vin nhành quít

1- Khi ra khỏi tiệm bán nữ trang, anh vùng vằng hỏi tôi: *“Tay anh lớn, tay em nhỏ, mà hai chiếc nhẫn cùng bằng giá tiền. Sao không trả giá?”* Tôi ngớ ngẩn, làm thinh. Sau ngày cưới, anh hỏi tôi: *“Cây đàn tranh đó ở đâu mà có? Sao không thấy em đàn?”* Tôi ấp úng trả lời: *“Đàn của một người bạn gửi mua từ Hà Nội cho. Lỡng dây rồi, không đàn được nữa!”*

Lấy nhau gần nửa năm, một đêm khi anh đã ngủ say, tôi lôi cây đàn tranh dưới gầm giường ra, gảy nhẹ lên những sợi đàn. Xê. Xàng. Cống. Lúu. Vuốt ve những con nhạn nằm xấp ngửa lên nhau và những vết nứt mới nguyên do bàn tay thô bạo của anh. Tôi bỏ đàn vào hộp, lẳng lặng đem ra thùng rác. Anh thức dậy, xin lỗi tôi và hỏi tại sao. Tôi trả lời bằng một cái nhìn dửng dưng.

Có lần anh hỏi tôi *“Sao lâu nay em không đeo nhẫn cưới?”* Tôi lạnh lùng, trả lời: *“Đeo nhẫn sợ trầy da con mỗi khi ôm ấp nó.”* Anh bảo tôi: *“Em đem con về nhà ba má chơi một thời gian. Sẵn đang thất nghiệp, anh ghi danh đi học thêm ngành điện tử. Cái bằng xã hội học của anh bây giờ coi như vứt đi!”* Tôi lặng lẽ thu xếp đồ đạc, tã, sữa.

Hôm đưa mẹ con tôi ra phi trường, anh ngồi ôm khư khư mấy giỏ hành lý chờ giờ bay, nét mặt khấn trương như ông thần giữ cửa. Tôi nắm tay con đi loanh quanh mấy gian hàng *“duty free”*, nghĩ đến căn nhà tràn nắng ấm của ba mẹ tôi, và đêm quay quần bên nồi bánh tét của gia đình mà thấy lòng vui như ngày nhỏ dại. Trước khi bước lên phi cơ, anh hoạnh hộc nhìn tay tôi, hỏi: *“Nhẫn em đâu?”* Tôi buông tay con, lục lọi túi xách, lôi trong

cái ngắn nhỏ nhất lấy cặp nhẵn ra, bình thần thả vào ly cà phê đen anh đang cầm trên tay, nói nhỏ: “Anh giữ đi “ rồi xoay lưng đi.

Ngồi trên phi cơ nhìn xuống thành phố lần sau cuối, lòng bảo lòng: “Tôi sẽ bỏ anh!”

2-Chị và ông anh cả đón tôi ngoài sân bay. Anh tôi bế cháu, xoa đầu em gái như ngày xưa: “Ba nó vẫn thường chút!” Tôi trả lời nhát gừng: “Vẫn thế.”.. Ôm lấy tôi, chị thở dài: “Em ốm đi nhiều lắm rồi! Lấy chồng sớm mà làm gì. Cứ như hoa lài cắm bãi cứt trâu!” Về đến nhà, mẹ ôm lấy cháu, xuyết xoa: “Thằng bé kháu quá! Nhà có mười bảy cháu nội, ngoại nhưng chỉ có nó là đẹp nhất!” Ba tôi nghe chàng rể muốn đi học thêm, vẻ mặt mừng hẳn ra: “Tốt! Học được chừng nào tốt chừng ấy! Có bằng cấp mới nuôi nổi vợ con”. Tôi buột miệng sắp nói, nhưng vội vàng dừng lại kịp. Mẹ bủ môi, hứ : “Đi học cả đời như ông, bằng cấp đầy mình mà nuôi ai chưa? Gần tám mươi mà cũng rần lấy cho được cái bằng rớt cuộc để làm gì? Cả đời hết chữ Nho rồi tới tiếng Tây, tiếng U. Không giống ai!...” Ba cười hì hì: “Cho dzui mà!” Mẹ nguyệt: “Già rồi! Lo mà tu đi cho con gái nó nhờ! Ở đó mà bằng này với bằng nọ, tranh hơn tranh thua với ba đứa con nít!” Tôi cười, xách va-li đi vào trong. Bốc điện thoại gọi anh báo tin mẹ con đã đến nơi. Giọng đàn bà nũng nịu bên kia đầu giây. Tôi cười một mình, cúp máy. Lòng bảo lòng: “Tôi sẽ bỏ anh!”

Buổi sáng, gà gáy ó o. Tôi nằm trên giường, ngỡ như mình đang còn ở Việt nam. Con tôi mở mắt ra, ôm quít lấy mẹ. Tôi vỗ về: “Đừng sợ! Gà gáy đó con.” Bên ngoài, từng bừng tiếng cười nói. Mùi gừng đang sên trong bếp thơm ngọt. Giọng Huế trầm trầm của chị Song, chị dâu tôi, chen lẫn giọng cười trong veo của mẹ. Cả nhà đang vây quanh bếp. Ba mẹ cười vui bên đàn con cháu. Thấy tôi, chị Song kêu lên: “Úi chao! Có o là

đông đủ hết cả nhà rồi! Năm ni nhà mình ăn Tết vui ghê hỉ!” Tôi hỏi ông chồng chị dâu sao không tới chơi. Chị đẩy nãy: *“Phiền lắm nì! Cho ông tới đây làm chi.”* Mấy đứa cháu bu lấy con tôi, dắt ra xem bầy gà của ông Cuba hàng xóm. Mẹ lấy tay lừa vô rổ mở đậu xanh vàng thắm trong thau, bảo tôi: *“Mẹ pha trà sẵn rồi, uống đi con!”* Tôi rót tách trà, ngồi xuống bên mấy chị, lặng lẽ ngắm bàn tay đã trở đôi mỗi của mẹ. Nhà có năm chị em gái, tính luôn cả chị Song, chưa kể bốn bà chị dâu khác và sáu cô cháu gái xinh như ngọc nữ. Chị em, cô, dì, cháu ngồi lại với nhau là vui như hội. Chị Song nhìn tôi không chớp mắt: *“Răng mà lấy chồng xa rứa o. Về với ba mẹ sướng chết đi! Ở chi trên nó lạnh chết!”* Tôi cười, nghiêm trang: *“Em về ở luôn mà! Chị nuôi em nghe!”* Chị xí dài: *“Ở luôn răng mà luôn. Ván đã đóng thuyền rồi. Chồng mô thì vợ nó.”* Chị Gấm cười: *“Ván đã đóng hòm thì đúng hơn!”* Chị Nga nghiêng đầu, ê a phụ họa: *“Đào tiên đã bén tay phàm, thì vịn nhanh quýt mà cam sự đời.”* Cả nhà phì cười. Chị Song quay sang mẹ, thở dài: *“Lúc anh con còn sống, ảnh thương o nó nhất. Úi cha! Lúc mô cũng nói về o thôi. Sinh đứa con đầu lòng cũng lấy tên o đặt cho nó!”* Tôi quay đi, chớp mắt; chạnh lòng khi nhớ đến chị Song và những đứa cháu không cha. Nhìn sang chị Gấm, vẫn đẹp như ngày nào. Mỗi lần có người ngấm nghe, chị vẫn lắc đầu cười trong khi mẹ thở dài: *“Đi thêm bước nữa thì có thêm một giòng con. Làm đàn bà mà có tới hai ba giòng con như con Song thì cơ cực lắm!”* Ba hậm hực: *“Tại nó lụp chụp, mới qua chân ướt chân ráo đã vớ ngay thằng Cuba. Mấy đứa nhỏ thật vô phước!”* Và mẹ lần nào cũng gắt lên: *“Nó còn trẻ mà! Con ông chết bộ ông đòi gã dâu nữa à?”* Ba cố vớt vát: *“Con không cha như nhà không nóc!”* Mẹ lại cau mày: *“Sao lại không? Còn mẹ nó vớt đi đâu?”* Có lần chị Song giọt vắn giọt dài: *“Trong đời con chỉ có anh là người con thương nhất!”*

Không người đàn ông nào có thể thay thế được. Lâu nay ba mẹ vẫn thương con như con gái. Có thương thì thương cho trót, xin ba mẹ đừng trách con, tội nghiệp! Bây chừ có làm vợ ai, khi mô con cũng coi gia đình nì là gia đình của con. ”

Bên cạnh mẹ, chị Song vẫn cười nói líu lo: “Càng lớn, o càng giống mẹ ghê!” Mẹ nhìn lên bàn thờ, giọng buồn buồn: “Không, nó giống bà ngoại. Giống như gương mặt cắt để qua. Nhưng bà ngoại sống hơn nó.” Ba đang ăn bánh in, chen vào: “Ông ngoại là quan mà. Lấy chồng làm quan thì cả họ được nhờ.” Chị Song nhăn nhó, kêu lên: “Thôi ba ơi! Chồng con cũng quan nhưng chết thảm đó tề!” Tôi cầm tách trà lẳng lặng đứng lên đi ra sân sau. Anh tôi ngồi trầm ngâm trong khói thuốc, thỉnh thoảng đưa mắt trông chừng đám cháu. Sợi dây trầu do chính tay anh trồng, leo quanh co bên hàng đu đủ. Hai bên bờ dê, hàng dứa xanh như lá mới. Con tôi chỉ bấy vệt con vàng như tơ trên con kính kêu lên: “Mẹ ơi! Hai, ba, bốn con vệt nè!” Tôi ngồi xuống bên con, dịu dàng: “Không phải! Một con vệt con, hai con vệt con, ba con vệt con, bốn con vệt con, năm con vệt con. Nè! Đếm theo mẹ đi! Thằng bé đưa ngón tay bụ bẫm ra chỉ chỗ, đôi môi thơm mùi sữa xuyết xoa đếm tới, đếm lui. Nó cười sáng sặc mỗi khi thấy vệt mẹ chống hông kiếm mồi cho con. Tôi bơi chơi vơi trong tiếng cười của con. Những cánh hồng sa mạc trong cái chậu sứ dưới chân anh tôi như đang cười theo nó. Chưa bao giờ, tôi thấy con cười vui như thế!

3-

Sáng mừng ba, khách đến nhà. Những người đàn ông ngồi với nhau trong khi mấy chị em tôi bu quanh mẹ, xem bói Kiều. Mấy chị tôi thay phiên nhau nâng sách

ngang mày, thành khăn khăn vái. Kẹp cây nhang vào giữa trang sách, mẹ bảo đến phiên tôi. Chiu mẹ, tôi cũng bói. *“Bắt phong trần phải phong trần. Cho thanh cao mới được phần thanh cao.”* Đọc xong hai câu bói của tôi, mẹ cười tươi nhưng mắt buồn rười rượi. Tôi đẩy cuốn Kiều ra giữa bàn, ôm vai mẹ cười: *“Nhảm! Mẹ đừng lo! Không ai “bắt” con được đâu mẹ ơi”*.

Ba mẹ giữ khách lại dùng cơm. Thịt kho. Dưa giá. Mứt hột sen. Mứt gừng. Mứt quất. Món nào đối với tôi cũng đều mặn đắng. Chỉ có tiếng cười của con tôi trong veo và ngọt mượt. Khách hỏi tôi: *“Em về từ bao giờ? Chồng em có khỏe không?”* Tôi lí nhí trả lời: *“Vẫn thế!”* Mấy cô cháu của tôi xí xọn đem đàn tranh trong nhà ra, ép khách đàn. Khách miễn cưỡng so dây. Xế. Xự. Hồ. Xang. Xê. Xàng. Cống. Lú. Tôi đứng lên, dắt con ra bờ đê. Không nghĩ gì hết ngoài mùi thuốc gội đầu rất thơm trong tóc con!

Sau tết, khách đến nhà thường hơn. Lần nào cũng có anh tôi tiếp. Nhiều khi, tôi đem con ra biển ngồi đến chiều; về đến nhà, thấy khách vẫn ngồi đó. Mấy ngày tết qua mau, thấm thoát mà đã hết mấy tháng. Tôi sống những ngày tháng yên lành, êm đềm như con dê sau nhà. Trừ hai ngày cuối tuần, các chị của tôi ai về nhà nấy. Căn nhà của ba mẹ chỉ còn lại anh cả, chị Gấm, tôi và bốn đứa cháu. Căn nhà, từng là nơi trú ẩn của một người đàn ông góa vợ, hai người thiếu phụ góa chồng, và người sắp bỏ chồng là tôi. Đêm, anh tôi ngồi một mình trong căn nhà mát bên bờ đê, cô đơn như oan hồn nhưng hoàn toàn ung dung, tự tại. Bầy đom đóm lập lòe dưới chân anh. Tiếng sáo của anh bay vút lên những tàn lá dừa vàng thắm ánh trăng. Tiếng sáo quyện xuống lòng kính, vỗ về nỗi hung hãn oan khiên của những con sâu hoang. Thỉnh thoảng, ba lê đôi dép lẹp xẹp đứng bên cửa nhìn ra phía anh ngồi, cắn nhẩn, rồi chép miệng thở dài: *“Đêm nào cũng thổi sáo, nghe muốn điên luôn! Ở*

ngoài đó, rấn không... ”.

Mỗi đêm, khi con tôi ngủ say - còn lại một mình, tôi giằng co trong muôn vàn ý nghĩ. Gần sáng, tôi vẫn bảo với lòng: “ *Tôi sẽ bỏ anh!*”

4- Buổi sáng thơm mùi hoa bưởi. Mẹ sai tôi với chị Gấm ra vườn hái hoa bưởi để mẹ nấu chè. Chị Gấm vừa hái hoa vừa ngâm nho nhỏ: “*Trèo lên cây bưởi hái hoa, bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân. Nụ tầm xuân nở hoa xanh biếc. Em lấy chồng anh tiếc lắm thay*”. Quay sang tôi, chị bần thần nhìn mặt: “*Nụ tầm xuân nó ra làm sao hả em?*” Tôi cười: “*Thì...hoa nó màu xanh.. biếc!*” Chị thờ mặt ra, chặc lưỡi: “*Mấy ông văn, thi sĩ cứ hay phịa chộ người ta! Quái gì mà có nụ tầm xuân với lá điều bông gì đó!*” Tôi trêu: “*Họ còn phịa nhiều thứ nữa chị ơi! Nhất là ba cái ái tình vớ vẩn.*”

Nhắc đến chuyện “ái tình”, chị ghé vai tôi, thì thầm: “*Vợ chồng em lại cãi nhau nữa phải không?*” Tôi lắc đầu: “*Chị biết em đâu phải là người ưa chuyện cãi cọ.*” Chị tròn mắt, ngắt nhanh: “*Nhưng chị biết em gần. Gì cũng để trong lòng, không chịu nói. Và cứ tự làm khổ mình*”. Tôi nói nhỏ: “*Em đang sống rất vui vẻ, có gì phiền khổ đâu!*” Chị gắt nhỏ: “*Em có khổ hay không chị không biết sao? Vừa làm khổ mình, vừa làm khổ “người ta*”. Biết chị ám chỉ “người ta” là ai, tôi lạnh lùng: “*Hắn đau khổ hay không chẳng mắc mớ gì đến em!*” Chị cau mày, âu yếm mắng: “*Bạc như vôi! Em biết không, ngày em đi lấy chồng, người ta như là người điên.*” Thở dài, chị nói tiếp: “*Em dư biết vì ai hắn đến đây mỗi ngày mà! Lớn hết cả rồi, cứ xử với nhau như người lớn đi!*” Tôi buông cành bưởi quay đi. Chị Gấm nghiêng người tiếp tục hái hoa, miệng lại nho nhỏ ngâm:

“Em phụ anh rồi đấy biết không?

Chao ơi! Má đỏ với môi hồng

Những loài đá gổ vô tri ấy!

Đâu biết tình ta như núi sông.”

Tôi quay lại lườm chị. Chị cười, già vờ gắt lên: “Gì? *Thơ mà lại!*”

Cuối tuần tôi đi biển. Cây cầu Key West nằm một mình giữa eo biển lớn. Nước hai màu xanh. Bên trong. Bên đậm. Những người con gái Cuba để vai trần, khoe những hình xăm mờ gọi trên lớp da nâu hồng khỏe mạnh. Ngừng chân ở sạp sách bên đường, xéo trước nhà của Hemmingway, khách mua cuốn “Ngư Ông Và Biển Cả” tần ngần đưa cho tôi. Suốt mười năm quen nhau, chưa bao giờ chúng tôi có được một ngày vui như thế!

Buổi chiều về đến nhà, con tôi nhào ra mếu máo. Đôi mắt sưng đỏ vì khóc. Mẹ tôi cười, trấn an “*Nó đi lủn chũm thế nào mà đập trúng con ong. Mẹ mới bôi thuốc đấy!*” Tôi ôm con vào lòng. Nhìn bàn chân mụ mẫm đỏ tấy lên của con, tôi tự trách mình khôn xiết. Đêm hôm ấy thẳng bé sốt hơn 103 độ. Tôi đem con vào *emergency*. Người ta chườm nước đá cho nó từ đầu đến chân. Tôi ngồi bên con, ủ rũ như con cò lã. Hơn một giờ sáng, khách đến bệnh viện tìm tôi. Tóc lòa xòa, đầm hết nước mưa. Chúng tôi ngồi bên nhau, không ai nói với ai tiếng nào. Ra đến thêm bệnh viện; một tay khách bồng con cho tôi, tay kia đưa ra: “*Em mệt rồi! Đường trơn ướt lắm! Vịn tay anh mà đi nha!*” Tôi nhìn khách, lắc đầu: “*Em tự mình đi được.*” Khách thở dài, nói như trách: “*Chỉ ra tới xe thôi!*” Tôi cười lặng lẽ, một mỗi bước. Trèo lên cây bưởi hái hoa. Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân. Đào tiên đã bén tay phàm. Thì vịn hành quýt cho cam sự đời. Ứ. Xề. Cồng. Lú. Lú. Cống. Lú. *Bất phong trần phải phong trần.* Tôi vịn lấy tôi mà đứng dậy. Cứ gì phải có quýt, cam, tòng, bách hử tôi ơi!

Suốt đêm nằm ôm con trong lòng; tôi nghĩ đến chị Song, chị Gấm, nghĩ đến những ngày tháng một mình phải che

mưa nắng cho con, và tôi nghĩ đến anh. Lòng bảo lòng:
“Ngày mai thức dậy, tôi sẽ bỏ anh!”

Tháng giêng, 2002.

Lâm Anh

Bến cũ và đũng sĩ

Một cõi trời Tây mù bụi cát
Người về vó ngựa đỏ quan san
Biết có còn em trên bến nước
Những chiều xuân đưa khách dọc ngang

Xót thương đã ố hồn đũng sĩ
Đã mòn yên ngựa mấy thu pha
Mất em đâu có màu vạn lý
Mà bóng trường chinh tạc bóng ta

Hỡi núi sông đầm trong vó ngựa
Ngày về sao giống buổi ra đi
Hỡi em sau mấy mùa phong giá
Có giấu hồn xuân trong cổ thi

Ai biết ta về trên bến vắng (...)
Chiều xuân ơi! Nước chảy về đâu?
Tuốt kiếm ra soi hồn kiêu bạc
Thấy sóng sông xô dạt mái đầu

Thấp thoáng dò em vài bóng khói
Đậu dưới tà huy đôi dấu tay
Ta múa vu vơ đường kiếm máu
Rụng mấy trời xưa đã nhạt màu.

Từ Thế Mộng

Chuyện người thầy giáo điên

- Tổ cha thằng điên! Đ.m thằng điên

Tiếng chửi chòng ghẹo vang lên từng hồi, trôi nổi đâu đó, bập bềnh trong không gian lằng đặng màu sương khói của một chiều rất nhẹ ở Blao, mãi tôi mới nghe thấy.

Tôi dừng lại, đảo mắt nhìn quanh. Ai vậy? Ai mà điên khùng vậy? Vẫn không thấy một cái đầu bù tóc rối nào, một cặp mắt ngơ ngác, hoang dại nào. Không! Chỉ thấy trước mặt tôi một nhóm trẻ con, trạc từ năm đến mười tuổi, là con của công nhân đồn điền Tứ Quý, một đồn điền trà bạt ngàn của một kiều dân Pháp, có phi cơ và phi trường riêng cùng với ngôi nhà đẹp lộng lẫy trên một khu đất rộng mênh mông bên đường tôi qua lại. Chúng ăn mặc lôi thôi, lệch thếch, da sạm nắng, đen nhẻm, tay trái chống trên đầu gối, tay phải cầm đá. Tất cả đều lơ đãng nhìn về hướng tôi. Lại nào, không lẽ là tôi? Tôi quay nhìn cùng khắp, vẫn không thấy ai.

Kệ, chắc chúng lầm tôi với một người nào đó. Tôi thần nhiên đi tới. Chúng rùng rùng bỏ chạy, cười cợt, sướng khoái. Đến một quãng cách đủ để thằng điên không thể vô được để cắn, chúng dừng lại, quay người, chửi:

- Đ.m thằng điên! Tổ cha thằng điên!

Đá lập tức được ném tới, thừa thớt, vể dề giẫm, vô hại. Vậy thằng điên chính là tôi, một thầy giáo trẻ từ Phan Thiết đổi lên Blao chưa đầy hai tháng này sao?

Tôi dở khóc, dở cười. Tôi mà điên!

oOo

Tôi có người yêu ở Phan Thiết, một cô gái đẹp cỡ hoa

khôi của một trường tư thực nổi tiếng. Tôi phải “ sáng đưa, trưa đón, tối mơ màng ”, em mới xiêu lòng chịu. Vậy mà dùng một cái tôi phải đi xa, cực lòng tôi biết mấy.

Thiệt ở đời hay quá hóa dở! Tôi dạy học, lại dạy có tiếng. Học trò tôi đậu tiểu học, nhất là đậu chuyển cấp vào trung học với một tỷ lệ khá thuyết phục. Thời đó đậu chuyển cấp xem như trúng số: bốn năm liền không phải đóng bất cứ một khoản phí tổn nào, lại được học trong một ngôi trường có truyền thống giáo dục tuyệt vời nhất. Phụ huynh chịu lắm, nhìn tôi bằng một cặp mắt hết sức tin tưởng. Trong số này có một ông có chức có quyền nhờ tôi lưu ý riêng, kèm cặp giúp con gái ông tại lớp tôi đang dạy. Một hôm tôi lỡ tay đánh em. Ông ta cho là tôi hạ nhục em trước mặt các em khác, là hạ nhục ông. Bèn kiện. Kết quả là tôi bị đá bay tuốt lên tận đây, tận cái xứ đèo heo hút gió này.

Giã từ người đẹp mơn mớn, giã từ quê nhà yêu dấu, tới Blao trong một tối mưa dầm, bùn đỏ lép nhép, không chỗ trọ qua đêm, hỏi ai mà không ứa nước mắt? Đành cúi đầu xin ngủ nhờ nhà ông tài xế. Ông nghe là thầy giáo từ xa mới đổi lên, liền bằng lòng ngay.

Tôi được điều đi dạy trường Thượng, trường cách trung tâm thị trấn trên một vài cây số và cách quốc lộ 20 vài trăm mét. Trường chuyên thu nhận trẻ em ở các bộ lạc, các buôn làng xa xôi, tìm đưa về học. Tất cả phí tổn ăn, học cho các em đều do nhà trường đảm nhận. Tôi ăn ở ngay tại trường, cũng như mấy thầy cô giáo ở xa lại. Khu vực trường rộng đến vài mẫu. Trường học cất biệt lập trên đồi, năm gian nhà ngói đỏ chót. Khu dành cho thầy cô giáo và các em học sinh là một dãy nhà sàn dài, liền nhau, lợp tôn, cao ngất ngưỡng. Tôi ở phòng độc thân cùng hai người bạn. Riêng vợ chồng thầy K’Sor ở trong một ngôi nhà tranh, kê đó. Vợ giận, xách roi rượt chồng chạy cùng khắp là thường.

Trong khung cảnh xa lạ, luôn mịt mù sương khói, lại ở giữa các em đậm mùi nắng cháy, mùi thuốc rê nồng nặc, lúc nào cũng lan tỏa cùng khắp, tôi buồn đến cháy lòng.

Tôi được phân công dạy lớp năm, lớp nhỏ nhất (nay là lớp một). Tôi quen cái không khí ầm ào của học trò luôn động đậy, nay đột nhiên rơi vào một vùng tĩnh lặng, đến nỗi nghe cả tiếng ngòi viết đè nặng trên giấy. Các em ngồi yên, lưng thẳng cứng. Chỉ có cặp mắt lúc nào cũng rộng mở, nhìn ai là nhìn không chớp.

Giờ ra chơi, các em như người đang mơ chợt tỉnh, chạy vù ra khỏi lớp. Mỗi em tự tìm đến một chỗ hốc hém riêng của mình, hoặc lấy thuốc ra hút, hoặc móc trong túi ra con cá khô, miếng thịt kho, cái trứng vịt...nhai nhồm nhém. Lần đầu thấy vậy, tôi bức lắm, la và cấm các em làm cái chuyện kỳ cục mà tôi không bao giờ ngờ tới. Các em nín thinh, răm rắp tuân lời ngay. Nhưng buồn thiu! Cái dáng ủ rũ, xụi lơ không buồn lay động đó khiến tôi mủi lòng. Thôi được, cho các em tự nhiên làm theo ý mình (Cả trường đều vậy, chứ nào phải riêng các em của tôi).

Vậy mà cũng không ngăn được các em bỏ trốn. Rừng núi, buôn làng luôn vẫy gọi các em về!

Trong khi các em lặng lẽ viết, lúc nào cũng cặm cụi, cặm cụi, tôi chọn cái cửa sổ thoáng mát, không chắn song, thót lên ngồi đọc sách. Nhưng sách thường đọc tôi hơn. (Anh mãi nghĩ về em. Hoàng ạ. Em đẹp quá làm chi để cho lòng anh cực? Ai bảo em mũi cao, mắt sáng, da mịn hồng, cái răng khểnh duyên quá chi để anh quên đời anh?)

Thét rồi tôi đâm lầy cái tính lặng lẽ của các em, ít nói, ít cười, thả lơ nhưng ra cùng khắp. Lúc nào cũng thờ, cũng thờ, cũng sáo. Khi còn ở Phan Thiết, dù thích sáo đến mê mết, tôi cũng chỉ lấy mắt ngó, ngu gì tập. Nhà tôi gần như đối diện nhà em, thổi sáo ò e như người đi

rao thiến dái heo, để em nghĩ chắc tôi muốn chuyển nghề, thì thưa quý vị, xin miễn. Còn ở đây, tôi muốn rao thiến đến một ngàn con heo cũng không nhằm nhò gì tới ai. Tôi phùng mang, trợn mắt lên thối. Sáo chỉ phát ra âm phì phì, phì phì đầy mùi nước miếng. Rồi cũng quen dần đi. Đêm đêm tiếng sáo vang lên đã bắt đầu dịu dặt. Tôi chờ dịp về trở tài riêng với em.

Em đẹp người đẹp nét khiến người mê đắm, hướng tôi là anh chàng tội nghiệp, mê em đến khù khờ! Tôi chỉ cần với tay là tới em, vậy mà cứ phải lén lén lút lút như một kẻ cắp. Bà cô em giữ em chằng chằng như một thứ của quý sợ người cướp mất. Tôi lén nhờ người đưa thư. Lén đưa em đi, lén đón em về. Lén qua nhà nhìn em nong nân mỗi tối. Lén trèo lên cây khế trước mặt nhà, chụp trộm hình em đang thập thò trước cổng. Có lần tôi cả gan leo tuốt lên lầu cao ngôi trường em học, coi thử em ngồi ở đâu, phòng nào, hàng ghế thứ mấy, số mấy kể từ ngoài vào, để bất cứ lúc nào cũng có thể tưởng tượng ra em một cách chính xác đến từng chi tiết! (Khi giám thị hay được, leo lên thì tôi đã vù xuống, chuồn lẹ ra khỏi cổng).

Nay ở xa, em tha hồ tràn ngập tôi. Mỗi tối tôi đều dành thời gian tự học thi tú tài phần hai. Nhưng trời ạ, tôi học làm sao vô? Chao, trời sinh chi em để anh phải đêm thương ngày nhớ, mê mết vì em mãi thế này hử Hoàng, con rồng vàng bay lượn của anh? (Hoàng vốn tuổi Thìn mà). Đành quay ra viết thư, làm thơ. Thư về em mà thơ cũng về em. Được bao nhiêu, để dành đó, không gởi. (Làm sao dám gởi? Bà cô em bắt được, thì chết). Chờ gặp hôm trăng sáng lạnh, mọi người ngủ hết, đứng trên nhà sàn cao, tôi lấy ra, nâng nhẹ từng tờ, mê mẩn đốt. làn khói lung linh sẽ nương theo ánh trăng huyền hoặc kia bay đến, đưa thư và thơ về ôm ấp giấc ngủ bình yên em, cho em tràn ngập...mộng.

Cuộc sống ở Blao cứ bình thản, trầm lặng trôi qua, một ngày như mọi ngày. Ôi những con số không lần lượt chạy vòng tròn đó biết bao giờ dứt?

Trưa chủ nhật nào, tôi cũng tìm tới thác một mình. Thác này tên gì, ở đâu, đi về hướng nào, xa hay gần đến nay tôi không còn nhớ nữa. Nhưng tôi lại thấy như in cả một vùng rộng lớn, cây rừng thưa thớt, dòng nước tràn lan, luân lưu trên mặt ghềnh. Bắt đầu là điệu *valse* dần sang điệu *rock* quay mau cuộn cuộn là dòng chân của nước. Ra đầu nguồn thác, nước lao hết sức mình, ào ào, ào ào tung đầy sương bọt trắng. Nước vỡ tan, rơi mênh mông. Dưới vực thẳm xa kia, chỉ còn lại một dòng tơ cỏ nằng, êm đềm trôi vào bóng tối mênh mông.

Tôi mê man một mình ở đó. Tối trưa trưa không còn ai. Lòng gột rửa những u buồn cách xa của tình yêu một thời trẻ dại.

Rồi một hôm...

Không khí trong suốt. Dòng nước chảy hoài đến mơ hồ. Không còn ai. Chỉ còn một dải lụa nõn trắng của vô cùng cuốn dòng chân tôi bước tới, buông tay ra “tôi sẽ mới giữa vô cùng sáng láng”.

Trong giây phút tôi sắp buông trôi đời tôi, em đã linh hiển hiện ra, chói lòa, ngậy ngát sáng, tôi bàng hoàng chợt tỉnh giấc mơ cuồng điên. “Vụt bỏ chạy ra khỏi vùng mê sáng”.

Lời kêu gọi quyến rũ của thác, từ đó, tôi không một lần dám nghe tới nữa. Phải, không bao giờ nữa.

Mỗi chiều, cứ năm giờ là tôi đi. Tôi tha thẩn men theo các đồi chè xanh ngút mắt, mơn mơn xanh, chập chùng xanh. Tôi lang thang, lang thang. Hồn tôi buông lơ lửng chạng. La đà trên ngọn cây cao, ẩn mình trong tiếng chim hót, theo mây bay mãi cuối trời, hoặc chìm đắm trong dòng suối trong xanh đầy một lòng cuội trắng. Đã

đời, mới quay về.

Mãi là như vậy. Chiều nào cũng vậy, bất kể mưa nắng. Mưa, chỉ việc quàng áo mưa vào là tôi đi. Nào có bận lòng chi với ai. Nửa đường đang nắng tự nhiên mưa, thì trời ạ, cứ mưa đi. Đi trong mưa là nỗi khoái sướng tốt cùng của tôi. Cảnh vật nhòa đi, hư ảo thêm. Lạnh ư? Lạnh, không phải là nỗi sướng khoái được rùng mình đó sao!

Có lần đã trễ, không biết từ lúc nào trăng đã lên, nhô cái đầu vàng hực. Tôi về, qua nhà người Pháp. Một đàn chó béc - giê hàng chục con, hung hãn nhào ra, ngoác cái miệng đỏ lừ, lồm chồm răng nanh, phóng lên. Lạy trời, tôi sững người đứng lại, cứng ngắc như trời trồng. Chúng nhảy lên định chụp, nửa chừng hẫng đi vì thấy tôi đứng im thủ thế. Mỗi khi có tiếng quát nạt của người nhà, lũ béc-giê mới găm gừ rút lui. Bất ngờ, ngay lúc đó tôi đã bị tấp vào đùi một miếng. Hóa ra một con chó cỏ - loại chó ta, nhỏ - này giờ im re, bây giờ mới nhảy lên, đập tôi một phát, cảnh cáo.

Dù vậy, tôi vẫn không chừa, cứ năm giờ là tôi đi. Đi lững thững. Mắt nhìn trời, nhìn đất, nhìn em đầm thắm trong tim tôi, miệng lầm thầm một vài câu thơ vừa chợt hiện.

- Tổ cha thằng điên! Đ. m thằng điên.

Tôi mỉm cười. Các em cứ tha hồ trêu chọc tôi đi. Điên ư? Được thôi, đời tỉnh quá, đôi khi điên một chút, cũng hay!

Hải Phương

Tiền thân ta rộng rinh tà áo em

Buổi chiều lòng nhùng xanh xao như nổi cô đơn dài dài
cửa nghiêng tan vỡ bộn bề trộn lẫn đêm cạn khô dĩ vãng
sáng trưng bản thảo tiền thân viết nháp chưa xong buổi
chiều cội rễ ngàn năm đâm gai cư trú hoàng hôn ngọn
cỏ nõn lú mầm tháng giêng cơn đồng thiếp bén lửa hóa
thân gãy vụn mọc nhánh hoang hóa vị vô thường loãng
nhạt đầu vú em tê điếng vòng tay ôm mê sáng.

Buổi chiều rỗng tai nghe em đứng đầu vông ru chiến
tranh ngủ như mẹ ru ta thuở nào ru hoài ru hoài lời ru đó
như hơi thở không ai thay thế được cho đến ngày tận
thế.

Buổi chiều rỗng tai nghe trái đất một lần hơi thở rừng
khuya mưa bụi khi ta về với em nhẹ tênh cơn đau phiêu
bạt đôi chân rong sợi tơ chùng vọng tiếng ban sơ khàn
đục.

Buổi chiều còn đầy lưng lưng ngày đôi chân trần hoang
vu với đất đôi chân trần trắng soi với trời đôi chân trần
ngày về cỏ may phiêu bồng với gió.

Buổi chiều thơm ngát giọt mưa nhiệt đới rơi qua kẽ bàn
tay lạ và đôi chân mỗi mồn với với bước trong máu
xương nhịp đời sẽ qua rất vội.

Buổi chiều đi qua chỗ quen ngừng lại nhịp chân trần
triền miên ngỡ mình đã xa đời kiếp nào không gặp nữa
đôi chân phiêu lãng ngày về rỗng tai nghe chim hót
vang lừng tuổi ấu thơ trong buổi cây cơm rượu sớm mai

nắng.

Buổi chiều qua con phố lê lợi và chỗ ngồi kim sơn ly bìa
bọt trắng miệng cười hoàng trúc ly rỗng tai nghe ca sĩ
nào bữa trước hát từng sợi âm thanh chảy xuống tóc ai
dài và áo em quên cài ngực khuya rỗng tai còn nghe em
ru chiến tranh ngủ.

Saigon ơi mới đêm qua
tiền thân ta rộng rinh tà áo em.

Tháng sáu ở San Jose
2003

Con đường chở đầy những sớm mai đi vẫn đợi

Những ngón tay đồng thiếp đâm chồi xanh xao ngọn ấu
thơ thương tật sót lại trong bảo tàng ký ức hoang dại
loang loáng gam màu vàng đất cô đơn cùng tận.

Những ngón tay bụi phấn phù điêu vô lượng một thời
vào lớp học nẩy mầm liều lĩnh xanh biếc ngọn ấu thơ
phục sinh trước bình minh của gió biển và rừng uất
hương xôn xao tiếng chim buổi sớm mai con đường vẫn
đợi lên đôi thông vang bóng.

Những ngón tay phơi mở róc rách như hơi thở của giòng
chảy thứ ngữ vựng mù sương lâm viên che phủ mờ mờ
ngọn hải đăng Le Beau Rivage trùng dương dạt dào con
sống vỗ khát khao bờ bãi đến.

Những ngón tay no tròn hư ảo gõ nhẹ dạ khúc cho chim
trên phím đàn hoang tưởng giòng thời gian chảy mềm bờ
vai pho tượng buồn trong công viên đời người như một

cõi tình phai chìm khuất hồ mắt em xa lạ chôn dấu hẹn
hồ lạc loài một gốc trời gọi mời nương nấu.

Những ngón tay tằm gỏi buổi sớm mai khi mặt trời hôn
gót chân em thêm cổ ướm những giọt nắng tan vỡ diệu kỳ
trong đất ẩm ta tan vỡ cả một bình minh róc rách bên bờ
suối cạn khô cùng với những viên đá cuội phơi mình
chan chứa chút lòng riêng co rúm chiếc lá mùa thu vàng
rụng đầy trí nhớ âm vang xào xạc con đường vẫn đợi
nhịp bước nôn nả về một ngày rồi một ngày như còn
ngày nào nữa bếp khuya nhen nhúm lửa.

Con đường nhỏ còn chưa nói con đường chở đầy những
sớm mai đi vẫn đợi mùa thu đến phơi phơi dặm trường
giữa tồn sinh thay lá úa.

Mùa thu ở San Jose
haiphuong68@hotmail.com

Thảo Trường

Bữa ăn tối ở Rừng Lá.

Thi sĩ làm nghề cuốc đất trên cánh đồng. Bác già làm nghề gánh nước tưới rau bên bờ suối. Sáng xuất trại hai người theo đội mình đi hai ngả, tối về gặp nhau trong phòng giam. Bác già hỏi thi sĩ:

- Muốn ăn cá tươi không?

- Sao không.

- Cá lóc sống bắt dưới suối lên còn dẫy đàn đạch. Không phải cá khô thắm nuôi tiếp tế. Muốn không ?

- Muốn.

- Thế thì thành lập hợp tác xã sản xuất !

Bác già lập kế hoạch, thi sĩ cuốc đất gặp nhái phải cố bắt sống, nhốt trong bao ni lông có đục lỗ thông hơi, đừng quên bỏ trong bao nhúm đất tạo môi trường thiên nhiên cho kẻ bị giam cầm bớt đi phần nào nỗi bức bách! Tối đem mỗi về nộp, hôm sau bác già sẽ cấm câu ở bờ suối, được cá lóc hai người sẽ có món tươi, cải thiện bữa ăn, tiết kiệm ngân sách gia đình, bớt chi tiêu thắm nuôi, vợ con ở nhà đỡ khổ. Kế sách kinh tế đầy triển vọng.

Nhưng thi sĩ tỏ vẻ hoài nghi:

- Xưa nay ông chỉ biết... ăn chứ đâu biết bắt cá?

Bác già hăng tiết:

- Tôi ra chỉ tiêu, “một nhái, hai lóc”.

- Đùa !

- Ông cứ bắt nhái đem về nộp cho tôi, chỉ tiêu “một nhái hai lóc” tôi chịu trách nhiệm. Hay là muốn kỳ kèo thêm bớt, hơn thiệt, thì tăng năng suất lên “một nhái ba lóc”.

Thi sĩ phi một bi thuốc lào xong nằm xuống đong đưa võng cười mỉm:

- Làm sao bắt được nhái, bước khởi đầu đã rất khó rồi.

Bác già giảng giải:

- Đi cuốc đất ông không thấy sao, nhái sinh sống dưới những khe đất, khi ông cuốc, động ổ, nhái nhảy ra tháo chạy, ông liệng cuốc nhảy tới vồ, mà nhớ là phải vồ chặn đầu...

- Rõn hoài, người sao nhanh bằng nhái, thoát một cái là nó đã biến vào trong cỏ cây...

- Rất khó và rất vất vả mới chộp được một con nhái, nhưng nên nhớ... “lao động là vinh quang” ! Phải mất nhiều công sức mới có... thành quả. Muốn ăn cá lóc sống phải bỏ công sức lao động.

Thi sĩ nản lòng:

- Thua, chịu thua trong công cuộc đấu tranh gian nan này...

Bác tù già “động viên” thi sĩ:

- Chưa gì đã ... chủ bại, phải “tiến công nổi dậy, nổi dậy tiến công” thì mới ăn.

Tôi biết ông từ hồi nào tới giờ không thích chơi cái trò “cải thiện”, ông chủ trương đi tù họ phát cho thế nào ông ăn thế ấy. Họ muốn làm gì thì làm. Để xem ai đòi cho biết, để xem ai chết cho biết. Đúng thế không nào? Nhưng ông thử chơi cái “tuồng” này với tôi cho... đỡ buồn. Vả lại nếu cứ đều tay với cái cuốc suốt buổi thì cuộc đời nhàm chán quá, thỉnh thoảng phải có đột biến cho công cuộc sản xuất thêm phần sinh động. Lâu lâu gặp con nhái quăng cuốc nhảy tới vồ cho có hoạt cảnh. Cũng như viết tiểu thuyết, phải thêm vào tí action cho tình huống linh động.

Chợt thi sĩ nghĩ ra một sự lạ:

- Người ta phải mất vài ba con nhái may ra mới câu được một con cá, ông sao dám một nhái vài ba con lóc ?

- Thế mới tài tình! Cách mạng là phải “sáng tạo”.

- Lại phét !

- Đấy rồi ông coi.

Nhà thi sĩ bắt nhái có ngày được mấy con, nhốt trong bao ni lông theo đúng tiêu chuẩn giam giữ hiện đại và

nhân đạo. Ông cũng phải trả giá bằng những vết trầy đầu gối, nhưng không sao vì đúng là mưu sinh có giúp cho thời giờ lao động cuộc đất thêm phần sinh động bớt nhàm chán. Ông có bị cán bộ võ trang coi tù phê phán, nhưng thi sĩ biện minh rằng thịt một con nhái lột da rồi chế biến cũng thành món ăn cải thiện. Cán bộ thông cảm.

Vào những ngày lễ lớn của cả nước, trại giam thường mổ bò (trong Nam) mổ trâu (ngoài Bắc) cho tù nhân liên hoan. Trại giam đông vui cả ngàn tù nhân, nên bữa ăn chia phần mỗi người cũng được một miếng thịt hoặc miếng da to bằng đốt ngón tay. Một con nhái lột da rồi cũng tương đương với khẩu phần thịt mừng lễ đại thắng mùa xuân! Vì thế một con nhái được tù nhân gọi là một con bò. Có tối khi bàn giao tù nhái thi sĩ khoe với bạn già là bắt được tới những 3 con bò !

Công cuộc “làm ăn” tiến hành được một thời gian dài nhưng chẳng thấy bạn già mang được con cá nào từ suối Lạnh về. Số nhái thi sĩ bắt được đem nộp đã lên tới mấy chục con bò, nếu tính ra cá lóc sẽ là cả trăm con. Có hỏi tới thì bạn già nói là cứ “từ từ”, chuyện đâu còn đó. Bác già còn than là số lưỡi câu bị cắn đứt mất khá bộn, công cuộc làm ăn có “sự cố”. Cũng tại lũ rắn nước vô duyên nhưng tinh ranh, không mời mà chúng cứ tới xực hết những con mồi nhái móc ở lưỡi câu, phá vỡ luôn một kế sách kinh tế rất tự túc tự cường.

Một hôm bác già đem về một lon cá rỗng rỗng kho mặn. Khi ăn cơm thi sĩ hỏi “món gì vậy” thì bác già đáp cụt lủn “cá lóc”. Rồi còn hỏi:

- Ngon không ?

- Ngon.

- Công trình vừa cuộc đất vừa vồ nhái của ông đã được đền bù đầy nhá. Nguyên một bầy rỗng rỗng cả mấy trăm con chứ không ít đâu, phải dùng cái mừng ngủ của tôi mới vớt được. Cách mạng là tài tình và sáng tạo.

- Nhưng không có lòng hiếu sinh. Cuộc tàn sát toàn “đàn bà và trẻ em”.

- Chỉ có trẻ em, không bắt được đàn bà. Đàn bà tuy thương con nhưng cũng nhanh chân vượt thoát chạy ra đằng xa nhìn lại lũ con bị bắt trong cái mừng oan nghiệt chụp xuống. Anh đàn ông nào đó lại còn nhanh hơn, biến mất trước khi xảy ra cuộc tàn sát tập thể !

- Thôi đừng nói thêm nữa về tình nghĩa và lòng nhân đạo.

Những bữa ăn của hai người bạn lại vẫn tiếp tục là thực phẩm tiếp tế của tác giả “Đêm Nghe Tiếng Đại Bác”, và họ không bao giờ bàn đến kế hoạch mưu sinh thoát hiểm hoặc là cải thiện bữa ăn nữa cả. Chuyện cóc nhái cũng bỏ qua luôn không ai nhắc tới. Nhưng sau này khi viết tiểu thuyết, kỹ thuật “đột biến” vẫn thường được sử dụng để cho câu chuyện kể không rơi vào tình trạng lặng lẽ. “Tính” action trong khi viết tiểu thuyết cần thiết đến độ có khi không có nhái, tác giả vẫn thỉnh thoảng phải quăng cuộc nhảy vô! Cũng có khi phải làm ra vẻ cuộc trúng hũ vàng. Cũng có khi phải làm ra vẻ cuộc trúng trái mìn nổ chậm ! Không có nhái phải tính kế khác thôi! Nhưng có nhái hay không có nhái thì việc cuốc đất vẫn là việc cuốc đất !

Bù vào đó trong khi ăn thi sĩ thường hay kể chuyện Tàu cho bạn nghe đỡ buồn.

oOo

*“Một hôm tướng quân kéo đoàn tinh binh qua vùng trang trại của phu nhân. Phu nhân ăn mặc xiêm y lộng lẫy ra tận đầu làng đứng đón, hai bên có hai tì nữ theo hầu. Tướng quân xuống ngựa tiến tới, phu nhân vái chào, hai tì nữ quì lạy, tướng quân tỏ vẻ hài lòng. Phu nhân thưa:
- Thiếp xin kính mời tướng công ghé vào tệt xá để tiện*

thiếp được hầu hạ tướng công cho bữa với nỗi niềm mong nhớ qua bao tháng ngày dài chờ đợi.

Tướng quân thuận ý cầu mong của người đẹp. Phu nhân xin tướng quân cho đóng binh ngoài cánh đồng, chỉ mình tướng quân sánh vai cùng phu nhân vào trang trại. Trong dinh cơ tráng lệ đèn nến sáng choang, yến tiệc được dọn ra, phu nhân dâng rượu tẩy trần, đoàn tiện nữ múa hát.

Tướng quân hoan hỉ uống chén rượu do phu nhân nâng lên tận miệng, người thấy ngà ngà say, lâng lâng thanh thoát, thân thể như nhẹ bỗng, bay cao. Phu nhân nói:

- Tướng công cũng đã biết tính tình của thiếp, ngay từ hồi nhỏ, thiếp đã không muốn cho ai hơn mình điều gì. Ngày Tết có con bé hàng xóm mặc tấm áo mới, lại là chiếc áo mà thiếp từng thèm muốn, thế là thiếp bắt con bé hàng xóm phải quì xuống, cởi chiếc áo mới ra nộp cho thiếp. Thiếp còn cấu véo con bé bầm da rách thịt để trừng trị nó về cái tội dám có cái mà thiếp ham thích.

Tướng quân nằm bất động, muốn cử động mà sao không cử động được. Phu nhân thưa:

- Vì quý yêu thương tướng công, không muốn mất tướng công về tay người khác, cũng không muốn tướng công rời xa tiện thiếp, cho nên tiện thiếp đã dâng lên chàng thứ rượu có pha chất độc đặc biệt làm tiêu tan hết nội lực trong cơ thể của người rồi. Từ nay người vĩnh viễn già từ cái thế giới của chốn giang hồ. Tửu lượng đặc biệt đã phế bỏ tất cả võ công vô địch của tướng công, người đã yếu đuối còn hơn cả một người yếu đuối, để tiện thiếp có thể thừa hưởng toàn bộ thể xác cũng như tâm hồn của chàng cho riêng mình.

Phu nhân gọi con hầu bưng ra một cái khay khảm bạc, trên khay có một tờ giấy đã viết sẵn chữ và một con dao cán nạm vàng, lưỡi dao sáng loáng, phu nhân cầm con dao giơ lên trước mặt tướng quân:

- Trước khi thiếp yêu thương chàng, xin tướng công hãy

ký vào tờ quân lệnh trạng này cho đại hùng binh ngoài kia được tự do trở về quê quán của họ mà sinh sống. Tướng công đừng chân tại chốn bồng lai này hưởng hạnh phúc thì bao nhiêu quân sĩ dưới trướng của người cũng cần được hưởng hạnh phúc với vợ con tại quê hương làng mạc của họ.

Phu nhân cầm tay tướng quân giúp cho người điểm chỉ lên tờ giấy, rồi nàng sai con hầu đem tờ quân lệnh trạng ra cánh đồng truyền cho ba quân. Xong phu nhân vén tay áo dùng con dao xinh xắn xẻo từng miếng thịt của tướng quân. Xẻo tới đâu tướng quân quần quai tới đó. Tướng quân rên lên đau đớn, máu tuôn thấm chiến bào, lệ trào đầm gò má. Đôi mắt phu nhân sáng rực lên niềm hạnh phúc vui sướng !

Nàng thủ thủ bên tai chàng;

- Từ nay tướng công mới đích thực là tình nhân của riêng thiếp”

oOo

Người nghe phát biểu:

- Phìa!

Người kể:

- Không phìa, kể theo chuyện Tàu, nhưng có “xào nấu chế biến” thêm bớt chút đỉnh.

Thi sĩ vừa kể chuyện vừa dùng nước trong lon guigoz tráng mấy cái bát nhôm ăn cơm. Thi sĩ hắt bát nước rửa chén ra ngoài cửa sổ bỗng có tiếng quát ở ngoài vọng vào:

- Anh nào trong ấy hắt nước cả vào mặt cán bộ làm nhiệm vụ ở ngoài này.

Cả phòng giam đang ồn ào bỗng nín khe. Ban tự quản vội vàng làm phận sự “rút kinh nghiệm”. Trong phòng giam rộng năm gian nhốt một trăm tù chỉ có hai ngọn đèn vàng mờ mờ, tù ngồi gần còn nhìn thấy mặt nhau,

nhưng bên ngoài trời tối đen như mực chẳng thể thấy vóc dáng cán bộ nhà nước ra sao, chỉ nghe tiếng mắng vọng vào:

- “Bố lếu bố láo!”

Bác già nói nhỏ với thi sĩ :

- Rút kinh nghiệm, nghe chưa! Tạt nước bắn vào mặt người ta như thế ai mà chịu nổi. Nên nhớ theo lý luận của lực lượng vũ trang nhân dân thì lính gác là chức quyền cao nhất ở chiến tuyến !

Thanh Hồ

Buồn Riêng Hai Người,

Chỉ xa nhau một khoảng đường
Mấy hàng phượng vĩ đến vườn nhà em
Mà sao cách trở ngày đêm
Hai đầu nỗi nhớ, mỗi bên lạnh lùng

Ai gieo mưa bão ân tình
Để cho con sóng bênh bồng nổi trôi
Bên này khoảng trống anh ngồi
Bên kia khoảng vắng sân đời nhà em

Làm sao có thể tìm quên
Khi con tim cùng ngân lên nhịp đàn
Cô đơn càng lúc ứa vàng
Thuyền xa bến nhớ bẽ bàng lênh dềnh

Từng chiều bước mỗi chông chênh
Trách lòng, lòng trách ử nên muộn phiền
Cầu xin một chút bình yên
Cùng sẻ chia nỗi buồn riêng hai người.

Thanh Hồ, một họa sĩ, một nhà thơ ở Nha Trang. Lâu lắm tôi với THT mới nhận được tin của anh kể từ tháng 4 năm 1975.. Nghe đâu, anh vẫn tiếp tục làm thơ, vẽ tranh và trưng bày.(PVN)

Mang Viên Long

Trái tim còn lại

Nhấn quyết định rời Sài Gòn vì chốn này không phải là nơi anh ở lại lâu. Trở về đâu? Về quê ư? Nhấn biết mình đâu còn quê nữa để mà trở về kể từ khi đặt bút ký vào đơn xin ly hôn với vợ. Căn nhà ở giữa cái phố chợ nhỏ bé ấy là tài sản duy nhất của cha mẹ anh để lại; là tuổi thơ, là kỷ niệm bao năm sống khổ đau và hạnh phúc; anh đã dành trọn cho vợ và đứa con trai út; ra đi chỉ với cái xách tay nhẹ nhàng như người bước chân vào một cuộc du ngoạn không hẹn ngày trở lại.

Xe dừng ngay một ngã rẽ lên chùa Tịnh Sơn, nơi hòa thượng Sơn Thành trụ trì. Nhấn đi về phía mấy chiếc xe đạp chờ thồ, cố gắng nhớ lại hình ảnh của vị hòa thượng nhân từ, đáng kính mà anh đã có nhiều dịp viếng thăm ngày còn làm phó quận ở đây. Hai câu thơ ông đã đọc cho anh nghe hơn hai mươi năm về trước, nhắc anh nhớ lại ông rõ ràng như mới hôm qua: *"Sanh như đắp chần bông. Tử như cởi áo hạ"*. Việc sanh tử ông đã coi đơn giản, nhẹ nhàng đến như thế, thì còn có chuyện gì có thể làm lay chuyển thân tâm thanh tịnh của ông đâu?

-Chú đi về đâu?

-Về chùa Tịnh Sơn.

-Chùa Tịnh Sơn à? Xa lắm...

-Xa gần thì tôi đã biết rõ rồi, nhưng anh định lấy bao nhiêu để tôi còn liệu...

-Mười lăm ngàn...

-Tôi chỉ còn mười ngàn, anh đồng ý chở giúp không?

Xe chuyển bánh. Ngồi yên sau chiếc xe đạp chờ thồ được trang bị để chở hàng tạ, anh cảm thấy yên ổn, chắc chắn. Xe chạy dọc theo con mương ngập nước. Cánh đồng phía tay nam một màu xanh dịu mắt. Nhấn thoải

mái nhìn chúng như gặp lại người thân quen đã rất lâu xa vắng. Mương nước dịu hiền, cỏ cây tươi mượt, dãy núi phía xa im vắng, làng xóm trải dài phía bắc vừa mới tỉnh giấc êm ả ẩn hiện sau những bờ tre còn mờ hơi sương; tất cả những cảnh sắc yên tĩnh quyến rũ đó khiến Nhẫn càng tin tưởng mạnh mẽ hơn vào quyết định của mình. Nhẫn hỏi:

-Anh có biết ngôi chùa Tịnh Sơn nằm phía sau ngôi trường làng ấy không?

-Trời ơi, gia đình tôi về chùa ấy hoài - Người đạp xe cười.

-Gia đình anh về, nhưng anh có về không chứ? – Nhẫn lại hỏi.

-Sao không. Tôi có chân trong ban hộ tự, lo lễ chapel, sinh hoạt, cúng kiếng cho chùa: mới vừa họp tối hôm qua đây, chuẩn bị lễ Phật Đản...

Nhẫn đốt đưa cho người lái xe điều thuốc, anh vừa nhìn ngắm giòng nước chảy mạnh, hổi hả dưới chân một cái đập ngăn, tiếp tục nói chuyện với người lái xe như đã thân tình từ lâu.

-Hòa thượng Sơn Thành có còn ở đó không?

-Sư ông mất rồi.

-Mất rồi à, lâu chưa?

-Vừa đúng ba năm

-Nay thầy nào trụ trì ở đó?

-Thượng tọa Sơn Minh.

-Có lẽ thầy ở xa đến?

-Không, thầy là đệ tử của sư ông. Thầy đi học rồi làm phật sự ở nhiều tỉnh. Ngày sư ông gần mất, sư ông cho gọi về, dặn thầy ở lại...

Thượng tọa Sơn Minh tiếp Nhẫn nơi chiếc bàn nhỏ thấp được kê trên một cái phẳng rộng đặt nơi chái nhà giữa. Phía trước là khoảng sân rộng có những chậu hoa, cây kiểng được sắp ngay ngắn trên bục gỗ thấp. Từ đây có thể nhìn ra khu nhà bếp, đây là nhà giữa phía đông,

và khu nhà Tổ dẫn lên chánh điện phía tây. Ngôi chùa đã có nhiều thay đổi mới lạ so với nhiều năm trước.

Thượng tọa Sơn Minh cười:

-Khu nhà Tổ, dãy nhà phía đông, kể cả việc nối rộng phía trước khu chánh điện, vừa được sư ông xây dựng, sửa sang lại cách đây hơn ba năm.

-Có lẽ sư ông vừa hoàn tất công việc thì mất?

-Đúng rồi. Lúc chùa hư, mái dột, cửa nẻo che đầy tạm thời thì thầy phải chịu một mình; khi chùa được sửa sang xong thì Ôn lại bỏ đi!

-Tôi còn nhớ hai câu thơ sư ông đã đọc cho tôi nghe lúc tôi còn là phó quận trưởng, đến yêu cầu ông tạm thời rời chùa để tránh bom đạn, tôi không rõ là của ai: *Sanh như đắp chặn sông. Tử như cởi áo hạ...*

-Của thầy Thiện Minh. Ôn đã có những năm sau ngày giải phóng phải đi bộ lên tận sườn đồi để trồng khoai, ăn traw tại chỗ với nắm cơm vắt muối rang; chiều tối trở về ra bụi hái lá bồ ngót, rau dền, rau má, lá tầu bay, mồng tơi về luộc cho bữa cơm tối trước giờ công phu... Chỉ có một mình sư ông và sau này có tôi trở về...

Nhẫn kể vắn tắt cuộc đời anh cho thượng tọa Sơn Minh nghe: từ thuở nhỏ mồ côi cả cha lẫn mẹ, lớn lên đi học, những khốn khổ, những thất bại, những đổi thay, những ngày sống lang thang thất vọng sau này...

Nhẫn nhìn vào đôi mắt bình yên không lộ chút dao động của thượng tọa. Anh tha thiết:

-Con xin thầy cho con được ở lại đây, con thành tâm muốn được đi theo con đường tu học...

Thượng tọa nhìn lướt qua khuôn mặt Nhẫn, thoáng cười:

-Không có gì phải bận tâm đâu, anh cứ ở lại đây với chúng tôi, được bao lâu cũng tốt.

Thượng tọa châm nước vào tách cho Nhẫn, ông cười lớn:

-Chỉ ngại là anh không kham nổi cơm tương rau rồi bỏ đi mà thôi.

Nhẫn cười theo ông, lòng vui mừng, hạnh phúc:

-Con không như thế đâu thưa thầy.

-Thế thì được rồi. Nhưng tôi dặn: Hãy rán mà ăn – ông lại cười, ở đây chỉ có cơm thương chứ không ai thương đâu.

Thượng tọa gọi vọng xuống khu nhà bếp:

-Bé đâu?

-Dạ, thưa thầy dạy gì? – một cô gái trạc hai mươi tuổi mặc đồ xám, tóc được cắt rất ngắn, mặt đỏ ửng vì lửa; chạy lên đứng dựa vào chiếc cột gần chỗ thượng tọa ngồi.

Thượng tọa nhìn Nhẫn nói:

-Hôm nay có khách...

-Dạ – Cô gái liếc nhìn Nhẫn, dò xét.

Nhẫn cười:

-Tôi không phải là khách đâu, là người như các cô chú ở đây thôi.

Thượng tọa Sơn Minh đứng dậy, ông bước chậm ra phía cửa. Nhẫn bước theo ông. Ông đi về phía sân trước chánh điện. Nhẫn nối gót theo sau, vừa đi vừa nhìn những chậu hoa để dọc quanh hiên khu chánh điện, hai cây mai lớn còn thừa thốt hoa vàng, nhà lục giác có tượng phật Quan Âm trông ra cổng chính, những hàng dừa, gốc mít đeo đầy quả. Anh cố hình dung lại dáng đi của hòa thượng Sơn Thành lúc cùng anh trò chuyện thuở trước. Vẫn những bước chân chậm chạp, an tịnh; hòa thượng đã đọc cho anh nghe hai câu thơ của thầy Thiện Minh để trả lời cho yêu cầu của anh, mong muốn hòa thượng nên thu xếp rời chùa trở về thị xã. Vậy mà đã hơn hai mươi năm rồi. Hai mươi năm biết bao biến động đã trôi qua, như một giấc mơ vừa chợt tỉnh.

-Tôi không hiểu đây là điều lành hay điều dữ... – Tiếng thượng tọa chợt vang lên.

-Thưa thầy có điều gì? – Nhẫn e ngại hỏi.

-Chỉ trong một tháng trước thôi, đã có hai người đến đây xin ở... Năm vừa qua, có cả thầy bốn người, trong lúc

chùa thì xa, mà quanh quần ở thị xã, thị trấn cũng tìm về. Thượng tọa quay lại nhìn Nhẫn, mỉm cười.

- Chắc là điều tốt thừa thầy – Nhẫn cười. Được nhiều người tìm đến với đạo là điều tốt, con nghĩ vậy.

Thượng tọa đi ngang qua khu nhà lục giác phía tây, tại đây có hai chú trạc mười hai tuổi đang ngồi chăm chú ghi chép kinh Phật hay làm bài gì đó, thoáng thấy ông vội đứng dậy chấp tay vái chào. “Đang làm gì đó?” – Ông hỏi. “Thưa học bài” – một chú đáp.

- Đây là hai chú nhỏ nhất – ông nói – còn bốn chú lớn và hai cô sáng nay đi làm cỏ đậu có khi chiều mới về.

- Thưa thầy làm cỏ đậu xa không?

- Khu nhà phía chân núi kia – ông chỉ tay về dãy núi thấp phía nam; ngoài hai thửa ruộng, chùa còn khai hoang thêm một ít đất để trồng đậu, bắp, khoai củ từ lúc còn sư ông. Im lặng một lát, ông nói – mai mốt rồi anh sẽ có dịp theo chú Quy lên trên ấy tắm suối, tha hồ ngắm cảnh, làm thơ – ông cười hiền từ.

- Có phải chú Quy là người lớn tuổi nhất – Nhẫn hỏi.

- Không những lớn tuổi mà còn học giỏi, làm việc giỏi, tuy mới vào chùa chưa được hai năm, chú đã thọ giới sa di, lại được xếp đầu hàng bốn tỉnh.

Thượng tọa bước vào khu nhà tổ, ngồi bên chiếc bàn có hai ghế dài phía cửa. Khu nhà rộng. Im vắng. Mát rượi. Nhẫn ngồi xuống trên chiếc ghế kê sát vách, nhìn ngó một lượt các bàn thờ, tủ sách kinh, những căn phòng phía sau có đề “phòng tăng”, “phòng khách”, những tấm ảnh chư Tổ khổ lớn. Tất cả đều đượm vẻ thanh tịnh, trang nghiêm.

- Anh sẽ ở chung phòng này với chú Quy – thượng tọa quay lại nhìn Nhẫn – hai người đều có chỗ giống nhau.

- Thưa thầy, chú ấy cũng đã có gia đình? – Nhẫn dò hỏi.

- Không. Chú ấy còn có nhiều thuận duyên hơn anh. Nếu anh biết lấy nghịch duyên mà tiến tu thì rất tốt...

- Thưa thầy, chú ấy được bao nhiêu tuổi rồi, ba mươi

chưa?

-Ba mươi bốn tuổi. Trước khi tới đây đã làm giám đốc... Thượng tọa gọi một chú đang ngồi học ngoài nhà khách lục giác mang bình trà từ chái nhà giữa lên. Ông rót đầy hai tách, gọi Nhẫn uống. Giọng ông trầm nhỏ:

-Cha chú ấy là liệt sĩ. Mẹ đã già. Chú là con một. Đậu xong Tú tài I, hoạt động ở thị xã bị lộ, chú thoát ly hẳn. Trong thời gian ở khu, chú làm nhiều việc, kể cả cầm súng đi đánh nhau. Bốn năm sau, giải phóng, chú trở về công tác ở huyện đoàn. Sau làm trưởng đài truyền thanh huyện. Từ đó chú được rút về làm trưởng ban tuyên giáo. Thời gian sau này, chú theo học xong lớp đại học tại chức, ngành kinh tế. Vì không ở trong phe nhóm, có bè cánh gì với vị bí thư mới, nên dự định đề cử chú làm chức phó chủ tịch huyện bị gác lại. Bù vào, chú được bổ nhiệm làm giám đốc một công ty ngoại thương, nhưng chỉ vừa được một năm thì vị bí thư cho kiểm tra tài chánh, bảo có thư tố giác thâm lạm công quỹ, chỉ tiêu không đúng nguyên tắc. Phái đoàn thanh tra được thành lập làm việc suốt mấy tuần, đưa ra một số chứng cứ nhưng chỉ là những sơ suất nhỏ. Chú bị kỷ luật đảng, cách chức và năm chờ nhận công tác mới. Thời gian sau này, chú bảo có làm một số đơn trình bày lên tỉnh, lên trung ương, nhưng cả năm không nghe thấy giải quyết. Ngày đến đây với bà mẹ già, chú đã khóc với tôi: *"Xin thầy hãy cho con được ở đây, con không muốn ở một nơi nào khác, con thành tâm theo Phật..."*.

Ông cười, nhìn Nhẫn:

-Nếu sớm biết được mọi thứ đều là vọng tưởng, là hư giả, do tâm vô minh phân biệt sanh, thì sớm dứt phiền não, khổ đau. Nếu chẳng thấy điều cốt lõi ấy, thì tâm không bao giờ an, thân không bao giờ khỏe được. Tôi nhận giúp anh, cũng như trước đây nhận chú ấy, chỉ là để tạo duyên mà thôi. Phần quyết định quan trọng là ở nơi tâm mỗi người.

Nhẫn như bừng sáng lên khi nghe lời của thượng tọa nhắc anh nhớ lại lời nói của Lục Tổ Huệ Năng trong kinh Pháp Bảo Đàn: “*Không phải gió động, không phải phướn động; tâm nhân giả động!*”. Nhẫn cảm thấy tâm mình lặng lẽ, trống không, như tấm lá vừa giữ sạch nước bẩn, không còn vương đọng một chút giao động buồn phiền gì nữa.

Cô bé đã đến bên thượng tọa:

-Mời thầy và chú vào dùng cơm...

Ông đứng dậy cầm lấy tay Nhẫn trong lúc anh còn do dự, giọng vui vẻ:

-Đi dùng cơm với tôi. Anh làm khách với tôi một bữa cũng được chứ?

oOo

Từ nhiều năm nay Nhẫn mới có được một giấc ngủ trưa ngon lành. Anh thức dậy lúc hai giờ rưỡi, tìm ra phía sau giếng rửa mặt. Cô bé đang ngồi học kinh ở hiên giữa nhà. Nhìn thấy Nhẫn, cô chỉ mỉm cười rồi cúi vội xuống tập kinh nhỏ bằng cuốn sổ tay. Anh đi vào nhà Tổ, phòng của thượng tọa vẫn còn đóng im. Nhẫn bước lên khu chánh điện, nhìn thấy ngay hai chú nhỏ đang nằm ngủ khoèo dưới nền xi măng sạch nhẵn. Anh đến trước bàn thờ phật, thắp một nén hương, im lặng cắm vào chiếc lư đồng lớn, chắp hai tay trước ngực, mắt nhìn thẳng lên tượng phật, tâm khởi niệm hồng danh chư Phật, chư Bồ Tát... Anh đứng yên. Rất lâu. Gắng giữ tâm mình yên tịnh để cầu nguyện chư Phật gia trì. Lúc này Nhẫn không còn nhớ gì đến quãng đời truân chuyên đã qua, anh như vừa được sống trở lại mà không hề có quá khứ. Anh chỉ còn biết có hiện tại. Anh đang ở đây, ngôi chùa Tịnh Sơn này. Vị thượng tọa nhân từ. Và những cô chú đồng tu hiền hậu, thâm tình.

Hai chú nhỏ đã ra ngồi ở phía trước hiên chánh điện,

ngó mong ra phía dãy núi, có ý chờ mấy chú lớn đi làm cỏ đậu về. Nhấn bước lại ngồi xuống bên cạnh, hỏi:

-Mấy chú không ngủ trưa à?

Chú mặc đồ màu đà nhìn Nhấn cười cười:

-Ngủ rồi.

Chú mặc đồ xám tiếp:

-Ngủ nhiều mục mắt...

Nhấn choàng tay qua vai chú mặc áo xám ngồi cạnh:

-Mục thì không mục đâu, nhưng ngủ nhiều quá có thể không thông minh. Ở nhà chùa có câu: " *tâm thường bất túc* " phải không chú?

Nhấn nhìn dỗi ra phía con đường mòn dẫn lên dãy núi thấp trước mặt, hỏi:

-Có mấy người đi nhổ cỏ đậu trên ấy?

-Bốn chú, hai cô – chú áo xám trả lời.

-Có lẽ chú Quy làm trưởng nhóm nhỉ?

-Chú Quy lớn tuổi nhất – chú áo đà nói, rồi đến chú Long, đến chú Phụng, rồi chú Tịnh – chú cười, chú Tịnh nhỏ nhất.

-Ông nói sai rồi – chú áo xám cãi, chú Long với chú Phụng bằng tuổi nhau mà... Hai chú đều mười tám tuổi, thọ giới sa di cùng một lần.

Nhấn nhìn hai chú cười:

-Lớn hay nhỏ tuổi cũng không quan trọng. Chú nào thuộc được nhiều kinh, đọc nhiều sách, học giỏi, làm việc siêng năng mới gọi là hơn, phải không?

Im lặng một lát, Nhấn tiếp:

-Ví dụ như tôi, làm sao hơn mấy chú được? Vì tôi chưa thuộc đoạn kinh nào cả.

-Để mà – chú áo xám lên tiếng, nếu học chưa thuộc, chú cầm theo quyển sách, đọc nhiều lần sẽ thuộc thôi.

-Ở đây có chú Phụng là tụng kinh hay nhất. Giọng chú Phụng nghe hay lắm.

Còn chú tụng có hay không? – Nhấn cầm tay chú áo đà

cười.

-Cũng được hà – chú cười ngượng ngùng.

-À, mà chú tên gì nhỉ?

-Mầm – chú áo xám trả lời thế.

-Còn chú?

-Trí, Trí nhỏ.

-Sao có thêm “nhỏ” kèm phía sau vậy?

-Tại vì trước có chú Trí lớn – chú Mầm giải thích.

-Bây giờ chú Trí lớn đi đâu rồi?

-Chú được thầy gửi đi Sài Gòn học rồi – Trí nhỏ đáp.
Nay mai thầy gửi hai cô đi Nha Trang hay Đà Lạt gì đó, học...

-Sướng nhỉ – Nhẫn cười, được thầy lo cho ăn học thì còn gì sướng hơn nữa.

-Chú muốn đi học không? – Mầm cầm tay Nhẫn kéo mạnh.

-Muốn chứ. Muốn mới xin tới ở đây – Nhẫn tâm sự.

-Chú lớn rồi mà đi học gì nữa – Trí nhỏ góp ý.

-Học chứ – Nhẫn cãi – với đạo thì ở tuổi nào cũng học được cả. Ví dụ như thầy của mình đây vẫn phải học. Học suốt đời chưa chắc đã xong nữa chứ đừng tưởng dễ...

-Tới chết vẫn chưa hết ? – chú Mầm hỏi.

-Chứ sao? Nếu kiếp này học chưa xong phải học ở kiếp sau.

-Còn chú tên gì? – chú áo đà hỏi

-Tên dở lắm. Nhẫn, nhẫn nại, kiên nhẫn đó biết chưa?

Tiếng chú Trí nhỏ la lên:

-Mấy chú về rồi kìa...

Nhẫn đứng dậy nhìn lại bộ quần áo mặc tạm của chú Quy rộng thùng thình, áo dài quá gối, tay rộng dài phải cuộn lên mấy bận; trông khác lạ, buồn cười. Cả toán đang dắt xe, đi bộ tiến gần đến cổng phụ. Nhẫn đi chậm chạp về phía họ, lòng rộn lên một niềm vui mới mẻ, dịu

dàng.

Chú Quy lên tiếng trước:

-Chú mới đến?

Nhẫn nhìn một lượt các cô chú đang dò xét thích thú nhìn ngắm mình. Anh cười:

-Tôi mới đến lúc sáng. Các cô chú đi làm cỏ đậu về à? –

Nhẫn quay về phía chú Quy – thầy bảo tôi mặc tạm bộ đồ của chú rồi mai thầy may cho bộ đồ khác...

-Không sao đâu... tôi còn nhiều mà.

Các cô chú dựng xe nơi gốc cây trước cửa vào khu nhà giữa, chạy ào ra giếng; tiếng cười nói rộn rã, giống như họ vừa mới đi cắm trại về. Nhẫn đi một mình thơ thẩn trong sân chùa. Anh cố nhớ lại hình ảnh cũ lúc hòa thượng còn sống, và anh thì khác lạ bây giờ. Hơn hai mươi năm, sự có mặt của anh ở nơi đây, bây giờ, có lúc nào anh đã nghĩ tới? Cuộc đời đúng là vô thường, hư giả, mà anh nào có ngờ?

Tiếng hòa thượng từ cửa chánh điện vọng tới:

-Anh xem cảnh có khác gì không?

-Thưa thầy, không.

-Hay lắm

Ông bước lại gần chỗ Nhẫn, để tay lên vai anh, giọng trầu mền đặc biệt:

-Anh có thể ở đây lâu dài với tôi được rồi, hãy tinh tấn lên...

Nhẫn nghe ba tiếng kiểng từ khu nhà bếp. Chú Trí đã có mặt giữa sân. Chú đứng yên chấp tay: Mời thầy dùng cơm.

Dù được thượng tọa gọi lại bàn riêng dành sẵn cho ông chỗ chái hiên nơi dùng để tiếp khách; Nhẫn vẫn một mực xin ngồi chung với các cô chú bên kia khoảng sân, đối diện chỗ ông ngồi, để được trò chuyện cho vui. Ông cười: “Tôi ăn một mình buồn, không ăn được nhiều, vậy tôi chịu thiệt sao?”. Chú Quy nói với Nhẫn:

-Chú cứ lên ngồi với thầy cho vui đi, mình còn sống chung với nhau nhiều mà.

Các cô các chú cũng đồng ý kiến chú Quy, và Nhẫn đã nhìn thấy nơi bàn ăn của thượng tọa có hai chén, hai đôi đũa rồi. Cô bé cười: “Ở bên này không có phần cho chú đâu”

-Nhưng lần sau phải dành phần cho tôi bên ấy. Chỗ của tôi là ở bên ấy. Chỗ cạnh chú Quy đấy, Chú Quy có đồng ý không?

-Đồng ý. Tất cả đều là con một nhà mà...

Nhẫn ngồi vào bàn với thượng tọa. Anh bóc cơm, so đũa, mời ông dùng cơm. Anh vừa ăn, vừa hâu chuyện ông. Dãy bàn bên kia, các cô chú nói cười rộn rã. *“Tất cả là con một nhà mà”*, anh cảm thấy, quả thật đây là một ngôi nhà lớn, ngôi nhà có chung một trái tim còn lại với đời...

(MVL. tháng 4.1993)

Lê Văn Trung

Em nhớ về thăm phố Hội An

Lâu lắm rồi em không trở lại
Nỗi niềm phố cổ vẫn chờ mong
Đường về Cửa Đại chừng xa lắm
Mà gió vi vu mãi với lòng

Cầu bao nhiêu nhịp Chùa cầu ơi
Bên nớ ngày xưa có một người
Viết mãi thơ tình không gửi được
Cho dòng An hội nước đầy vơi

Em đi ngày ấy đến bây giờ
Mái ẩm tường rêu bao nắng mưa
Mà lòng phố vẫn còn nguyên vẹn
Một mối tình thân không bến bờ.

Phố nhỏ như chung một mái nhà
Ta nằm trong phố, phố trong ta
Sáng chiều khuya sớm con đường nhỏ
Nối những buồn vui, những ước mơ

Em hãy một lần quay trở lại
Cùng tôi ngồi dưới gốc đa già
Nghe tiếng chuông ngân Chùa Phúc Kiến
Cho lòng rửa sạch bụi phù hoa

Rồi bước qua từng đêm phố vắng
Vần hiu bóng điện hiên nhà ai
Tiếng người nói chuyện bên hàng xóm
Cũng ấm tình tôi giữa chốn này

Tôi biết nào em đâu dễ quên
Nhớ về thăm lại phố thân quen
Đời dong ruổi với bao phiền muộn
Về đây lòng sẽ nhẹ nhàng hơn

Phố nhỏ như chung một mái nhà
Ta nằm trong phố, phố trong ta
Sáng chiều khuya sớm con đường nhỏ
Nối những buồn vui, những ước mơ

Em hãy một lần quay trở lại
Cùng tôi ngồi dưới gốc đa già
Nghe tiếng chuông ngân Chùa Phúc Kiến
Cho lòng rửa sạch bụi phù hoa

Rồi bước qua từng đêm phố vắng
Và hiu bóng điện hiên nhà ai
Tiếng người nói chuyện bên hàng xóm
Cũng ấm tình tôi giữa chốn này

Tôi biết nào em đâu dễ quên
Nhớ về thăm lại phố thân quen
Đời dong ruổi với bao phiền muộn
Về đây lòng sẽ nhẹ nhàng hơn

Võ Tấn Khanh

Bên dòng sông tuổi thơ

Trong cõi mộng lung đen đặc khuya khoắt của căn phòng, hòa với tiếng gió hú và tiếng nước đổ trùng trùng từ phía bên kia bờ đê vọng lại, Luân tựa mình thức giấc. Mắt mở lớn, trừng trừng nhìn lên đỉnh màn, Luân vẫn không nhận nổi màu trắng đục như thường ngày. Khe khẽ và lẳng lặng, Luân đưa tay qua bên cạnh: Chị Thuyền vẫn thở đều đặn, bờ ngực lên xuống nhịp nhàng dưới bàn tay úp nhẹ của Luân. Lăn hăn qua một bên, Luân choàng tay luôn qua người chị, áp má vào bờ vai đầy đặn, nghe cả mùi mẩn thương đậm đà ruột thịt thoát ra từ hơi thở, từ mớ tóc chảy lòa xòa trên mặt gối. Bị động, hình như chị Thuyền thức giấc, khẽ rùng mình. Trong hơi thở chập chờn, Luân hỏi nhẹ, tiếng nói vẫn còn đầy hơi chưa ra hết luồng cổ:

- Thức rồi à chị?

- Gì vậy Luân? – Chị Thuyền hỏi lại. Cũng trong thoáng chập chờn đó Luân dụi dụi cằm vào vai chị:

- Mưa dứt rồi

- Ờ

- Tiếng nước đổ buồn ghê, chị nghe Không?

- Nghe

Luân cười nhẹ:

- Nghe gì. Chị ngủ say này giờ.

Chị Thuyền đổi thế nằm cho đỡ lạnh, quay hăn mặt qua Luân.

- Chị thức lâu rồi. Mới chợp lại đây thôi.

Thức lâu rồi, đêm nào cũng vậy, kể từ một tháng nay. Và Luân như một thói quen cần phải có, cùng thức với

chị cứ mỗi nửa đêm, giữa cơn khuya trống lẩn mịt mùng này. Chị Thuý, từ ngày bỏ cái thành phố miền biển đó, hai năm nay, trở về lại đây, mang đến cho Luân cả một quãng đời xa xăm nhưng thân thiết mới. Luân đón nhận, tình cờ nhưng vồn vã, ngỡ ngàng nhưng thiết tha, đậm đà mà xa cách. Cứ như thế, tâm hồn Luân chợt mở rộng ra, hút hẫng trùng trùng trong từng cơn ngợp choáng, cố đuổi bắt cho kỳ được những hình ảnh trong cái vòng vây rộng lớn giảng búa bởi chị Thuý.

-Sao chị Không gọi em dậy?

-Luân ngủ ngon quá.

Luân dụi đầu vào cổ chị:

-Ngon gì. Em đợi chị cùng thức mà.

Vẫn nằm im, nhưng hình như chị Thuý cười nhẹ:

-Ai lại ngủ mà đợi?

Luân cũng cười

-Thì tại đợi lâu quá, em ngủ quên luôn

- Mơ gì Không?

- Chưa kịp mơ thì bị gió đánh thức dậy.

Hai chị em cùng cười. Hơi thở phả vào mặt nhau, gần gũi. Bên ngoài, gió vẫn thổi rì rào, tiếng rít nhẹ qua từng khe cửa hở, tiếng lá lao xao trước hiên thêm, và từ chập chùng xa, tiếng nước đổ. Cả hai cùng lắng nghe trong nhịp thở đều đều.

- Sáng nay nếu không mưa, mình lên dê chơi, chị nghe?

- Ờ.

Lên mặt dê, đó cũng là thói quen của hai chị em, mỗi sáng chỉ mặt trời chưa mọc, và mỗi chiều chỉ đã vắng thưa người. Nước bạc trắng xóa từ non nguồn xa thẳm, qua bao nhiêu trùng khe ghềnh thác, dọc theo những xóm làng heo hút hai bên, len lỏi và hung bạo đổ về. Năm nào cũng vậy, cứ đến mùa này, chỉ bầu trời suốt ngày âm u mù xám, không khí ẩm hơi nước và gió se lạnh gai da, con sông cũng đầy nước bạc. Tuổi thơ của Luân lớn lên bằng những con nước từng mùa đó. Và chị

Thuyền, người chị cả trong số mấy chị em, người chị đẹp nhất nhà, ngoan nhất nhưng cũng bất hạnh nhất, được gửi đi học xa, như một thói quen, cứ đến mùa đó lại tìm về. Chị về, xin nghỉ học để về, ở với gia đình ít hôm, dắt Luân đi dạo trên mặt đê, quanh những con phố vắng, mong ngóng, chờ đợi và đến ngày lại lẳng lặng ra đi. Luân lại phải xa chị, từng ngày, từng tháng, lớn lên với nỗi hun hút đợi chờ

- Chị Thuyền này.

Luân gọi nhỏ, vòng tay vẫn chưa rời khỏi vai chị. Hình như chị Thuyền đáp nhỏ và Luân thở hắt nhẹ ra, nói tiếp:

-Hồi chiều em có gặp anh Khải.

-Có nói gì không?

-Dạ không. Anh mắc đi với mấy ông bạn nào đâu lạ hoắc.

-Vậy à.

Vậy à. Chừng đó. Mẫu đối thoại lại tắt nửa chừng. Và nhân vật được nhắc đến, anh Khải cũng chỉ thoáng qua rồi bật theo. Thế nhưng trong cõi sâu tiềm thức mỗi người, nhất là nơi Luân, lại được khơi sáng dậy. Anh Khải, người-con-traì-đàn-ông đó đã nghiêm nhiên thường trước tầm nhìn.

-Hồi giờ chị gặp lại anh chưa? – Luân khơi lại.

-Rồi

Luân lăn qua buông lỏng vòng tay:

-Sao anh không đến nhà chơi chị nhỉ?

-Có chớ.

-Bao giờ?

-Hôm qua, khi Luân đi vắng.

-Có hỏi em không?

-Dĩ nhiên là có.

-Hỏi sao chị?

-Thì thường vậy. Anh cũng có nói: “con nhỏ bây giờ chắc lớn dữ lắm rồi”.

Con nhỏ. Luân nằm im và không hỏi tiếp. Hình ảnh tự nhiên theo nỗi dây chuyền sáng lại trong Luân. Con nhỏ Luân cắt tóc ngắn nhảy cẫng quanh anh Khải đòi quà mỗi bận anh đến chơi; con nhỏ cắt tóc bím ngồi vãn về vật áo trong lòng chị Thuần, làm cái cớ để chị ngồi với anh trong phòng khách cho đỡ ngượng. Và gần đây, con nhỏ đã trở thành chim bồ câu mang thư từ qua lại cho anh chị. Con nhỏ, Luân nín cười nhưng tự nhiên nghe xa từ trong lòng ngực, một nỗi niềm hăm hiu, chua xót.

-Chủ nhật tới Luân có bận gì không?

-Không. Chi vậy chị?

-Đi chơi.

Luân lại chồm lên, gác một chân vòng qua người chị:

-Đi chơi với chị thì bận gì cũng bỏ.

Chị Thuần cười, vuốt nhẹ vai Luân:

-Nịnh há.

Luân lắc nhẹ người, theo thói quen, phụng phịu:

Thì hồi giờ vậy chớ bộ. Em mà nịnh.À thôi.

-Thì chị nói chơi vậy.

-Mà đi với ai chị Thuần?

-Anh Khải.

Tự dưng một nỗi rưng rưng buốt nhẹ trong Luân. Đi chơi với chị Thuần và anh Khải, nối tiếp lại những ngày thơ ấu bị bỏ quên bởi mấy năm đi xa của chị Thuần. Luân chợt nghe bồi hồi.

-Đi khỏi thành phố chị há?

-Ồ. Mai lên đề chị chỉ cho.

Luân ngạc nhiên:

-Sao lại lên đề?

-Thì bên kia sông.

-Nhưng nước lớn, mà?

-Mình đi vòng lên khúc trên, qua ngõ cầu Móng

-Bên đó vui không chị?

-Buồn lắm, nhưng chị chắc Luân thích.

Bên kia sông là vùng làng xóm xanh đặc được che khuất bởi rừng tre kín dày. Đứng trên mặt đê nhìn qua, Luân chỉ thấy thấp thoáng những đợt cau vươn cao, tàu lá dong đưa như những cánh chim lạc trong nền trời chiều tím xẫm. Bên đó, chưa một lần nào, Luân được đặt chân qua. Nghe đâu đó là một vùng xanh mướt, đủ cây trái bốn mùa, và là nơi chính sản xuất trâu cau, món sính lễ ngàn đời của dân tộc. Luân chợt thấy thêm thương:

-Nghe nói em muốn đi ngay bây giờ.

-Lại mơ mộng nữa.

-Mà đi bằng gì, chị?

-Chưa biết. Nhưng chắc là xe ngựa, Luân thích không?

-Thích chứ. Ồ là là. Lạy trời cho mau sáng!

Chị Thuần bật cười. Chắc với chị, Luân vẫn luôn luôn là đứa con nít, mặc dù năm nay Luân đã mười lăm tuổi. Những cơn buồn bắt đầu mừng lên trong lồng ngực. Những chiều ngồi trước hiên nhà nhìn vợ vắng, những buổi đi học về lang thang với nỗi mùi khơi trống vắng, và, những vết tích chị Thuần khơi dựng mỗi bận chị ở xa về. Gần đó thứ, giăng mắc chập chờn chung quanh cái tuổi mà đáng ra, Luân phải được như hầu hết bạn bè, những trang đồng lứa tuổi, la hét, nhí nhảnh, cười vui suốt những con đường sáng chiều ngập đầy áo trắng. Luân nuốt nước bọt rồi thở dài...

-Mai Luân học chiều hay sáng?

-Chiều. Chị vậy chị?

Hỏi vậy thôi.

-Tưởng chị nhờ đưa thư.

Chị Thuần cười nhẹ:

-Thư từ gì nữa. Già hết rồi

-Bộ già rồi chị không gửi thư nữa haysao? Mà chị đâu đã già?

-Thì gặp nhau hoài, có gì đâu mà viết.

Luân không đáp, dùng ngón tay vẽ những vòng tròn bằng quơ trên mặt gối, thờ ơ. Cuộc tình của anh Khải

và chị Thuýễn lớn lên cùng với tuổi của Luân, và vô tình, Luân là một chứng nhân gần gũi thường xuyên nhất. Từ những gập gờ e dè, những lá thư nhẩn nha qua lại, hai người giờ đã rất tự nhiên. Tuy nhiên, như một giòng nước chảy, Luân đã lỡ có mặt trong cuộc ngay từ đầu, và theo cùng anh chị cho tới hôm nay. Rồi cũng tự hôm nay, nếu không nói đến chị Thuýễn, với Luân, anh Khải là người gần gũi nhiều hơn hết. Tự nhiên nghĩ đến đó, Luân nghe một chút ngậm ngùi. Tiếng nước chảy xa vắng vọng lại, và mưa bắt đầu nhỏ giọt tiếp trên mái. Luân không hỏi nữa, nằm im.

oOo

Đứng dưới bậc đê thấp hơi soãi, Luân nhìn chăm xuống giòng nước đang cuồn cuộn chảy. Những thanh củi mục lớn nhỏ từ nguồn xa đổ tấp về, quạnh đặc dày trong từng khối bọt trắng cao, dạt vào mạn đê. Con đê dài đổ xuôi về cuối phố. Cách khoảng là những ụ đá nhô ra, cản bởi độ xoi của giòng nước. Và bên kia sông, vùng trời xanh thẫm âm u, nơi đang được mường tượng và đợi trông thấp thỏm của Luân, theo lời hứa của chị Thuýễn. Luân quay hẳn lại và ngược nhìn lên phía trên. Trên bờ dốc, chị Thuýễn đứng đó, im lặng, dõi nhìn đâu xa, dáng bất động như bức tượng cổ in hẳn trên nền trời. Những sợi tóc bay lòa xòa trước trán, rủ xuống vai, ngực. Một tay vòng trên vai và tay kia như một cuộn vải hồ treo lủng lẳng, từ vai đổ xuống. Đó là một bất hạnh lớn nhất đời chị. Nhiều lần Luân nghĩ chị là một người con gái đẹp, đẹp hoàn toàn: mái tóc dày mượt, khuôn mặt thon, dáng dong dỏng cao, và nhất là đôi mắt đẹp nào nùng. Thế nhưng không biết oan nghiệt từ muôn kiếp nào bắt chị phải trả: một cánh tay đã bị liệt từ nhỏ, bất động và thừa thãi một cách vô lý, lủng lẳng một bên vai. Hình ảnh đó, cùng với trí thù dật đã kéo Luân đi từ những cơn mơ chập chờn đến một thực tại phũ phàng, chua xót. Nhưng

Luân nghĩ dù sao chị Thuýên vẫn còn có anh Khải, còn những chuyến đi về giữa hai thành phố nắng gió, còn có Luân. Luân chép miệng thở dài bước lững thững bên chị.

-Anh Khải làm thơ hay quá.

Chị Thuýên chỉ cười nhẹ rồi quay về hướng cũ. Hơi lạnh từ mặt sông đưa lên, cùng với những cơn gió từ mạn bắc thổi về se lạnh. Luân nép sát vào người chị Thuýên, vòng tay qua hông chị, hát vắn vớ: *Một hôm... bước lần theo lối cũ tôi về... thăm mớ giàn hoa tím xưa...chưa phai...* Không nói, chị Thuýên lảng lảng quay lui và nhẹ bước. Khúc hát quánh đặc chưa dứt, Luân cũng bước theo. Phía bên kia, thành phố đã bắt đầu rộn rịp. Mặt trời lười biếng rọi những tai nắng yếu ớt lên mặt dề. Dứt khúc hát, Luân ngoái ngược lên chị Thuýên:

-Không có chị về chắc chẳng bao giờ em được đi chơi.

-Thì lớn lên chút nữa, em tha hồ đi.

Lớn lên chút nữa, Luân chợt nghe một chút mất mát trong hồn. Trong thâm tâm, Luân không bao giờ muốn xa chị Thuýên, cũng không muốn mất anh Khải. Hai người đã dính chặt vào đời Luân(...)

Cả hai cùng bước qua mấy bậc đá thấp, xuống đường. Không vào nhà như mọi bữa, chị Thuýên đưa Luân đi dọc bờ hiên phố, quẹo xuống ngõ dinh Công sứ cũ. Con đường ngợp lá me vàng sau một đêm mưa. Lề đường trắng xi măng và kẻ thành những ô vuông nhỏ, vang đều đều nhịp guốc của hai chị em. Luân nép bên chị, nghe giọng nhỏ nhẹ về những kỷ niệm của chị trên con đường này. Luân nghe chấp chờn, và đôi đoạn nhận bắt được hình ảnh và nếp sống của mình trong những năm tháng trở lại đây. Chị Thuýên kể và Luân nghe. Rưng rưng nỗi nhớ thương thâm lén, với nỗi buồn băng quơ khơi dậy chấp chùng. Trong đó, có hình ảnh chị Thuýên, những sáng những chiều lang thang, hẹn hò hay chờ đợi. Có anh Khải đáng cao đầu cúi thấp, lẻo đẻo theo sau hay

cũng một mình, lẻ loi, đơn độc. Có Luân, những ngày mới lớn, mộng tưởng mơ hồ xuôi ngược sáng chiều với nỗi nhớ vu vơ chờ đợi âm thầm. Luân chợt nghe một chút xót thương thoáng gọn trong hồn, âm ỨC.

Trời quang hẳn. Đến ngõ chị Thuần vào nhà trước, Luân vẫn nấn ná lại bên ngoài. Khoảng sân hẹp cũng được phủ một lớp lá me mỏng. Cây me phía bên kia đường, đối diện với nhà, Luân chợt để ý lại, nay đã vượt lên cao. Chống tay lên bờ rào, Luân nghĩ đến ngày phải xa chị, rưng rưng muốn khóc.

-Sao còn đứng đó Luân?

-Chị Thuần mở cửa đi ra. Chị đã thay áo dài. Luân quay lại, thoáng nhìn lên chị, mắt gọn buồn. Chị Thuần đặt một tay lên vai Luân:

-Vào dọn dẹp rồi lo học bài đi.

Lặng lặng, Luân vào nhà. Hình như chị Thuần có ngoái nhìn lại theo Luân, khẽ thở dài rồi đi ra ngõ...

*VTK, gửi tiếp qua cho TQBT những truyện mà bạn còn giữ.
Qua U. hay Minh. (PVN)*

Nguyễn Đức Nhon

Bên Khe Suối Nhỏ

Hiền như con nước cuối mùa
Re re chảy giữa đôi bờ quạnh hiu
Ta ngồi ngó đám rong rêu
Mà nghe mình cũng ít nhiều đắng cay
Như con suối nhỏ nhoi này
Hai mùa mưa nắng chợt đầy chợt vơi
May còn đôi chút thanh thơi
Ngồi đây mà ngó đất trời vu vơ

Trận mưa đầu mùa

Đêm nằm nghe tiếng ếch kêu
Râm ran giữa chốn đìu hiu núi rừng
Đôi bờ mắt chợt rưng rưng
Lời thơ buồn cũng ngập ngừng trên môi
Chợp chờn trong cõi đầy vơi
Như con nước lững lờ trôi giữa dòng
Trong cơn chìm nổi phiêu bồng
Tôi mơ về lại cõi hồng hoang xưa

Mái tóc

Thôi đừng soi nữa lược gương
Thôi đừng rẽ nữa con đường phù du
Đẹp như con nước mùa thu
Trăm năm rồi cũng rồi bù em ơi!

Sau một đêm say

(tặng Trần Yên Thảo)

Sáng thức dậy bỗng thấy mình lạ hoắc
Sau một đêm trần trọc giữa cơn say
Đầu thì nặng như ngàn cân treo sợi tóc
Mà hồn thì nhẹ hều như gió như mây

Bước ra cửa thấy một ngày đổi mới
Bầu trời cao và những đám mây bay
Con chim khách đậu trên bờ giậu đỏ
Mà bìm dâu đã phủ kín bao ngày

Châm điều thuốc khói tản lờ theo gió
Mà còn nghe đâu đó chút hương thừa
Ta lục lạo trong từng ngăn ký ức
Chợt thấy mình cũng lạ hoắc lạ hươ

Sờ râu tóc, râu thì dài, tóc ngắn
Tóc le the từng sợi bạc trên đầu
Râu thì phủ năm chòm dài suôn đuột
Che nụ cười vừa chết đứng trên môi

Nhìn quanh quất như cố tìm đâu đó
Một chút gì để nhớ, để quên
Nhớ thì dễ mà muốn quên thì khó
Em đi rồi để lại chút lênh đênh.....!

Trần Nghi Hoàng

kỳ tích từ phương Đông

Người đàn ông đứng xoay nghiêng ra biển
(mắt ẩm hơi chiều)
thầm thì cùng gió:

những vụng mưa còn ở trên cao
xin trả về biển và bên kia thế giới Tôi chưa tới!
bên kia thế giới mọc vô cùng trí nhớ
ngáp phải mây ai cười miếng ăn cuối không độ lượng
(miếng ăn cuối trầm ngâm trên những chiếc đĩa trở hoa
lá và chim)

Người đàn bà tóc dài lê trên cát,
mặc chiếc áo trắng cùng dài như mái tóc của nàng
chập chờn tiến ra như không từ một chốn nơi nào định
được
mái tóc đen nháy múa nhẹ nhàng trên chiếc áo trắng
nàng đứng sau lưng người đàn ông
đôi mắt đen sâu của nàng lóng lánh ánh sáng trắng
nàng hát:

những vụng mưa thôi chẳng cần về biển
thế giới nào mưa vẫn ở trong Tôi
chút chần chừ nghiêm chỉnh
bất giác lời hẹn tan thành hơi
bay bay miết như thời gian vào hư không
(Tôi Đàn Bà lời nói cần chú giải)
mật ước này uyên nguyên

nhìn kia, nhìn kia
sóng biển chồm lên nhau

bài trường ca cho cuộc ái ân hung bạo
những bọt nước dập dềnh
những bụi nước phấp phới
biển với Tôi Đàn bà là Một
mở ra mở ra từ vô cùng
nhưng cũng vô cùng vô cùng khép cầm

Ánh sáng len lên ngoài chân núi
ánh sáng chui xuống mộ phần riêng ngoài bóng tối
nhập nhòa
ánh sáng hòa âm cùng tiếng hát Người đàn bà

(không phải Tôi!)

:

mở ra mở ra vô cùng
vô cùng vô cùng khép cầm
trầm khúc biển khải lộng gần biên cương
Tôi Ánh Sáng chia biệt từ Bóng Tối
Tôi Có Mặt ngay trong những khi Tôi Vắng Mặt
Sự Hiện Hữu Không Hiện Hữu
Của Tôi như một phép màu
Hay một Tội Ác chẳng ngừng cần thiết

Ánh Sáng run rẩy trước mộ phần
còn cuộc Tái Sinh

Người đàn ông vẫn đứng xoay nghiêng ra biển
(mắt ẩm hơi chiều) rất chậm

Gió rập rờn hú ghen từng cơn
(có những đợt hú thốc vào vô thức)

:

mang theo chi mang theo đi mang theo hết những gì trần

gian. Mang trần gian đi giữa trần gian. Tôi Gió mang
những phần hoa những nhụy hoa trong cuộc hành trình
bất nhị gây trận Ai An bất nhất. Còn sót lại và còn mãi
mãi. Còn nữa còn sót lại là Cuộc Chiêm Bao còn nữa
lá không Tôi và chim không Tôi

Gió

không theo không theo

không đuổi

lá bỏ cuộc xanh nhập xác vàng chim lạc ở hư không

gọi cuồng nộ ngấm thấm giọng

Tôi Gió vút lên núi tìm chim

Tôi Gió muôn đời đầy đọa biển

lần vuốt ve không chỉ ăn năn

cuộc vò xé sóng ngàn sỏi bọt

Kẻ Chứng không hận thù

Những chiếc Vỏ Sò lấp lánh chết

ruột trôi ngoài thân tâm

(nhắc bởi loài Sò không trí nhớ

dù là chút trí nhớ phai!)

con đường biển dẫn vào chân núi

con đường qua một khúc rừng

Tôi Rừng tung tẩy nói giùm biển

Gây hấn cùng gió

Vỏ Sò không phải chiếc mặt nạ

Vỏ Sò không cam tâm

Không Cam Tâm thì còn trong Thân Tâm

Thân Tâm từ lòng Biển Thẳm

Lòng Biển Thẳm là Lòng Tôi Vỏ Sò

như Tôi Lá Xanh không bỏ cuộc Vàng

Tôi Lá Xanh ở lại cuộc Vàng

Tôi ở lại cuộc Vàng gọi rớt Chiêm Bao

(không gian chìm chìm thời gian chìm chìm)

sự sống trệch ra ngoài tầm tri giác
của loài người biên niên

Virginia 2002

(trích Trường Ca Bài Ca Thế Kỷ)

cái chết của dòng sông

trên dấu nước chảy qua, dòng sông thiệt mạng
nàng trầm mình ở cuộc ái ân xanh
ngủ quên ngày tháng
con bướm ướt mưa
về đậu giữa đôi bờ háng của nàng
đăng đẳng hơi khuya
nổi nhớ ngập đầy khoảng trời mong manh
kỉ niệm mang hài nhưng đi rất khẽ

chàng lặng lẽ ngược nhìn con gió diên si luồn qua kẽ lá
mang

theo máu xương hội ước hòa

đàm

tiếng thở dài như một lời tiên tri phiến muộn
những tâm sự rỗng
niềm trắc ẩn tội tình vu khống thời gian
(dù gì thì nàng cũng đang ngủ quên ngày tháng!)
nên ngày tháng là của chàng

khoảng tối trong tim nàng bật khóc
chàng lâm li với sợi tóc nàng trên chần gối có trăng sao
đổ xô về mặc niệm cái chết của dòng

sông

tiếng kèn vĩnh biệt cắn nát bàn tay người đạo tỳ say
rượu

chàng bỗng ngất ngưỡng cười

nâng cao chiếc ly chúc mừng thế giới

chàng cột sợi tóc nàng vào ngón vô danh

bàn tay trái chàng từ đó tuyên

dương hạnh phúc khác thường

có nỗi bất an của nàng phũ dũ

“hiện tại hôm nay là kỉ niệm mai sau”

con bướm đang đậu giữa hai bờ háng nàng hóa thân

thành giấc ngủ chàng bần bật

California Nov 1992

Võ Hồng

Thơm ngát hương cau

Cũng là tết năm Ngọ, nhưng là năm Giáp Ngọ, cách nay vừa đúng ba giáp, ba mươi sáu năm, Pháp mở chiến dịch Atlante, đưa quân vượt đèo Cả tiến chiếm Phú Yên.

Đồng bào lừa bò vô núi, gánh lúa vô núi, dẫn con vô núi, núi bảo bọc hết không bỏ ai. Mà Phú Yên thì núi trùng trùng điệp điệp. Cứ ngoảnh mặt nhìn về phương mặt trời lặn là có núi.

Chịu đựng chiến tranh đã chín năm rồi nên bà con cũng quen đi, lì đi, biết hà tiện công sức nên đợi khi giặc tới gần mới chịu nhúc nhích. Không còn cảnh gánh gồng hối hả, chạy quáng chạy quàng, chạy đâm sầm vào nhau. Giặc chiếm tới Tuy Hòa thì ở nơi thềm giếng công cộng kề cận nhà tôi mới nghe những tiếng nói lạ. Giặc chiếm tới Hòa Đa thì những tiếng đó biến mất. Chắc đã chạy xa ra miệt ngoài, xa hơn. Giặc chiếm tới Mỹ Phú thì đến lượt tôi phải ra đi.

Lẽ ra thì tôi cũng chỉ cần tấp vào mấy hóc núi gần đó. Thiếu chi. Chỉ trong vòng bốn cây số vuông mà có tới bốn hóc: hóc Bò, hóc Lá, hóc Bé, hóc Bền. Nhưng trường hợp của tôi có khác. Tôi thuộc thế hệ hồi nhỏ học chữ Pháp nên rất dễ bị tình nghi nếu sự trốn lánh quá cầu thả. Có thể bị hiểm nguy vào lúc tình hình hỗn mang, báo cáo mập mờ. Thôi, đành bỏ vợ con lại, gùi ba lô lên vai, móc theo cái nồi đồng nhỏ, quàng theo cái ruột ghé gạo. Phải kiếm mượn một bộ đồ bà ba đen bằng vải ta xấu trông vào. Khổ thân tôi, vóc dạc cao ngồng mà bộ bà ba nào cũng cùn cớn, cao hơn mắc cả cả tấc. Vạt áo thì lưng lửng đập trên eo ếch. Với bộ trang phục đó, tôi ra đi, cứ nhằm phương Bắc mà trực chỉ.

Một mình lếch thếch trên đường, vượt quá cánh đồng Bình Hòa, Bình Chính, leo lên đỉnh núi Xuân Đài, vượt cánh đồng Gò Duối, trèo đèo Cù Mông đi dần vào nội địa tỉnh Bình Định. Đó đây vắng vẻ, Không có cảnh chạy loạn hồi hã như hồi 1945-46 ở miệt Đà Lạt, Phan Rang nữa. Người dân đã trở thành triết gia hết.

Bình Định quả đang còn bình. Người dân Đập Đá đang chưng chậu cúc, chậu thược dược, đang cắm cành mai để đón xuân. Thấy tôi lủi thủi đáng vẻ thiếu não, nhiều người bu lại:

- Giặc tới đâu rồi?

- Phú Yên

- Trời ơi! Tôi chưa!

Rồi trở về với chồng bánh tét, với quả rim, với nia cốm. Thỉnh thoảng tiếng pháo tre nổ đùng. Ở Phú yên cũng có tiếng nổ đùng nhưng do súng. Tên tỉnh có *yên* đang hoang, đồng nghĩa với *bình* ở đây.

Tối Bình Dương gặp một anh bạn cùng tản cư. Anh rủ đi thẳng Hoài An cho xa trận địa. Đi thì đi, sợ gì. Hai bữa sau tới Bồng Sơn. Gặp một người khác cũng đang gửi ba lô.

- Ở đây sao được? Mặt trận An Lão kề cận, bộ quên hả? Đi Quảng Ngãi với tao. Ra Mộ Đức kiếm nhà thẳng Hồ Cơ

Anh bạn căng còn mạnh nên cái tai biết nghe lời. Tôi mệt quá, bắt tay hẹn ngày tái ngộ rồi lúc thức lết tới xã An Tín, ngừng lại xóm Gò Cau. Tìm tới một cái quán cắt tóc. Kinh nghiệm cho biết người thợ cắt tóc xuề xòa hơn người thợ may, dễ dãi hơn người buôn bán. Vừa chợt có ý đồ: chạy giặc chưa biết bao lâu, phải kiếm thêm bằng một nghề phụ. Có thể học nghề cắt tóc.

Đang lúc vắng khách, chủ tiệm hỏi chuyện một cách vui vẻ. Tôi giấu lai lịch của mình, nói rằng mình ở nhà quê giúp tay cho vợ buôn bán. Có học qua nghề cúp tóc nhưng chưa thạo. Nói láo để cầu may anh ta thương

người... đồng nghiệp chở tôi đâu biết cúp tóc. Nhớ hồi chạy giặc ở Phan Rang, thấy mấy công chức Đà Lạt chạy xuống, bày hàng cắt tóc kiếm ăn qua ngày, tôi, sau đó chạy trở về với gia đình, có sắm một bộ tông-đơ, dao kéo để làm thử. Dem thẳng cháu họ ra thí nghiệm. Nhưng sao bóp mạnh tông-đơ mà tóc ít đứt. Rồi chỉ mỗi tay ngừng lại, bỏ xuống nghỉ thì thẳng cháu cũng đứng dậy đi theo. Vừa la ái ái. Đi nhích xê ra vừa hỏi nguyên do thì nó càng đi sát lại mình mà ái...ái. Thì ra tôi chưa biết vặn cái chốt tông-đơ cho thiết chặt nên hai hàm tông-đơ kẹp chặt tóc lại, chứ không chịu cắt.

Anh chủ tiệm tên là Đặng Công, tuổi trạc băm lăm băm bảy. Còn mẹ già. Vợ gốc người Tam Quan. Có một đứa con trai lên bốn. Anh đồng thời là chiến sĩ bình dân học vụ của xóm, phụ trách một lớp vỡ lòng. Kể nhà anh là tiệm may của ông Tứ. Ở xế trước mặt, bên kia đường có một tiệm cúp nữa do anh Lê Hộ làm chủ, anh Quyền trẻ cỡ tuổi phụ tá. Sau lưng nhà là đồng ruộng khô.

Với trình độ thợ cúp tập sự, tôi khiêm tốn lãnh những cái đầu con nít. Biết vặn chặt cái chốt tông-đơ rồi mà! Cứ ủi theo rìa của mái tóc, ở ót, ở hai bên màng tang, là ngó vô gương đưa nhỏ nào cũng bằng lòng. Gặp cụ già thì còn thành công hơn. Cứ thả ga ủi trụi như bóc xơ một trái dừa. Chỉ tháo cái khăn choàng, cầm bàn chải nhẹ nhàng phỉa mở tóc con bám nơi vạt áo, các cụ đưa tay xoa đầu mỉm cười khen: “Mát quá!”. Phải, tôi còn mát ruột hơn cụ mát đầu.

Một hôm anh Công sụt sịt bảo tôi:

- Tôi bị cảm. Mới xông hơi hôm. Anh Hai... (cho đến giờ này, chưa ai biết tên tôi. Anh Công lịch sự có hỏi tôi thứ mấy. Tôi trả lời: thứ hai. Và mọi người kêu tôi *anh Hai*, hoặc *anh thợ Hai*). Có cái lớp mẫu giáo, anh Hai dạy được không thì dạy dùm tôi vài bữa.

Tôi trả lời: “Ồ. Để tôi gắng giúp anh”.

Việc giúp dùm làm trót lọt khiến tôi được anh Công và cả nhà thương quý hơn. Có hơi nể nữa. Có thêm trái ổi hay củ khoai lang “ngoại khóa”. Anh Lê Hộ thợ cúp trước nhà bắt chuyện với tôi (chắc do anh Công khen tôi dạy được mẫu giáo). Có bữa anh qua nằm chơi cạnh tôi, rồi, để tỏ lòng ưu ái, anh gác cặp chân lên bụng tôi. Trời ơi, tôi muốn nghẹt thở luôn. Cặp chân nhà nông – vì ảnh vừa cúp tóc vừa cày ruộng – nặng như cặp cối đá. Anh vụt hỏi, như chợt nhớ ra:

- Anh thợ Hai, anh làm được toán phân số không?

Tôi thêm một chữ cũng với giọng rụt rè trước chữ được trong câu trả lời. Phải biết hòa, phải biết hòa, phải biết lấp những cái hố ngăn cách.

Một buổi sáng chủ nhật, có một em trai cỡ mười ba tuổi mang tới một cái đầu tóc chơm bươm, tóc rũ phủ tai, tóc bò tới chân mày, tóc chụp quá ót. Và dày như rừng, thứ rừng nguyên thủy, rừng Amazone. Đi thẳng lại ghế ngồi, ngồi lên vừa ra lệnh: “cúp ca-rê”. Cúp ca-rê? Quả thật từ chi đứng chân thợ ở đây, tôi chưa hề cúp ca-rê lần nào. Vớt theo ót, theo mang tai thì dễ, ít thấy khuyết điểm.

Tôi thuyết phục dịu dàng: “Em cúp vớt đẹp hơn. Cán bộ cúp vậy hết”. Nhưng nó lắc đầu, lắc luôn đám rừng khiến tôi càng lúng túng hơn. “Cha tui biểu cúp ca-rê”. Có “cha” chen vô là không xong rồi. Mệt rồi. Tôi cầm tông-đơ đứng ngó. Rồi chằm chằm đi xung quanh. Ướm thử hàm tông-đơ vào chân tóc trời trịnh trọng kéo ra, tay kia cầm lược chải nhẹ, vỗ về. Rồi thần thờ mắt ngó mông lung ra đường.

Thì chợt lúc đó, từ tiệm anh Lê Hộ anh Quyền vụt bước ra. Đi thật mau về phía tôi. Anh giật cái tông-đơ từ tay tôi, đẩy tôi nhích ra, rồi cầm tông-đơ ủi thẳng một đường vào rừng tóc. Đường ủi in từ trán lên tới đỉnh đầu. Xong, anh nhẹ nhàng trao tông-đơ cho tôi rồi lẹ làng bước ra.

Sự việc xảy ra chớp nhoáng. Tôi định thần nhìn lại con

đường mà anh đã phóng, rồi cẩn thận làm y theo. Cuối cùng cái rừng được khai quang đúng mô thức cổ điển, chính tôi cũng không ngờ.

Tôi bàng hoàng suy nghĩ về hành động vừa rồi của Quyền. Từ dạo gần đây tôi thấy Quyền có vẻ không ưa tôi. Chắc nguyên nhân xuất phát từ một người tên là Huấn, nhà ở sát nhà anh Đăng Công, thỉnh thoảng hay đứng nói chuyện với tôi. Cha mẹ Huấn là địa chủ lớn, nhà lá mái to, vườn rộng. Vì nhà anh Công hẹp, nóng nên buổi trưa tôi hay qua nhà cha mẹ cô, nằm nghỉ nơi bộ ván gỗ. Cô đã lấy chồng ở mãi Phù Mỹ, thỉnh thoảng mới về thăm nhà. Tuổi chừng hai mươi, nét đẹp phúc hậu. Chưa có con. Tính tôi rụt rè quen nghề dạy học nên không biết tán tỉnh. Cô lại nghiêm chỉnh đoan trang nên câu chuyện trao đổi chỉ xoay quanh ở lời hỏi thăm sức khỏe, làm ăn. Thỉnh thoảng nhờ cô in chợ sẵn mua dùm trái cam, quả trứng. Nhưng quả tình tôi thấy cô năng về thăm cha mẹ hơn trước, lấy cớ buôn tở, bán thao. Chợ búa thời kháng chiến họp từ chiều tới khuya, sợ máy bay địch. Một đêm cô đi chợ về, kêu tôi ra lấy trứng. Sáu cái trứng bụm lổn nhổn trong hai bàn tay, cái rổ đầy rau cải kẹp dưới nách, cô lúng túng khiến có mấy cái trứng sắp rơi. Tôi vội đưa tay nâng bàn tay cô và vụt nhiên một cảm giác ấm, mềm khiến tôi không muốn rút tay lại. Và cô cũng để yên hai bàn tay trong tay tôi. Hai bàn tay trắng nõn, ngón thon dưới ánh trăng. Tôi nhìn sang cô. Đôi mắt đen chăm chăm nhìn lại tôi. Cô nói: “Thôi em về”. Giọng nhèn nhẹn.

Một hôm có người đàn bà bế đứa con nhỏ tới tiệm. Đường như đang vội vã, chị bước xông vào đặt đứa nhỏ lên ghế rồi ra lệnh:

- Cúp bum-bê dùm. Nhờ cúp lệ dùm.

Tôi ở đằng sau bước tới, chụp cái khăn choàng lên vai đứa nhỏ.

- Chừa hơi thấp thấp một chút. Anh coi chừng giùm cái.

Chị ngẩng lên. Đôi mắt chợt mở to:

- Uở? Thấy? Chớ sao thấy...

Anh Đặng Công đang đứng cúp ở ghế gần đó, ngó tôi.

Trong bữa ăn trưa tôi thưa thiệt rằng tôi là hiệu trưởng một trường trung học đang nghỉ dài hạn không lương vì kém sức khỏe. Tôi xin cả nhà thứ lỗi vì tôi đã giấu không nói sự thật...

Một tuần sau có tin Pháp rút khỏi Phú Yên, những người tản cư rủ tôi cùng về một chân. Tôi cảm tạ gia đình anh Đặng Công đã cứu mang một thời gian dài rồi đi giả từ những người quen ở xóm Gò Cau. Thiếu Huấn, Nàng đang ở bên nhà chồng, tận Phù Mỹ.

Năm tháng trôi qua, kể từ ngày ấy, từ mùa xuân ấy. Trong những hồi cô đơn, tôi hay để tâm hồn lãng đãng trôi về xóm Gò Cau, núi Bụt, chợ Mộc Bài, Gia Chiểu. Những khuôn mặt thân yêu, những thôn xóm quen thuộc như được gọi lên bằng một âm thanh êm đềm, như được bao bọc trong một hòa hợp màu sắc dịu dàng. Vượt lên trên, còn lắng lại, vĩnh viễn không rời là Huấn, là Trần Thị Huấn mà trong nhật ký sau đó, tôi phải ghi trại là Trần Huấn, anh Trần Huấn. *Ngày 19-3-1954: nhờ anh Trần Huấn mua giùm nửa ký đường.* Sợ biết sự thật, vợ tôi có thể nhĩ ngại.

Chẳng biết bây giờ Huấn ở đâu. Tôi có nhờ người tìm tung tích, nhưng Gò Cau nay đã thay đổi, họ không tìm ra dấu vết xưa. Con anh Đặng Công có thể nay đã thành cán bộ. Huấn nay có thể đã thành bà ngoại. Tôi muốn gặp lại nàng, nhìn xem dấu vết thời gian nơi khuôn mặt nàng, và vụn vặt mà nàng đang gặp khó khăn gì thì tôi nguyện là bạn ngày xưa, tận tình giúp đỡ. Nhưng biền biệt nàng là con chim trời, bay lướt qua chỉ một lần và chỉ để rơi lại, vụn vặt một tiếng hát đơn côi./

Ô Nhàn, Thư: Bữa vào thăm lão nhà văn, vừa bước chân lên căn gác muốn thuở xộc xệch, bữa bọn, cầu thả, ổng chỉ ngồi xuống mà không biết ngồi chỗ nào. Còn ổng thì lo đi lục cái truyện vừa nói: “ Em gọi điện hẹn tới, nên qua phải lo tìm cái truyện cho em. Qua biểu mấy đứa cháu in photo để sẵn. Em không tới thì qua cũng tìm cách gửi cho mấy em”. Tối đó về nhà bạn, giờ ra đọc. Truyện nhẹ nhàng, dí dỏm mà sâu, cảm động..

Đọc truyện Thơm Ngát Hương Cau, có nhắc tới quận Hoài An, xã Ân Tín, xã Ân Thường, nhà thờ Gia Chiểu.. nhớ lại những tháng cũ hành quân tới đây. Người lính cực hơn con ch.... Vào mùa mưa, mưa rả rả suốt ngày đêm. Dân thấy lính tới lầm lầm lì lì. Bản doanh của QK 5 cũ có khác. Mấy tháng hành quân ở Hoài An, An Lão, nhớ mãi. Còn sống hôm nay để nhớ lại vùng đất “ bom đạn “ này. (PVN)

Kiều Mộng Hà

Một

Ngày xưa em cô Tấm
Anh Hoàng tử hiền lành
Ước mơ đời trải thảm
Êm đêm em bên anh

Bỗng một ngày dậy sóng
Em chiếc lá quay cuồng
Anh cánh chim lạc hướng
Chúng mình mất quê hương

Nhiều năm rồi, có lẽ
Tình mình như mây trôi
Dòng đời con nước rẽ
Chia bên lở bên bồi

Anh thành chim gãy cánh
Em chiếc lá cuối mùa
Cành rung chim đứng chững
Gió quật lá lắc lìa

Em đi tìm sách ước
Trên đỉnh núi đầu hiu
Sách một ruộng rách xước
Chỉ còn một chữ YÊU

Nguyễn Lê Uyên

Mưa trên sông Đakbla

1. Trên đoạn đường dài hơn ba trăm cây số, nẩy xóc, ngân ngất ổ gà ổ vịt khiến không mấy ai còn hứng thú để chuyện trò như lúc đầu hăm hở ngồi trên băng ghế nệm. Cách đây vài tiếng, khi vừa mới bước lên xe, đám hành khách ồn ào chuyện nói, chuyện kể. Mấy người đi buôn nói về giá cả lên xuống bất thường và chắc mẩm rằng mình sẽ bán được nhiều hàng với giá lời cao. Người phụ nữ đi xa nhà lâu ngày nói về sự nhớ nhung hai đứa con nhỏ, tự chị nói ra rằng chúng học rất giỏi, rất ngoan ngoãn. Sau những lời khen ấy, hẳn chị sẽ tưởng tượng rằng mình sẽ được chúng reo mừng đón ngay trước cổng. Vậy mà lúc này người đàn bà buồn đờ khô bỏ rớt những lời lẽ ba hoa về những con cá phơi trên bãi cát, những đêm trắng chờ chồng cời lưng sóng bão; ông cán bộ thương nghiệp mập ú, cổ ngấn mỡ bốc phét về công việc điều hành buôn bán trong cơ quan của ông ta, đang như chiếc bị vãi lẩn qua, lẩn lại trên ghế theo nhịp xe nghiêng vồng, thỉnh thoảng lại ngã hẳn lên vai người phụ nữ ngồi kế bên, khiến chị ta phải khó nhọc lắm mới đẩy được ông trở lại vị trí cũ. Ở hàng ghế bên kia, ngang với ông cán bộ là cậu thanh niên mang kiếng đen, giống như những tay thám tử. May mà cậu ta không dòm ngó, xoi mói ai, chỉ bông lơn khoe mẽ về bản thân với cô gái ngồi cạnh cười ngật nghẻo mỗi khi anh ta pha trò. Còn lại là những người có tuổi và hai đứa bé. Họ yên lặng ngó trời nhìn đất, cây cối, nhà cửa... chạy vụt về phía sau, đang suy nghĩ những gì không ai biết. Những người ngồi trong xe, bên cạnh nhau có cơ để giải bày chút tâm sự trên đoạn đường dài, có khi sẵn sàng

thổ lộ tâm can với nhau.

Lúc xe lên đèo qua những đoạn vòng vèo, lắc lư, gấp khúc nghe có tiếng giấy sột soạt, mùi dầu gió bay dạt, trôi lều bều trong lớp không khí oi nồng buổi xế chiều. Có giọng đàn bà la lên: “chạy từ từ, đừng có bẻ cua gắt quá, cơm cháo lộn lên tới cổ rồi nè”. Tiếng cười lục khục, lẻ loi chìm ngấm đâu đó cùng mùi dầu gió lúc càng nồng nặc hơn. Lên tới đỉnh đèo, tài xế cho xe đậu dưới tán hàng keo lá tràm trồng dọc theo đường, chỗ gần vòi phun nước tự nhiên dẫn từ đỉnh xuống. Mọi người lục tục xuống xe. Ông cụ ngồi cùng băng ghế, sau khi làm công việc vệ sinh cá nhân, bước đến chỗ tôi đứng, hỏi:

-Mấy tiếng nữa xe mới tới Kontum?

-Giờ mới trên đèo An Khê, chạy kiểu này chắc xầm tối mới tới nơi.

-Khổ dữ đa. Không biết có tới được Tân Cảnh không đây? – Ông cụ thở dài, xa xôi.

-Tôi chưa kịp hỏi han điều gì, ông cụ tiếp lời:

-Tôi đi thăm mộ thằng con, chết hồi mùa hè đỏ lửa, năm 72. Tôi có mình nó. Bao nhiêu lần định bốc mộ đưa về Diên Khánh, nhưng vợ nó không chịu, nói “ảnh sống trên này với con, giờ chết đi ảnh cứ sống với con, ba đừng lo”. Con nhỏ đó gan ruột, mấy chục năm vẫn ở vậy nuôi con, mua được chục hecta cà phê, dựng vợ gả chồng cho hai đứa cháu. Mấy năm trước cà phê còn có giá đời tụi nó lên hương chút đỉnh, nay thì sống dở chết dở. Lần này tôi lên bàn với nó, bán nhà, vườn cà phê đưa lũ cháu về dưới này. Tôi đã lên cổ rồi mà nào có ai bên cạnh. Đứa con gái và lũ cháu ngoại thỉnh thoảng tạt về thăm rồi biến mất. Chúng thoát hiện thoát biến như bầy chim ăn đêm. Còn đám cháu nội thì xa xuôi dặm trường, hiếm khi chúng về. Kiểu này mà kéo dài có khi máu mủ ruột thịt lại lộn lộn với nhau. Tôi lên lần này là

để bàn với chúng nó gom về một mối. Tôi chỉ còn sống nay chết mai thôi. Biết làm sao, chú? Già rồi, đầu gối nghe gì được. Đêm thức trắng, chỉ có bức ảnh của thằng con trên bàn thờ. Nó và tôi ngó nhau trong bóng tối, gần vậy mà không nói được lời nào!

Giọng ông cụ buồn buồn khiến tôi cũng buồn lây. Mà thật ra, tâm trạng của tôi lúc này cũng không khác ông cụ mấy. Cũng một thứ cảnh ngộ khá bi hài. Tình yêu. Cuồng dại. Sự Chia ly. Nỗi nhớ thương khắc khoải đến dần xé nổi lòng, ngoi ngót những trông đợi kéo lướt thướt bên ngoài khung cửa, bay qua bầu trời chao động cõi lòng tan nát. Ông cụ nhớ con thương cháu, lo sợ sự gìn giữ huyết thống mai sau không trọn vẹn, còn tôi thì thương nhớ một cõi mệnh mỏng rùng rú mộng mị. Cõi mộng mị ấy đã bị Siu B'Liêng mang tận lên rừng sâu núi cao, để giờ này tôi phải ngất ngư chạy theo một cái bóng vừa thật, vừa hư. Trong những cơn sốt màu vàng tả tơi trên giường, tôi nghe tiếng nàng hát trên giòng Sésan chỗ đoạn ngoặt tiếp giáp giữa sông Poko với sông Đakbla, tiếng hát mang mang theo giòng nước ngầu đỏ đất bazan, lúc âm âm cuốn tung nổi hân hoan của tiếng thác đổ, lúc rì rào lẫn tẩn, ve vuốt qua từng phiến đá hai bờ. Nàng như con nai, con hoẵng trên đồng cỏ ngút ngàn, như cánh cò trắng muốt, lặng lẽ bên các tum nước. Nàng ẩn hiện như thứ ráng chiều chói rực chao trong cơn nắng quái rồi trườn mất vào bóng đêm, đằng sau chỉ còn lại một vệt mờ mờ bay lên từ đất, từ muôn loại cỏ cây quần thành cột khói hư huyền.

Mười sáu năm rồi tiếp nối niềm hân hoan mệt mỏi, nỗi buồn nhớ mệt mỏi.

Và mỗi lần chợt nhớ những giây phút sum vầy, hạnh phúc bên nhau, con tôi lại hỏi:

“Tại sao mẹ không yêu con, yêu ba mà bỏ về với núi rừng?”.

Câu hỏi ấy tôi không giải thích nổi với nó, cũng như Siu B'Liêng, nàng không sao giải nghĩa rành rọt cho con hiểu! Chúng tôi đành phải chấp nhận cứ mỗi sáu bảy tháng một lần làm cuộc hành hương về chốn tình yêu, hoặc với tiếng sóng lữa thể động âm âm trườn dọc theo bãi cát; hoặc trên cánh đồng cỏ xanh, mượt đến tận cùng mượt của những ngọn lông tơ. Chúng tôi vui nỗi nhớ vào nhau như con thú hoang trong mùa trăng mật. Rừng núi thì núa kéo biển lên non và biển khơi mênh mông thì núa kéo rừng xuống thật gần, quần cánh tay trần vào nhau không buông đứt. Nhưng sự cuồng say ấy rồi cũng tới tả, tới tả như cành lá bị cơn bão dữ quật nát búp non mơn, để mỗi người một bên cầu sông Đakbla nhìn nhau vẫy tay, rớt nước mắt.

Dòng sông Đakbla là một thứ định mệnh khắc nghiệt trói chặt cuộc đời chúng tôi lại với nhau, để sau đó, mỗi người một đầu mối cầu nhìn nhau lặng lẽ lúc chia tay.

Cái định mệnh tới tả ấy là tôi đã vít cong cần rượu, cong đến tận cùng cơn say tuổi trẻ để sau đó theo chân đám con trai trong làng mang đàn gông đứng dưới chân cầu thang nhà nàng, nghèo ngao hát, như con thỏ con đang tập ăn cỏ non, con chìa vôi đang tập hót

*thau ddơi dơi
ih bblac jiong tônia
em ơi anh quá biết
nước da em rạng ngời như gỗ cây knia
em mượt mà như cây cẩm hương
thân hình em đẹp quá
thấp thoáng bắt chân em
Như tia chớp tháng hai
Thấp thoáng cặp đùi em
như sét đánh tháng ba
để trần cặp vú em
cả làng ta bốc cháy
tỏlũk phun tỏsau*

ja'bung sang...

Cái giọng hát ngật ngưỡng la đà câu say câu tỉnh của tôi khiến những tiếng cười không thể nén lại, chợt bật ra đâu đó trên sàn nhà cao, ba hay bốn gì đó không thể phân biệt được trong đêm tối nhập nhòa bên đồng lửa sáng rực dưới hiên.

Tụi con trai tiếp tục đàn và nhảy múa. Còn tôi thì mồ hôi ướt thành hột dài bởi tiếng cười

kích động nổi háo hức ham muốn chưa định hình, chưa có tên gọi.

Những mắt củi nổ lép bép, toé những hạt đỏ li ti trong trẻo, reo vui với đêm xuống sâu, với tiếng đàn thánh thót, ngân xa và cả tiếng cười rúc rích nửa xua đuổi, chế giễu, nửa mời gọi. Các cô gái vẫn núp đầu đó trên sàn. Đám con trai nhảy quanh ngọn lửa bập bùng, hát mãi không thôi, như cơn mưa đầu mùa làm bay động những con mồi từ tổ bay ra và quẩn quít trên không trung.

Bất chợt từ trên sàn nhà cao, tiếng hát lướt nhẹ như tơ như gió, phả vào mặt đám trai làng, phả vào tôi đến ngất ngây còn hơn men rượu cần đang loanh quanh trong cơ thể bắt đầu nóng dần lên:

*ơi anh bạn xinh xinh
anh rình theo vết chúng em
vết chân con gái bên bờ suối
vết chân anh bị xóa đi trên cát
và anh cũng mất cả
dấu chân chúng em*

*...
chân chúng ta cùng gập
theo một điệu
tay chúng ta cùng uốn
theo một nhịp
đôi má ta chạm vào nhau
và nhận ra nhau.*

Tiếng hát bay lượn quanh đồng lửa, trên đầu chúng tôi

mang theo mùi hương của trăm ngàn loài hoa rừng trộn lẫn với mùi đất thơm lừng lừng. Tôi nhận ra nàng qua tiếng hát khói sương. Chính cô ta, người con gái của núi rừng đại ngàn sâu thẳm, chứ không thể là ai khác vừa cất tiếng hát như suối trong, thác reo đó. Thằng K'lung Drăck khều tay tôi:

-Mày bắt nó về làm vợ đi. Nó đẹp nhất trong số con gái đẹp trên cao nguyên này. Nó học chữ nhiều. Nó nói được tiếng tây, ăn cơm bằng muỗng, bằng nĩa chứ không bốc như bọn tao. Nó giống tụi bay.

Tôi gật đầu nghe K'lung nói chứ không thấy mặt mũi “Nó” ra sao. K'lung tiếp:

-Mày ưng, nó sẽ cưới mày ngàn con bò, trăm ché túc và nhiều thứ nữa.

-Tao không biết. Tao chỉ đi hát với tụi bay thôi. Mà sao “nó” không bắt đũa nào trong đám bọn bay làm chồng?

-Con mắt nó không chịu ngó tới ai. Bụng nó không ưng tụi tao. Mày chưa thấy nó đâu. Nó đẹp đến nỗi những con báo cái đẹp nhất xứ này cũng lông lên mà ghen với nó. Nó nói chuyện được với mấy ông Tây về thăm làng. Nó rất thương người già và lũ con nít. Cái bụng nó rộng rãi mà...

Đống lửa tàn dần.

Đêm sâu hun hút những xao động vu vơ.

Tôi nhập vào đám trai làng quàng vai nhau, chân thấp chân cao trở về, kéo theo những cần rượu say, những câu hát say, lửa hồng và đêm rừng rừng trên mặt cỏ ẩm sương.

*đôi má ta chạm vào nhau
và nhận ra nhau*

Câu hát với với mời gọi đó ám theo đầu óc tôi, rừng bước chân tôi liêu xiêu như bay như lướt trên con đường đất đỏ cũng say nê.

Và trên con đường đất đỏ ấy, tôi đã nhận ra nàng trong

cõi thênh thang tiếng hát ngọt ngào, ngây ngất như vừa được uống thêm chén rượu bồ đào.

Mãi về sau này, khi đã là vợ tôi, nàng mới hé lộ cái đêm đầu tiên và thần tiên “chạm vào nhau”.

“Nghe cái giọng anh hát buồn cười thật, y như mấy ông nước ngoài tập hát tiếng Việt. Em để bụng thương anh cũng chỉ vì bài hát bọn trai làng bày cho anh, cái giọng hát ngọng nghịu, đờ đờ nghe ngồ ngộ, như con chim non mới tập hót, con gà tập gáy vậy. Điều này giống như đám con nít hồi nhỏ tụi em cố chứng minh mình là người lớn”. Từ đó chỉ có nàng hát cho tôi nghe, rồi con gái tôi nghe bên tao võng. Nàng không bày tôi thêm bài nào nữa cả, nói “đủ rồi, để em giữ mãi giọng hát lần đầu anh tập hát”.

2.. Biển động dữ dội, ầm ì suốt ngày đêm. Đài trực canh báo có bão gần. Mây đen vần vũ và mưa tối đường. Mưa và gió quần nhau như trẻ con chạy cút kiếm, lúc hất bên này, lúc tạt bên kia, xoáy tròn tròn trên mái. Hạ Cơ thỉnh thoảng lại giật mình khóc thét sau tiếng sấm động. Siu B’Liêng bước tới ôm con vào lòng ru ắp, mắt buồn với vợ. Mưa bão và sấm chớp khiến nàng chạnh lòng nhớ những quả đồi thoải thoải, tiếng con mang tác, con công tổ họ, gà rừng te tát trên ngọn cây? Đầu óc tôi nghĩ vậy, nhưng thầm mong chuyện ấy không bao giờ là sự thật. Chúng tôi thật sự yêu nhau, người này không thể thiếu người kia. Hạnh phúc của chúng tôi tròn đầy. Nhưng thỉnh thoảng nàng lại xa xôi nhìn những đám mây trôi về hướng mặt trời lặn. Nhiều lần tôi gắng hỏi, nàng một mực không có gì. Bữa nay, điệu bộ ấy được lặp lại trong một thoáng xa xăm cuối đáy mắt, khiến tôi chạnh lòng.

-Hay em về trên đó vài tuần, với mẹ, với làng?

-Em mới đi ba tháng trước đây. Thôi, để mùa trăng cúng cơm mới em và anh và Hạ Cơ cùng về thăm làng luôn.

Buông câu nói, tôi nhìn sâu vào đôi mắt nàng, thấy long lanh một niềm vui vàng vọt như cánh hoa bồ xít vàng ngoài tường rào.

Biển đập âm âm. Sấm chớp xòe sáng mọi góc ngách trong nhà.

Nửa đêm Siu B'Liêng ngồi bật dậy, kéo cả tôi theo như một thứ phản xạ tự nhiên.

-Anh nói đúng, sấm chớp thế này khiến em nhớ rừng quá đỗi là nhớ.

-Anh cũng vậy. Anh nhớ chân cầu thang dưới hiên nhà em, nhớ những đốm lửa nổ tí tách, nhớ dòng sông đỏ quạch màu son, chảy ngược lên dãy Trường Sơn trước khi đổ ra biển Đông.

-Những năm em học ở Couvent des Oiseaux, thầy J. Dupont vẫn thường nói với tụi em, nói trong giờ ra chơi, rằng có sống chung, sinh hoạt chung với đồng bào cao nguyên mới hiểu thế nào là tình yêu đất, yêu rừng và rồi ông phát hiện vô số những định kiến mà người kinh dưới xuôi, người châu Âu đã và đang tiếp tục đối xử với đồng bào cao nguyên bằng sự so sánh không công bằng, thiên lệch.

-Ai nói với em những điều này?

-Thầy J. Dupont. Thầy chỉ phát hiện nói ra, chứ còn dân tộc tụi em thì đã nhìn thấy các vấn đề từ sự bày biện có sẵn trước mặt, từ đời này qua đời nọ mà các anh gọi là tập quán. Chẳng hạn, tự đáy lòng sâu thẳm, mà nên văn minh chữ nghĩa các anh gọi là *Tâm Thức* thì núi rừng đối với tụi em là ngôi nhà chung. Rừng là hơi thở, là mạch máu, là đường gân, thở thịt không thể thiếu, không bao giờ chia cắt được. Sống thiếu rừng, thiếu sông suối chẳng khác nào cây lúa, cây bắp nhỏ gốc phơi trần trên mặt đất khô khốc, như xua đuổi bầy thú ra khỏi cánh đồng cỏ, sông suối vậy.

-Điều này đã quá rõ ràng – tôi nói.

-Hẳn nhiên. Nhưng những điều không rõ ràng chính là

cái nhìn lỗi phạm khi cho đồng bào thiếu số mê tín, văn hóa ăn và văn hóa ở bất cập. Họ sinh sống ở giữa lòng những cánh rừng đại ngàn thì họ phải cất nhà sàn, phải nấu ăn ngay trong nhà, lửa cháy suốt đêm ngày... để nòi giống còn tồn tại tới ngày nay. Những ông tây bà đầm và người miền xuôi dạng hai chân trên nền văn hóa của dân tộc này để ném một cái nhìn lệch chiều về một nền văn hóa của dân tộc khác là điều không thể chấp nhận. Văn minh và văn hóa là hai khái niệm, hai phạm trù khác biệt nhau. Văn hóa của người Mỹ là gì?

-Anh hiểu rồi. Anh hiểu đất, rừng và sông suối kể từ khi anh có em. Anh cũng đang bắt đầu thuộc về rừng như em. Thôi ngủ đi. Không biết bao có vào hay quay hướng đi xa?

Siu B'Liêng chảy nước mắt trên ngực tôi.

-Tại vì quá yêu anh nên em đã phản bội rừng, phản bội con sông, con suối.

-Em đã biết rồi mà, anh chưa bao giờ có định kiến với cao nguyên. Nếu vậy anh đã không lấy em từ lâu rồi. Cả em cũng vậy, phải không?

-Em không biết. Nhưng chắc chắn xứ sở em là rừng núi, sông suối thác ghềnh, là bầu thú hoang, là những cánh đồng cỏ mênh mông, rờn xanh từ phía mặt trời mọc sang bên mặt trời lặn, từ đỉnh chân trời này giáp đỉnh cong trời đất kia.

-Thì em và anh không ở chỗ giáp đỉnh cong trời đất kia là gì?

-Không phải vậy. Ở đây chỉ có sự gào rú suốt ngày đêm. Biển gào rú. Phố xá gào rú. Tất cả đồng thanh cất lên một thứ âm thanh thật dễ sợ. Những lúc anh đi vắng, em cố lắng nghe tiếng thì thảo như ru, như hát, những âm thanh mỏng như dòng nước vuốt ve hòn đá xanh rong rêu... nhưng chẳng bao giờ em nghe được. Anh còn nhớ không? Hãy nói lại cảm giác của mình khi lần đầu em đưa anh vào khu rừng P'lick Jar ?

-Anh không chú ý gì cả giữa khu rừng trùng trùng cây to cây nhỏ, vì em đã choáng hết chỗ trong khu rừng đó. Trước mắt anh chỉ có em mà thôi. Duy nhất một mình em.

-Đó chỉ là tình yêu anh dành cho em. Còn P'Lick Jar là một thế giới mê hoặc níu giữ bước chân người, bởi nó là cánh rừng già đẹp nhất của em, đẹp từ tuổi ấu thơ cho mãi đến giờ. Chính nó chứ không ai khác đã che chở em và dân làng, nuôi dưỡng, phả hơi thở thơm ngọt mùi mật ong vào thở thít mọi người. Rồi những cây đại thụ hàng trăm năm tuổi xoay tròn tán lá trong gió và nắng trên một thảm cỏ mượt như nhung. Cả con người và chim thú đều gặp nhau trên mảnh đất ấy, rất bình yên; một nơi chốn mà có nằm mơ cả thế giới văn minh cũng không tìm được nơi thứ hai trên trái đất này.

-Ngay ngày mai, anh có thể đưa em về thăm núi rừng. Em biết là anh sẽ làm bất cứ điều gì để em vui, để anh không mất em, chúng ta vĩnh viễn bên nhau.

-Em cũng vậy. Em yêu anh như con nai yêu đồng cỏ của nó, như con chim yêu cành cây của chúng, như con cá lúi cá mương lượn lơ bên khe nước trong soi mặt. Em không thể thiếu anh, nhưng nếu phải xa cách rừng núi quá lâu ngày, thì nỗi nhớ nhung ấy sẽ dày vò đến làm em chết mất, chứ chưa nói chi đến sự trừng phạt của Yang.

-Khi yêu nhau, thánh thần không nề bất tội.

-Nhưng rừng núi bắt tội em. Mà tại sao anh không dám bỏ biển lên rừng với em, như em đã từng làm cho anh? Nền văn minh cơ khí luôn có cái nhìn khắt khe với người khác, ngấm ngấm văn hóa của dân tộc khác theo cái nhìn một chiều của mình?

-Chẳng lẽ huyền sử Âu Cơ và Lạc Long Quân lại rơi đúng vào trường hợp của chúng mình? Tổ tiên ta có những trăm người con để chia nhau đồng đều. Còn em và anh chỉ có mỗi một mình Hạ Cơ, chúng ta phải làm

sao đây cho rừng núi không bỏ em, cho đồng bằng, biển khơi không quay lưng lại với chúng ta, hỡi Siu B'Liêng? Nàng im lặng không nói gì, vùi đầu vào ngực tôi khóc như mưa bão đổ sầm sập ngoài kia. Tôi vuốt ve khuôn mặt nhoe nhoẹt nước mắt nàng. Thân thể nàng rung bần bật từng cơn dài như những cây bằng lăng cong oằn dưới gió bão. Một sự chịu đựng phi thường đến quá mức đối với nàng, một đứa con của rừng, dần dần lạc mất lối về, rơi tõm vào xứ sở mộng muội hồ đồ hổ lốn những khối bụi phi nhân văn. Hạ Cơ, đứa con duy nhất của chúng tôi vẫn ngủ say trong chiếc nôi ấm, không hề hay biết cõi lòng tan hoang của cha và mẹ. Bao nhiêu lần, tôi muốn nhóm dậy, bồng Hạ Cơ đặt giữa hai chúng tôi, để tấm thân nhỏ bé ấm áp ấy, tâm hồn trong trắng ấy sưởi chút hơi ấm tinh nguyên cho sự chia lìa sắp vỡ toang. B'Liêng càng lúc càng khóc dữ dội hơn bằng sự kềm nén âm thanh trong lồng ngực, âm thanh không bật thành tiếng mà chuyển động khắp cơ thể, rung lên từng hồi, chuyển hẳn qua ngực tôi những thổi đá lạnh băng, lạnh nảo nề như thể mọi giác quan bị thổi lạnh băng kia làm co quắp lại.

Tôi chỉ còn biết ôm chặt nàng, ve vuốt nàng thay những lời an ủi không thể thốt ra thành lời.

Lát sau, B'Liêng gỡ tay tôi, ngồi dựa lên thành giường.

-Anh tha lỗi cho em. Em không muốn làm vậy. Ngàn lần em không muốn vậy. Nhưng em không thể cưỡng chống lại tiếng thì thào của rừng núi, nơi chốn tụ hội hàng ngàn, hàng vạn thứ trên mặt đất này đã thấm đẫm trong thịt da em mà anh chỉ mới hiểu, mới len vào một cõi nhỏ trong em.

-Anh hiểu nỗi nhớ thương quay quắt của em. Giờ thì em hãy ngủ đi, hỡi con sóc bé nhỏ của anh.

3. Ông cụ muốn đi ngay Tân Cảnh, mà bến thì vắng hoe. Ông loay hoay với chiếc túi vải trên tay, vẻ mặt

căng thẳng và đầy lo lắng. Ông nhìn sững vào mặt người tài xế như muốn cầu cứu một sự hóa phép nào đó để ông có thể có mặt ngay tại Tân Cảnh lúc này. Người tài xế còn trẻ có vẻ bối rối. Tôi thì càng lúng túng hơn. Mấy lần định mở miệng mời ông về nhà B'Liêng nghỉ qua đêm, mai đi sớm. Nhưng chiếc túi vải cứ sang vai liên tục, ý hẳn ông muốn đi ngay đêm nay.

Người tài xế rút thuốc mỗi lửa, ngửa cổ rút một hơi thật dài, nói gì đó với ông già rồi cả hai lên xe, đóng sập cửa chạy hút về phía chợ. Tôi không nghĩ người tài xế có tấm lòng rộng mở đến thế để đưa ông già đi tiếp 70 cây số đường rừng, nhưng rất có thể anh ta tìm cách nào đó để gửi ông già đi nhanh nhất. Và vô tình, người tài xế lại nhiệt tình tham gia vào sự thương nhớ nao nao của ông cụ già cô độc. Tôi ngó sững chiếc xe khách mất hút ở cuối phố vắng hoe. Chiếc xe dường như cũng hăm hở rung lên, chờ đợi giây phút trùng phùng giữa cha con, ông cháu. Nhưng liệu sau đó, những người thân yêu nhất có thực hiện đúng theo sự khao khát mãnh liệt của ông? Hay rừng núi đã níu chân họ lại, để ông già lầm lũi quay về đoạn đường dài gần bốn trăm cây số, không biết lấy ai chia sẻ nỗi buồn?

Ông già đã mất hút trong niềm hân hoan chen lẫn nỗi buồn.

Còn tôi? Và B'Liêng?

Đường phố Kontum heo hút những con đường nhỏ, dài, nhà cửa núp sâu dưới những tàn cây, vườn tược rộng thênh. Tôi giống như người lạ mặt, ngập ngừng trên phố, ngập ngừng bước về phía làng Đak Jar.

Tôi đã đến với em thật gần. Tôi như kẻ tội đồ bạc mệnh bước về phía giáo đường, nơi em đang đắm hồn trong chốn mê mông của đất trời, cây cỏ, chim muông. Tôi đang đuổi theo bóng em chìm dần vào bóng hoàng hôn nhòa nhạt. Mặt trời của em giấu tia sáng đâu đó, nơi em gọi là đỉnh cong của trời đất kia.

Tôi đang bước về phía em, như con nai bước tới thăm cỏ, như đàn voi bước tới con suối. Tôi nhìn thấy đôi mắt lung liêng của em trên bậc cầu thang dỗi theo tôi và Hạ Cơ. Tôi lao tới với tất cả nỗi nhớ nhung rực lửa, reo cùng tiếng đàn gông quăn quít bên hiên nhà và bay vút lên chớp cây. Còn tôi và em thì bay vút về phía mặt trời mọc.

Tôi đang đứng bên bờ Đakbla, dòng sông đã thít chặt đời tôi và em vào nhau, rồi bất ngờ xô ngã chúng ta đập qua hai bờ.

Đakbla ơi! đến người cũng bắt đầu bi lụy nhỏ những giọt nước mắt xuống đời ta, phủ một lớp bụi mỏng trùng trùng trước mặt? Người hay Mưa bắt đầu đổ. Ban đầu chỉ là những hạt li ti như bụi phấn bay. Rồi càng lúc càng dày thành sợi. Làng Đak Jar nhòa trong nước mắt mưa và bóng hoàng hôn. Rừng đen thẫm ở phía xa và em như đội cơn mưa, hình như không phải bước về phía tôi, giang đôi tay thương nhớ ôm choàng lấy tôi mà bước qua bên kia, sâu vào cánh rừng, với một chút dịu dàng gió núi, một chút ngập ngừng của dòng nước chảy rẽ hai. Em bước về với rừng không ngoảnh lại.

Trong cơn mưa, đất thơm nồng, nín chặt bước chân tôi vội vã lao về phía em...

Và tôi chợt hiểu rằng, em là cô gái rừng, người con gái của rừng, đẹp nhất trần gian.

(Kontum, 9.2003)

Trần Bang Thạch

Nhìn cảnh cũ làm thơ lục bát

Một

Ta về nhìn lại giòng sông
Nghe mưa thật nặng nghe lòng thật cảm
Bến chiều nước gợn ngàn năm
Mấy thân bèo lẻ đã tàn độ đông
Buồn ta con nước cũng rờn
Ngọn cau cũng lã, cánh đồng cũng tro
Ta nhìn ta thật ngu ngơ
Ta nhìn cảnh cũ tiêu sơ, bỗng buồn

Hai

Ta về nhìn lại sân trường
Nắng loang nền quạnh, mây vờn cột xiêu
Đã tan tiếng thước nhịp đều
Đã mù tăm những cánh diều tuổi thơ
Ta nhìn ta thật ngu ngơ
Ta nhìn cảnh cũ tiêu sơ, bỗng buồn

Ba

Ta về nhìn lại vườn
Cành khô lá mục lối mòn tịch liêu
Chiều rơi, chiều lững lơ chiều
Chiền vang vang tiếng đọc Kiều thuở xưa
Ta nhìn ta thật ngu ngơ
Ta nhìn cảnh cũ tiêu sơ, bỗng buồn

Bốn

Ta về nhìn lại đầu non
Bóng nghiêng cây ngã héo hơn một đời
Gió khuya chừng đã mồn hơi
Một vùng đá tảng đã với mấy mùa
Thoảng trong tiếng vạc canh khuya
Nghe rờ rạc tiếng chuông chùa cầu siêu
Ta về nhìn cảnh tiêu điều
Nhìn ta, ta bỗng buồn hiu hắt buồn.

Lê Ký Thương

Biển của tôi

(tùy bút)

Tôi về Nha Trang gặp lại cơn gió biển mùa hè. Gió không hào phóng nhưng cũng đoán được lòng người khát gió, chừng mực thoả qua vừa đủ mát, đủ thương. Ngồi dưới gốc dừa nhìn suốt biển đêm, hàng đèn câu ngoài khơi sáng trưng như thành phố nổi.

Tôi nhặt chiếc vỏ sò nhẵn nhụi, ném xuống mặt biển dát vàng trắng mười sáu Kiều xinh. Biển như tắm thử nhiệm mầu trong thần thoại Ba Tư. Thắm đưa tôi bênh bồng bay về chốn thần tiên tuổi học trò trốn học cùng bạn đi hái trái mai dương dọc bờ biển vắng, gai đâm ứa máu bàn tay, bị phạt cấm túc làm vệ sinh sân trường ngày chủ nhật, dẫu cha dẫu mẹ vì sợ đòn roi. Những giờ nghỉ học, bốn năm bạn rủ nhau xuống biển ôn bài rồi cởi hết áo quần tòng ngồng tắm. Mười hai, mười ba tuổi đầu vẫn hồn nhiên như trẻ lên ba không hề mắc cỡ. Tha hồ bơi, tha hồ đùa với sóng, tha hồ vo tròn viên cát chia phe ném nhau chí tử. Khi nư với biển lại chạy lên bờ ăn đĩa bò khô cay ứa nước mắt rồi uống ly sữa đậu nành mát rượi.

Đến mùa thi trung học, tú tài, buổi tối chín giờ phố đã vắng người, đưa ra phố, đưa lên nhà thờ đá, đưa xuống biển tìm riêng cho mình một ánh đèn đường đủ sáng học bài thi. (Lâu rồi ánh đèn điện bóng tròn trên đường phố Nha Trang như người tình đã vĩnh biệt ra đi). Học là học thật tình chớ không phải đợi một bóng hồng qua. Nửa đêm đói bụng ăn bánh ú hay hột vịt lộn của người bán hàng rong bận áo dài đen đi dọc bờ biển rao giọng Huế mùi tai. Vẫn nhớ như in ngọn đèn hột vịt, sáng lập lòe trong đôi mắt các chị, các o và câu hò chạy suốt những

đêm hè dài theo đường biển: "Học trò sắp sửa đi thi. Không ăn bánh ú chắc gì đậu cao". Cảm nhận câu hò đêm khuya mà gắng công học. Ai lỡ có người yêu cũng hạn chế hẹn hò. Thi xong tha hồ dung dăng dung dề. Giỏi dở cũng phải ôn thi đến sỏi đầu mờ mắt. Không có chuyện học trước những đề thi ôn tập. Lòng tự tin được học từ lớp vỡ lòng. Nhưng năm nào cũng có chuyện "học tài thi phận", cũng nghe câu thơ "thi không ăn ớt thế mà cay", cũng có người tự tử vì hỏng làm cô tú cậu tú chứ không phải vì người tình phụ rẫy!

Biển Nha Trang tắm được bốn mùa, ngày đêm bất kể. Chỉ có một năm mùa đông sóng dữ. Chín mươi giờ đêm rủ bạn bè đi coi sóng đánh. Đã nghe từ khơi xa tiếng sóng vọng vào, những âm thanh giòn giã như tiếng pháo giao thừa, khi đến bờ sóng chồm lên trắng bồm ngựa chững. Một tiếng nổ vang rền tưởng sét đánh mưa giông, nước vượt qua kè chắn sóng ào lên đường liếm ướt gót chân. Một hai tảng đá to bằng chiếc bàn ăn bị sóng thần ném vào sân Bưu Điện tỉnh, ai thấy cũng lạnh người. Những quán nước dọc theo bờ biển nát tan... Huyền thoại Ông Tư Yersin dùng súng thần công bắn chết sóng thần cứu dân được nhắc lại.

Qua khỏi mùa đông, biển lại hiền hòa, nhu mì như thôn nữ tròn trăng.

Biển Nha Trang cứ mang những mối tình lãng mạn. Đôi tình nhân nào cũng có một chỗ ngồi riêng, một góc dĩa, một cụm dương mái ấm, một bãi tắm riêng... - một thế giới thơ mộng riêng trên bờ biển bao dung. Ngày, đêm, sóng, gió và cát đều thuận lòng với lời tỏ tình ngây ngô, với nụ hôn tình yêu đầu đời vụng dại. Có ai muốn tìm lại chính xác chỗ ngồi xưa để hồi tưởng một tình yêu sâu đậm cũng hoài công đã trảng se cát. Nhưng cần gì tìm chính xác chỗ ngồi xưa, tiếng sóng rì rào kia sẽ kể lại hết những kỷ niệm ngày nào nếu ai biết lắng

lòng nghe tiếng sóng...

Biển bây giờ đã đổi khác cảnh quang, nhưng với tôi vẫn
là nàng La Jocond quyến rũ với nụ cười bí ẩn.

Nguyễn Phan Thịnh

Với một người thành đạt

ngôn ngữ anh hùng biện
mỹ lệ và du dương
sao mặt mũi anh
u ám khốn thương,

anh không nhìn ra tôi
thời này không tên tuổi
chẳng lẽ phải hạ mình
khi không cần giả dối,

vết ô nhục không hằn trên trán
tôi không cúi nhìn bóng tôi
hai vai nhẹ nhõm
và trái tim thanh thơi,

trong thân xác nhỏ nhoi
và bước đi ốm yếu
trái tim anh của người khổng lồ
nhịp máu bơm nặng trĩu,

sống là trung thành với hướng đi
trên con đường đã vạch
nhưng khi anh lặng im
một mình anh sẽ khóc,

tội anh
bạn bè ngoảnh mặt
anh không chịu đựng nổi mình
tài năng và những điều không thật ...

tội anh
đầu sao anh cũng biết
với tài năng và đối trá của mình
đất nước thêm tượng thần đất sét !

vết ô nhục hằn sâu trên trán
anh cúi nhìn chi bóng anh ?

Thơ viết trên vách lửa

1
đời kiệt khô sinh lực
tâm hồn nường tựa đâu?

2
nỗi tồn vong nguyệt ngã làm hơi thở mỗi mồn
nhịp tim vật vã thở óc riết căng rồi rời rã
giấc ngủ đứt giành với thần chết
cuộc chiến đấu với hư không mỗi giờ khốc liệt...

3
một ngày ta đi trong bóng đêm hang huyết
với cuồng vọng ngu điên
mà ngọn đuốc soi đường lừa phỉnh ta
mặt trời rạng đông bùng chói
ta khinh thường tình yêu vầy vò đùa chơi cảm giác khổ
đau
như chuốc rượu say no mửa vật vờ cho tâm trí hoang
đàng
bốn bờ chơi với
ngọn đuốc phỉnh lừa tắt lụi
thì mặt trời ta đã tắt sau lưng...

4

ôi trời đất hoang mang vô tận vô cùng
ta hiểu vì sao giun dế mãi kêu than
mà cánh chim quét bụi mây ngàn bay dưới mặt trời chết
đứng

ôi trời đất vì đâu hoang mang
và những tình cầu đang mỗi giờ hấp hối...

5

trái đất rúm ró khổ đau dạt dào biển lệ ném mình
trong quỹ đạo mù lòa
lòng rạn nứt âm thầm sôi sục lửa
mà những đỉnh cực lạnh lùng tiếp tục rã băng.

6

giữa lòng truông cỏ cháy trở vờ thân cây già trần trụi
trời mây xám quánh tai ương
nhựa bốn mùa khô xác
rễ bầu hút điên cuồng
bừng bừng như đuốc sống
ngọn nhánh vờ vươn lên,

7

ta dừng lại bên cầu soi mình trên con nước lang thang
chưa bao giờ khô cạn
xa lạ bến cũ bờ xưa
mặt mũi ta cũng hồ như theo xa lạ tự bao giờ
chỉ còn đáy lòng ta niềm khao khát tự do
như con nước mãi lang thang
và tình em trong hồn ta mãi hoang đàng...

8

em ơi có hiểu vì sao hàng triệu năm trái đất mãi lưu
vong

vì tình yêu đốt lửa trong lòng không bao giờ nguội tắt
cứ bay tìm một quỹ đạo trùng sinh
đôi tình cầu ấp ủ giữa u minh...

1983

Nguyễn Minh

Những linh hồn đứng

(*Thân tặng Lữ Quỳnh*)

Mãi đến năm mười tám tuổi tôi mới được trở về quê nội. Bao nhiêu năm tôi cứ mơ tưởng đến hình ảnh một dòng sông. Một chiếc cầu bắt ngang. Những con đò lơ dờ trên con nước xanh không chảy. Cùng cái nắng chói chói đến nức cả đất. Cùng những cơn mưa dầm liên miên, ngày này sang ngày khác, cứ rỉ rả mà làm thúi đất. Còn cái lạnh mùa đông như kim châm buốt thấu xương từ sau lưng nhột nhột thấm vào thịt da, người già phải ôm trong lòng một trẩu lửa than phủ trên một lớp tro mỏng. Phái nữ từ tuổi dậy thì đến bà cụ già lom khom, từ giới quý tộc, hoàng thân quốc thích, đến người dân lao động cùng cực, ra đường cũng mặt cho được một chiếc áo dài thướt tha. Nghèo thì chấp vá chỗ đã rách. Giàu thì lựa là gấm vóc. Chân mang guốc vong nhẹ nhàng hay guốc gỗ đã mòn cả gót. Đó là những gì mẹ kể tôi từ Huế vào thường kể cho tôi nghe. Khi Mẹ tôi cho tôi chọn lựa một trong hai nơi là Sài gòn hay Huế để học tiếp đệ nhị cấp, không chần chừ, tôi chọn ngay quê nội mình. Mẹ tôi vui vẻ nói: “Con ra ngoài đó ở với chị Mai cho có chị có em cũng hay. Mẹ yên tâm hơn.” Chị Mai, hơn tôi một giáp tuổi. Chị lấy chồng đã sáu bảy năm rồi. Anh rể tôi là sĩ quan làm việc ngoài Huế. Chị Mai phải theo chồng. Được tin ngày tôi đến, chị Mai ra tận phi trường đón tôi về nhà.

Ngôi nhà anh chị tôi đang ở là một ngôi biệt thự trên một con đường nhựa láng bóng. Con đường ngắn, hai bên lề đường cỏ xanh um, và sừng sững hai hàng cây

tròn như cột đình, sần sùi, đen đúa, tỏa ra những tàu lá như những mái tóc, bông bông theo gió. Cây này cách cây kia những khoảng bằng nhau, chỉ vài bước chân, và thẳng hàng. Sau này tôi mới biết ngoài cái tên đường gần nơi ngoài cột điện: Đồng Đa, còn mang tên truyền miệng: Hàng Đoát, chỉ cái tên của loài cây lạ đó.

Từ nhỏ, tôi đã nghe quen giọng Huế từ những người thân sống trong nhà như ba tôi, chú tôi, anh chị tôi, nên tôi không lạ lắm gì những từ “mi, mô, ri, răng, rứa” của các bạn học mới quen từ một ngôi trường nổi tiếng cả nước. Quốc Học. Ngược lại nghe giọng nói khác lạ của tôi, họ không biết gì về nơi tôi đã từng sống mà chỉ kêu tôi là “thằng Quảng Nam”. Tôi đã sinh ra trong một tỉnh nhỏ nhất nước. Thị xã bé bỏng này không có gì đặc biệt ngoài gió cát và nóng bỏng, rang cả người. Tôi kể về cái Tháp Chàm, những ngày lễ katê cùng những điệu múa quạt, nhảy trên đống lửa của dân tộc Chăm cho những người bạn mới quen. Tôi không ngờ những người bạn này đã gắn bó suốt cả cuộc đời tôi, bằng một nỗi say mê gắn chặt chúng tôi lại. Đó là văn chương. Đạo ấy, ở Huế thường có những nhóm văn thơ, sinh hoạt với nhau, những đêm đọc thơ, những tờ báo viết tay. Tên nhóm mà tôi vẫn nhớ. Thiên Thanh. Bông trắng. Tuổi Hai Mươi. Còn nhóm chúng tôi: Gió Mai. Những chàng học sinh, tuổi mười sáu, mười bảy, đang theo học lớp đệ tam trường Quốc Học. Tất cả đều là người Huế, riêng tôi là “Huế lai”. Trong số các bạn ấy, Phan là người gần gũi tôi nhất, anh đã từng sống chung với tôi một khoảng thời gian dài dưới một mái nhà. Số 9 Đồng Đa. Số 9 Hàng Đoát.

Những ngôi nhà biệt thự ở Hàng Đoát cất theo kiểu Tây, vì đó là của người Pháp để lại sau khi hiệp định Giơ neo ký kết. Các sĩ quan người Việt được phân phối đến ở.

Biệt thự hai tầng. Gia đình anh chị tôi ở tầng trên. Hai phòng ngủ. Một phòng khách. Sàn nhà bằng gỗ bóng láng. Ở một góc phòng khách là chiếc lò sưởi. Trong những đêm lạnh mùa đông bập bùng những ánh lửa, cùng tiếng nổ lộp bộp, như tiếng bắp rang, từ những khúc củi khô bốc cháy. Tầng trệt thuộc về một gia đình sĩ quan khác, người Bắc, cùng một đơn vị với anh rể tôi.

Từ ngôi nhà cao, mái lợp ngói đỏ chúc xuống, dốc nghiêng, đến dãy nhà phụ, bốn căn, nhỏ nhắn nằm sát phía sau cạnh bờ tường rào, được nối lại làm thành một hành lang có mái ngói che nắng mưa. Ngày trước là nhà kho, nhà bếp, chỗ ở của những người giúp việc. Bây giờ cả hai gia đình chia nhau cho những người thân. Tôi dành một căn phòng. Để có bạn cùng học tôi rủ Phan về ở chung cho vui. Anh em bạn bè trong nhóm thường tụ họp nơi đây, say mê nói chuyện văn chương.

Phan gốc người Mỹ Lợi, cách Huế gần 50 cây số đường bộ và phải qua một chuyến đò máy. Anh cũng bỏ quê lên thành phố học tiếp bậc trung học. Trước kia anh ở trọ nhà người quen. Theo lời mời chân thành của tôi và sự đồng ý của anh chị tôi, Phan mới dọn về căn phòng bé nhỏ nhưng đầy ấm cúng của tôi. Nhớ lại ngày đầu tiên tôi quen với Phan, trong một buổi họp nhóm, ngồi bên cạnh tôi Phan hay cười không thành tiếng, Phan ít nói, không như Hữu huyền thuyên tràng giang đại hải về một vấn đề văn chương nào đó. Anh cầm tay tôi. Bàn tay anh dài những ngón thon thả, như bàn tay của con gái, anh truyền hơi ấm cho tôi. Phan nói nhỏ: “Tụi mình còn rất trẻ, mới tập tễnh làm thơ viết văn. Còn một khoảng đời dài phải sống. Đời sẽ cho mình biết bao nỗi đau khổ và niềm vui hạnh phúc. Sau này, mặc sức mà diễn đạt.” Lời nói chân thành đó, từ tuổi mới lớn của Phan, vẫn là một lời khuyên đối với tôi mỗi lần cầm bút

viết văn.

Thuở ấy, Phan là một chàng trai ốm yếu, người cao lêu nghêu. Phan cao hơn tôi cả một cái đầu. Bước chân anh dài và gấp gáp, lúc nào như cũng vội vàng ngay cả những lúc rảo bộ trên con đường trước mặt nhà vào những đêm trăng tỏ, bỏ mặc tôi lẻo đẻo theo sau. Mỗi đứa thả hồn mình theo áng mây bay, theo ánh trăng, theo vài vì sao mờ nhạt. Con đường thật vắng vẻ, không một người qua lại. Vắng tiếng người. Rỉ rả tiếng côn trùng, ếch nhái, từ những đám ruộng sau nhà vọng lại, tưởng như mình đang ở một chốn nhà quê. Mỗi cả chân, sau khi đi từ đầu đường đến cuối đường, rồi quay lại. Cứ thế, tiếp tục. Đêm đã khuya trời vẫn nóng nực. Không một chút gió. Thả người ngồi xuống giữa lòng đường nhựa, nhìn những cây đoát vẫn trơ trơ, bất động giữa trời đất, Phan thốt lên rất khẽ nhưng cũng đủ cho tôi nghe : “Như những linh hồn từ đâu đó vất vưởng nhập vào những hàng đoát này đứng sững sờ giữa đêm trăng.” Tôi rợn cả người, như có một luồng khí lạnh buốt xuyên thấu vào tim. Hình như tôi cũng cảm nhận như Phan nói, có một bóng người trùm áo dài trắng mỏng dính, khuôn mặt người đàn bà sao tôi thấy quá quen thuộc, chân lướt đi không chạm mặt đất, cứ thẳng đến gốc cây đoát đầu đường, và chạm vào đó rồi tan biến mất. Còn Phan linh cảm điều gì? Sau một đêm thao thức, trên bàn viết ở một góc phòng của chúng tôi, Phan xếp đầy những trang bản thảo của một truyện ngắn. Phan đưa cho tôi đọc. Bấy giờ tôi mới hiểu, cũng như tôi Phan mơ hồ chợt nhận ra cái bóng người đàn ông mặc một bộ đồ bà ba đen vất vưởng từng bước chập choạng nhập vào thân cây đoát và tan lẫn mất. Phan không nhận được khuôn mặt đó quen hay lạ vì nơi màng tan người đó tuông ra một giòng máu chảy. Loang lổ một màu đỏ cả châu thân. Nhưng Phan lại nghĩ bóng ma đó là cha của mình. Phan

không kể cho tôi về cái chết của cha anh, nhưng tôi đọc bài tùy bút anh viết lấy tựa “Linh hồn đứng” tôi hiểu một phần nào nỗi buồn của một cậu bé lên năm ngần ngơ thấy mẹ mình ẩm ức khóc trong đêm giao thừa, trời tối đen như mực, tay cầm chiếc ảnh đã hoen ố của một người đàn ông mặc bộ đồ bà ba đen, đầu đội bê rê nâu, dựa mình vào một thân cây cao, chân đạp trên lá vàng khô. Anh nằng ban mai chiếu rọi thành từng luồng chiếu lên khuôn mặt khô ngò của một thanh niên tràn đầy sức sống, đôi mắt mở to nhìn về một phương trời xa. Nơi đó có người vợ trẻ và đứa con thơ đợi chờ ngày trở về khi đất nước vắng mặt quân thù. Ba Phan theo kháng chiến vào những ngày đầu tiên, một trong những người chứng kiến cảnh trao kiếm ấn của vua Bảo Đại cho Việt Minh. Và ông lại gục ngã trên đường về thăm gia đình. Một viên đạn từ đâu bay đến xuyên qua đầu ông. Đó là những gì mà Phan biết được. Còn tất cả nằm trong bí mật, chôn theo nắm mộ không biết ở đâu trong một khu rừng nào. Mẹ con Phan chỉ nuốt nước mắt khi nhận được tin từ một người đồng chí xa lạ của ba Phan vào một đêm tối trời lén về cho hay. Mẹ con Phan không dám bật khăn tang vì lúc ấy quê Phan nằm trong vùng quân Pháp tạm chiếm. Phan không hình dung ra nỗi cái vẻ oai hùng một Vệ Quốc Quân của cha anh, anh chỉ tưởng tượng ra một thanh niên, cao lêu nghêu như cây tre, thất tha thất thểu đi lang thang trong rừng vắng có suối reo. Như một lời ca. “Chiều nay nơi chiến khu trong rừng chiều, bên đèo lắng suối reo, hồn thông reo...” Đó là cảm nhận của Phan lúc anh còn nhỏ. Anh không nhớ được một vài kỷ niệm mà cha anh đã để lại. Anh thành trẻ mồ côi cha quá sớm. Sau đó mẹ anh lại bước thêm một bước nữa, anh có thêm vài người em khác cha.

Tôi cũng mồ côi như Phan. Phan mất cha từ thuở nhỏ. Tôi mất mẹ lúc tuổi mới thành niên. Tôi vẫn hình dung

được khuôn mặt, dáng đi, giọng nói rắc Phú Yên, nụ cười đôn hậu của mẹ tôi trong những tháng năm mẹ con tôi sống gần nhau. Trong đời chỉ một lần tôi bị mẹ tôi đánh đòn. Mặc dầu tôi đã là thằng con trai 17 tuổi, mẹ tôi vẫn bắt tôi nằm xuống, úp mặt lên tấm phản bằng gỗ gõ bóng láng, mẹ tôi cầm chiếc roi nhỏ nhịp nhịp vào mông tôi rồi đánh mạnh, tôi ngơ ngác không biết lý do mình phạm tội nên không kịp nhận ra cái đau về thân xác. Tôi chỉ biết tấm tức khóc, mãi khi mẹ tôi từ tốn nói: “Làm đàn ông không nên phụ tình người con gái.” Tôi vẫn chưa hiểu nguyên nhân nên vẫn ầm ứ trong lòng. Mãi đến chiều hôm đó, mẹ tôi kể: “Khi sáng, con bé Hân có qua nhà tìm con. Thấy nó buồn và khóc, mẹ hỏi mãi nhưng nó không nói gì rồi bỏ chạy. Ngán cho mẹ biết là con đã ruồng rẫy nó.” Tôi không phân bua làm gì. Tình cảm tôi đối với cô bé Hân như tình anh em. Thuở ấy tôi mới mười bảy tuổi, ngây ngô, khờ dại. Hân thua tôi một tuổi đã ra con gái nhưng ranh ma và quỷ quái. Tôi hứa với mẹ là suốt đời tôi sẽ chẳng bao giờ phụ bạc ai. Như lời mẹ dạy. Tiếc là mẹ tôi lại chết sau một cơn bệnh khốc nghiệt: ung thư, lúc tôi còn học ở Huế. Chị em tôi về không kịp lúc động quan. Ngán kể lại trước khi trút hơi thở cuối cùng, mẹ tôi chỉ lẩm bẩm gọi tên tôi mà đôi mắt vẫn nhìn trừng trừng về một nơi nào xa xôi. Mẹ tôi như muốn trối lại một điều gì nữa với tôi chẳng? Tôi vẫn thắc mắc và tự hỏi. Có phải mẹ tôi đoán được tôi cái vụng về, vô tâm của tôi trong việc đối xử với người khác nên bà muốn nhắc nhở. Tôi nhận rõ điều này khi thấy cảnh mẹ của Phan ra thăm con trai. Một buổi sáng mùa đông trời rét căm căm. Mặt trời đã lên cao nhưng hai đứa tôi vẫn còn trùm chăn kín cả đầu, có tiếng chó sủa dồn dập rồi thưa dần, ngay trước cửa phòng tôi. Biết có người đến tôi cùng Phan vội vã ngồi dậy, tôi đến mở cửa. Trước mặt tôi là một người đàn bà cao lớn, mặc chiếc áo dài nâu, tay vẫn còn mang

chiếc giỏ lát. Bà vừa cất tiếng nói, trọt trọt giọng Quảng thì Phan lộ đầu ra, bước vội đến, cầm lấy tay bà định dẫn ra ngoài sân. Tôi chỉ nghe anh nói rất nhỏ: “Mẹ, sao mẹ biết con ở đây mà tìm. Mẹ về đi.”. Tôi vui vẻ cầm tay bà dẫn vào phòng nhưng cũng nhận ra vẻ khó chịu, ngượng ngập của Phan. Mẹ Phan nói nhỏ như đủ để cho anh nghe: “Lo quá, lâu rồi không có tin con, mẹ đến nhà cũ họ chỉ đến đây. Con khoẻ không?” Phan cần nắn: “Mẹ làm như con còn con nít.” Tôi nghĩ giá như người đàn bà đó là mẹ tôi chắc tôi đã sà vào lòng mà làm nũng như những ngày mình còn thơ ấu.

Khi Mẹ Phan về rồi tôi mới thấy Phan ngẩn ngơ. Từng bước chân anh rảo khắp khu vườn chỉ trồng toàn những cây sứ đại cao lớn toả đầy hoa trắng, và tỏa hương thơm ngát. Anh che dấu tình cảm đối với gia đình của mình. Anh muốn làm một người đàn ông, tự lập lo đời sống riêng mình. Phan chỉ bộc lộ tình cảm riêng tư, dấu kín trong lòng qua những tùy bút, truyện ngắn của anh đang trên những tạp chí văn học ở Sài Gòn cũng như trang văn nghệ ở một tờ nhật báo duy nhất ở Huế.

*

Vào những năm sau hiệp định Giơ neo, từ năm 1954 đến năm 1960, ở Huế cũng như những nơi khác trên mảnh đất quê hương Miền Nam, chúng tôi được sống trong cảnh thanh bình. Khuôn mặt chiến tranh của 9 năm kháng chiến chống Pháp bị đẩy lùi vào dĩ vãng, chỉ còn trong tâm tưởng. Sau những biến động của lịch sử, tan tành một triều đại vua chúa, non nước hình thành một nền dân chủ mới. Lúc ấy chúng tôi là những thanh niên tuổi mới đôi mươi đầy mộng tưởng. Không khí mới mẻ của một nền văn học sáng tạo mà các nhà văn nhà thơ trẻ từ miền bắc di cư vào, sinh sôi nảy mầm tại miền

Nam. Nhưng ấn tượng để lại trong tôi là những hình ảnh đẹp như thật như hư về cuộc đời của nhà thơ Quách Thoại vừa mới chết trẻ vì bệnh lao. Chúng tôi đã biến danh từ riêng Quách Thoại thành động từ để chỉ những điều mà tôi cho là Phan đã phịa khi kể cho tôi nghe, nhất là về hình ảnh một người con gái mang tên Phương. Những đêm đông lạnh lẽo, mưa dầm dề, trong căn phòng bé nhỏ, hai đứa con trai mới lớn, ngồi trên giường, dựa lưng vào vách tường, bên ly cà phê đen bốc khói, phì phà điếu thuốc casptan, thỉnh thoảng nói vài câu về một hình bóng những người con gái đi qua đời mình.

Mùa hè, Phan rủ tôi về thăm làng quê anh. Vẽ thanh bình, êm ả, tràn lấp lên một làng quê sau bao nhiêu năm chiến tranh chống Pháp. Những hàng cau cao lêu nghêu, vươn lên không gian, lất phất theo chiều gió. Những đàn hạc trắng bay ngang qua bỏ lại tiếng kêu trầm buồn. Phan dẫn tôi ra bãi biển, cách nhà mẹ Phan vài trăm mét. Nhìn thấy khoảng trời xanh bao la. Tiếng sóng vỗ âm âm vào bờ, tung tóe bọt nước trắng phều. Màu xanh chỗ đậm chỗ nhạt của biển cả mênh mông làm tôi dịu lòng. Tôi chạy dọc theo vòng cung của bãi biển, trên cát vàng mịn, êm ái dưới bàn chân, đưa tôi vào những vùng mơ tưởng. Tôi hét thật to, tên một người con gái, mà tôi không còn hình dung ra khuôn mặt. Nga. Bãi biển vắng hoe. Không một bóng người. Đến một ghềng đá, tôi mới hỏi Phan về dấu vết kỷ niệm của Phương để lại. Phan cười, chỉ dấu vết những bàn chân mà chúng tôi để lại trên cát ướt vừa bị cơn sóng vỗ vào bờ cuốn đi. Trở về nhà, nằm trên võng đu đưa, bắt từ hai thân cau, gió hiu hiu thổi, Phan mới kể cho tôi nghe về người con gái tên Phương.

Trong dịp trở về thăm nhà, vào một buổi sáng tinh mơ,

Phan nhớ đến biển, chạy vội ra nhìn ngắm mặt trời mọc, tình cờ Phan bắt gặp bóng dáng một người con gái đang lang thang dạo trên bãi cát vàng. Cả hai người đều nghĩ không có một người nào khác ra biển giờ này để nhìn cảnh mặt trời mọc. Mặt trời to như cái nia, tròn trịa và đỏ tươi như màu máu, từ từ nơi lằng ranh giữa biển và mây, tắt cả đều màu xanh lơ, trôi lên, rồi nhỏ dần như trái banh và đổi thành màu trắng, sáng rực cùng chiếu những tia nắng đầu tiên lên mặt biển xanh. Ánh sáng đã lan rộng. Bấy giờ Phan mới nhận ra dáng dấp mảnh khảnh của cô gái. Mái tóc dài quá lưng, đen nhánh, bay lất phất theo chiều gió lộng lồng từ biển thổi vào. Cô gái vẫn tự nhiên xem như không có ai bên cạnh. Cô bước chân xuống nước, dẫm lên con sóng đang vỗ nhẹ vào bờ, bọt nước tóe lên trắng xóa, bắn vào đôi bàn chân nhỏ nhắn, rồi cô cười khúc khích. Phan biết ngay là cô gái này từ một nơi nào đến chơi ở quê Phan. Khi Phan hỏi tên cô để làm quen. Cô gái không nói mà chỉ sắp những vỏ ốc vò lóng lánh màu xà cừ lên bãi cát hai chữ Diệu Phương. Cô gái bỏ chạy về phía làng xóm khi một con sóng vỗ vào người cô làm ướt cả quần áo. Nước dính làn vải trắng mỏng vào thân hình cô. Đôi ngực nhỏ nhú lên hai cái núm vú nhỏ, biết rằng Phan bất chợt nhìn thấy, cô gái ngượng ngùng, luống cuống, đưa đôi mắt có hàng lông mi dài và cong nhìn lên trời cao. Cô gái biến mất như một nàng tiên cá. Mấy vỏ sò khắc tên cô cũng bị cơn sóng cuốn đi. Mấy ngày sau, sáng nào Phan cũng ra bãi biển thật sớm mong gặp lại có gái ấy, nhưng bãi biển vắng tanh. Chắc là cô gái đã về lại thành phố.

Vài năm sau, tình cờ Phan gặp lại cô gái, nhưng Phan không chắc có phải người ấy hay không, Phan chỉ mang máng trong trí nhớ mơ hồ của mình lúc tuổi mới lớn. Trước mặt Phan là một cô gái trong chiếc áo dài màu

tím đang đi ngược chiều với Phan, bước từng bước nhẹ nhàng trên con đường nhựa rợp bóng mát của hai hàng me cao vôi vọi. Vẫn đôi mắt ấy. Vẫn nụ cười tươi như hoa. Vẫn mái tóc buông dài quá lưng. Gặp Phan cô gái hình như ngạc nhiên nhận ra người quen. Phan quay người lại, nhìn theo cho đến khi cô gái khuất sau cánh cổng của một ngôi nhà xưa cũ có giàn hoa giấy màu tím. Những buổi tối mặc dù trời rét lạnh Phan cũng đi ngang qua ngôi nhà ấy, nhìn qua khung cửa sổ như để tìm lại hình bóng người con gái mang tên D.P. Rồi cũng bắt tâm. Phan nói với tôi là Phan chỉ nhìn được từ xa, dưới ánh đèn lơ mờ, khuôn mặt quen thuộc đó đang cúi xuống nơi bàn học. Một vài tuần sau, Phan không tìm ra được tung tích cô gái ấy nữa. Hình như gia đình nàng không còn ở chỗ cũ.

Mùa hè đến, tan trường, tôi và Hoàng Nga vĩnh biệt chia tay. Cũng như Phan, trong tâm hồn tôi có một hình tượng của một cô gái mang tên Hoàng Nga. Trong một cơn bệnh thập tử nhất sinh, suốt ba tháng mùa hè tôi nằm trên giường bệnh. Bóng tối bao phủ quanh tôi. Căn phòng nhỏ được đóng kín cửa. Sau khi bớt bệnh tôi đi khắp khếnh, mở từ từ cánh cửa sổ, ánh sáng ủa vào làm tôi chói vng một lúc, và cơn gió hiu hiu thổi vào làm tôi ngộp ngng. Nhưng hình ảnh làm tôi xúc động là trước mặt tôi, ngoài sân nhà, một giò phong lan treo tng ten trên giàn đang trổ bông. Những chiếc hoa nhỏ li ti, và màu tím hoa cà, màu trắng, màu vàng chen lẫn vào nhau. Nước mắt tôi chảy dài vì sung sướng khi đón nhận một niềm hạnh phúc đang bước nhẹ vào đời mình. Tôi thấy đời đẹp quá.

Tôi đi học lại. Đến trường bao giờ cũng đội chiếc mũ bê

rê nâu để che đi chiếc đầu trọc lóc vì tóc đã rụng hầu hết nên mẹ tôi cho người cạo sát da. Trên đường về nhà, tôi thường đi ngang qua con đường đầy bóng mát của hai hàng cây me tây, có một ngôi biệt thự nguy nga trong một khu vườn trồng rất nhiều hoa. Trước cổng dinh thự lúc nào cũng có lính bảo vệ. Đó là dinh Tỉnh trưởng. Khu vườn trước mặt đó, thường ngày vắng bóng người, nhưng hôm ấy tôi lại nghe thoang thoảng có tiếng hát làm tôi bước chân chậm lại. Giọng hát khi nhỏ khi to, khi rõ khi không, nhưng tôi cũng nhận ra lời của một bài hát mà tôi vẫn thường nghe em gái của tôi hay hát. Tiếng hát vụt tắt, nhường lại cho tiếng cười khúc khích. Thấp thoáng sau những thân cây me cổ thụ trong vườn là bóng dáng của mấy cô gái đang chơi đùa. Ngoài đường, tôi hứng chí huyết gió tiếp theo bài hát mà người con gái bỏ dở. Cô bé từ từ đi tới. Kể ở trong, người ở ngoài, cách nhau một thành tường rào, đối diện nhau và làm quen nhau. Cô bé có tên là Hoàng Nga, vừa từ Huế theo cha vào nhậm chức Tỉnh trưởng của một tỉnh bé nhỏ này. Hoàng Nga học sau tôi một lớp, cùng một trường. Cả hai chúng tôi đều vào ban đồng ca của ban văn nghệ nhà trường. Tôi có dịp cầm đàn ghi ta vào khu vườn nhà Nga, ngồi nơi hàng lang, nhìn vườn hoa đua sắc, khảy từng tiếng đàn để Nga hát theo. Nga như đoá hoa phong lan mà tôi đã nhìn được sau cơn bệnh vừa qua. Tâm hồn của thằng con trai bước vào tuổi thành niên đang lao xao, khác lạ khi đi bên cạnh người con gái tuổi mới dậy thì. Nga e thẹn, ít nói nhưng cười để lộ chiếc răng khểnh dễ thương. Tóc Nga đen tuyền xỏa đến vai, thỉnh thoảng gió thổi bay phất phới. Chúng tôi thường dạo quanh vườn và nói chuyện băng quơ.

Nga đến với tôi như một nàng tiên trong giấc mơ rồi Nga cũng tan đi như một cơn gió thoảng. Mùa hè năm đó Nga lại theo gia đình vào Sài Gòn. Còn tôi ra Huế học

tiếp. Chúng tôi có liên lạc qua thư từ vài ba lá, báo tin Nga đã vào học nội trú của một trường dòng. Một vài năm sau tôi nghe một cô bạn cùng quê đang học tại Sài Gòn cho hay tình cờ gặp Hoàng Nga trong áo nữ tu. Hình ảnh mà Nga để lại sâu kín trong tâm hồn tôi là một cô gái trong chiếc áo dài trắng đang cầu nguyện trong ngôi nhà thờ. Một buổi sáng chủ nhật tôi lén leo lên gác chuông nhà thờ nhìn xuống. Đôi mắt Nga nhìn lên tượng Đức Mẹ, như đang xin khẩn một điều gì.

Cả tôi và Phan theo năm tháng đều già đi, bây giờ tóc đã bạc phơ, và những cơn bệnh ập đến rồi đi, nhưng Nga trong tôi vẫn là cô bé tuổi 15, trong sáng hồn nhiên. Diệu Phương của Phan vẫn lơ mờ không rõ nét. Cuối năm học cuối cùng đã đến. Chúng tôi rồi cũng chia tay, và mỗi đứa mỗi nơi cách biệt. Phan bị động viên vào quân đội. Tôi bỏ Huế vào Sài Gòn làm báo. Các bạn trong nhóm văn nghệ tản mác. Trước khi chia tay nhau, chúng tôi tụ họp nhau lại trong căn phòng nhỏ của ngôi nhà đường Hàng Đoát, cùng uống rượu, say lúy túy, bước nghiêng bước ngã trên con đường có hai hàng cây đoát, giơ tay chào những *linh hồn đứng*.

*

Năm tháng trôi qua. Bao nhiêu biến cố lịch sử đã cuốn hút chúng tôi vào những cơn lốc kinh hoàng đó. Năm 1960 tiếng súng bắt đầu trở lại, nhưng cuộc chiến chỉ thấp thoáng ở xóm làng hẻo lánh. Trong lớp học đã mất tích vài ba thằng bạn, vào núi theo Mặt trận giải phóng. Năm 1963 chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ chúng tôi cũng mất vài ba đứa bạn trong cuộc xô sát giữa sinh viên và bọn mật vụ. Tiếp đến năm 1965 lại thêm hai ba

đứa cạo trọc đầu, mặc áo nhà sư, đi trong đoàn quân quyết tử của Phật giáo chống Thiệu Kỳ, thất bại, bị chết trong tù đầy. Tết Mậu Thân trong anh em bạn bè chúng tôi lại chia hai, đối nghịch nhau. Từ hai phía, chúng tôi cũng mất hẳn đi vài đứa, đứa còn sống cũng bị cưa chân, mù lòa. Mùa hè đỏ lửa 1972, nơi cổ thành Quảng Trị, có đứa vừa gục ngã mới lên chức cố đại tá cùng tên đường mang tên hấn. Sau cùng, biến cố năm 1975, chúng tôi tan tành, rã đám.

Bao nhiêu năm qua tôi vẫn tự hỏi: “Tại sao Phan lại đặt cái tên *Những linh hồn đứng* cho một con đường nên thơ. *Những linh hồn đứng* đó là ai? Tại sao lại đứng. Có phải đó là những linh hồn của những người thân yêu chết trong tức tưởi, trong cái phi lý của cuộc chiến tranh mà thế hệ của chúng tôi phải gánh chịu.” Tôi tự nhận ra câu trả lời mỗi khi nhận được tin một thằng bạn vừa gục ngã trên chiến trường. Một người thân trong gia đình tan xác khi dẫm phải mìn. Một xác chết thân thể chỉ mặc một chiếc quần đùi nằm trơ mình nơi quận lỵ, khuôn mặt quen thuộc của một thằng bạn đã từng học với tôi từ thuở ấu thơ. Những linh hồn đó vất vưởng tìm nơi dừng chân nên nhập vào những cây đoát này chăng? Có lẽ chúng tôi đã linh cảm được những mất mát quá lớn trong cuộc đời sắp đến. Sinh bệnh lão tử của Phật Thích Ca, con người phải đi qua trong bốn giai đoạn, nhưng thế hệ chúng tôi chẳng lẽ chỉ có sinh và có tử. Chết đi lên bàn thờ, phong làm liệt sĩ. Chết đi gia đình lãnh lương tử sĩ. Tất cả đều mang danh nghĩa hy sinh vì tổ quốc.

Bây giờ Phan và vợ con đã ra đi, cư ngụ ở Mỹ. Thỉnh thoảng anh có về Việt Nam. Tôi và Phan gặp nhau, nhắc lại kỷ niệm xưa, về ngôi nhà số 9, về con đường Hàng Đoát mang tên *Những linh hồn đứng*.

Từ lúc chúng tôi từ giã ngôi nhà đó, vài năm sau anh chị tôi cũng nhường lại cho gia đình một sĩ quan khác, để dọn vào Sài Gòn. Sau đó, một vài lần có dịp về Huế, tôi có trở lại nhìn ngôi nhà xưa, vẫn còn đó, những cây đoát đứng sững sờ.

Nhưng sau năm 75, hai hàng đoát đã biến mất, không hiểu có phải vì thời gian đã làm cây chết đi, hay những người chủ mới đã đốn nó xuống. Hai lề đường ngày xưa xanh mơn mớn những thảm cỏ, đã lấp lên bằng phẳng một nền ximăng. Những ngôi nhà cổ, thời Tây để lại, được thay thế bằng biệt thự tân thời. Như thế hệ chiến tranh buồn bã của chúng tôi đã qua đi. Một thế hệ thanh bình của con cháu chúng tôi đang bắt đầu.

Cả Phan và tôi khi nhớ lại thuở thanh niên, ngậm ngùi. Những ngày tuổi già cận kề, nghĩ đến một ngày mình lìa xa cõi đời, xót xa. Con đường *Những linh hồn đứng* chỉ còn trong tâm tưởng. *Những linh hồn đứng* ngày xưa chuẩn bị đón tiếp chúng tôi một ngày gần đây.

Tháng 9 năm 2003.

Trần Phù Thế

trang tử

nửa chừng
một giấc chiêm bao
sáng ra thức dậy còn đau tới giờ

phải chăng
chỉ một giấc mơ
đời trang tử mộng sống sờ áo quan

có gì
còn ấm khăn tang
mà em nữ tất hai hàng nấn thiêng

02/02

Giờn bóng chiêm bao

như là
như thể
bằng không
anh con trốt xoáy mù tung mịt trời
như là
như thể
đánh rơi
trái tim rướm máu nằm phơi chợ đời
và anh
thức mãi
một thời
cơn mê bất chợt thành người chiêm bao
nói năng
bất đầu

nam tào
và anh quên tuốt ngõ vào ngõ ra
đầu đi
đường lạnh
trắng tà
chia đôi bất hạnh thiệt thà niềm tin
đầu anh
giỡn bóng
một mình
cũng không đốt nổi cái hình nộm kia
núi chi
cái bóng
tàn khuya
để tan theo tiếng động về rặng đông

2002

Trần Phù Thế với tập thơ: Giỡn Bóng Chiêm Bao do Tác giả xuất bản. In tại Thư Án Quán năm 2003 (Hoa Kỳ). Với tên anh, không lạ với bạn đọc trước 1975. Nhưng, hình như Giỡn Bóng Chiêm Bao là tập thơ đầu tay của anh khi đến định cư tại Mỹ, diện H. O. Hai bài thơ trên được trích từ tập thơ G.B.C.B mà chúng tôi vừa nhận được. Một tập thơ hay. Tìm đọc. (PVN)

Trần Duy Phiên

Lý rượu rắn hổ mang

Vào hồi cao điểm cuộc nhậu, tôi rời bàn, chệnh choáng mấy giây mới định được hướng. Không gian nhà hàng ngột ngạt, những vũng đèn màu huyền ảo quyến lấy các thứ âm thanh giần giật âm ỉ. Tôi đi qua những ánh mắt khật khờ, những khuôn mặt ngất ngưỡng óng ánh như màu mận chín. Đàn ông ngả ngốn ngồn ngộn bụng với bụng, nung núc những khoan khoái nộ nộ ngạt mớ. Đàn bà chỉnh chu váy áo lụa là, mắt môi phấn son loè loẹt, nức mùi nước hoa. Chúc tụng, tâng bốc, tán tỉnh, vuốt ve, cười cợt, thách thức, đưa đẩy...rân ran đây đó. Carberg, Heineken, Black and White, Napoléon, Tiger Beer...mỗi bước một mùi vị phảng phất.

Qua khỏi cửa toa-let, không khí như đổi khác, ánh đèn-ông phản chiếu mặt men sứ lát tường, tiếng nước xối xả, những cơn nôn thốc tháo đằng sau vách ngăn khiến tôi tỉnh hẳn. Tìm được một buồng trống, tôi lao vào ngay. Và cũng như bao thực khách khác, rượu thịt trong người thôi thúc, tôi dùng một ngón tay móc sâu vào họng, chúi đầu xuống đẩy ra tất cả những gì mà trước đây vài giờ tôi đã trân trọng đưa vào. Công việc khai giải khá bức dọc nhưng khi bước ra, tôi thấy người mình nhẹ hẳn.

Để chuẩn bị tốt cho những pha đụng độ tiếp theo, tôi cần phải tỉnh táo hơn nữa. Rửa mặt, chải tóc xong, tôi dành mấy phút ngắm nghía bộ dạng mình trong kính soi nhưng không nhận ra gì khác ngoài một anh chàng múp míp, hai má phình phính và hàng ria rậm. Chỉnh be áo, nấn lại cà-vạt, tôi cảm thấy mình không còn lý do nào nữa kéo dài sự vắng mặt ở bàn tiệc.

Đọc lối ra, tôi bắt gặp một cái đĩa hoa trắng ngần đặt trên chiếc ghế đầu cao, bên trong có một ít tiền lẻ. Không biết chức năng của cái đĩa này - mặc dầu nó ở vị

trí khiêm tốn vừa đủ cho khách nhìn thấy, chưa phải là tay hào hoa phong nhã - Nó là miếng lót móng manh dưới gót giày vương giả đoái thương phận hèn. Tôi dừng lại móc ví vừa lúc người đàn ông tóc hoa râm mặc áo vét xám cũ tay cầm bàn chà đi tới. Ông ta ngơ ngợ nhìn tôi. Chẳng cần phải giới thiệu, tôi thừa biết vai trò của ông ta ở đây và ông ta đang chờ đợi cái gì. Nhưng tờ bạc giấy vừa lia ra, tay tôi chợt run lên. Người đàn ông dừng lại trước tôi, chống bàn chà xuống sàn, cúi mặt. Tôi đã định quay đi nhưng cái kính trắng gọng vàng của ông ta níu lại. Tôi nhìn kỹ người đàn ông, vầng trán rộng, sóng mũi cao, những ngón tay dài thanh mảnh. Lại nữa, tôi chợt thấy những ngón tay ấy rất thân quen với mình. Tôi bước lại gần ông ta hơn, cũng chưa biết phải làm gì. Ngay lúc ấy, ông ta ngược nhìn tôi, đôi mắt mệt mỏi thờ ơ nhưng không giấu nổi tâm trạng thảng thốt.

- Xin lỗi, ông có phải... - Tôi không nói hết lời mình.

- Thanh đây ư ? - Ông ta gọi đúng tên tôi, giọng của người đang mơ - Anh còn nhận ra tôi?

- Thầy! - Tôi reo thật to, ôm lấy ông ta và nhận ra tất cả thân thầy khô khốc xương xẩu trong đôi tay phốp pháp của mình.

Để rơi bàn chà, thầy đưa cả hai tay vòng qua lưng tôi, ghì chặt vào rồi đẩy người tôi trở lại cho vừa khoảng nhìn.

- Anh thay đổi nhiều quá! - Thầy nói, gật gật đầu - Nhưng mà... vẫn còn...- Thầy ngấm lại người tôi từ đầu đến chân rồi cất tiếng cười.

Tiếng cười ấy đưa tôi trở về hai mươi năm trước... Nhận được thông báo của phòng học vụ, chúng tôi chờ đợi suốt cả tuần và kháo với nhau đủ chuyện về một giáo sư mới từ Pháp hồi hương: Tiến sỹ Nguyễn Đình Hà. Sáng thứ hai, chúng tôi ngồi im lặng trong lớp học, nôn nao từng phút. Chuông reo, một người đàn ông mặc com-lê xám đứng ngay trước cửa nhìn sổ phòng rồi mạnh dạn

bước vào. Chúng tôi đứng dậy vỗ tay đón chào. Ông ta xúc động, chớp mắt, đứng lặng im một lúc. Buổi học đầu môn của chúng tôi - giờ dạy đầu đời của thầy, giáo trình tạm thời gác lại. Chúng tôi xin hỏi thầy đôi điều về nước Pháp, về những ngày đầu du học xứ người, về cảm tưởng của một người con trở lại quê nhà đương lúc chiến tranh. Thầy nghẹn ngào, có lúc lảng lảng nhìn chúng tôi, có lúc bối rối, có lúc thên thện vì không tìm được từ Việt phải xen vào tiếng Pháp. Nhưng chúng tôi đều nắm bắt ý thầy trọn vẹn. Ra đi do học bổng quốc gia dài thọ, sáu năm về sau thầy phải kiếm sống để theo lên Cao học và hoàn thành luận án tiến sỹ. Thầy học trường nào? - Sorbonne. Nghe tên trường, chúng tôi lén đưa mắt nhìn nhau, thầm cảm phục. Thầy học khoa nào? - Triết học. Thầy làm nghề gì? - Ai thuê làm được thì làm, nghề lâu nhất là rửa chén bát nhà hàng. Thầy có xót xa tủi phận lắm không? - Một nữ sinh không tự chế, đưa ra câu hỏi quá đà khiến chúng tôi áy náy. Nhưng thầy vẫn bình thản cho hay lúc đầu khoác tạp-dề, ngồi điều khiển máy, thầy đã khóc. Rồi thầy tự đề ra quyết tâm gian khổ, mong một ngày về góp phần xây dựng đất nước...

Nghĩ đến đó, tôi ngờ nghệch nhìn lại thầy một lần nữa và bất gặp đôi mắt thầy như xoáy vào tôi. Cái nhìn sắc lạnh ấy làm tôi như muốn vỡ tung ra, mắt hoa lên, đáng thầy dật dờ trong dòng thác lũ. Mùa xuân của trời đất đến trên cánh bướm, trong sắc hoa. Mùa xuân của lịch sử đến trên đầu súng, trong bước quân hành. Thầy trò chúng tôi chia tay nhau trong biến động và hoà tan. Mẹ tôi từ quê lên phố, táo tác tìm chồng. Và bà đã gặp cha tôi trong đoàn quân chiến thắng. Từ đó tôi trở thành con trai của một vị anh hùng. Tôi đi học lại và chuyển qua khoa kinh tế. Còn thầy, bấy lâu tôi vẫn tưởng xuôi theo dòng người tháo chạy và đang tít tận bên trời Âu.

- Tôi chọn ở lại - Như đọc thấy những tư tưởng u uẩn trong tôi, thầy nói - Nhưng người ta không dùng tôi.

- Người ta sẽ dùng thầy - Tôi quả quyết. Thầy nhún vai, lắc đầu. Tôi thưa tiếp - Con sẽ thuyết phục bằng được để người ta dùng thầy.

Hai tay đỡ lấy đầu, thầy cúi mặt một lúc. Tôi im lặng chờ đợi.

- Giả tử anh làm được điều đó - Thầy nhìn lên, đặt một tay lên vai tôi - Tôi sẽ làm được gì trong những ngày tới?

- Thầy trở lại dạy học.

- Dạy cái gì?

- Chuyên môn của thầy.

- Chuyên môn của tôi là nghiên cứu và đề xuất những phương pháp đi tìm chân-thiện-mỹ. Còn những ngón nghề điêu ngoa, xảo trá, ma mãnh...tôi không có!

Tôi uất nghẹn đến nghe đau. Thầy cúi nhặt bàn chà, đưa mắt nhìn vào bên trong một buồng toa-lét do một thực khách vừa ra không chịu đóng cửa.

- A, đây rồi! - Kế toán trưởng của tổng công ty ừa vào, hét tướng lên - Mời thủ trưởng trở lại bàn! - Chợt anh ta đứng trở ra, tiu nghỉu nhìn tôi.

- Xin lỗi... - Tôi khoát tay nhưng anh ta chẳng hiểu lý do.

- Anh hãy trở lại với khách! - Thầy nói, rút mu-soa đưa cho tôi lau mặt - Bỏ dỡ cuộc vui phiến hà lắm!

Cô thủ quỹ ưỡn ẹo áp tới, cười rất tình tứ, cùng anh kế toán lôi cho bằng được tôi ra cửa. Ngoái lui trả lại khăn, tôi thấy thầy cầm lấy chiếc đĩa hoa nhét vội vào túi áo.

Phần cuối cuộc nhậu, sau chuỗi cười dài, tôi bật khóc. Trong tiếng hò reo hoan lạc của mọi người, tôi cúi xuống uống cạn ly rượu rần hổ mang hoà lẫn nước mắt mình.

1993

Đỗ Hồng Ngọc

(Đỗ Nghệ)

Ở Xuân Hương

Cơn gió ngọt rót qua làn áo ấm
Một nụ cười mỏng lét mùa xuân
Trái thông khô rớt vèo chiều tím
May mà còn ánh mắt dao cau !

Lá

Lá chín vàng
Lá rụng
Về cội

Em chín vàng
Chắc rụng
Về anh

Đêm trên biển Lagi

(*Tặng cậu Ngu Í*)

Sóng cuốn từng luồng trăng lại trắng
Đêm Hòn Bà đổ giấc ai nồng
Phẳng lì bãi cát buồn hiu ngóng
Cao vút hàng dương quạnh quẽ trông
Đá cũ mòn rêu hoài Đá Ngãnh
Nguồn xưa cạn nước vẫn Nguồn Chung
Về đâu mái tóc xanh ngày ấy (*)
Câu hỏi ngàn năm có chạnh lòng ?

(*) *Thơ Ngu Í Nguyễn Hữu Ngự (1921-1979)*

Nằm đây mà nhớ mơ hồ

Những xanh tóc ấy bây giờ về đâu ?

Lữ Kiều

Buổi mai trắng

Tân Truyện

(*Tặng Thuận và Ngô*).

Không thể nào nhìn cho rõ ngọn lửa đã ngút lên, bùng cháy sáng trong lòng một buổi sáng thức dậy. Có phải đó là phút sự thật của ý thức, là lúc nghiệm ra mình vô thủy vô chung, dềnh dàng bập bềnh như những bè lục bình trôi lơ đãng trên dòng sông mù mờ khói sóng. Đó là lúc hư vô.

Nhìn khuôn mặt tên bạn. Hấn cười, cái hàm răng trên nhô ra, hai cái răng cửa vàng và khớp khểnh, một nụ cười bi thương hay hoan hỉ? (không còn ý nghĩa nữa) *"Mai, ta sẽ đi, biết đâu lần gặp mặt này chẳng là lần cuối"*. Hấn cười, cười vu vơ và giơ tay đuổi những con ruồi đậu trên thành ly cà phê đã lặn ngắt từ nãy giờ.

Cho tao một liều thuốc.

Đó là một buổi sáng khi thành phố vừa thức dậy. Căn gác nhìn ra những mái tôn đóng rét màu xỉn. Bầu trời âm u, sương mù và con lộ buồn bã. Con-lộ-buồn-bã, gán một ý nghĩa cho tỉnh vật là những say đắm lãng mạn của một thời còn sót lại. Không còn gì, ý thức nhìn trước sự việc, và tình cảm như những con thiêu thân rơi lả tả trên mặt bàn. Bởi vì, chúng ta không thổi tắt được ngọn đèn sáng suốt.

- Thuận, mày buồn ư?

Hấn ngồi đó, lơ đãng nhìn xuống mặt đường, những sợi râu tua tủa dưới cằm, con mắt lơ đãng sau một đêm mất ngủ, cặp môi dày dục tình, mái tóc bông bênh vô nghĩa, vành tai vểnh lên. Nói cho cùng, khi nhìn kỹ khuôn mặt một con người, ta thấy hấn giống con khỉ. Con khỉ!

Những tiếng động lao xao như bầy ong vỡ tổ. Tôi nói với Thuận không khí của căn gác này cho tôi cảm tưởng được ôm ấp trong sự thân mến của những kẻ lạ mặt. Thuận gục gục cái đầu, cười, nụ cười mỉm chi, nửa trữ tình, nửa khinh bạc.

- Ta sẽ rửa mặt, chải tóc, đánh răng cẩn thận. Và ta sẽ hôn em đúng 8 giờ sáng. Hà!

Hắn giơ tay, búng “tách” một cái.

Chiếc áo may đo cấu ghét, quần đùi, tay chân khẳng khiu, những sợi lông chân lông nách dơ dáy, những bắp thịt nhão, lồng ngực ồm. Tôi giơ tay chùi ghèn còn đọng nơi khóe mắt rồi cũng bàn tay ấy, tôi vỗ vai Thuận.

- Chiến sĩ, hãy đứng dậy!

“Bánh cuốn nè!”. “Xôi dừ chè đường...”. “Bánh bao! Bánh bao!”. “Phơ.ơ..ở...”

- Chiến sĩ, đói bụng chưa, mặt trời mọc rồi!

Khói thuốc mỏng tỏa nhẹ, nặng trên mặt đường, khói thuốc vật vờ tan đi. Thuận nhìn xuống, điếu thuốc lơ đãng trên môi, nhìn nghiêng, hắn có con mắt thật đẹp, hàng mi dài và cong, tròng mắt đen, trán thẳng. Hắn hút thuốc. Con khỉ hút thuốc. Thuận ơi! Thuận ơi! Mày là thi sĩ?

Anh nắng như lụa áo, vàng nhạt và sáng, những mái nhà như hủ miêng ngáp bầy những hàm răng trắng. Những đứa trẻ đã ulla ra mặt lộ, những đứa con trai con gái trần truồng dơ dáy vây quanh một vũng nước, lấy những nhánh củi khêu con chuột chết nằm ngửa phơi cái bụng trắng hếu. Vài đứa con gái gánh đôi thùng nước đầy, rơi xuống mặt lộ những hạt nước tròn. Cuối lộ là vòi nước công cộng, những bà mẹ tắm con và giặt rửa. Trên căn gác đối diện, tên đàn ông đầu chải lảng mướt, có vắt chiếc khăn lau, ôm cây đàn ghi ta vừa khảy vừa ca vọng cổ.

Thuận và tôi chưa đầy 30 tuổi.

Ngày đó, Thuận và tôi đến thăm thầy dạy văn thời trung

học. Ông là một đảng viên Quốc dân đảng thời lãnh tụ Nguyễn Thái Học. Chúng tôi hỏi:

- Thưa ông, ông đã làm gì sau thời kỳ ấy. Tại sao lực lượng các ông lại thất bại ở chiến khu Thái Nguyên, tại sao các đồng chí của ông lại phân hóa thành nhiều hệ phái? Người lãnh tụ chỉ còn là cái bóng của một thời, một thứ bàn thờ mê tín không đủ sức kéo các ông lại với nhau, còn hướng chi chúng tôi? Lịch sử thời đó phải là lịch sử của các ông. Còn bây giờ thì không. Giờ là của chúng tôi. Các ông đã không tạo được lịch sử. Còn chúng tôi, tôi không đại diện cho ai hết, nhưng riêng tôi, tôi thú nhận: tôi từ chối lịch sử.

Người thầy trả lời:

- Mọi hoạt động cách mạng đều phải nhận lấy những thời kỳ thoái trào. Chúng tôi sẽ trả lời thế hệ các anh về sự tan rã của chúng tôi, nhưng đó là một sự tan rã cần thiết.

- Sao thế hệ các ông không tự hủy diệt đi sau cuộc tan rã đó?

- Bởi sự tồn tại của chúng tôi cũng cần thiết. Cách mạng là một người hùng phải nhận sự chết già với những tấm huy chương hoen rỉ

- Trường hợp chế độ đã diệt các ông?

- Tôi cho cũng không ra khỏi định luật ấy. Trả lời một cách khẳng định vào lúc này là hơi sớm. Tuy nhiên, tôi có thể nói với các anh rằng, từ chối lịch sử cũng là một thái độ chính trị, dù cho là thái độ ấy què quặt vì không có cái nhìn toàn diện về trình tự lịch sử. Các anh phải đọc lại sử.

- Muộn rồi, chúng tôi không có thì giờ, còn hai ngày nữa, tôi sẽ nhập ngũ.

- Cũng bằng thái độ từ chối ấy?

- Thưa ông, vâng! Không còn cách nào khác.

Chúng tôi sẽ trả lời thế hệ của các anh. Tại sao sẽ. Tại sao không ngay bây giờ. Ông thầy, ngoài năm mươi tuổi,

sự hào hùng của thầy cũng hiếm quý như những xúc động của đục tình. Đồng ý?

Thuận vừa hỏi, vừa nhổ nước miếng xuống mặt lộ. Dòng nước giải còn dính bên mép, hấn giơ tay quạt ngang. Những ngón tay cẩu ghét và ám khói làm tôi xúc động. Đồng ý? Không, tôi không có ý kiến. Đêm qua, nằm ngủ bên Thuận, nghe hấn thở phì phò, tiếng thở buồn bã chết cứng trong đêm. Thỉnh thoảng tiếng chuột chạy và rúc lên từng chuỗi dài. Gần sáng, tiếng mèo tru trên mái tôn làm tê điếng cảm giác. Tôi thức dậy trong nỗi chập chờn của một giấc ngủ mù mờ kéo dài, ý thức lảng đãng như kẻ lạ mặt trong thân xác mình, tôi nghiêng người nhòm dậy, nhìn thấy Thuận co quắp trong một dáng nằm đau đớn chơi vơi. Lúc đó, tôi nhớ tới khuôn mặt cũng co quắp của ông ta, thầy giáo chúng tôi.

Khuôn mặt tròn, mắt tinh anh, trán nhăn và nụ cười khinh bạc. Nửa đời lận đận với lòng ái quốc, ông ta nhìn chúng tôi như những kẻ nổi tiếp. Sự thành tâm của ông làm tôi cảm động. Và chúng tôi không nỡ dồn ông vào chân tường. Tôi tự hỏi: Sao ông không hút thuốc phiện để quên lãng thực tại, để được gần hơn cái trí nhớ bất tuyệt đầy anh hùng ca ấy. Làm sao ông hiểu được những ngưỡng vọng mà ông muốn truyền cho chúng tôi chỉ là những chuyện cổ tích không còn vai bà tiên vạn năng. Bầy con của ông ta nhơ nhớp lê lét từ trong nhà ra thầu ngoài sân, mặt mũi không rõ nét, hơi hám bệnh hoạn bên cạnh bà vợ xanh xao dấu mặt dưới mái tóc đầy rối. Ông nói, giọng chắc nịch:

- Nếu thêm một lần tuyệt vọng, tôi sẽ đâm chết vợ con tôi rồi tôi treo cổ tự tử.

Thuận cúi xuống, vốc nước trong cái thau nhôm rửa mặt, nước văng tung toé, hấn nói gì đó ồm ồm trong miệng lúc đánh răng, xong hấn cười, cái miệng đầy thuốc trắng với cái bàn chải chưa bỏ ra. Tôi ngã đầu vào tường, nói : Tao mệt. Thuận bước tới cạnh, lấy tách cà phê còn chút

cặn đố xuống thau, mức nước trong phuy súc miệng. Khi chải đầu, hấn nói:

- Ồ, có lúc, tao tưởng như chính mình đã chết. Cái chết trong chiêm bao đôi lúc cho ta cái khoái cảm của tình dục ẩn ức. Chết. Sao được, có số mà, những tên như tao phải chết già, chết nằm trên giường có vợ con vuốt mặt. Mày tin tử vi không? Hà. Hà.

Tôi không nghe gì. Một giấc ngủ và một buổi sáng thức dậy nơi một căn gác lạ ở xóm lao động này. Có cái gì tê điếng lẫn quất đầu đó trong từng cử động. Tôi sẽ làm gì đây, tại sao kẻ ra đi là Thuận chứ không phải tôi, tại sao chúng ta vẫn sống, tại sao buồn.

Tôi ngó tên con trai đang ca vọng cổ. Hấn nhìn lên. Cười. Biết đâu hấn chẳng mắc chứng đồng tình luyến ái? Tôi cười lại, giơ tay lên chào. Đúng rồi. Đúng rồi.

Một trí óc bình thường rã mục những tưởng tượng ngợp ngang xúc giác. Nhìn ngấm mọi người lúc nhúc cọ quây trong vũng đặc trí nhớ. Tôi ngồi im giữa buổi sáng của một đời sống. Ta đã chết đi, từng phần thân thể chết đi, và ta sẽ gục xuống giữa ý thức mình như cơn mê chợt tỉnh. Hình như đêm qua, trong cái quán nhậu bình dân ấy, tôi đã hơi quá chén.

Người tình của Thuận đến căn gác lúc tám giờ. Tôi nhận ra nàng từ cuối lộ. Nàng bước e dè qua những vũng lầy, tránh những đứa trẻ chạy hùng hục lẫn chai, và nằng thật rực rỡ. Tên con trai ca vọng cổ nhìn nàng bằng đôi mắt tà dâm, y ngừng tay trên cây ghi ta, chu mỏ huyết gió và nheo mắt. Nàng lừng lững đi ngang như cái bóng, khuôn mặt nghiêm trang lạnh lẽ. Khuôn mặt của vũng im dưới tàng cây mùa hạ. Nàng đứng tần ngần dưới căn gác, tôi nhìn xuống và thấy ngực nàng phập phồng tội nghiệp dưới vải áo.

Như Kim Liên. *Kim Liên của câu hát mơ hồ thuở nhỏ, một cái tên không hình dạng rõ rệt, âm thanh bùa phép*

của nỗi ngọt ngào say đắm, Kim Liên của trí tưởng tượng về những ngày đầu tiên cảm xúc tình dục. Ở Kim Liên, hơi Kim Liên. Đẩy xe cho chị qua miền Hà Khê. Tôi lãng mạn thật tình và muốn yêu nàng.

Nàng. Nàng. Tại sao? Nỗi buồn vu vơ dưới gót chân hồng trong chiếc guốc đen quê mùa, em sẽ chết giữa cỏ cây, nỗi xao xuyến sẽ đem em đi quá xa trong dòng sông. Kim Liên. Em đã chết. Nàng ngó lên, nhận ra tôi:

- Thưa anh, Thuận có nhà không?

Nàng ngó lên nhận ra tôi. Thưa anh Thuận có nhà không. Tôi tỉnh dậy. Giọng nàng ấm êm loáng thoáng. Tôi trả lời: Thưa chị, có, Thuận ở đây, chúng tôi vừa mới thức dậy, vâng, mới thức dậy, Thuận ơi, Thuận. Mời chị lên, coi chừng, thang gác dốc lắm, coi chừng ngã.

Nàng bước lên, vịn vào thành cầu thang, nàng có cái vẻ cẩn thận vụng về quá đáng làm tôi đau nhói trong ngực. Mọi âm thanh bỗng vụt tắt. Thôi không còn tiếng trẻ la hét, tiếng chân thành thịch, tiếng giặt giũ cái vĩa ngoài vòi nước, thôi không còn tiếng nói bí mật của đêm và ký ức, nàng đem lại sự im lặng của lãng quên và mơ mộng thảng thốt. Ở đó chỉ còn đôi môi nàng, đôi môi nhỏ bé, như con chim non, như con chuột mới sinh đỏ hỏm ghê sợ cửa quây trong cái ổ giấy báo, đôi môi của dục tình đau đớn không đạt được. Tại sao? Tại sao?

Nàng giơ tay cho Thuận nắm, bển lên ngồi xuống sàn căn gác (chiếc chiếu trải ra, cái bàn viết, ghế đầu, chiếc đèn con trong góc phòng ám khói, sàn gỗ bóng loáng, hai hàng giày dép, ly nước, vài chai nước lọc, cái ấm thiếc, réchaud, đường, cà phê, giấy vệ sinh)

Nàng ngồi xuống, ngó quanh ngưỡng ngừng, nơi này sao, nơi này tôi sẽ bước qua đời tôi sao, nơi này là chốn định mệnh sao? Buổi sáng quá đẹp, em thấy không? Hỡi Kim Liên. Một cái tên mang một định mệnh khác. Không phải của em. Không phải của nàng. Đồng ý? Hỏi như Thuận hỏi. Đồng ý? Đồng ý chứ?

Nàng ngồi đó và tôi đói bụng, tôi bèn đứng dậy, bước xuống những bậc thang, chào nàng và giơ tay búng “tách” một cái với Thuận. Tôi nói tôi sẽ ra chợ kiếm đồ ăn cho mọi người cùng ăn sáng. Tôi đau khổ bất chợt và nói một mình: *Mày sẽ chết, con ạ!*

Có thật tôi đau khổ? Có thật tôi muốn đạo diễn cho mình một vở kịch mới khác hẳn những vở kịch đã đóng trong đời? Tôi bước qua những vũng nước, chân lấm bùn, những đầu ngón chân rịn nước khó chịu. Chợ ở cuối lộ. Buổi sáng đầy trong mắt. Gã người Hoa đứng trước gánh hủ tiếu khói lên nghi ngút, khuôn mặt tỉnh khô như cát biển. Những hàng quà rong quay xung quanh tiệm cà phê, thứ cà phê nước trà lợn cợn chất dơ bẩn ẩn giấu nỗi tục tằn và vô luân. *Mày sẽ chết, con ạ. Ai? Tôi? Hay một kẻ khác.*

Ngồi dưới mái tôn che nắng, tôi thở khói ra đằng mũi và buồn se sắt. Sáng mai, tôi sẽ đưa Thuận vào trại nhập ngũ. Chuyển đi như hoàn tất những ray rức, sự phù phiếm của trí tuệ chùn bước trước thân xác mình và lịch sử kia. Thôi. Cho qua. Có thể nào mày chết đi. Có thể nào ta yêu nàng. Nàng như một hồ ly tinh không thật cho tôi lòng vọng tưởng, một vọng tưởng có hình ảnh - em như thế, mắt mũi miệng tai tay chân như thế - và có lúc, tôi tưởng đã gặp được ảo tượng của mình.

Nàng là những dồn nén của tôi trước phận mình. Phải không, Thuận, đồng ý chứ?

Thuận sẽ bắt đầu bằng bàn tay, hẳn sẽ ve vuốt bàn tay nàng trở lên cổ, rồi tai, tóc, nàng sẽ sợ hãi xích ra xa, Thuận sẽ nói: Em sợ anh sao, anh sắp đi rồi, em yêu anh không, nàng sẽ ngồi yên, Thuận sẽ nhớ ra: căn gác không có cánh cửa đóng lại, chỉ cần bước lên cầu thang là nhìn thấy hết trong gác, như vậy không được, nhưng ăn thua gì, mặc, “tách”, búng tay một cái, cười mỉm chi, nàng sẽ ngồi yên. Chỉ cần thế.

Có thể, phút này ông ta cũng vừa trở dậy, nhìn thấy những đứa con bu quanh nồi cháo, nồi cháo nấu vôi đổ ra những cái chén sành cấu bẩn và mẻ quanh mép, những cục đường đen ẩm ướt, thằng bé nhỏ nhất ba tuổi đang liếm chút đường còn sót lại quanh ngón tay, bà vợ ngồi giữa đám con, im như tượng. Có thể ông ta nằm nán lại trong giường, không vất mùng lên (cái mùng lính màu cứt ngựa phủ xuống suốt ngày, những con muỗi vu vơ bay chấp chới, góc nhà tối đen, im bóng những giọt nắng không len vào được, nắng ở ngoài những bức tường vôi loang lổ, sau những cánh cửa đóng lại). Ông sẽ nằm yên giả vờ ngủ, sẽ cảm thấy lòng mở ra như vỡ bờ, những tình cảm dồn nén của thời hào hùng, những khuôn mặt đồng chí đã chết đi, những lừa lọc phản bội của anh em, nỗi bất mãn căm phẫn với mọi chế độ. Cuối một đời, vây quanh mình vẫn là những bóng ma quái ác không để ông nghỉ ngơi. Có thể ông rợn rùng từng chân lông khi nghĩ đến cái ngày ông đầu hàng, bàn tay này sẽ cầm dao như tên đồ tể, thọc sâu cánh dao lá mía vào những cái bụng trắng hếu như heo luộc là bụng thằng con ông, bụng vợ ông (bàn tay đặt lên đó, thân yêu và hòa hợp, không cảm giác rõ rệt, chỉ còn rung động của một thói quen như cơn ghiền ma túy, dục tình kéo theo bàn tay lần xuống, người vợ hiền thực nằm im như gỗ, sợ hãi khép nép e dè.) Tất cả cũng chỉ là một phản ứng nén tâm vô tội.

Thuận sẽ đặt tay lên bụng nàng. Tôi không nhớ rõ, có thể bụng nàng tròn nhưng không gợi tình như những cái bụng các cô gái khác. Cái bụng êm ái nồng nàn dưới bàn tay Thuận. Thuận vừa đặt tay nơi đó, vừa đỡ lấy cái đầu bé nhỏ của nàng, rồi tà tà, hẩn cúi xuống như con voi dùng cái vòi hái mía, hẩn hôn nàng. Nàng mở mắt to nhìn lên, thấy Thuận rõ rệt từng nét kỷ hà của khuôn mặt, nét kỷ hà không góc cạnh bấy nhầy những xao động hỗn mang, trên làn da ngọc ngậy muôn ngàn động

vật vô tri, nàng sợ hãi và nhắm mắt. Có thể nàng nhắm mắt ngay từ khi bàn tay Thuận đỡ lấy đầu nàng, thói quen của nhục cảm hay trí nhớ. Nụ hôn nhẹ nhàng mơ hồ, không, nụ hôn sẽ cháy bỏng, Thuận sẽ hôn nàng nồng nàn và ray rức, nụ hôn dài và hơi thở không đều. Bao nhiêu lần rồi, họ hôn nhau, bao nhiêu lần rồi, họ thuộc nhau từng góc cạnh của đôi môi, từng giây rung động chạy dưới da thịt, họ thuộc nhau và cảm ơn nhau.

Ví dụ như Thuận sẽ chết. Ví dụ như nàng ở trong tay một kẻ khác, không phải tôi. Ví dụ như nàng sẽ già nằm bên người đàn ông là chồng nàng, buổi tối, thức dậy trong đêm khuya, thấy phòng mình sáng rực như có ánh trăng rơi vào, nàng kinh ngạc nhồm dậy: mới hay rằng hỏa châu ở ngoài trời soi qua khuôn cửa, trái hỏa châu lơ lửng như con mắt chột của đêm. Thuận đó.

Ơi, Kim Liên, Kim Liên của giọng hát ngọt ngào như mật, em sẽ đưa ta đi đâu? Có thể nào trong ánh nắng buổi sáng ta tắm mình trơn tru, gọi bỏ những thao thức để theo em – Kim Liên – ta xuôi về vô thức, chỉ còn đó tảng đá trắng trong khu vườn đêm trắng xanh mướt. Ơi Kim Liên, hỏi Kim Liên, đẩy xe cho chị qua miền Hà Khê...

Phải, ví dụ như Thuận sẽ chết. Cái chết gần gũi quen thuộc của bạn bè đồng tuổi, cái chết chìm sâu đời sống vào quên lãng. Nhớ chăng, chỉ còn là biểu tượng của từng phần thân thể. Chẳng hạn một nụ cười mỉm chỉ, đôi môi nhiệt tình, mái tóc dày vu vơ, ngón tay búng “tách” một cái sau nét khô hài quen thuộc. Với nàng, còn là trí nhớ thuộc những cảm giác, những cảm giác gọi lại và đem lại sự tiếc nuối cùng sự buồn nôn ghê gớm: xác chết bầy nhầy không hình dạng, anh yêu dấu, anh đã chết, em không thể nhìn anh mà cồn cào trong lòng những đam mê ấy, bởi, dù sao, anh hiểu cho em, khi chết đi, anh không còn là anh nữa, nhưng em vẫn là em...

Chính hôm đến thăm ông ta với Thuận, tôi có ý nhắc lại những tên bạn đã chết, những tên đã từng ái mộ ông ta. *“Ông là người quân tử cuối cùng”*. Nhưng, tôi nhìn thấy trong đời sống ông ta có quá nhiều bóng ma, thêm những bóng ma mới, ông lại phải cấp bách thẳng thốt trước những u uất của ông ta hơn nữa. Dù thế nào, nhìn ông, tôi cảm thấy thật buồn. *Ông đã không lớn theo dòng lịch sử. Ông là tên trẻ con bên cạnh gã đàn ông là những biến động lịch sử. Lịch sử của chúng tôi, chứ không phải của ông, cố nhiên. Ông là chiếc xe đạp thời đệ nhất thế chiến, mỗi phụ tùng đều phải gìn giữ lại bởi không còn để thay thế.*

Thật ra, nói cho cùng, bỏ ra những phần nộ thường trực, có bao giờ ông buồn? Có bao giờ ông buồn như một thi sĩ? Như Thuận.

Thuận buồn. Con khổ buồn. Tôi cười với gã người Hoa vừa giơ tay ra hiệu nhận biết quen mặt. *“Pánh Pao”*. Ờ, thì bánh bao. Ngồi tựa lưng vào thành ghế, trước mặt là chiếc bàn tròn, mặt bàn là tấm nhôm trắng. Chai xì dầu, ớt, dấm, tấm xà răng, dưa, muống, những thứ ấy để chung trong chiếc đĩa sắt. Bàn lau chưa sạch, hủ đường vơi quá nửa, ly cà phê còn đầy, vài giọt nâu đổ ra ngoài, vài con ruồi đen đậu xuống, yên tĩnh. *Một quán cà phê điểm tâm ở một cái chợ lạ, trong một xóm lao động không quen biết, cuối một thành phố không quá khứ. Chợ bắt đầu họp. Mặt trời trên ngọn cây khô.*

Bấy giờ tôi thanh thoi hơn bao giờ cả.

Tôi muốn nói một điều khác hơn thế. Không hoàn toàn là cái cảm giác thanh thoi. Có thể đó là một thời khắc không liên hệ, đứng dừng trong đời sống, thân xác bị đẩy lui phía sau hay lắng xuống đáy trong khi trí óc vượt tới đằng trước, bay bổng lên cao. Chơi với. Một khắc thôi. Rất ngắn. Rồi thì Kim Liên, như vết thương ung

nhọt, nhức nhối từng hồi. Kim Liên, Kim Liên ơi hồi. Nàng. Đôi mắt nàng không to, đúng rồi, Thuận không hề nhắc đến đôi mắt của nàng, có thể đôi mắt của nàng cũng chẳng đẹp, nhưng chắc chắn Thuận vẫn thường bắt đầu màn tình tự bằng cách hôn lên mắt nàng. Đó là một cách bắt nàng nhắm mắt lại, Thuận thường nói như thế. Nhắm mắt lại em chẳng thấy gì, em chỉ còn thấy phần bên trong của thân xác em, phải không Kim Liên? Không, em không phải là Kim Liên, em là sợi giây siết cổ anh lại, bắt anh ngạt thở nghẹn ngào trong nỗi tìm kiếm dung nhan em. *Em hỏi anh, sao anh không yêu ai? Có thể anh chết trước Thuận, anh không tính trước chuyện đó sao?*

Vậy thì, theo trí tưởng, rất có thể ở đó, rất xa nơi này, ông ta cũng đang nghiệm ra rằng nằm nán lại trên giường, giam mình giữa tấm mùng màu cứt ngựa trong căn phòng tối đen với những ý nghĩ hỗn mang nặng nề u ám như vậy là không nên. Có thể, ông sẽ vươn vai, ngáp dài, vén mùng bước xuống đất. Ông sẽ quơ chân khều đôi dép dưới gầm giường, và khi ông tìm ra một chiếc dép, ông sẽ xỏ chân vào, và lạc quan. Lạc quan.

Cũng như, Thuận cũng đang lạc quan, quên hẳn tôi đang ngồi ở đây, quên hẳn buổi sáng thức dậy ngồi nơi lan can, đuổi những con ruồi đậu trên thành ly cà phê lặng ngắt, nhìn xuống mặt lộ, hút một điếu thuốc và cười vu vơ. Hẳn đang sống xác thân và tâm hồn nhập lại thành một. Hẳn đem lại phút yên lặng cho nàng, như cơn bão khô nồng cháy làm tan đi những hạt sương trên thân cây xương rồng. Cũng như nàng đem lại sự yên lặng cho tôi, khi nàng hiện ra nơi khuôn cửa, tay còn cẩn thận vịn lấy thành cầu thang. Phải, sự yên lặng của lãng quên và mơ mộng thẳng thốt. Nhục cảm đầu tiên thuộc về đôi môi, phải đó, đôi môi nhỏ bé, như con chim non, như con chuột mới sinh đỏ hồng ghê sợ cửa quây trong ổ giấy báo.

Dù thế nào, mai, Thuận cũng đi. Những bức rức cuối cùng bỗng giải quyết trong cử động yêu đương ấy. Không lẽ làm đàn ông chỉ có thể giải quyết mọi sự bằng lối ấy. Em hiểu hơn ai cả, phải không Kim Liên. Tôi cười. Khi tìm ra chiếc dép thứ hai, nỗi lạc quan của ông ta cũng sẽ biến thành nụ cười như thế. *Cả Kim Liên nữa, Kim Liên cười. Kim Liên cười trước khi biến mất.*

Lúc đó, gã đàn ông trẻ tuổi, tóc lảng mướt, cái khăn quanh cổ, ôm ghi ta ca vọng cổ nơi căn gác đối diện bước vào quán. Y đứng ngấp ngé ở cửa, neho mắt nhìn vào và cười khi thấy tôi.

- Thầy Hai chưa đi làm?

Mọi bàn đều chật khách, hấn ngồi xuống cái ghế trống trước mặt tôi, nụ cười kéo dài.

- Hơ, bữa nay trời nắng gắt rồi đó thầy. Ê, cà phê đá đây. Thầy Hai mấy giờ mới đi mần?

Thầy Hai? Tôi là thầy Hai? Tôi trả lời ấp úng, cười giả lả gượng gạo. Y vuốt lại tóc, xốc lại cổ áo, không để tâm đến tôi, hút thuốc và mời tôi một điếu. Một lát y nói:

- Cô gái gì sáng nay kiếm bạn thầy Hai đó, cái cô đó thiệt khéo. Hề.. hề...

- Không phải Kim Liên đâu.

- Ủa? Vậy Kim Hên? Kim Niên? Kim Xiên? Cái bộ đi đó thầy, coi ác thiệt. Con gái xóm lao động mình làm gì có bộ đi đó. Mấy con trong xóm gánh nước tối ngày, đi thì vung mông đá gió, có đâu nhẹ tơn như cô đó. Cô gì nè, Kim gì...

Có thể, lúc này, Thuận cũng không nhớ ra người tình của hấn tên gì. Trong cơn mê dục tình, mọi người đều mù mờ không tên tuổi. Cũng như thời gian làm quên bản thân và người ở cạnh. Sống bao nhiêu năm cạnh ông ta, người vợ ấy không còn nghe ai gọi tên con gái của mình (khuôn mặt xanh xao dấu dưới mái tóc dày

roi) và có thể cả ông ta, ông ta cũng quên tên vợ mình nữa.

Kim Liên, em là ai?

Tên đàn ông cười lên hô hố. Hấn vừa nói gì đó. Hấn nhìn tôi, con mắt thao láo dâm dục. Phải, biết đâu hẳn không mắc chứng đồng tình luyến ái. Tôi cười theo. Xong, tôi mua những cái bánh bao và đứng dậy về. Hình như tôi có bắt tay tên đàn ông đó, bàn tay y mềm, xâm xấp mồ hôi.

Chỉ sau giấc ngủ bất an ấy, con lộ mới được nhìn thấy dưới vẻ buồn bã của nó.

Nắng làm tan biến hết, còn dấu dấu đây, dưới bóng im của những mái tôn, một dáng nảo nùng nào đó, như tiếng tru bí mật của những con mèo đêm, tiếng tru lạnh lạnh như tiếng trẻ con khóc. Tôi nói thầm: *Không, mày chẳng khi nào chết, con ạ.* Tôi bước qua những vũng nước, con chuột chết nằm chơ vơ (tụi trẻ đã chán trò chơi khêu chuột, đang họp nhau quanh máy nước để té nước vào nhau) tôi nghĩ có lẽ Thuận đã tìm thấy hạnh phúc.

Khi tôi bước lên thang gác, thì cảnh tượng trước mắt làm tôi ngừng chân lại (tại sao tôi bước nhẹ, có phải tôi cố ý rình rập, một tò mò từ vô thức). Người tình của Thuận mặc áo dài trắng, quần trắng. Nàng nằm dài trên sàn gỗ, hai tay hai chân duỗi ra như chiếc thuyền phôi trên cát mỗi một sau chuyến viễn du. Thuận nằm chồm trên người nàng, khít khao trên thân thể người con gái nằm dưới, và đang hôn nàng một cách hồ hững. Cả hai đều để nguyên quần áo và nhắm mắt.

Có thật Thuận hôn nàng một cách hồ hững? Có thật tôi đau khổ hay chỉ là một trò chơi của trí tuệ, tôi muốn đạo diễn cho mình một vở kịch khác. Kịch. Hay là một cuộc hóa thân? Phải đó, không còn gì, ý thức nhìn trước sự việc, và tình cảm như những con thiêu thân rơi lửa tả

trước ngọn đèn trí tuệ.

Tôi ngồi xuống bậc cầu thang, mở những cái bánh bao ra và ăn tiếp. Tôi nghĩ, khi Thuận nhập ngũ rồi tôi sẽ trở về thành phố ấy, đến thăm ông ta, sẽ không nói chuyện lịch sử và cách mạng nữa, và sẽ thật buồn mà kể với ông ta rằng: *Cuối cùng Kim Liên chết.*

Đoàn Chính Nam

Đêm giã từ Phan Thiết

Máy nổ, thuyền đi, tan giấc mơ
Gió tung cửa biển, sóng xô bờ
Đèn đêm náu vội nhòa đôi mắt
Phan Thiết xa dần, xa mãi chưa

Thôi thế đời thêm chuyến hải hành
Bạc đầu sóng ngẩng : tóc ai xanh?
Trắng hờn : giải sáng từ bao thuở
Chẳng sáng lòng kia một ý lành

Thăm thẳm bên trời mây lướt mau
Hồn xưa thoáng hiện ánh tinh cầu
Vong thân bao kẻ tìm cơn áo
Ta vẫn nhìn ta kiêu hãnh đau

Lạc giữa vô cùng say sóng thơ
Thuyền ơi đừng ghé bến bao giờ
Trùng dương sao vẫn còn biên giới
Ta vẫn còn đây mộng viễn du

Cao Vị Khanh

once upon a time...

... có sáu câu vọng cổ

sao câu vọng cổ buồn đứt ruột

phải oán tiền khiên xúi đoạn trường

Đã có lần, ở đâu đó nơi một thành phố cực bắc còn lạ hoắc lạ hươ, trời cuối năm co quắp dưới chực lần độ đông, lạnh cứng. Phòng ấp xóm nghèo cửa nẻo đóng chặt vẫn để lọt tiếng rít rợn người của âm phong trắng. Quanh tấm vải trải càn giữa phòng khách, chai lọ ngổn ngang, bảy tám tên đàn ông mới xa quê nằm ngổn ngất ngưỡng. Giữa mâm, rượu thịt đã nguội tanh và trong lòng người, đã có niềm hiu quạnh. Bữa tiệc kéo dài đã quá lâu. Hai ba người khật khưởng bỏ ra về.. Bỗng đứng... bỗng đứng từ một góc khuất có tiếng ai hát lắm thắm, lúc đầu có vẻ rụt rè rồi càng lúc càng tỏ bộ quyết chắc khi thấy cả đám đang ồn ào bỗng nhiên im phắc... đầu như cái bài ông Út Trà Ôn đã làm người ta chảy nước mắt những năm sáu mươi mấy, là lạ quen quen. Giọng khàn pha trong hơi rượu ảm làm bài ca như tươm ra cái nỗi buồn ướp sẵn....*nhứt là mỗi lần tôi thấy bông ô môi mới điểm hồng trong gió chướng. Mỗi lần nghe tiếng quét bánh phồng rộn rã đón xuân sang. Mỗi lần có dịp về Vĩnh Long đi ngang Tân Ngã thấy nhà chợ Trường An là mỗi lần tôi nhớ tới mùa xuân của đầu năm binh lửa. Nhớ tới dáng người vợ nhỏ chèo xuồng qua sông Mỹ Thuận để đưa tôi rời (ời)...tĩnh (inh...inh...) Long...(ong...ong...ong)...Hồ...(ồ....ồ....ồ)* Tôi về Mỹ Tho để lo đùm bọc cho mẹ con bà... Nay đã ngót hai mươi năm dâu bể tôi không hề được tin tức của người xưa, mẹ con của nó còn hay đã chết, bởi

vậy đêm đêm tôi nằm trần trọc một mình đối diện với lương tâm, phải đâu khi xuống vừa tách bến sông là tôi...đã chấm dứt tình thâm phụ (ư...ư...) tử (ư...ư...ư...)
(*)

Tên bạn trẻ dứt câu một ngon ơ, lại còn ráng bắt chước đúng điệu ông-cò-quận-chín nói lối rành mạch từng tiếng, thiếu điều muốn đánh vần từng chữ cái như để lột trần cái vỏ chữ sù sì ra cho người nghe, nghe và hiểu đúng y bon cái ý cái tình của người trong cuộc. Tới chừng vô-sáu-câu đến chữ rời (vần bằng, trầm bình thanh) làn hơi chột đèn xuống như lực sĩ nhảy cao rùng mình lấy trớn phóng vọt lên chụp lấy chữ tỉnh (vần trắc) lắt léo ở trên cao. Chừng chụp được rồi lại ngậm hơi đọng đưa ở đó như kẻ treo mình trên miệng vực để chàng qua núa cho bằng được cái chữ long (vần bằng, phù bình thanh) ở bên kia bờ chênh vênh làm cho ai nấy cũng phải trần mình nín thở đu theo cho đến khi hấn xuống “hò” ngon ơ cái chữ hồ, mọi người như thở phào ra...nhẹ nhõm... Không ai đưa tay kịp phụt một ánh đèn màu (?)... mà rồi chỉ có những ngón tay đưa lên len lén quẹt nước mắt...giấu lại. (Bề gì cũng đàn ông ai mà yếu xìu “dậy”, tụi nó cười chết, nhất là... chỉ tại cái câu vọng cổ...quê mùa!)

Ở Bi-đông cuối những năm 70, cái hòn đảo nhỏ xíu không ai biết tới bỗng dựng trở thành cái bến đỗ của hàng triệu người chạy chết... Ở đó giữa những đêm rừng mù mịt, khi những vết cắt đoạn lìa còn nguyên si máu mủ, khuất lấp dưới những chòi trại che dựng sơ sài đã có hơn một người mũi lòng ôm mặt khóc ngang xương khi ai đó vô tình rỉ rả mấy câu vọng cổ của Nguyệt Ánh. Ai đã ra đi mà không nhớ về người nơi chốn cũ, ai đã ra đi mà không ngậm ngùi đau xót khi con tàu đêm rời bỏ quê.... nhà.

Ai đã ra đi một chuyến không... về.

Có nhớ gì chẳng những con đường mòn vắng, nhớ tiếng chuông chùa rộn rã lúc hoàng hôn, nhớ bóng ai quảy gánh đầu làng, nhớ tiếng ai rao hàng giữa chợ hay nhớ vườn cau xanh ngắt một màu, nhớ miếng trâu cày hay nhớ màu vôi thắm.

*...Bạn trăm năm vẫn đêm ngày trông ngóng, mơ bóng người đi biển biệt phương trời. Đâu biết một lần đi là ngàn năm chia cách nhau rồi. Thôi cũng đành muôn đời vĩnh biệt, chỉ xin người đừng quên vôi quê hương. Đám em khờ còn mỗi mắt chờ mong, cha già yếu mẹ mù lòa tàn tật. Em lớn khôn bị lưu đày phương bắc, chắc xanh rồi mồ không khói không nhang... (**)*

Cũng y cái tiếng nhạc vừa đàn vừa nhấn trên những phím đã được móc sâu cho âm thanh rung rung như tiếng khóc rừng rừng...

Cũng y cái lối hát phai phui chữ nghĩa như móc ruột ra mà giải bày...

Còn nhớ không em, những tiếng khóc thút thít trong đêm, những con mắt ráo hoảnh ngó trao tráo vào cõi lòng trống hoác như mới vừa thấy được tận mắt cái chỗ trống trơn bỏ lại của một người thân, sờ được tận tay cái tan hoang của một cơn tàn lạc bất ngờ.

Dẫu không có ý so sánh về giá trị của từng loại âm nhạc, chắc cũng khó có một bài tân nhạc nào -dù không phải không hay- đã làm chảy được nước mắt người nghe nhiều đến như mấy điệu vọng cổ trong cơn thất tán đó. Dường như chính cái lối ngân nga luyến láy qua nhiều âm vực khác nhau của cùng một cung bậc làm độ rung của tiếng đàn thêm áo nã, làm âm sắc của lời ca thêm nỉ non. Cái khéo của vọng cổ là đã chọn khoảng thang âm đúng ngay cái mức độ xúc cảm của con người. Không cao quá không thấp quá mà ngang tầm với cái độ rung của tơ lòng. Thành ra y như cái kiểu đồng thanh tương ứng vậy.

Chỗ xuống-hò mà người ta hay gọi là xuống-vọng-cổ là một tính toán tuyệt diệu của sự hòa, mà lại phải rất cái hợp âm thanh. Thử tưởng như lòng người là một mặt nước phẳng lờ, âm thanh là những viên đá cuội, xuống-vọng-cổ là ném đá phá sự yên tĩnh đó. Cao quá, độ rất quá mạnh, đá rơi tồm và chìm lĩm, nước không kịp xao. Thấp quá, độ rất quá nhẹ, nước chỉ hơi cau mặt, không đủ lao xao. Xuống-hò là từ một độ cao vừa đúng tầm, buông viên đá vừa đủ mạnh, chạm mặt nước vừa phải sức làm dư ba càng lúc càng lan rộng ra, lan rộng ra xa, chìm khuất... Người nghe thấy buồn là sức dội lại của đáy lòng, cũng theo chiều xoắn ốc nhưng ngược lại đến lúc thất quá thì vỡ ra thành nước mắt.

Người hát vọng cổ hát rõ từng lời một, không nuốt chữ giọng “nam kỳ” mới đúng điệu. Cái điệu hát không ra hát, nói không ra nói, mà là vừa hát vừa nói hay hát bằng cách nói theo đúng âm sắc của chữ. Chữ lắm khi có sáo nhưng không rõ, vẫn là thứ chữ nằm trên đầu môi hằng ngày nhưng đặt ngay vào đúng nơi đúng chỗ của nó, chữ bỗng có da có thịt, có máu huyết ruột rà, có ý sáng trưng và có tình nồng nã... nghĩa là có đầy đủ sức thuyết phục để người ta chấp nhận và truyền cảm để người ta... khóc ròng. Cảm tính của chữ ở chỗ nghĩa vừa sâu vừa sát, vừa gần gũi vừa quen thuộc, vừa nôm na vừa bóng bẩy, làm con tim và cái đầu người nghe cảm và hiểu ngay cùng một lúc, như tia chớp của trực giác, không phải qua một trung gian nghĩ ngợi lồi thoi, vừa chậm trễ vừa so le. Cái độ sát phạt của âm thanh và chữ nghĩa vì vậy trở nên mạnh như một cú đấm direct vào ngay bụng dạ con người làm rưng rún như chơi.

Như vậy đã có lúc không có gì làm vừa ý vừa lòng vừa thân vừa phận người nhất (hổng vậy sao chảy nước mắt) bằng chính mấy câu vọng cổ 32 nhịp đó. Mà sao phải đợi đến cái lúc bỏ nhà bỏ xứ bỏ cha bỏ mẹ đi biệt rồi

mới thấy thấm qua da thịt ngấm tới xương tủy cái âm điệu ngai ngái mùi sinh lầy úng thủy của đồng bằng nam bộ pha lẫn cái hơi oán của giọng Hời đau cổ thổ. Bộ vọng cổ chỉ hát và nghe được những lúc đời tuyệt tận thôi sao. Mà điều không chừng cũng phải vậy. Vọng cổ chỉ nên hát tình buồn tình sầu tình đau tình lỡ tình trách tình hờn. Vọng cổ là để kể lể, để than thở, để trách móc, để ỉn ẻ, để tê tái và cùng lắm là để bi phẫn. Tự bản chất đã nỉ non ai oán thì nài hoa ép liễu làm chi mà bắt phải cười cợt khôi hài. Ép như vậy chẳng khác nào bắt Bao Tự bỏ cái mặt sầu bi nên mười phần đã hư hết chín rưỡi. Từ khi người ta bày đặt ra cái gọi là vọng-cổ-hài-hước, ai vui đâu không biết chớ còn vọng cổ chắc chỉ thấy buồn thôi!

Lại thêm cái trò tân cổ giao duyên hai cái duyên vốn không nợ nần gì nhau thành ra nghe cứ như ép duyên ép nợ. Cho nên chỉ thấy hực hặc giống như cái cảnh đồng sàng mà dị mộng.

Thật ra không phải đợi đến chừng đó, sáu câu vọng cổ mới đục phá ruột gan người ta dữ vậy. Nó mùi rệu đầu từ hồi xưa hồi xưa, từ cái thời ông Sáu Lầu buồn chuyện vợ chồng xách đờn ra che trại ngoài đồng trống, rồi dùng ngũ âm của cổ nhạc để viết nên điệu Dạ cổ hoài lang. Từ một bài nhạc hát riêng một nỗi buồn chẳng mấy chốc trở thành cái điệu buồn chung của cả một phần đất phía nam. Người ta thi nhau thêm thắt sửa chữa đặt lời ca mới... Những cô Tư Sạng, cô Ba Trà-vinh, ông Tư Chơi, ông Tám Thừa... đã ngân nga cái điệu buồn lê thê hò-xự-xang-xê-cống vào lòng người miền nam vốn dĩ gốc là dân tứ xứ. Hồn lưu lạc đó, chắc là tìm được trong cái âm giai buồn bã đó, từng nỗi niềm chung chạ. Cho nên chính vọng cổ chớ không là gì khác đã trở thành một thuộc tính của người miền nam như miếng mắm lóc, con khô cá sặt... hay tô cháo lòng hoặc nồi thịt

kho đưa giá... Và cũng chính điệu vọng cổ chớ không là gì khác đã thể hiện đúng nhất cho tinh thần khai phá của đám người đi mở xứ. Người ta đàn hát như đùa giỡn với nhịp điệu và chữ nghĩa. Dù vẫn phải giữ cho đúng nhịp ở cuối câu, người đàn và hát vẫn có thể mặc tình rong chơi ngón đàn hay bay bướm lời ca ở giữa lưng chừng hai nhịp. Đâu có cái lối đồn-ca-xướng-hát nào mà để cho người nghệ sĩ tự do đến vậy. Điều đó hẳn nhiên đã không ít thì nhiều giúp cho người trình diễn có cơ hội bộc lộ thả dãn mọi xúc cảm mà không cần phải gò ép sát sao như trong âm nhạc cải cách mà mỗi nốt nhạc là một chữ (lời). Cộng thêm đó là cái nét tài tử địa phương tự do đóng góp thêm nét độc sáng của mỗi miền làm giàu có thêm điệu nhạc vốn dĩ cũng đơn giản buổi đầu. Mỗi người một cách mỗi nơi một điệu. Đến nỗi chỉ nội cái giây tơ mà cũng đủ loại. Nào là giây tứ nguyệt, giây ngân giang, giây Rạch giá, giây lai giây hò... Rồi nhịp thì 16 rồi 64 rồi 32...Cái lối chơi nhạc flamenco có điểm gì tương đồng không vậy?

Lần nữa, những Phùng Há, Năm Phỉ, Bảy Nhiêu, Năm Châu, Năm Nghĩa, Bảy Cao... Rồi Út Trà Ôn, Hữu Phước, Thành Được, Út Bạch Lan, Phượng Liên, Thanh Sang, Thanh Hải, Ngọc Giàu, Bạch Tuyết... ôi thôi kể ra không xiết những giọng kim giọng thổ, giọng nam giọng bắc, thứ ngọt lịm như mía lùi, thứ bùi bùi như khoai lang vùi lửa than chín tới... với Chín Trích đồn tranh Sáu Tủng đồn kìm Văn Giỏi đồn sách Bảy Bá đồn cò và đặc biệt Văn Vĩ với cây độc huyền huyền hoặc. Những soạn giả như Trần Huyền Trang, Viễn Châu, Thu An, Quy Sắc, Hà Triều Hoa Phượng... và biết bao nhiêu soạn giả vô danh khác đã không ngừng đặt lời cho cái bài bản duy nhất đó mà mỗi người một ý, mỗi người một cách đã đưa vọng cổ đi suốt con đường trầm luân của nó.

Thử tính coi trên đời này có một điệu nhạc nào, độc

nhất có một điệu, mà lại có không biết cơ man nào mà kể đoạn lời. Đề tài nào ráp vô cũng được, cũng mùi mẫn. Cũng bấy nhiêu âm khúc đó mà tình nào lời nấy, không ngưng ngập, khiến cưỡng. Cũng bấy nhiêu cung bậc đó mà người nghe nghe tới nghe lui hết lời này đến lời khác mà có than phiền nhàm chán gì đâu. Kể ra cũng ngộ. Ông bà cha mẹ đã nghe. Chú bác cô dì đã nghe. Rồi con cháu cũng nghe. Hồi đó nghe bây giờ nghe mà hổng chừng mai sau rồi cũng nghe y vậy. Nghe vọng cổ mà như nghe thiên cổ!

Đã có thời trên những cánh đồng tràm thủy buồn đến mênh mông, điệu vọng cổ đã là cái nguồn giải sầu vô tận. Chẳng vậy mà luồn theo nhịp sóng thương hồ, giữa hai hồi mỗi mê chèo chống, còn gì bằng tùm năm tùm bảy, làm bảy vài xị đế với miếng khô cá sặt đưa cay, vừa khi sông nước tươm khói rừng rưng, nổi hứng hò chơi vài điệu huê tình rồi bắt trớn mà làm một hơi sáu câu Sầu vương biên ải... Có cây lục huyền cầm tích tịch tình tang cũng tốt, mà không thì đôi đũa tre hay cái muỗng thiếc giả nhịp song lang lắc cắc cũng đủ thấy đời vui. Người miền nam già trẻ lớn bé người nào mà không thuộc lỏm bởm một vài câu... hát đúng nhịp cũng tốt mà sai cũng không sao. Ai hơi đâu mà bắt bẻ cơn hứng tình bất tử. “Dui” thôi mà! *Tôi với em là gió là mây là hoa là bướm. Ôi gió thoảng mây bay hoa tàn bướm lượn, mới yêu nhau mà đã gọi cố nhân... rồi! (***)*

Dĩ nhiên không phải cổ nhạc miền nam chỉ rất có một điệu vọng cổ thôi đâu. Còn nhiều bài bản lắm. Những là ba nam sáu bắc, xàng xê, xuân tình, kim tiền, lý con sáo, sơn đông hướng mã rồi trắng thu dạ khúc rồi khốc hoàng thiên, tây thi, sương chiều... rồi còn đảo ngũ cung, tứ đại oán... gì gì nữa... Mà điều có phải đào kép gì đâu mà phải rành-sáu-câu dữ vậy... Chỉ cần sáu-câu-vọng-cổ

là đã đủ đi ăn giỗ dài dài. Phải không.

Nghe hung tín nhị ca đà thọ tử

Hồng đào sơn em phi ngựa trở về đây

Giữa pháp trường đá chạy cát bay

Quân đao phủ đã ra tay hành quyết

Bớ La Thành... chớ Đơn nhị ca tội gì mà mày giết... Đơn

nhị ca ơi, tiền đồng tịch anh em cộng lạc. Hậu lâm nguy

bất kiến đệ huynh khiến cho Tần Huỳnh đây ruột thắt

*gan... bào. (****)*

Hồng biết hồi xưa ông Đơn Hùng Tín mặt xanh oan ức ra sao chớ bây giờ quanh mâm giỗ, cái câu hát nửa chữ nửa nôm đó âm vang rồn rảng như một cáo bạch bi tráng về hai chữ thủy chung, nghe mà khoái đến vĩnh rầu dựng tóc! Sấn vậy ngựa cổ nốc ực một hơi cái ly đế còn ngần ngại, há không sướng lắm ru!

Vậy mà sao có thời vọng cổ lại bị xếp hạng với nhà-quê, như một thứ nghệ thuật hạng nhì, theo cái kiểu cải lương chớp phụt đèn màu. Có phải sự gán ghép, đồng hoá vọng cổ với cải lương là cái số đoạn trường của nó dù thật ra vọng cổ cũng chỉ là một bài bản trong nhiều bài bản mà người ta đã dùng để dựng tuồng (hiểu theo nghĩa những tuồng tích lai căng, dễ dãi, tạp nhạp, từ cách dựng truyện đến lối phân cảnh, diễn xuất, ca hát hết sức cường điệu chiều theo thị hiếu của khán giả khi trình độ thưởng thức còn ở mức phôi thai. Dĩ nhiên ở đây phải hết sức thận trọng để phân biệt với những công trình làm mới của ông Năm Châu từ vở Sân khấu về khuya và sau đó của nhóm Hà Triều Hoa Phượng... (Đây lại là một đề tài khác không ăn nhập gì hết với cái chuyện nói lông bông này)

Vậy sao không trả lại cho vọng cổ cái vòng hoa nguyệt quế của nó.

Và sao không thử hát lên để nghe lại một lần...

... một lần nào đó, bỗng thấy mình lang thang dọc một bờ sông rất lạ mà lại nhắc đến một bờ nước rất quen, hát lên đi để nghe thử cái âm vang buồn kỳ cục dội lao xao như sóng vỗ vào một bờ bến đã mù...

... tôi đứng đây mà tưởng chừng như đứng trên bờ sông Mỹ Thuận, khi mình quay xuống tách bến để trở lại với hai con.

Bờ cây xa mờ nhuộm khói hoàng hôn. Con nước lớn lục bình trôi rời rạc.

Chiều đã xuống mặt trường giang bát ngát mà bóng người thương lẫn khuất giữa sông... đầy.

*Tôi liên tưởng đến ngày sau mình cũng lặn dận trên dòng đời... (*****)*

Nghe lại chưa, cái tiếng đoạn trường đó...

(*)(*****) Tuyệt tình ca- Hoa Phượng Ngọc Diệp

(**) Nguyệt Ánh

(***) (*****) không rõ tác giả

Nguyễn Ước

(dịch)

Ngồi tựa mạn thuyền

2. Giác ngộ và Cứu độ

THIÊN THOẠI

- Thưa thầy, thầy có từng đọc Kinh Thánh?

Gasasun đáp:

- Chưa, con đọc cho ta nghe với.

Gã đệ tử mở cuốn Tân Ước theo thánh Mat-thêu ra và đọc:

- Còn về áo mặc cũng thế, các người lo lắng làm chi? Cứ xem hoa huệ ngoài đồng mọc lên như thế nào mà rút ra bài học: chúng không làm lụng, không kéo sợi; thế mà Ta bảo cho các người biết: ngay cả vua Sa-lô-môn, dù vinh hoa tột bậc, cũng không mặc đẹp bằng một bông hoa ấy...

Gasasun nói:

- Dù người nói ra lời ấy là ai đi nữa, ta xem đó là đáng đã giác ngộ.

2. Cuộc Khủng Hoảng Tâm Linh Ngày Nay

ERICH FROMM

Trong khi đa số dân chúng sống ở phương tây không cảm thấy rõ ràng rằng mình như thể đang trải qua cuộc khủng hoảng của văn hoá phương tây (có thể chẳng bao giờ họ biết được những căn nguyên của cuộc khủng hoảng trầm trọng ấy) thì ít ra, cũng có một thiểu số các nhà quan sát và phê bình đồng ý với nhau về thực tại và bản chất của nó.

Người ta mô tả cuộc khủng hoảng ấy là u sầu, chán nản, căn bệnh của thế kỷ, sa sút sinh lực, tự động hoá con người, lìa xa bản thân, lìa xa đồng loại và lìa xa thiên nhiên. Con người đã và đang đi theo chủ nghĩa duy lý tới điểm mà chủ nghĩa duy lý tự nó chuyển biến thành phi lý hoàn toàn. Kể từ Descartes, con người ngày càng tách tư tưởng khỏi cảm xúc; tư tưởng một mình nó được coi là hợp lý — cảm xúc, vì tự bản tính của nó, bị coi là phi lý. Con người, Cái Tôi, bị tách ra thành con người trí năng, cái lập thành Bản ngã, và là cái sẽ kiểm soát tôi cũng như nó sẽ kiểm soát thiên nhiên. Việc tri thức kiểm soát thiên nhiên và việc sản xuất ngày càng nhiều đồ vật đã trở thành mục tiêu tối thượng của cuộc sống. Trong quá trình đó, con người biến bản thân thành đồ vật, cuộc sống trở nên lệ thuộc vào tài sản, “hiện hữu” bị khống chế bởi “sở hữu”. Tại những nơi mà gốc rễ của văn hoá phương tây, cả Hi Lạp lẫn La mã, đều xem mục đích cuộc sống là làm cho con người hoàn hảo, thì người hiện đại quan tâm tới việc làm cho đồ vật hoàn hảo, và tới kiến thức về cách làm cho chúng hoàn hảo. Trong tình trạng tán loạn tinh thần đó, con người phương tây không có khả năng nắm bắt cảm xúc, vì thế hấn lo âu, phiền muộn và khắc khoải. Miệng hấn vẫn mãi nói tới cứu cánh hạnh phúc, chủ nghĩa cá nhân, sáng kiến, nhưng thật ra hấn sống không có cứu cánh. Cứ hỏi hấn sống để làm gì, mục đích mọi sự phấn đấu của hấn là gì thì hấn sẽ bối rối. Một số người có thể trả lời là họ sống cho gia đình, cho người khác, “sống cho vui”, còn một số người khác thì nói sống để kiếm tiền, nhưng trong thực tế không người nào hiểu mình sống để làm gì; hấn sống chẳng có mục đích nào ngoại trừ ước muốn chạy trốn khỏi trạng thái bất an và cô độc.

Thật thế, các nơi thờ phượng tấp nập hơn bao giờ hết, sách tôn giáo đang ngày càng là những sách bán

chạy nhất, số người nói tới Thượng đế nhiều hơn lúc nào cả. Tuy vậy, loại bày tỏ lòng mộ đạo ấy chỉ là phương cách che đậy thái độ duy vật và phi tôn giáo, và nó được hiểu như một phản ứng mang tính ý tưởng — gây ra do bởi bất an và qui thuận — trước xu hướng của thế kỷ 19 mà Nietzsche đã xác định đặc điểm bằng câu nói nổi tiếng: “Thượng đế đã chết.” Câu nói đó như một thái độ tôn giáo chân chính chứ không như một thực tại.

Nhìn từ một góc độ nhất định, sự buông bỏ của các ý tưởng vô thần trong thế kỷ 19 không đạt được thành quả nhỏ nhoi nào. Con người lao mình vào khách quan tính. Quả đất không còn là trung tâm của vũ trụ, con người đánh mất vai trò tâm điểm của một sinh vật được Thượng đế an bài cho thống trị mọi sinh vật khác. Nghiên cứu những động lực ẩn mật của con người với khách quan tính mới mẻ ấy, Freud nhận ra rằng đức tin vào một Thượng đế toàn năng và thông suốt mọi sự có gốc rễ nơi tình trạng bơ vơ của con người trong cuộc sống và nơi nỗ lực của con người nhằm đối phó với tình trạng không chốn nương tựa của mình bằng niềm tin vào một người cha và người mẹ phù hộ, được tượng trưng bằng một Thượng đế ngự chốn thiên cung. Freud thấy rằng chỉ có con người mới có thể cứu rỗi hần; lời giảng của các đại sư, sự giúp đỡ đầy ưu ái của cha mẹ, bằng hữu và những người thân yêu có thể hữu ích cho hần — nhưng chỉ giúp được [nếu] hần dám chấp nhận thách đố của cuộc đời và ứng phó với thách đố đó bằng tất cả nội lực và toàn bộ tâm hồn mình.

Con người buông bỏ ảo giác Thượng đế như một người cha nhân từ, như một đấng phù trợ có tính cách phụ mẫu — nhưng cùng lúc ấy, con người cũng buông bỏ cứu cánh của mọi tôn giáo nhân văn: khắc phục những giới hạn của cái tôi vị kỷ, đạt tới tình yêu, khách quan, khiêm tốn và tôn trọng cuộc sống để cho mục đích cuộc sống là chính cuộc sống và con người trở thành cái

mà nó có khả năng trở thành.

Những cái đó là cứu cánh của các tôn giáo lớn phương Tây và cũng là cứu cánh của các tôn giáo lớn phương Đông. Tuy thế, phương Đông không nặng gánh khái niệm người cha siêu việt và cứu độ mà trong đó các tôn giáo độc thần biểu lộ những khát vọng của chúng. Lão giáo và Phật giáo mang tính hợp lý và hiện thực cao hơn các tôn giáo phương tây. Hai tôn giáo đó có thể nhìn con người một cách thực tế và khách quan, rằng không có ai cả ngoại trừ những con người “tỉnh thức” tự hướng dẫn mình, và có thể hướng dẫn được mình vì mỗi người đều có bên trong hẩn khả năng tỉnh thức và giác ngộ. Đó chính là lý do tại sao ngày nay tư tưởng tôn giáo phương Đông, Lão giáo và Phật giáo — với sự hoà trộn của cả hai trong Thiền Phật giáo — chiếm vai trò quan trọng như thế tại phương tây. Thiền Phật giáo giúp con người tìm thấy giải đáp cho vấn nạn về sự hiện hữu của hẩn, một giải đáp giống một cách cốt tủy với giải đáp được đưa ra trong truyền thống Kitô-Do thái giáo, và tuy thế, nó không đi ngược lại tính chất hợp lý, hiện thực và độc lập, những cái quý báu mà con người hiện đại đang thành tựu. Nghịch lý là, tư tưởng tôn giáo của phương đông lại hóa ra thích hợp với tư tưởng luận lý của phương tây hơn là tư tưởng tôn giáo của chính phương tây.

2. Thiền Là Gì?

D.T. SUZUKI

Phải chăng Thiền là một hệ thống triết học có tính trí tuệ cao vời và siêu hình sâu xa như hầu hết các lời giảng của Phật giáo?

Tôi từng phát biểu rằng chúng ta tìm thấy trong Thiền sự kết tinh toàn bộ triết học phương đông, nhưng

như thế không có nghĩa Thiền là một triết học hiểu theo tính chất ứng dụng thông thường của từ ngữ ấy. Thiền dứt khoát không là một hệ thống được xây dựng trên nền tảng luận lý và phân tích. Có lẽ nó đối lập hoàn toàn với luận lý, cái mà tôi có ý nói là lối suy nghĩ nhị nguyên. Có thể trong Thiền có yếu tố tri thức vì Thiền là toàn bộ tâm trí, và trong Thiền chúng ta tìm thấy nhiều điều lớn lao; nhưng tâm trí ấy không là cái có tính phức hợp, cái bị phân chia thành quá nhiều ngọn ngành, cái chẳng để lại chút gì sau khi hoàn tất việc xem xét cặn kẽ.

Thiền chẳng có gì để dạy bảo chúng ta theo lối phân tích có tính trí tuệ; nó cũng chẳng có chuỗi giáo thuyết áp đặt nào buộc người đi theo phải chấp nhận. Trong tinh thần tôn trọng ấy, Thiền có tính hỗn độn, nếu bạn thích nói như thế. Có thể vì mục đích cá nhân và lợi ích của riêng mình, người đi theo Thiền có một chuỗi giáo thuyết, nhưng thật ra, chuỗi giáo thuyết ấy không phải do tự Thiền mà có. Vì vậy, trong Thiền không có thánh thư, lý thuyết giáo điều hoặc bất cứ phương pháp biểu hiện nào để qua đó có thể tiếp cận ý nghĩa của Thiền.

Vậy nếu có ai hỏi tôi rằng Thiền giảng dạy gì, tôi sẽ trả lời là Thiền chẳng giảng dạy gì cả. Bất cứ lời giảng nào trong Thiền cũng phát xuất từ tâm trí của chính ta. Chúng ta tự dạy bảo mình. Thiền chỉ là vạch đường chỉ lối. Nếu sự vạch đường chỉ lối ấy không phải là lời giảng thì chắc chắn rằng trong Thiền không có điều gì được cố ý sắp xếp như là giáo thuyết chủ yếu của nó hoặc triết lý căn bản của nó.

Thiền tự nhận là Phật giáo, nhưng tất cả những lời giảng của Phật giáo, như đã được đề xuất trong kinh điển, bị Thiền coi là những mảnh giấy thừa thải, sử dụng chúng cốt chỉ để tẩy uế tri thức, và thế thôi. Tuy thế, đừng có ấn tượng rằng Thiền là hư vô chủ nghĩa. Toàn bộ chủ nghĩa hư vô chỉ mang tính tự diệt, không đi tới

đâu cả. Chủ nghĩa phủ định thì nghe có vẻ như một phương pháp, nhưng đúng ra, nó là một sự khẳng định. Khi người ta nói Thiền không có triết lý, rằng Thiền từ khước toàn bộ thẩm quyền giáo lý, rằng Thiền loại bỏ toàn bộ cái gọi là kinh sách thiêng liêng, xem chúng là đồ vô giá trị, thì chúng ta đừng quên rằng Thiền vẫn duy trì trong chính hành động phủ định ấy một cái gì đó có tính hoàn toàn tích cực và khẳng định vĩnh viễn. Điều ấy sẽ càng lúc càng rõ ràng hơn khi chúng ta đi sâu vào.

Thiền phải chăng là một tôn giáo? Thiền không phải là một tôn giáo hiểu theo lối thông thường của từ ngữ đó, vì Thiền không có một Thượng đế để thờ phượng, không có nghi thức lễ lạc để tuân giữ, không có nơi cư trú mai hậu dành cho kẻ qua đời, và sau hết, Thiền không có linh hồn, cái vốn được thiên hạ chăm lo ân phúc và quan tâm mãnh liệt tới vấn đề bất tử của nó. Thiền thoát ra khỏi tất cả những chương ngại có tính giáo điều và “tôn giáo”.

Khi tôi nói trong Thiền không có Thượng đế thì người tín đồ ngoan đạo có thể bị sốc, nhưng nói như vậy không có nghĩa Thiền phủ định sự hiện hữu của Thượng đế; Thiền không băn khoăn tới việc phủ định lẫn việc khẳng định. Khi một cái gì đó bị phủ định thì chính trong hành động phủ định ấy có liên can tới một cái gì đó bất phủ định. Cũng có thể phát biểu giống như thế về sự khẳng định. Đó là điều không thể tránh được trong luận lý. Thiền muốn vượt lên trên luận lý. Thiền muốn tìm thấy một khẳng định ở cấp cao hơn trong đó không có phản đề. Do đó, trong Thiền, Thượng đế không bị phủ nhận cũng không được nhấn mạnh. Vấn đề chỉ là, trong Thiền, không có một Thượng đế được quan niệm theo tâm trí Do thái giáo và Kitô giáo. Và cũng vì lý do đó, Thiền không phải là một triết lý và không phải là một tôn giáo.

Còn về tất cả những ảnh tượng muôn hình muôn vẻ

của các Đức Phật, các Bồ tát, các La hán và những hữu thể khác mà người ta tình cờ bắt gặp trong các Thiền viện, thì cũng giống như vô số tác phẩm bằng gỗ đá hoặc bằng kim loại, chúng tựa những cây hoa trà, cây đỗ quyên, những đèn lồng bằng đá trong vườn nhà tôi. Thiền hán nói là: bạn cứ tôn sùng cây hoa trà lúc này trở đầy lộc non và cứ thờ phượng nó nếu bạn thích. Các tôn giáo cũng làm như thế bằng việc cúi đầu, quì gối trước các thần linh Phật giáo muôn hình muôn vẻ, hoặc bằng việc rảy nước thánh hoặc bằng việc dự Bữa Tiệc Ly của Chúa [tượng trưng bằng Thánh lễ Misa hàng ngày trong nhà thờ, thêm của người dịch]. Tất cả những cử chỉ ngoan đạo được hầu hết những người-gọi-là-một-đạo đánh giá là đáng khen và hợp đạo thánh thì theo con mắt của Thiền, chúng đều có tính chất nhân tạo. Thiền dũng mãnh tuyên bố rằng: “Các hành giả thanh khiết không lên Niết bàn và những tu sĩ phạm giới không sa địa ngục”. Đối với những tâm trí bình thường thì câu nói ấy mâu thuẫn với luật tắc thông thường của đời sống đạo đức, nhưng nằm trong câu nói đó là chân lý và sự sống của Thiền. Thiền là tâm linh của một con người. Thiền tin vào sự thuần khiết và thiện hảo tại nội tâm của mỗi người. Vì thế, chông chất thêm bất cứ cái gì hoặc mãnh liệt tước bỏ đi bất cứ cái gì thì cũng đều làm thương tổn sự lành mạnh của tâm linh. Thiền, do đó, rõ ràng là chống lại toàn bộ sự quá câu nệ qui ước tôn giáo.

3. Tôn Giáo Là Gì

ALAN WATTS

Tinh thần mộ đạo của Kitô hữu đã tạo ra một hình ảnh quá dẫn dưng làm đối tượng cho lòng sùng bái của mình: Đức Giêsu Kitô bị đóng đinh trên thập giá. Hình

ảnh một con người đạo đức rậm râu với tia nhìn nghiêm nghị, nhân từ và đau đớn mơ hồ trong mắt. Rồi bỗng có người cầm đèn lồng đến gõ lên cánh cửa tâm hồn ta và nói: “Này các bạn, hãy tới với nhau nào. Ấm ỉ như thế đủ rồi! Đã tới lúc chúng ta cùng nhau nói chuyện nghiêm chỉnh!” Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta. Lạy Chúa! Ôi Giêsu... Người Phạt tử Thiên tông nói: “Bạn hãy súc miệng mỗi lần niệm Phạt!” Cuộc sống mới của Kitô giáo sẽ bắt đầu ngay lúc có người nào đó đứng lên giữa nhà thờ và nói: “Bạn hãy súc miệng mỗi lần kêu danh Đức Giêsu!”

Về mặt tâm linh, chúng ta đang bị tê liệt vì tôn sùng quá đáng Đức Giêsu. Ngay cả người vô thần cũng xem ngài là một đáng tối hảo, người gương mẫu, người có uy tín đạo đức, và không ai có thể phản bác điều đó. Dù ý kiến của riêng mình có ra sao đi nữa thì chúng ta đều cũng phải bóp méo vo tròn lời của Đức Giêsu cho phù hợp với hình ảnh đó. Khốn khổ thay cho Đức Giêsu! Nếu ngài biết người ta sẽ phóng chiếu ngài thành kẻ có quyền phép vĩ đại đến thế thì hẳn ngài đã chẳng bao giờ nói lấy một tiếng! Hình ảnh có tính văn học của ngài, qua nhiều thế kỷ thần phục, đã biến thành một thần tượng và vượt xa bất cứ tượng thần tạc bằng gỗ đá nào, tới độ ngày nay, “bất cứ cử chỉ tôn kính chân thật và hồn nhiên nào cũng là phá hoại hình ảnh đó.”

Chính ngài đã phán: “Ta ra đi thì có lợi cho các người. Thật vậy, nếu ta không ra đi thì Đấng Bảo trợ [Thần Khí Thánh Linh, thêm của người dịch] sẽ không đến với các người..” (Gioan 16:7). Hoặc như thiên thần nói với các môn đệ đến tìm xác Đức Giêsu trong nhà mồ: “Sao các người lại tìm người sống ở giữa kẻ chết? Ngài không còn ở đây nữa. Ngài đã sống lại và ra đi trước các người...” (Luca 24:5-6). Nhưng lòng mộ đạo của Kitô hữu đã không để cho ngài đi luôn, nó tiếp tục

tìm kiếm Đức Kitô sống động ở những chữ chết trong bản tường trình có tính lịch sử. Như ngài đã nói với người Do thái: “Các người lùng tìm sách thánh vì các người tưởng rằng trong đó các người có được cuộc sống bất diệt...”

Hình ảnh Đức Giêsu bị đóng đinh trên thập giá khiến cho cuộc sống bất diệt [hiểu theo kiểu ấy] phát xuất từ hành động qui thuận Thượng đế như một đối tượng để ta sở hữu, biết tới và nắm giữ cho sự bền vững của bản thân ta, “vì ngài cứu chuộc nên ta sẽ không mất linh hồn.” Do đó, bám víu vào Đức Giêsu là để thờ phượng một Đức Giêsu bị đóng đinh trên thập giá, một ngã tư tượng, thay vì một Thượng đế sống động.

*

* *

Khi Thượng đế đã chết thì con người, kẻ luôn luôn được định nghĩa như một tạo vật khác với Thượng đế, bắt đầu cảm thấy mình là một thực tại khác — một thực tại bất qui luật và đầy cảm tính trong một hệ thống người-ăn-thịt-người, một hệ thống do Quỷ dữ bày mưu tính kế, nếu có Quỷ dữ. Lúc ấy, loài người vì xung đột quá đối với môi trường sống nên phải hoặc thúc ép thô bạo cho môi trường tuân phục mình hoặc hủy diệt môi trường. Hai chọn lựa ấy chỉ đưa tới một hậu quả.

Nhưng một tôn giáo tối thượng thì vượt quá bên kia thần học. Tôn giáo đó hướng tới tâm điểm; nó xem xét và thăm dò chốn nội tâm sâu thẳm nhất của bản thân con người, vì chính tại nơi ấy chúng ta ở trong trạng thái giao tiếp mật thiết nhất, hoặc đúng hơn, đồng nhất với chính cuộc sống. Sự tùy thuộc vào những biểu tượng hoặc ý niệm thần học bị thay thế bằng sự tiếp xúc trực tiếp và phi khái niệm với cấp độ sống của chính bản thân ta, và cùng lúc ấy, với cấp độ sống của hết thảy

đồng loại. Vì vào lúc tôi là tôi nhất thì cũng chính là lúc tôi vượt quá bản thân tôi nhất. Tại cội rễ, tôi làm một với hết thủy ngọn ngành. Tuy thế, cấp độ sống ấy không là cái gì đó có thể nắm bắt hoặc xếp loại, kiểm tra hoặc lập thành như một đối tượng của kiến thức — không phải do bởi nó là cái cấm kỵ hoặc không được xâm phạm vì lý do tôn giáo, mà do bởi nó chính là điểm mà từ đó tôi toả ra loại ánh sáng không ở trước mặt mà ở trong mắt...

Lúc ấy, có một nền tảng mang tính kết cấu hơn và khách quan hơn cho bước nhảy vọt của đức tin mà trong bước nhảy đó, con người có thể dám nghĩ rằng mình không là khách lạ trong vũ trụ, cũng không là ánh chớp nhận thức cô độc và bi thảm trong bóng tối mịt mù và vô tận. Vì dưới ánh sáng của những gì chúng ta hiện biết theo lối nói vật lý, thì thật vô lý khi dám đánh cược rằng tại chốn sâu thẳm tâm điểm của “bản thân tôi” là “Cái đó”, là “Nó” — như trong câu “vì nó đã hiện hữu từ khởi thủy, nên nó hiện hữu lúc này và sẽ hiện hữu mãi mãi, thế gian không bao giờ tận.”

Nếu đây là nỗi hy vọng hoặc niềm tin sôi sục thì Krishnamurti có lý khi nói rằng nó phải được thách đố và được kiểm tra bằng câu hỏi: “Tại sao bạn muốn tin điều đó? Có phải vì bạn sợ rằng mình đang chết, rằng mình đang đi tới một chung cuộc? Có phải sự đồng nhất hoá với Bản ngã vũ trụ này là một phương thế tuyệt vọng của bản ngã con người để con người tiếp tục cuộc chơi của nó?” Thật ra, theo tôi, sự Đồng Nhất Hoá Tối Thượng ấy là một niềm tin mà tôi bám víu vào và tôi đang hoàn toàn tự mâu thuẫn. Không chỉ vô nghĩa trong hành động bám víu vào cái tôi đang là; ngay hành động bám víu ấy còn hàm ý rằng tôi không thật sự biết tôi là Nó! Một niềm tin như thế thì chỉ là khoác áo giả trang lên lòng hoài nghi của mình.

Ý nghĩa sau cùng của việc biết tới Thượng đế bằng

vô tri kiến, của sự buông bỏ các thần tượng có tính cảm tính lẫn tính khái niệm, của thần học tối hậu ấy là: niềm tin tối hậu thì không ở trong hoặc không ở trên bất cứ cái gì. Nó là hành động hoàn toàn buông xả. Nó không những chỉ ở bên kia thần học mà còn ở bên kia chủ nghĩa vô thần và chủ nghĩa hư vô. Không thể đạt tới trạng thái buông xả đó, không thể sở đắc được nó hoặc triển khai nó qua kiên trì hoặc luyện tập, ngoại trừ tới mức độ mà những nỗ lực ấy chứng minh tính chất bất khả của những hành động nhằm sở đắc nó. Trạng thái buông xả chỉ đến qua sự tuyệt vọng. Khi bạn biết rằng nó ở bên kia bạn — bên kia những năng lực để hành động cũng như bên kia những năng lực để buông lời của bạn. Khi bạn buông bỏ mọi mảnh khoé và mưu chước sau cùng để có nó, kể cả trong “buông bỏ” ấy gồm cái gì đó mà ta có thể thể hiện, thí dụ, hứa hẹn một thời điểm mười giờ tối nay. Tối độ bạn không thể thể hiện nó bằng phương tiện nào cả — thể thôi. *Đó là sự tự buông xả lớn lao, cái sinh ra các sao trời.*

4. Người Tôn Giáo Là Người Thế Nào?

ERICH FROMM

Tôi từng phát biểu rằng con người bị chính thực tế sự hiện hữu của nó đặt vấn đề với nó, và rằng vấn nạn đó phát xuất bởi sự mâu thuẫn bên trong bản thân con người — một đẳng sống trong tự nhiên, đẳng khác, trong cùng lúc ấy, vượt quá tự nhiên vì thực tế mình là cuộc sống, một cuộc sống tự nhận biết chính nó.

Người nào lắng nghe vấn nạn đặt ra cho mình ấy và người nào xem vấn nạn ấy là “vấn đề quan tâm tối hậu”, và trả lời nó bằng toàn bộ con người của mình chứ không phải chỉ bằng ý nghĩ, thì đó là “người tôn giáo”; và tất cả những hệ thống nào nỗ lực cung hiến, giảng

dạy và giao truyền lời giải đáp cho vấn nạn đó thì đều là “tôn giáo”. Ngược lại, bất cứ người nào — và bất cứ nền văn hoá nào — mà cố sức làm ngơ vấn nạn có tính hiện sinh đó thì đều là phi tôn giáo.

Không có thí dụ nào điển hình về việc con người làm ngơ vấn nạn sinh tồn đó cho bằng lấy ngay chính bản thân chúng ta, những người đang sống trong thế kỷ 20 này. Chúng ta ra sức né tránh vấn nạn đó bằng cách quan tâm tới tài sản, danh giá, quyền hành, sản xuất, vui chơi, và một cách tối hậu, bằng việc ra sức quên rằng chúng ta — rằng tôi — hiện hữu.

Không quan trọng gì việc siêng năng đi nhà thờ, đình chùa đền miếu hoặc thường xuyên nghĩ tới Thượng đế hoặc xác tín vào các ý tưởng tôn giáo, nếu người đó, toàn bộ con người của hắn, tai lơ mắt điếc trước vấn nạn về sự hiện hữu của chính mình, nếu hắn không có lời giải đáp cho vấn nạn ấy thì hắn vẫn giẫm chân tại chỗ, sống và chết như một trong một triệu đồ vật mà con người sản xuất ra. Người đó chỉ nghĩ tới Thượng đế thay vì nếm trải việc sống với Thượng đế.

5. Nghệ Sĩ Cuộc Đời

D.T. SUZUKI

Không thể kỳ vọng tất cả chúng ta đều là nhà khoa học, nhưng vì cùng bị cấu thành quá đối bởi tự nhiên nên chúng ta đều có thể là nghệ sĩ, đúng ra, không phải nghệ sĩ trong các ngành chuyên biệt, thí dụ họa sĩ, nhà điêu khắc, nhạc sĩ, thi sĩ, vv... mà là nghệ sĩ của cuộc đời. Chức nghiệp ấy, “nghệ sĩ cuộc đời”, nghe có vẻ mới lạ và hoàn toàn kỳ quặc, nhưng thực tế, mọi người đều bẩm sinh là nghệ sĩ cuộc đời và vì không biết tới điều đó nên hầu hết chúng ta không làm được điều đó;

hậu quả là chúng ta làm cho đời mình trở nên hỗn độn và rồi thắc mắc rằng: - “Ý nghĩa cuộc đời là gì?” - “Có phải chúng ta đang không đối mặt với sự hư không trống rỗng sao?” - “Sau khi sống bảy mươi tám năm hoặc cả đến chín mươi năm, chúng ta sẽ đi đâu? Nào ai biết”, vv và vv.

Tôi được biết rằng chính vì lý do ấy nên người thời nay, nam có nữ có, hầu hết đều mắc chứng rối loạn thần kinh. Nhưng người theo Thiên thì có thể nói cho họ biết rằng họ đều quên mình bẩm sinh là nghệ sĩ, nghệ sĩ sáng tạo cuộc sống. Ngay lúc nhận ra thực tế và chân lý đó, họ sẽ hoàn toàn được chữa khỏi chứng rối loạn thần kinh hoặc rối loạn tâm lý hoặc bất cứ từ ngữ nào người ta dùng để gọi sự xáo trộn ấy.

Vậy ý nghĩa của sự làm nghệ sĩ cuộc đời là gì?

Theo như tôi biết cho tới nay, nghệ sĩ của bất cứ ngành nào cũng phải sử dụng công cụ này hoặc công cụ nọ để thể hiện mình, để phô diễn tính chất sáng tạo của mình bằng hình thức này hoặc hình thức khác. Nhà điêu khắc phải có đá hoặc gỗ hoặc đất sét, và đục chày hoặc đồ nghề nào khác để chạm trổ ý tưởng của mình lên vật liệu. Nhưng nghệ sĩ cuộc đời thì không cần bất cứ công cụ nào bên ngoài bản thân. Toàn bộ vật liệu, toàn bộ dụng cụ, toàn bộ kỹ năng thông thường phải có, đều nằm sẵn trong con người từ lúc sinh ra, thậm chí có thể có trước khi cha mẹ sinh mình ra. Bạn có thể kêu lên rằng nói như thế là bất thường, kỳ quái. Nhưng khi bạn bỏ chút thì giờ suy nghĩ về điều ấy thì tôi chắc chắn rằng bạn sẽ lập tức nhận ra điều tôi có ý nói. Nếu bạn không nhận ra, tôi sẽ nói thẳng và nói rõ ràng hơn với bạn.

Nó thế này: thể xác, cái hình hài vật lý mà chúng đều có, là vật liệu, tương ứng với tấm vải căng để vẽ của họa sĩ, gỗ đá hoặc đất của nhà điêu khắc, cây vĩ cầm hoặc ống tiêu của nhạc sĩ, dây thanh âm của ca sĩ.

Và tất cả những gì liên kết với thể xác đó, thí dụ như bàn tay, bàn chân, thân mình, đầu, phủ tạng, thần kinh, tế bào, ý nghĩ, cảm xúc, giác quan — mọi cái đó thật ra đều hoạt động để làm thành con người toàn bộ — là tất cả vật liệu mà trên nó, đồng thời là khí cụ mà với nó, con người rèn luyện thiên tư sáng tạo của mình thành đức hạnh, thành thái độ, thành mọi hình thái hoạt động, và quả thật, thành chính đời sống. Như thế người ấy, từng cử chỉ của người ấy, biểu lộ tính chất căn nguyên, sự sáng tạo, nhân vị sống động của mình. Trong biểu lộ đó không có sự rập khuôn theo qui ước cũng như sự tuân thủ hoặc động lực kềm hãm. Người ấy chuyển động khi cảm thấy thú vị. Động thái của người ấy như gió thổi khi gió thích thổi. Người ấy không có “cái tôi” bị đóng gói trong cuộc sống manh mún, giới hạn, trói buộc và vị kỷ. Người ấy thoát khỏi nhà ngục đó. Một đại Thiên sư đời Đường có nói: “Với kẻ làm chủ bản thân thì nơi nào thiên hạ cũng thấy hần hành động trung thực với bản thân.” Tôi gọi người ấy là nghệ sĩ cuộc đời.

Tự Ngã của người ấy chạm được tiềm thức, cội nguồn của những khả năng vô tận. Cái người ấy có là “tâm-không”. Thánh Augustine nói, “Hãy yêu Thượng đế và cứ làm theo ý người.” Câu ấy tương tự bài thơ của Bunan, một thiên sư thế kỷ mười bảy:

*Trong khi sống
Hãy là người chết
Chết tận cùng;
Và hãy hành động như bạn muốn
Tất cả đều tốt.*

Yêu Thượng đế là sống không bản ngã, sống tâm-không, trở thành “người chết”, giải thoát khỏi những động lực kềm toả của ý thức. Lời chào nhau buổi sáng của người ấy không có thành tố vụ lợi trao đổi giữa người và người. Tai nghe thì miệng đáp. Cảm thấy đói thì ăn. Về ngoại diện, người ấy là con người tự nhiên,

xuất phát thẳng từ tự nhiên, không có những chuối ý tưởng phức tạp của người văn minh hiện đại. Nhưng cuộc sống nội tâm của người ấy phong phú biết bao! Vì cuộc sống ấy hiệp thông với tiềm thức bao la.

7. Ngón Tay Và Quả Đấm

CHUYỆN THIỀN

Nhà sư lang thang nào cũng có thể đến tá túc trong Thiền viện ấy với điều kiện thắng cuộc tranh luận Phật pháp với một nhà sư đang sống ở đó. Nếu bại, phải đi qua nơi khác.

Có hai sư huynh đệ cùng sống trong một Thiền viện tại miền Bắc nước Nhật. Sư huynh là người học rộng còn sư đệ là kẻ dانا độn và chỉ có một mắt.

Ngày nọ, có một nhà sư lạ lang thang đến xin trọ. Ông đặc biệt thách đố cả hai anh em về giáo pháp huyền vi. Hôm đó, sư huynh đuối sức vì suốt ngày học nhiều quá. Ông bảo sư đệ thay mình ra đối đáp. Sư huynh dặn dò kỹ lưỡng:

- Đệ hãy ra gặp và yêu cầu ông ấy tranh luận mà đừng nói.

Vậy, sư đệ cùng nhà sư lạ cùng an tọa trước điện thờ.

Chỉ lát sau, nhà sư lang thang đứng dậy, tới gặp người sư huynh và nói:

- Sư đệ của huynh là một đồng đạo tuyệt vời. Anh ấy đánh bại tôi rồi.

Sư huynh trả lời:

- Xin huynh kể lại cuộc đối thoại cho tôi nghe.

Nhà sư lang thang vừa kể vừa giải thích:

- Vâng. Trước tiên tôi đưa một ngón tay lên, tiêu biểu cho Đức Phật, đấng giác ngộ. Anh ấy đưa hai ngón tay lên, có ý nói Đức Phật và lời giảng của Ngài. Tôi đưa lên ba ngón, tiêu biểu cho Đức Phật, lời giảng của

Ngài và những người theo Ngài đang sống đời hoà điệu. Lúc đó, anh ấy đưa nắm tay vô mặt tôi, ý nói cả ba đều phát xuất từ một thức ngộ độc nhất. Vậy là anh ấy đã thắng, tôi không có quyền ở lại đây.

Nhà sư lang thang vừa bỏ đi thì sư đệ chạy tới hỏi sư huynh:

- Hấn đâu rồi?
- Huynh biết đệ đã thắng cuộc tranh luận.
- Chẳng thắng gì cả. Đệ sắp đập hấn.

Sư huynh hỏi:

- Đệ nói cho huynh biết chủ đề của cuộc tranh luận vừa qua là gì?

- Có gì đâu. Vừa thấy mặt đệ là hấn giờ một ngón tay lên, nhục mạ đệ, ám chỉ rằng đệ chỉ có một con mắt. Vì hấn là người lạ nên đệ nghĩ mình phải lịch sự, đệ đưa lên hai ngón, chào và khen hấn có đủ hai con mắt. Vậy mà tên khốn kiếp vô lễ đó giờ lên ba ngón, ý nói hấn và đệ cộng lại cũng chỉ có ba con mắt. Đệ nổi khùng vùng tay lên tính đâm vô mặt hấn nhưng hấn bỏ chạy. Thế là hết tranh luận.

CHÚ THÍCH CỦA NGƯỜI DỊCH:

Thiền. danh từ. cũng gọi. **Thuyền**, yên lặng, nghĩ ngợi: *Đạo thiền, tọa thiền, tham thiền //* tĩnh từ. Thuộc về đạo Phật: *Cửa thiền; Mùi thiền ăn mặc đã ưa nâu sồng. Kiều* [Việt Nam Tự Điển. Lê Văn Đức cùng một nhóm văn-hữu soạn. Lê Ngọc Trụ hiệu đính. Nhà sách Khai Trí, Saigon, 1970].

Ngồi tựa mạn thuyền hoặc theo thiền đăng đẩu bửu ngạn — sang được bờ bên kia, chỗ hoàn toàn thoát ly những phiền não ô trọc của đời, mà viên thành chính quả của đạo.

Erich Fromm (1900-1980), triết gia và nhà tâm lý học người Mỹ, sinh tại Đức. Ông rời Đức sang Hoa kỳ năm 1934 và bắt đầu nổi tiếng với những phân tích gây nhiều tranh luận về những căn bệnh của xã hội kỹ nghệ hiện đại. Trong tác phẩm *The Sane Society - Xã Hội Lành Mạnh* (1955), ông cáo buộc là xã hội tiêu thụ chịu trách nhiệm về sự cô lập, cô đơn

và hoài nghi giữa con người với nhau. Các tác phẩm khác gồm *The Art of Loving* – *Nghệ thuật yêu* (1956) và *The Revolution of Hope* – *Cuộc cách mạng của hi vọng* (1968)... Một số tác phẩm của ông đã được dịch ra tiếng Việt như *Chạy trốn cô đơn*, *Chạy trốn tự do*, *Nghệ thuật Yêu*...

René Descartes, (1596-1650). Triết gia Pháp, một trong những nhà tư tưởng rất ráo nhất của mọi thời đại. Sau khi theo học Dòng Tên, ông trải qua 9 năm đi du lịch và thi hành quân dịch rồi mới bắt đầu nghiên cứu. Năm 1628, ông định cư tại Hà lan, tới năm 1649, sang Thụy điển dạy nữ hoàng và qua đời tại đó. Suốt đời, ông là một tín đồ Công giáo La mã thuần thành.

Cuốn *Discourses on Method* - *Luận Về Phương Pháp* - (1637) giới thiệu kỹ thuật hoài nghi một cách có phương pháp của ông, mà ông triển khai thành đại tác phẩm *Meditations - Trầm Tư* (1641). Từ vấn nạn “Làm thế nào tôi biết và biết cái gì?” ông tiến hành theo một quá trình giảm thiểu vào câu tuyên bố nổi tiếng “*Tôi tư duy vậy tôi hiện hữu*” — *Je pense donc je suis*. Từ cốt lõi cố định ấy, ông tiến tới việc thanh thoả chứng minh sự hiện hữu của Thượng đế, và từ đó, sự hiện hữu của mọi sự khác. Với ông, Thượng đế là Đấng hoàn toàn và tuyệt đối. Ông còn gây được nhiều ảnh hưởng qua thuyết nhị nguyên rằng tâm là cái cốt tủy của con người, và vật. Tuy thế, Descartes cũng như các triết gia khác, không bao giờ trả lời thỏa đáng tại sao tâm và vật lại có thể tương tác. Ông còn những đóng góp quan trọng về thiên văn học, đại số, hình học và địa lý.

Friedrich Nietzsche (1844-1900), triết gia Đức. Ông lập luận rằng “ý chí quyền lực” là đặc trưng chủ yếu của loài người, trong cuốn *The Birth of Tragedy* - *Sự Ra Đời của Bi Kịch* (1872); và ông ca ngợi con người là tự do, vĩ đại và đầy quyền lực, trong cuốn *The Spake Zarathustra* - *Zarathustra Đã Nói Như Thế* (1883-92). Ý tưởng ấy bị Đức Quốc xã ứng biến thành chủ nghĩa chủng tộc siêu nhân Aryan. Từ năm 1889, ông bị điên.

Sigmund Freud (1856-1939), nhà tâm thần học và tiên phong về phân tâm học người Đức. Ông đặt lý thuyết của mình trên

những sinh hoạt của tâm trí vô thức, những động lực, dục vọng và xung khắc tác động tới động thái của con người. Ông làm giáo sư Đại học Vienna từ năm 1902, thành lập Hiệp hội Phân tâm học Vienna năm 1910. Năm 1938, ông rời Áo vì sự chiếm đóng của Đức quốc xã, sang Luân đôn và qua đời vào năm sau. Tác phẩm của ông gồm *Studies in Hysteria – Nghiên cứu chứng cuồng* (1895), *The Interpretation of Dreams – Giải mộng* (1899), *Totem and Taboo – Vật tổ và cấm kỵ* (1913), *Moses and Monotheism – Môsen và độc thần giáo* (1939)..

Daisetz Taitaro Suzuki (1870-1966). Thiền sư Nhật. Ông bắt đầu tập Thiền năm 22 tuổi. Xuất thân từ một gia đình nghèo, ông bỏ dở đại học, sau đó, ông nghiên cứu ở Hoa kỳ 13 năm, dịch Asvaghosa (Mã Minh), một thi sĩ Ấn, nhà hùng biện và triết gia Đại Thừa và theo truyền thuyết là tổ thứ 17 của Phật giáo Thiền tông, cuốn *Awakening of Faith in Mahayana - Đại Thừa Khởi Tín Luận* (1900) và viết cuốn *Outline of Mahayana Buddhism - Đại Cương Phật Giáo Đại Thừa* (1907). Năm 1922, Suzuki trở về Nhật, dạy học và viết sách. Ông là giáo sư Phật học Đại học Otani, Kyoto và là một học giả chủ yếu về Phật giáo Đại Thừa và nói chung về Tôn giáo của Nhật. Ông viết nhiều tác phẩm nổi tiếng về Phật học, đặc biệt Thiền học, giới thiệu Thiền cho cả phương đông lẫn phương tây bằng lối nói đại chúng. Một số tác phẩm của ông đã được dịch ra tiếng Việt như *Thiền Luận, Cốt Tủy Của Đạo Phật, Huyền Học Phật Giáo Và Thiền Chúa....*

Alan Watts (1915-1973). Triết gia, thần học gia và là nhà nghiên cứu tôn giáo đối chiếu người Mỹ, có ảnh hưởng sâu rộng trong phong trào văn hoá phản kháng thập niên 1960. Với các tác phẩm nổi tiếng như *The Way of Zen - Đường Thiền* (1857) và *Psychotherapy East and West - Đông Tây Tâm Lý Trị Liệu* (1961),.. ông biện luận rằng người phương Tây đang trong tình trạng hoang mang, tìm kiếm sự khuây khoả để thoả mãn bản ngã của mình. Giải pháp là thay đổi ý thức, nhận ra mọi sự trong quan hệ hỗ tương của chúng như những thành tố thiết yếu của một tiến trình duy nhất.

Jiddu Krishnamurti (1895-1985), đạo sư, sinh tại Ấn sau đó sang Anh rồi định cư và từ trần tại Ojai, California. Từ nhỏ, ông được Hội Thông Thiên Học giáo dưỡng và lập cho ông một “giáo hội” để chuẩn bị cho ông làm giáo chủ thế giới, hóa thân của Bồ

tát Di Lặc. Sau đó, ông giải tán giáo hội ấy, từ bỏ mọi tuyên xưng thánh tính và ly khai Hội TTH. Từ đó ông đi rao giảng khắp thế giới với chủ trương con người có thể thoát khỏi khổ não và sống hạnh phúc ngay giữa trần gian này bằng cách nhìn “cái đang là” để giải quyết vấn đề đời sống trong hiện tại, cũng là giải quyết cả quá khứ bị điều kiện hoá và tương lai... Hiện nay, tư tưởng của ông còn ảnh hưởng mạnh lên giới tu sĩ, văn nghệ sĩ và những người đấu tranh cho môi sinh.

Augustine (354-430), còn được gọi là Augustine thành Hippo, vị giáo phụ vĩ đại nhất mọi thời của Kitô giáo. Ông gốc người Tunisia, sinh trong một gia đình ngoài Kitô giáo, trở thành Kitô hữu năm 386 nhờ người mẹ ngoan đạo rồi được truyền chức giám mục giáo phận Hippo năm 396. Ông thành lập một cộng đoàn đan sĩ, một linh mục đoàn, viết nhiều sách có giá trị quyết định về thần học Kitô giáo. Ba tác phẩm quan trọng nhất của ông là Confessions – *Tự thú* ; The City of God - *Thành Đô của Thượng Đế*; và On the Trinity - *Bàn Về Một Chúa Ba Ngôi*, v.v...

Bunan Shido (1602-1676), đại thiền sư người Nhật, thuộc phái Rinzaï, trụ trì Thiền đền Dharma.?

Mỗi Kỳ Một Tác Giả. Một Tác Phẩm

Vũ Linh

Độc Trần hoài Thư

1 - Tôi không nhớ đã đọc những tác phẩm Trần hoài Thư từ bao giờ và ở đâu? Rất có thể trong một lần thắng trận, được đơn vị tưởng thưởng mấy ngày phép, từ núi rừng xứ Thượng về Saigon rong chơi. Tưởng cũng nên nhắc lại Thủ đô đạo ấy, bắt phố với các em, trên tay các cậu thường cầm một tạp chí nào đó để làm duyên hay ra cái điều ta đây cũng vẫn gừng vẫn nghệ. Với tôi điều này không thể chối cãi nhưng điều đáng nói : đi với các em gái hậu phương nhẩn túi, sau đó phải nằm nhà có cái để mà đọc! Nhưng cũng rất có thể trong một lần thua trận ở Bình Định, bị thương phải nằm Quân y viện và những năm tháng kế tiếp, già từ chiến trường, thời điểm có nhiều thì giờ nhất để đọc, suy ngẫm, viết lách và nổi loạn để rồi tiếp tục đi lưu đày Darto lần thứ hai sau hai năm phục vụ tại một đơn vị gần Sài gòn.

Bây giờ được sống trên nước Mỹ. Nếu phải nói lời cảm ơn tôi không biết phải cảm ơn ai, mỗi chế độ cầm quyền trên quê hương, tôi đều bỏ ra hai mươi năm để làm thẳng dân của họ. Hai mươi năm đầu chiếc lá non bị gặm nhấm trong canh bạc bịp, hai mươi năm sau sâu bọ tiếp tục gặm một nửa chiếc lá còn lại. Còn ở Mỹ thì tuổi 64 tôi vẫn phải làm việc một ngày 16 tiếng để giải quyết nhu cầu như mọi người trong một xã hội Tư bản. Cái còn lại, xứng đáng để tôi nói lời cảm ơn chính là bạn bè, những người cùng khổ trên chiến trường cũng như trong lao tù CS. Trong số những người này phải kể Trần hoài Thư, vì rằng theo thời gian, tuổi tác và hoàn

cảnh sống, tôi tưởng chừng như đã quên mọi cái nhưng Trần Hoài Thư qua những tác phẩm mới đây, anh nhắc tôi về một vùng đất, một đơn vị, nơi đó tôi đã sống và gắn bó với nó hơn một nửa đời lính. Bảy năm trong 2 lần góp mặt nơi chiến trường Tây nguyên và Duyên hải Bình Định mà còn sống cũng là ơn phước! Từ vùng đất bị bỏ quên Darto đến Bình Định Nha Trang hay Ban Mê Thuột, những địa danh ở đó chúng tôi cứ phải mất dần những người bạn, những đồng đội trong một chiến trường : *“chúng tôi không thể liệng lựu đạn xuống hầm một cách điên cuồng mà phải nạy, phải gào, phải dọa, để đám dân, gồm đàn bà, con nít từ dưới hầm chui lên để họ còn được sống. Chúng tôi không thể đá vào người đàn bà có bầu, dù biết rằng tác giả cái bầu kia là một tên du kích. Chúng tôi dĩ nòng súng vào mào tang ông già, bà lão, dọa bắn nhưng không thể bóp cò. Chúng tôi muốn đốt hết nhà, muốn phóng hoả cả làng để trả thù, nhưng chúng tôi cũng đành bất lực. Chúng tôi phải chiến đấu trong sự dằn co của lương tâm và thù hận...”* (Đánh giặc ở Bình định, THT trang 30-31).

Đọc Trần Hoài Thư chúng ta phải công nhận anh viết nhiều và viết không mệt mỏi về bạn bè đồng đội, đặc biệt về những người lính cận kề bên cái sống và nỗi chết. Chẳng những bản thân những người này ngay cả gia đình vợ con họ, đều phải sống trong nhọc nhằn gian khổ và chết chóc nhưng họ vẫn hào hùng trong chiến đấu và giàu lòng nhân đối với mọi người kể cả những người bên kia chiến tuyến. Họ bất bình trước hành động điên rồ của một số người lạnh máu *“Đã là xác chết mà người ta lại không chịu buông tha... người ta mang mười mấy xác chết đặt nằm trước Quận, gọi là ăn mừng chiến thắng...Chiến tranh là vậy... Nhưng ít ra mình còn hơn VC, bởi vì mình có quả tim. Mình còn có tình người. Mình có Chúa có Phật.”* (Thế hệ chiến tranh THT trang

Đối với Trần hoài Thư, anh là một nhân chứng, không phải một lần mà nhiều lần và không phải trước một người chết mà một nửa Đại đội, một thế hệ. Anh viết, vì trước biên địa của tử thần bạn bè anh đã nói : “ *Mày là Nhà văn.Tao là độc giả của mày. Mày phải sống. Mày nghe rõ chưa. Mày phải sống để mà viết lại... Mày hãy nói cho mọi người biết về những cái chết chó má như thế này...* ” Cũng vì anh là người sống cho sự thật và chứng nhân của sự thật chứ không phải một chứng gian, anh viết để lột trần cuộc chiến vừa qua, để nói về cái thiện và cái ác chứ không viết để tung hô để tuyên truyền cho bên này hay bên kia. Tôi thích đọc Trần hoài Thư bởi lẽ đó.

2 - Tôi nghĩ mỗi dân tộc có một nền văn hoá riêng, mỗi tác giả có một hoàn cảnh sống, cách suy nghĩ và một lối viết đặc thù nên không thể lấy ông Tây bà Đầm nào để làm khuôn vàng thước ngọc phê phán một tác giả hay tác phẩm như các Nhà phê bình văn thường làm. Hơn nữa, điều tôi muốn nói “ phê bình ” không phải là việc làm của tôi; tôi chỉ là một độc giả. Đọc và cảm nhận với Trần hoài Thư một Nhà thơ một Nhà văn thuộc thế hệ chiến tranh. Vì thế, tôi nghĩ THT đã nói hộ chúng tôi, bởi vì tuổi trẻ khi này đều có cùng một suy nghĩ : Ở bên này, đời lính là cái nghiệp oan khiên phải trả, bên kia là thúc ép, là tiêu chuẩn là miếng cơm manh áo cho bản thân cho gia đình, không ai còn con đường nào khác để chọn lựa. Cái còn lại duy nhất là tình người, cho dù bên này hay bên kia, dù Bắc hay Nam, dù ý thức hệ có khác.

Trong tập truyện Ban Mê Thuật Ngày Đầu Ngày Cuối, Trần hoài Thư “đi lại” một số truyện viết trước 1975 đăng trên Bách Khoa và Văn... Truyện Quán Biên thù,

tôi nhớ đã đọc ở đâu đó khá lâu được đi lại trong Ra Biển Gọi Thầm. Tôi nghĩ đó là những mẫu chuyện rất thật, rất có giá trị và cũng rất nóng, từ mặt trận gửi về hậu phương sự mất mát, cái cơ cực, nỗi cô đơn của người lính, cái phi lý của chiến tranh... kèm theo một số xác chết của bên này, sự tàn ác dã man của bên kia như một thông điệp cảnh báo về sự tàn bạo của chiến tranh, sự mất mát to lớn của từng gia đình để gửi về Thủ đô hai miền, nơi rất ít người biết sự thật về chiến tranh nhưng ở đó lại là nơi xuất phát những mệnh lệnh bắt tuổi trẻ chúng tôi moi gan lấy mật, tàn sát lẫn nhau càng nhiều càng tốt.

Đọc Trần hoài Thư mà tội nghiệp Ba Cận thị với cặp kiếng 7 độ, rớt khỏi mắt không khác một anh mù, thế mà anh vẫn làm Trung đội trưởng Thám kích ba năm hơn, nhảy Diều hâu đánh trận như điên và ba lần mang thương tích. Tôi nghĩ, trong trường hợp này anh chọn Đại đội Thám kích hơn là Đại đội này chọn anh. Một Quân đội có lúc trên dưới một triệu quân, chẳng lẽ không có một chỗ dành cho anh cận thị 7 độ, nếu thế thì hai chữ bi đát càng được tô đậm dành cho mỗi người đã tham gia cuộc chiến vừa qua.

Một câu hỏi khác được đặt ra khi đọc Trần hoài Thư, anh là một Nhà văn phản chiến? Chủ quan tôi nghĩ vấn đề không thể hiểu một cách đơn giản như vậy. Ở một nước Tự do Dân chủ như Mỹ, phong trào phản chiến có thể làm đổ vỡ đường lối chánh sách chiến tranh của Chính phủ. Nhưng VN và các nước, nền Tự do Dân chủ chưa phát triển cao, phản chiến qua các loại hình chỉ có tác dụng nhắc nhở, kèm hãm một phần nào trong giai đoạn Độc tài quân phiệt chế ngự trên sân khấu chính trường hay lãnh đạo đất nước. Họ tự cho mình cái quyền bắt đục bỏ những đoạn văn, những bài viết kể cả bỏ tù

hay ám sát những người và những gì xét ra có hại đến chế độ, tệ trạng này cho đến nay vẫn còn tiếp diễn trên quê hương ta. Phản chiến ở miền Nam trong cuộc chiến vừa qua tuy có nhưng chưa đủ mạnh, tác dụng không đáp ứng với yêu cầu. Có lúc có nơi nó như một loại hình để thư giãn tinh thần những người tham chiến, giải tỏa một phần nào về sự tàn bạo, thảm khốc của chiến tranh như trường hợp nhạc Trịnh công Sơn. Những người lính trước đây, sau cuộc hành quân trở về, ra phố ngồi nhâm nhi ly cà phê, thắm thía với lời nhạc Trịnh công Sơn nhưng nó là một cái thú không hơn, không phải ai nghe nhạc họ Trịnh đều bỏ ngũ hay buông súng. Ngay trong căn cứ Trung ương Cục Miền nam, cơ quan đầu não của những tay khát máu, nướng quân như nướng cầm thú, Quân đội ta còn tịch thu được những Tape nhạc Trịnh công Sơn. Như vậy không thể nói những Nhà văn phản chiến hay nhạc Trịnh công Sơn đã làm cho Miền Nam bị mất vào 30/4/75!

Trong Quân đội, những người trước đây dù tình nguyện hay động viên, ra trận đánh nhau ai lại không hơn một lần nghĩ đến huy chương, cấp bậc hay chức vụ. Thậm chí có những anh lính nghề, không phải một lần mà nhiều lần tuyên bố với đồng đội, bạn bè : Bây giờ tao là Thiếu úy nhưng tương lai tao sẽ là Tướng! Nói chung những ai đã trải qua Trung đội trưởng đơn vị tác chiến. Có thể do bạn bè, một cái bắt tay khen ngợi của một ông Tướng, một lời khuyến khích của cấp chỉ huy trực tiếp, hay cũng có thể vì cái tên gọi “Chuẩn úy sửa “ nên tự lên dây cót làm người hùng của đơn vị. Và cũng có thể để chứng tỏ mình không phải một tên hèn đối với thuộc cấp như trường hợp cái chết của Thiếu úy Minh trong Đánh Giặc Ở Bình Định (THT, trang 123-124), anh lao vào chiến trận như một tên điên khùng. Chính Trần hoài Thư cũng phải công nhận cái điên khùng đó có diễn ra nhưng mặt

khác “... nhờ nó tôi mới hiểu cái tàn bạo của con người, của chiến tranh, của hận thù, và những tay chỉ biết xúi tuổi trẻ ra chiến trường để chết thế...” (Đại đội cũ & trang sách cũ, THT trang 11).

Trần hoài Thư, sau những năm lăn lộn ngoài chiến trận, anh cũng đã nhận ra : “... từ khi nhận thức được sự thật về chiến tranh, về những người trẻ chúng tôi trong lò lửa, về những giọt nước mắt của người mẹ, người yêu, đứa con, về cái phi lý khi tuổi trẻ hai bên mổ mạt mổ tìm nhau trong khi những kẻ ở nhà hủ hê xúi dục.” (Thế hệ chiến tranh, trang 41). Bởi những lẽ đó, anh là Nhà văn nên anh mong có thì giờ và hoàn cảnh để viết, viết về một cuộc chiến quái lạ và sự tàn bạo của nó để kể trong cuộc hay người đời sau đọc và suy ngẫm. Nếu không ai cho anh cơ hội thì anh tự tạo lấy, còn phản chiến hay không, tôi nghĩ không quan trọng, Trần hoài Thư vẫn chiến đấu trong cương vị của anh hay cũng có thể nói, tiếp tục làm Nhân chứng cho đến ngày cuối cùng của chế độ và còn đi tù CS 4 năm để sau đó có thêm dữ kiện viết lách về chiến tranh. Thái độ của Trần hoài Thư, tôi nghĩ không phải thái độ của một người phản chiến. Cho đến bây giờ trên mặt trận Văn bút anh vẫn đánh kẻ thù không khoan nhượng chỉ vì họ không tôn trọng sự thực, họ vu khống, bôi bẩn đồng đội bạn bè anh, những người lính Thám kích cho dù anh vẫn biết tập quán xã hội họ đang sống là phải nói dối để sinh tồn. (Xem Đại đội cũ & Trang sách cũ trang 99). Đó là chưa nói thái độ Trần hoài Thư sau 30/4/75, những ước mơ của anh trước đây hoàn toàn sụp đổ khi nhận chân sự thật về những người phía bên kia trong cách đối xử với đồng loại cũng như dã tâm của họ sau khi chiến tranh chấm dứt. Chẳng những bất hợp tác anh còn tìm đường ra đi, vì “ Tôi đã bị lầm một lần, không thể bị lầm một lần thứ hai ” (Ra biển gọi thầm THT trang 74). Điều

này chúng ta đọc thấy đều khắp ở Ra Biển Gọi Thầm, tác phẩm đầu tiên sau 1975 cũng như những tác phẩm sau đó. Có điều anh không vạch ra lần ranh hay chủ nghĩa nào đúng sai, anh chỉ nói đến những con người, những cây sậy biết đau, sự chiến đấu giữa thiện và ác về những thảm kịch... anh không phải là một Nhà chính trị, anh chỉ là một Nhà văn nên anh có cách nói và ngôn ngữ riêng của anh.

3 - Văn học Hải ngoại, có thêm một tác phẩm ra đời để lấp vào cái khoảng trống nền Văn học Dân tộc là điều đáng hoan nghênh, mỗi tác giả có một cách viết riêng cùng là Hoài niệm nhưng mỗi người có những hoài niệm khác nhau. Người hoài niệm một thời oanh liệt đã mất, cảnh gian khổ và thù hằn trong lao tù. Cũng có người lấy cuộc chiến vừa qua làm bối cảnh, viết để đánh bóng mình hơn là nói lên sự thật về cuộc chiến xảy ra trên quê hương. Hoài niệm của Trần Hoài Thư thuộc loại hiếm hoi, trải dài từ Hải ngoại về trong nước, anh nhớ về người cha già, nói đến bạn bè đã mất hay còn sống vất vưởng nơi quê nhà, đặc biệt từng người lính dưới quyền và sau cùng là con đường sắt, là con đò nhỏ là chùm khế ngọt, ở đó người lính (không loại trừ tác giả) sống qua đều lạng quạng với ít nhất một người con gái kể cả những người gọi anh bằng chú! (Hư thực thế nào về tác giả xin đọc THT, tác phẩm và con người của Phạm văn Nhân) Cái hấp dẫn truyện THT nhờ đó một phần, phần khác THT, khi nhắc đến Huế anh không quên nói đến Đại nội, từ Thượng Tứ qua Đông Ba, từ Trương Định về Hàng Đào, từ Morin về Đập Đá... Đà Nẵng với con sông Hàn và trường Phan châu Trinh. Qui Nhơn với khu 6, trường Sư phạm. Nha trang với “*Cầu Đá mập mờ những dãy đèn lung linh. Ngoài khơi xa là muôn ngọn đèn câu đêm như thể một dãy kim cương. Đó là Nha trang của tôi, một Nha trang mà tôi đã lớn lên bằng*

mặt trời và sóng biển, cùng những chú còng nhỏ bé...” (Ra biển gọi thăm THT trang 37), lối viết này của anh, nó lợi hại ở chỗ không riêng THT mà chính anh bắt người đọc cũng hoài niệm một cái gì đó của riêng mình, khi những địa danh hay một trận đánh được nhắc đến trong tác phẩm. Như đôi 10 của Tam Quan, Đệ Đức của Bồng Sơn, chợ Huyện, chợ Dinh, Phước Lý Phước Hải của Tuy Phước. Rồi An Lão, Đèo Mang, Đèo Nhông, Phù Ly, Phù Cũ...Nó gợi nhớ biết bao, Nha Trang với con đường Độc Lập có những trụ điện bình thường chắn lối đi, gây khó chịu cho khách bộ hành. Một đêm nào, trên đường tiễn người tình xuôi Nam, dưới ánh sáng nhá nhem của mỗi trụ điện họ dừng lại và cứ đếm trên đường Độc Lập có bao nhiêu trụ điện là bấy nhiêu cái hôn tiễn người tình!

4 - Trong tác phẩm Trần hoài Thư bằng bạc đó đây hình bóng của những người con gái, những mối tình thật đẹp, thật thơ mộng và lãng mạn nhưng chất ngất đau thương như Mỹ và Trọng trong Quán Biên Thùy, như cô gái Ê-đê tên H.Pery và Chàng (?) trong Khi mùa hoa ca phê nở và Ban Mê Thuột, mùa cỏ may, như Hoàng Mai trong Sỏi đá ngậm ngùi, như anh Trung sĩ và người con gái giang hồ tên Phương trong Cơn giông...Mỗi người con gái có riêng một thế đứng trong tim của nhân vật nam nhưng không ai trọn vẹn được một cuộc tình. Một điều rất dễ hiểu : Chiến tranh! Chiến tranh nó đưa đẩy tác giả hay anh chàng Tân và Quỳnh, cô học trò bé bỏng trở thành “ Nữ quyết tử “ trong một phong trào đấu tranh. Ý thức hệ cũng nảy sinh từ đó, nó như định mệnh áp đặt lên từng số phận của mỗi người. Một lần chia tay không hẹn tại Nhà đợi ở sân bay Huế, em vào Qui Nhơn theo học Sư phạm còn anh xuôi Nam để vào Thủ Đức, mang theo biết bao kỷ niệm và nhung nhớ. Rồi em trở thành cô giáo tập sự ở quận, nơi đơn vị anh trú đóng.

Một lần quận lỵ bị địch tấn công, anh nóng lòng giải cứu quận thì ít, giải cứu em thì nhiều. Đồng thời cũng ở đó anh khám phá ra khu vườn xưa đã chết, anh trở thành kẻ si tình, viết tên em trên lá trên hoa, viết lúc trăng treo đầu súng vẫn chưa đủ. Anh viết đầy trong một tác phẩm, trong cả cuộc đời, đến nỗi trong một lần mê sảng, anh ôm chầm lấy người Dì từ chùa Sư Nữ, nghe tin anh bị bệnh về thăm mà anh cứ ngỡ người đó là Quỳnh. Yêu, si tình cỡ này đúng là hết thuốc chữa!

Cho đến cuộc tình giữa Minh và Như Hạ, đôi bạn chơi nhau từ thuở nhỏ đến khi vào Đại học, “chiến tranh làm cho bạn bè kẻ về biển người lên rừng và đau đớn thay Như Hạ cũng theo tiếng gọi từ xa, tất cả đổ vỡ, phân ly. “ Người con gái có đôi mắt như hai vì sao nhỏ, có tiếng hát hay nhất trường, hay nhất trong đêm lửa trại của Sinh viên Huế ở của biển Thuận An. Không ai ngờ, có một ngày người dân thành phố Huế kể lại, Tết Mậu thân người con gái mang tên Như Hạ ấy lạnh lùng tàn bạo, ngồi sau chiếc bàn dài với quyền uy ghê gớm, kết quả là biết bao nhiêu người bị chôn sống dưới tay nàng ở Bãi Dâu. Chưa hết mấy mươi năm sau, “Ở một nơi nào rất xa “, anh chàng Minh chết điếng khi nhìn đôi mắt của một cô bé tên Như Hiền, Du học sinh đến từ VN. Đôi mắt và vóc dáng đó là của một người bên trời cửa Thuận đêm nào, Như Hiền cho biết bây giờ thì Mẹ em sống bằng thuốc ngủ và những lá bùa vì nhìn đâu cũng chỉ thấy oan hồn về đòi mạng, đôi mắt đẹp như hai vì sao nhỏ kia, bây giờ chỉ là hai vồng mô đục, không một chút gì sinh khí! “*Như Hạ ơi, anh đang thấy lại em, đôi mắt vôi vĩnh anh hái dùm trái ổi, trái khế. Anh thấy lại em, giữa khu vườn rậm đầy buổi thanh trà và em mang áo ấm đỏ khi Huế vào đông, khi con nước sông Đập Đá chảy cuộn cuộn mang theo những thân củi, khúc cây từ rừng xuống sông Hương...Phải rồi, cứ mỗi năm*

vào tháng bảy, con hạc lại nhớ quê bay về để anh còn mơ một ngày dẫn em về bãi biển, nhìn lên bầu trời mà tìm lại chiếc đuôi con thiên nga... Nhưng với hai vồng mô đúc, không một chút gì sinh khí ấy làm sao để anh có thể chỉ lại cho em một vì sao sáng nhất của thời anh yêu em? “ (Ra biển gọi thăm THT, trang 247-248). Viết về chiến tranh kiểu này, người đọc đọc mãi cũng không thấy chán nhưng hy vọng đây là nòng thò, nòng văn chứ nòng thật trong cuộc đời e rằng tác giả sẽ gặp nhiều rắc rối về nhiều phía, phía bên này theo lời anh thì được khuyến khích nhưng phía bên kia thì sao? Hy vọng tình yêu một chiều trong các tác phẩm sẽ giảm đi phần nào tai họa để Trần Hoài Thư mãi mãi không là Nhà văn với những tác phẩm không có đàn bà!

5 - Đọc truyện Trần Hoài Thư trước 1975 tuy không được nhiều nhưng cũng đủ để thấy rằng anh nói lên tâm trạng tuổi trẻ miền Nam khi này rất thật và rất đúng. Cho đến sau 1975 khi anh bắt đầu viết lại, trước và sau cũng chỉ thơ và văn nói về thân phận con người, nỗi bơ vơ của tuổi trẻ, những nhọc nhằn gian khổ của người lính, sự mất mát trong chiến tranh hay hoài niệm về tình yêu đã vỡ cánh cũng như tình bạn cách xa. Tuyệt nhiên anh không viết nhiều về những biến cố chính trị như Đảo chánh, Chính lý, biểu tình... thậm chí anh từng chứng kiến phong trào Phật giáo đấu tranh, cảnh Bàn thờ xuống đường, anh không đồng ý nhưng cũng chỉ nói thoáng qua trong tác phẩm chứ không lý giải. Ngay tác phẩm đầu tiên xuất bản ở Hải ngoại Ra Biển Gọi Thăm sau khi đã nhận diện ra những con người phía bên kia, truyện Chi Ming Wang anh cũng chỉ nói lên những ước mơ cùng với người bạn gái về một mô hình lý tưởng cho một đất nước VN và Trung quốc. Ở "một nơi nào rất xa", người đọc còn thấy được thái độ và cung cách đối xử của nhân vật tên Minh, tác giả muốn gửi gắm ở đó

thái độ chính trị không ồn ào của chính mình bằng ngôn ngữ riêng. Tóm lại với Trần Hoài Thư, trước và sau cũng chỉ mỗi con đường Văn học Nghệ thuật trong đó không thể thiếu người con gái ở Kinh Nhà Chung, Chi Ming Wang hay Thùy và chị Thi trong Ra Biển Gọi Thầm.

(Hè 2003)

Thư Quán Bản Thảo
P.O. Box 58
S. Bound Brook NJ 08880 USA

Đặc trách bài vở, đánh máy, layout: Phạm văn Nhân
Đặc trách kỹ thuật, in ấn, bookbinding: Trần Hoài Thư
Tranh ảnh bìa: Trần Q Thoại

Địa chỉ liên lạc để nhận TQBT
Hoa Kỳ và các nước ngoài Hoa Kỳ (ngoại trừ Canada)
Trần Hoài Thư
Email: tranhoaithu@yahoo.com
Phạm văn Nhân
nhanvanpham@yahoo.com
Trần Bang Thạch
tranbt21@yahoo.com
Canada:
Cao Vị Khanh
votrunghien@yahoo.com